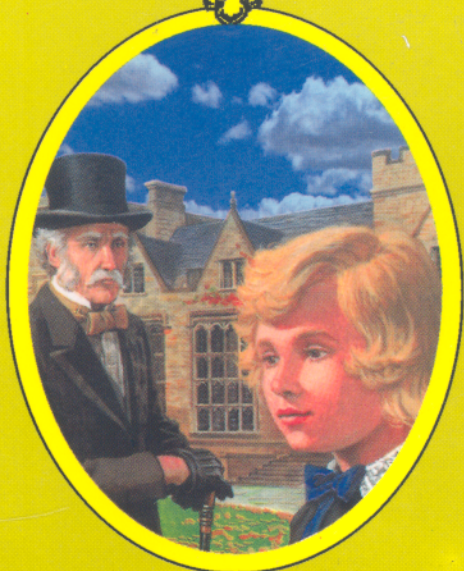


HECTOR MALOT

KHÔNG GIÀ ĐÌNH

TẬP 1



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

HÉC-TO MA-LÔ

KHÔNG GIA ĐÌNH

Tập I

Tiểu thuyết

HUỲNH LÝ dịch

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN
HÀ NỘI 2002

LỜI GIỚI THIỆU

*H*éc-to Ma-lô (Hector Malot), sinh năm 1830 ở miền Bắc nước Pháp, là một nhà văn chuyên viết tiểu thuyết, được bạn đọc người Pháp yêu mến. Những tiểu thuyết của ông, như **KHÔNG GIA ĐÌNH**, **TRONG GIA ĐÌNH**, **PÔNG-PÔNG**, **RÔ-MANH CAN-BƠ-RI**, v.v... đều lành mạnh và hấp dẫn.

Ông mất năm 1890.

Trong tiểu thuyết của Ma-lô, **KHÔNG GIA ĐÌNH** nổi tiếng hơn cả. Nó đã được giải thưởng của Viện Hàn lâm văn học Pháp. Nhiều nước trên thế giới đã dịch lại và xuất bản nhiều lần⁽¹⁾. Từ một trăm năm nay nó đã trở thành người bạn thân yêu của thiếu nhi Pháp và châu Âu. Không

(1) Ở ta, trước đây nhà văn Hồ Biểu Chánh đã phỏng theo “Không gia đình” mà viết cuốn tiểu thuyết nhỏ “Cây đắng mùi đời”, được đọc giả cách ta nửa thế kỷ hoan nghênh. Khoảng vài mươi năm lại đây ở miền Nam có mấy bản dịch giản lược được vài trăm trang. Ở miền Bắc, bản dịch này đã được tái bản 3 lần với số lượng lớn.

những thiếu nhi, mà cả những bậc cha mẹ, anh chị, thầy giáo và tất cả những ai yêu mến trẻ em, chú ý đến trẻ em đều đọc nó say sưa, vì qua mỗi một câu chuyện lý thú, nó giải đáp cho người ta nhiều câu hỏi luôn mới mẻ về việc nuôi dạy thiếu nhi.

KHÔNG GIA ĐÌNH kể chuyện một em bé không cha mẹ, không họ hàng thân thích, đi theo một đoàn xiếc chó, khi, rồi cầm đầu đoàn ấy đi lưu lạc khắp nước Pháp, sau đó bị tù ở Anh, cuối cùng tìm thấy mẹ và em. Em bé Rê-mi ấy đã lớn lên trong gian khổ. Em đã chung đụng với mọi hạng người, sống khắp mọi nơi, "nơi thì lừa đảo, nơi thì xót thương". Em đã lao động mà sống, lúc đầu dưới quyền điều khiển của một ông già từng trải và đạo đức, cụ Vi-ta-li về sau thì tự lập và không những lo cho mình mà còn bảo đảm việc biểu diễn và sinh sống cho cả một gánh hát rong. Đã có khi em và cả đoàn lang thang mấy hôm liền không có chút gì trong bụng. Đã có khi em xuýt chết rét. Đã có khi em bị lụy ngầm chôn trong giếng mỏ mười mấy ngày đêm. Đã có khi em mắc oan bị giải ra trước tòa án và bị ở tù. Và cũng có khi em được nuôi nấng đàng hoàng, no ấm. Nhưng dù ở đâu, trong cảnh ngộ nào, em vẫn noi theo nếp rên dạy của ông già Vi-ta-li giữ phẩm chất làm người, nghĩa là ngay thẳng, gan dạ, tự trọng, thương người, ham lao động, không ngửa tay xin xỏ, không dối trá, gian xảo, nhớ ơn nghĩa, luôn luôn muốn làm người có ích.

Bên cạnh Rê-mi có chú bé nghệ sĩ Mát-chi-a khôn ngoan, linh lợi, tháo vát, tận tình với bạn, một tài hoa

nghệ thuật nở sớm cội với một tấm lòng vàng; con chó Ca-pi khôn như người và rất có nghĩa; con khỉ Giô-li-cơ liên lâu và đáng thương... Những con người và con vật ở đây được dựng lên linh hoạt sống động, gây nhiều hứng thú cho bạn đọc nhỏ của chúng ta.

Qua câu chuyện phiêu lưu hết sức hấp dẫn của chú bé Rê-mi, người ta thấy quyển sách ca ngợi lao động, ca ngợi tinh thần tự lập tự tin của tuổi trẻ, phát huy ý thức chịu đựng gian khổ và tập quán xoay sở tháo vát, đề cao nghệ thuật, khuyến khích tình bạn chân chính. Nó phản ánh cảnh lao động và sinh hoạt bấp bênh, nguy hiểm, đầy đe dọa của những người thợ mỏ và của nhân dân lao động thành phố trong xã hội tư sản. Đồng thời nó thể hiện cái thực tế là tình thương người, lòng biết ơn, tình hữu ái giai cấp ở về phía những người lao động. Quyển sách lại diễn tả nhiều cảnh đẹp thiên nhiên, nhiều cảnh sinh hoạt hấp dẫn ở nông thôn và thành thị, giúp bạn đọc thêm phần hứng thú trong khi theo dõi câu chuyện, lại có thể mở rộng hiểu biết.

Nhưng KHÔNG GIA ĐÌNH dưới con mắt chúng ta không phải là một viên ngọc không vết. Do một nhà văn tư sản viết-dù là nhà văn tiến bộ-cuốn sách vẫn không khỏi mang những sai lầm của tư tưởng và quan niệm xã hội của ông ta. Tác giả tôn sùng những người giàu sang, có danh vọng, lịch sự. Ông đã dành cho Rê-mi một bà mẹ đại tư sản với một gia tài kếch sù, để cho khi nhận ra mẹ, Rê-mi có sẵn của cải đó mà đền ơn trả nghĩa. Làm như không

có tiền muôn bạc triệu thì người ta không có cách gì tỏ lòng biết ơn ! Dưới ngòi bút của tác giả Rê-mi quý trọng người lao động, những người có tấm lòng tốt, nhưng đôi với những người có địa vị xã hội, có cử chỉ lịch sự, nghĩa là có cái vỏ đẹp đẽ, cao sang, Rê-mi mới thật trở mặt khâm phục. Ước mơ của Rê-mi-mà đây là một mặt hạn chế của tác phẩm-là được hưởng một cuộc sống vàng lụa như họ, được trở thành những con người sang trọng như họ. Đó là điều mà chắc chắn là các bạn đọc thiếu nhi chúng ta ngày nay không tán thành, càng không để cho bị tiêm nhiễm.

Người dịch tập truyện không mong muốn gì hơn là khi đọc sách, các bạn vừa thấy hứng thú, vừa học tập được nhiều, được thưởng thức một tác phẩm văn học có giá trị đồng thời cũng rút ra được những điều tốt nên theo, những điều hạn chế nên tránh trong việc tu dưỡng, rèn luyện của mình, hoặc trong việc nuôi dạy con em sau này.

HUỲNH LÝ

PHẦN THỨ I

1

Ở LẠNG

Tôi là một đứa trẻ người ta nhặt được. Tuy vậy, cho đến năm lên tám, tôi vẫn tưởng tôi có mẹ cũng như mọi đứa trẻ khác, vì mỗi khi tôi khóc thì luôn luôn có một người đàn bà dịu dàng ôm tôi vào lòng, âu yếm ru tôi, khiến cho nước mắt tôi ngừng chảy.

Mỗi khi tôi lên giường ngủ, cũng có một người đàn bà đến hôn tôi. Và khi gió rét thánng chạp trát những bông hoa tuyết vào cửa kính trắng xóa, bà ấy vừa áp ủ chân tôi trong đôi bàn tay triu mến của bà, vừa hát cho tôi nghe một bài hát mà giờ đây tôi vẫn còn nhớ điệu và lồm bồm vài lời ca.

Khi tôi chăn con bò sữa ở ven đường đầy cỏ, hoặc ở những đám cây hoang, lá dại mà gặp một trận mưa đông bất ngờ đổ xuống, thì bà chạy đến đón tôi, bắt tôi núp trong chiếc váy len của bà và túm váy lên che đầu che vai cho tôi cẩn thận.

Mỗi lần có chuyện gây gổ với bạn bè thì bà dỗ tôi, bảo tôi kể cho bà nghe những nỗi bực bội chất chứa trong lòng và hầu như lúc nào bà cũng tìm được những lời thích hợp để an ủi tôi, hoặc tỏ ra đồng tình với tôi.

Qua những việc ấy, và bao nhiêu việc khác nữa, từ giọng nói, cách nhìn, cái vuốt ve cho đến những lời trách mắng ôn tồn, tôi yên trí bà là mẹ tôi.

Tôi được biết bà không phải là mẹ đẻ, mà chỉ là mẹ nuôi, như thế này đây.

Làng tôi gọi là làng Sa-va-nông. Nói cho đúng thì đó là cái làng ở đó tôi lớn lên, tôi sống thời thơ ấu, chứ tôi làm gì có quê hương, có nơi chôn rau cắt rốn, cũng như tôi đã không có cha có mẹ gì cả. Làng Sa-va-nông là một trong những làng nghèo nàn nhất ở miền Trung nước Pháp.

Không nghèo vì dân làng chây lười, mà chính vì nó ở vào một vùng đất đai cằn cỗi. Đất mặt rất mỏng, muốn mùa màng tốt, phải có phân, vôi, mà những thứ này trong vùng quá hiếm. Vì thế, người ta thấy ít những cánh đồng trồng trọt mà nhan nhản những đám cỏ hôi, cây dại. Hết những đám ấy thì là địa hạt của những lăng-dơ⁽¹⁾. Trên các lăng-dơ cao ấy, gió lạnh thổi rất làm táp những lùm cây thưa thớt cành nhánh vụn vẹo quay cuồng.

Muốn thấy cây cối xanh tốt thì phải rời bỏ cao

(1) Lăng-dơ, phiên âm từ Landes: Vùng đồng lầy, hoang vu miền Tây Nam nước Pháp - ND.

nguyên, xuống các thung lũng cạnh sông, ở đấy có những cây dễ cao to và những cây sỏi vạm vỡ.

Cái nhà tôi sống những năm đầu của tuổi thơ ấu dựng trong một thung lũng như thế, trên bờ con suối nước chảy xiết đổ vào một phụ lưu của sông Loa.

Cho đến năm lên tám, tôi chưa hề thấy đàn ông trong nhà, tuy má tôi không phải là góa bụa. Chồng bà vốn là thợ đá đi làm ăn ở Pa-ri như phần đông những người thợ khác trong vùng. Từ ngày tôi bắt đầu hiểu biết sự việc chung quanh mình thì tôi chưa thấy ông ta về làng lần nào. Thỉnh thoảng có bạn bè về quê, ông ta mới nhắn tin về:

“Này, bác Bác-bơ-ranh, bác giai vẫn được mạnh khỏe đấy ! Bác ấy nhờ tôi tin cho bác biết là công việc làm ăn khá lắm và bác ấy gửi cho bác số tiền này đây. Bác đếm đi chứ !”.

Chỉ có thế thôi. Chừng ấy tin tức, má Bác-bơ-ranh cũng cho là đủ rồi: ông chồng mạnh khỏe; ông làm ra tiền, kiếm ăn được, còn gì nữa ! Đừng tưởng ông Bác-bơ-ranh ở Pa-ri lâu thế là vì có điều bất hòa với vợ. Không hề có chuyện như thế. Ông ta ở lại Pa-ri là do công việc làm ăn bắt buộc, thế thôi. Lúc già, ông sẽ trở về ở với vợ. Với số tiền dành dụm được, đến ngày tuổi già sức yếu, vợ chồng không lo lâm vào cảnh cơ hàn.

Một chiều tháng mười một, có một người lạ mặt dừng lại trước cổng vườn nhà. Tôi đang bẻ củi chà là ở bụi cửa. Người ấy không mở cổng mà chỉ ngھnh đầu

nhòm vào, nhìn tôi mà hỏi có phải nhà bà Bác-bơ-ranh ở đây không.

Tôi mời ông ta vào. Ông ta đẩy cửa, làm cho sợi dây buộc kêu cọt két, rồi bước chậm rãi qua sân.

Tôi chưa bao giờ thấy ai lấm bùn bê bết như ông này. Những mảng bùn, mảng còn ướt, mảng đã khô, trát khắp người từ đầu tới chân. Chỉ nhìn những cũng đủ biết ông ta đã đi rất lâu trên những con đường lầy lội. Nghe tiếng chúng tôi, má Bác-bơ-ranh chạy ra. Khi khách bước qua bậc cửa thì má cũng vừa tới, hai người gặp nhau. Khách nói:

- Tôi đem tin từ Pa-ri về đây !

Đó là những lời giản dị tai chúng tôi nghe đã quen. Nhưng mà giọng nói lần này không giống như mọi bận, không giống như những khi người khách nói: “Bác giai bình yên. Công việc làm ăn tốt”. Má Bác-bơ-ranh chấp hai tay vào nhau, kêu:

- Ôi trời ơi ! Chắc có tai họa gì xảy đến cho ông Giê-rôm nhà tôi rồi !

- Vâng, quả có thế. Nhưng bà cũng không nên quá hoảng hốt ! Ông nhà bị thương, đúng đấy, nhưng ông ấy không chết. Có điều chắc chắn sẽ bị què. Hiện giờ ông ấy còn nằm ở bệnh viện. Tôi nằm giường bên cạnh, nên nhân tôi về quê, ông ấy nhờ tôi tạt qua đưa tin cho bà biết. Tôi không dừng lại đây lâu vì còn phải đi ba dặm đường nữa, mà trời sắp tối rồi.

- Má Bác-bơ-ranh muốn biết tường tận hơn, nên mời khách ở lại ăn cơm tối. Má nói đường xấu lắm và

người ta đồn ở trong rừng có chó sói, chi bằng để sáng mai hãy đi.

Khách ngồi vào bên cạnh bếp lò, vừa ăn vừa kể cho chúng tôi nghe tai nạn xảy ra như thế nào: ông Bác-bơ-ranh bị một giàn giáo đổ xuống đè suýt bẹp người. Người chủ thầu viện lẽ ông ta không có nhiệm vụ gì phải đứng ở chỗ ấy, nên không trả cho ông ta một khoản bồi thường nào cả. Ông khách nói:

- Thật không may cho ông Bác-bơ-ranh, tội nghiệp ông ấy ! Thật không may ! Có những tên láu cá, nhân cơ hội tương tự đã vớ được một khoản thực lợi đồng niên⁽¹⁾. Còn ông nhà thì chẳng được gì sắt !

Ông khách vừa hơ đôi ống quần cứng cộm cộp bùn khô, vừa luôn mồm nhắc đi nhắc lại mấy tiếng “thật không may” với một vẻ thương cảm chân thành. Sự xuýt xoa của ông chứng tỏ ông sẵn lòng chịu tàn tật để vớ được một món thực lợi. Ông kết thúc câu chuyện :

- Tuy thế, tôi cũng khuyên ông nhà cứ đệ đơn kiện lão chủ thầu.

- Kiện tụng thì tốn kém chết đi !

- Tốn đấy, nhưng được kiện thì cũng bỏ chứ !

Mà Bác-bơ-ranh muốn đi Pa-ri nhưng chuyện đó đâu có phải dễ: đường sá xa xôi tốn kém quá.

(1) Tiền lợi thu hàng năm do gửi một số vốn ở ngân hàng, hay mua phiếu quốc trái, trong xã hội tư sản. Đây muốn nói đến khoản tiền lãi hàng năm do món tiền bồi thường gửi ngân hàng đem lại - ND.

Sáng sớm hôm sau má con tôi xuống làng dưới tìm cha xứ để hỏi ý kiến. Cha xứ chưa muốn để cho má đi, trước khi biết chắc đi như thế có giúp ích gì cho chồng không. Cha viết thư cho ông giáo sĩ ở bệnh viện nơi ông Bác-bơ-ranh đang nằm điều trị. Vài ngày sau, có thư trả lời nói rằng má Bác-bơ-ranh không cần đi, chỉ cần gửi một số tiền lên Pa-ri để cho chồng kiện người chủ thầu.

Ngày tháng trôi qua. Thỉnh thoảng lại có thư về, thư nào cũng thúc giục gửi thêm tiền lên. Bức thư cuối cùng thúc bách hơn cả, nhấn rằng nếu hết tiền thì bán con bò sữa đi mà gửi.

Những ai đã sống ở nông thôn cùng với bà con nông dân đều hiểu nỗi đau khổ hãi hùng chứa trong mấy tiếng: bán con bò sữa. Đối với nhà sinh vật học, con bò là một con vật thuộc loài nhai lại. Dưới con mắt của khách du ngoạn, nó là con vật làm cho phong cảnh tăng thêm vẻ đẹp khi trên thảm cỏ nó ngẩng cái mõm đen nhánh đâm hơi sương của nó lên. Với trẻ em thành thị, nó là nguồn cung cấp cà-phê sữa và pho-mát đánh kem. Nhưng đối với người nông dân, nó còn quý báu hơn nhiều. Dù cho nghèo xác nghèo xơ, dù gia đình con cái có đông đến đâu, có một con bò sữa trong chuồng cũng không sợ đói. Chỉ một cái thùng hay một sợi dây quấn trên sừng thôi cũng đủ để cho một em bé chăn dắt nó ăn dọc các con đường phủ đầy cỏ, ở những nơi không thuộc về ai. Và thế là chiều đến, cả nhà có bơ nấu xúp, có sữa để ăn với khoai tây. Bố mẹ, con cái, lớn nhỏ đều sống nhờ vào con bò sữa.

Cũng nhờ có con bò sữa mà má con tôi sống đầy đủ đến nỗi hầu như không cần ăn thịt. Không những nó là vú nuôi của chúng tôi, nó còn là bầu bạn, là chỗ chân tình.

Thật vậy, đừng tưởng bò là một con vật ngu ngốc. Trái lại, nó rất thông minh, nó có những đức tính mà biết cách rèn luyện thì còn phát triển nhiều. Chúng tôi vỗ về nó, nói chuyện với nó và nó hiểu chúng tôi. Về phần nó, với đôi mắt to, tròn, hiền dịu, nó biết cách làm cho chúng tôi hiểu nó muốn gì, nó cảm thấy thế nào. Nói tóm lại, chúng tôi rất yêu thương nó và nó cũng yêu thương chúng tôi.

Ấy thế mà phải lìa bỏ nó đấy ! Vì rằng chỉ có cách “bán con bò sữa đi” thì mới làm cho ông Bác-bơ-ranh thỏa dạ.

Một bác lái tới nhà chúng tôi. Bác ta xem xét con Rút-xét rất kỹ, sờ nắn nó mãi, vừa sờ vừa lắc đầu ra vẻ không ưng ý. Bác ta nhắc đi nhắc lại hàng trăm lần rằng con bò không vừa ý bác ta chút nào. Bác chê nó là bò nhà nghèo, khó bán lại lắm. Không có sữa, bơ lại kém chất. Chê nhún chán, rút cục bác cũng đồng ý mua, nhưng bảo mua là vì lòng tốt, muốn giúp má Bác-bơ-ranh thôi, và cũng vì thấy má là người trung hậu.

Tội nghiệp cho con Rút-xét. Hình như nó hiểu cả nên nó nhất định không chịu ra khỏi chuồng và kêu rống lên. Bác lái đưa chiếc roi da quấn ở cổ bác cho tôi và bảo:

- Này chú bé, luồn ra phía sau mà đuổi nó ra.

- Ấy chớ, cái đó không được.

Má Bác-bơ-ranh nói thế rồi cầm lấy chiếc dây dắt và dịu dàng dỗ nó : “Nào cô gái, đi đây, đi đây nào !”. Thế là con Rút-xét nghe theo không cưỡng lại nữa. Ra tới đường, bác lái cột nó vào sau xe. Nó đành phải bước lú lú theo con ngựa. Chúng tôi trở vào nhà rồi, nhưng mãi một lúc lâu vẫn còn nghe thấy tiếng nó rống.

Thế là chẳng còn sữa, chẳng còn bơ nữa. Buổi sáng một mẩu bánh mì suông, buổi chiều khoai tây chấm muối.

Bán con Rút-xét được ít hôm thì tới ngày thứ ba ngả mận sau tuần chay⁽¹⁾. Năm trước, nhân dịp này má Bác-bơ-ranh đã thết tôi một bữa bánh kẹp và bánh rán ra trò. Tôi ăn nhiều, rất nhiều, khiến má hết sức vui thích. Nhưng mà hồi đó còn con Rút-xét nên còn sữa để nhào bột và có bơ để rán. Bây giờ không còn con Rút-xét thì cũng chẳng có sữa, chẳng có bơ, chẳng có ngày thứ ba ngả mận nữa rồi ! Tôi buồn rầu nghĩ bụng thế. Nhưng má Bác-bơ-ranh đã dành cho tôi một sự bất ngờ. Xưa nay má vốn không quen vay mượn, nhưng lần này má cũng cố vay của bà hàng xóm này một chén sữa, của bà kia một miếng bơ. Vì thế, đến trưa tôi về nhà thì thấy má đang trút bột vào một nồi đất lớn.

- Ô này, bột mì !

Tôi vừa nói thế, vừa lại gần má. Má mỉm cười trả lời:

(1) Theo đạo Gia tô, trước ngày lễ Phục sinh, khoảng đầu tháng 4 dương lịch, tín đồ phải ăn thanh đạm, không có chất béo, tương tự như Phật giáo ăn chay - ND.

- Phải rồi, đúng là bột mì ấy, Rê-mi ạ ! Bột mì trắng hảo hạng. Nay con xem, mùi thơm phức!

Tôi không có gan hỏi má lấy bột ra làm gì. Chính vì tôi nóng lòng muốn biết quá nên tôi lại càng không dám hỏi. Vả lại tôi đã định giả vờ như không biết hôm nay là ngày thứ ba ăn mặn để khỏi tủi lòng má. Má nhìn tôi, hỏi :

- Người ta dùng bột mì làm gì nào ?

- Làm bánh mì.

- Còn làm gì nữa ?

- Khuấy cháo.

- Rồi còn làm gì nữa ?

- Chà ! Con không biết.

- Có, con biết đấy. Nhưng con là một đứa trẻ ngoan, nên con không nói ra đấy thôi. Con biết hôm nay là ngày thứ ba ăn mặn, tức là ngày bánh kẹp, bánh rán. Nhưng con thấy nhà không có sữa, có bơ nên con không nỡ nhắc đến, có phải không con ?

- Ôi , má ơi !

- Má đã đoán trước nên má xoay xở để cho ngày thứ ba ăn mặn của con không đến nỗi xám ngắt. Nay con nhìn vào trong cái thùng gỗ kia mà xem.

Tôi nhanh nhẩu mở nắp thùng lên thì quả thấy nào bơ, nào sữa, nào trứng, có cả ba quả táo nữa. Má nói:

- Đưa trứng đây cho má. Trong lúc má đập trứng, con gọt táo đi.

Tôi cắt táo ra từng khoanh. Má đập trứng vào bột và đánh lên, thỉnh thoảng lại đổ vào một thìa sữa. Khi bột đã khuấy đều, má Bác-bơ-ranh vớt cái nổi lên trên tro nóng. Thế là chỉ còn đợi đến chiều thôi, vì đến buổi tối chúng tôi mới ăn bánh kẹp và bánh rán.

Thú thật, cái ngày hôm đó, tôi thấy nó dài làm sao và đã đợi ba lần tôi chạy đến nhắc chiếc khăn phủ trên nồi bột để dòm thử. Má bảo:

- Con làm thế lạnh bột mất, rồi nó không dậy men tốt đâu !

Nhưng bột dậy rất tốt. Trên mặt bột, có những bong bóng phồng lên, vỡ lổ chỗ. Từ cái nồi bột lên men ấy tỏa ra một mùi trứng và sữa ngon-lành. Má bảo:

- Con bẻ cho má một mớ củi vụn. Phải đốt lửa cho đượm, đừng có khói.

Rồi má thấp nển lên:

- Con cho thêm củi vào lò đi.

Tôi làm ngay không đợi nói hai lần, và ngay sau đó, một ngọn lửa cao bốc cháy trong lò, ánh sáng ấy chập chờn tỏa ra khắp bếp. Má Bác-bơ-ranh lấy cái chảo treo ở tường đặt lên bếp lò.

- Đưa bơ đây cho má !

Má lấy mũi dao xén một cục bơ bằng quả hồ đào cho vào chảo. Bơ chảy ra, reo xèo xèo. Ôi ! Cái mùi

thơm làm nhỏ dãi, cái mùi thơm vì đã vắng lâu ngày nên càng kích thích miệng lưỡi ta ! Ôi ! Khúc nhạc vui vẻ của chảo bơ liu riu tí tách trên lò !

Tôi chăm chú theo dõi bản nhạc ấy, nhưng vẫn nghe như ở ngoài sân có tiếng chân người. Ai đến ám chúng tôi giờ này nhỉ ? Hẳn lại là một bà hàng xóm sang xin lửa đây.

Tôi không thêm chú ý, vì má Bác-bơ-ranh vừa vục môi vào trong nồi đất, múc đổ vào lòng chảo một mẻ bột trắng tinh. Quả không phải là lúc nghĩ vợ vẫn đến chuyện khác !

Nhưng chính vào lúc bấy giờ thì có tiếng gậy lạch cạch trên bực cửa, rồi cánh cửa thình lình mở toang. Không ngoảnh cổ ra, má Bác-bơ-ranh hỏi:

- Ai đấy ?

Một người đàn ông bước vào. Dưới ánh lửa chiếu tấp vào người ông ta, tôi thấy ông mặc áo bơ-lu trắng, tay cầm cái gậy lớn. Ông nói, giọng cục cằn:

- Ở đây người ta tiệc từng gì đấy à ? Xin cứ tự nhiên.

- Má Bác-bơ-ranh vội vàng đặt chảo xuống đất kêu lên:

- Chao, trời ơi ! Ông Giê-rôm đấy ư ?

Rồi má cầm tay tôi, đẩy tôi ra trước mặt người đó. Ông ta vẫn đứng ở bực cửa. Má nói:

- Ba con đấy !

2

NGƯỜI BỐ NUÔI

Tôi tiến lại gần ông ta, định ôm ông ta, nhưng ông ta lấy đầu gậy cản tôi lại:

- Cái thằng này là thằng nào ?
- Thằng Rê-mi đấy !
- Má nó có nói với tôi là...
- Ồ... vâng, nhưng mà... không phải, bởi vì rằng...
- À, không phải, không phải !...

Ông ta giờ cao chiếc gậy, đi lại chỗ tôi. Tự nhiên tôi lùi lại.

Nào tôi đã làm gì sai trái ? Tôi có tội tình gì ? Tại sao lại đối xử với tôi như thế khi tôi chạy đến định ôm hôn ông ? Tôi chưa kịp suy nghĩ về những câu hỏi như vậy đang dồn dập trong đầu óc rối beng của tôi thì đã nghe ông ta nói:

- Các người đang chuẩn bị ăn mặn ngày thứ ba đây. Thật là đúng lúc vì tớ đang đói ngấu. Ăn tối có gì?

- Tôi đang làm bánh kẹp.

- Tôi biết. Nhưng mà má nó định cho một người mang mười dặm đường trên đôi chân ăn bánh kẹp à ?

- Nhà chẳng còn gì cả: tôi có biết ông về đâu ?

- Sao ? Không còn gì à? Không có gì ăn tối à ?

Ông ta đưa mắt nhìn quanh nhà:

- Có bơ đây này.

Ông lại đưa mắt lên trần nhà nhìn vào chỗ xưa kia vẫn treo mỡ lợn. Nhưng đã từ lâu các nóc treo trống trỗng không có gì cả, chỉ có mấy túm hành và tỏi lủng lẳng ở xà nhà. Ông ta lấy gậy chọc cho một túm hành rơi xuống và nói:

- Hành đây ! Bốn năm củ hành, một miếng bơ, thế là có một nồi xúp ngon. Má nó hãy bỏ bánh kẹp ra và cho hành vào chảo phi đi.

Bỏ bánh kẹp ở chảo ra ! Má Bác-bơ-ranh không cãi lại. Chẳng những thế, bà còn vội vã làm theo lời chồng trong lúc ông ta ngồi trên chiếc ghế dài ở cạnh lò sưởi.

Tôi không dám rời khỏi chỗ mà cái gậy của ông ta đã đẩy tôi lùi đến. Tôi đứng tựa vào chiếc bàn, để ý ngắm con người ông. Ông ta tuổi độ năm mươi, vẻ mặt cục mịch, dáng người nghiệt ngã. Thương tích đã làm cho đầu ông lệch về bên phải và cái tật đó càng khiến cho người ta thấy chợn chợn khi nhìn thấy ông. Má tôi lại bắc chảo lên bếp. Ông Bác-bơ-ranh nói:

- Thế má nó định nấu xúp với chút xíu bơ thế kia à.

Rồi tự tay ông cầm đĩa bơ chút sạch vào chảo.

Thế là đi đời bơ, và cố nhiên cũng đi đời bánh kẹp!

Giá như vào lúc khác thì chắc chắn cái tai họa ấy đã làm cho tôi xúc động lắm. Nhưng khi đó tôi chẳng còn bụng dạ nào mà nghĩ đến bánh kẹo và bánh rán nữa. Tôi chỉ còn băn khoăn về mỗi một việc: chính cái con người nghiệt ngã ấy lại là ba tôi.

“Ba tôi ! Ba tôi !”. Đó là mấy tiếng mà tự nhiên tôi lặp đi lặp lại như cái máy.

Chưa bao giờ tôi hình dung rõ rệt như thế nào là một người cha. Tôi tưởng tượng lơ mờ rằng người cha chẳng qua chỉ là một người mẹ có giọng nói ồ ồ mà thôi.

Đến nay, khi nhìn thấy người cha ở đâu trên trời rơi xuống cho tôi đó, tôi cảm thấy đau đớn hãi hùng. Vừa rồi tôi muốn ôm hôn cha tôi, nhưng cha tôi đã lấy đầu gạt đẩy tôi ra. Tại sao vậy ? Khi tôi hôn má Bác-bơ-ranh chẳng bao giờ má đẩy tôi ra cả, trái lại má còn bế xốc tôi lên, ôm chặt tôi vào lòng.

Ông ta bảo tôi:

- Đừng cứ sùng sùng như trời trồng ấy, mau mà dọn bát đĩa ra bàn đi chứ !

Tôi vội vàng tuân lệnh. Xúp đã chín, má Bác-bơ-ranh múc ra đĩa. Thế là từ bên lò sưởi, ông ta đứng dậy đi lại bàn ngồi xuống và bắt đầu ăn. Thỉnh thoảng ông chỉ ngừng lại để nhìn tôi. Tôi không tài nào nuốt được, vì bối rối, lo ngại. Tôi cũng nhìn ông ta nhưng chỉ dám nhìn trộm. Khi gặp đôi mắt ông ta thì tôi lại cúi mặt xuống. Đột nhiên ông cầm thìa chỉ vào tôi:

- Thường ngày thằng này nó ăn có khỏe hơn bữa nay không ?

- Ô, nó ăn được lắm chứ !

- Mặc xác nó ! Ít ăn, ít uống thì còn được !

Tất nhiên là tôi chẳng muốn nói gì và cả má Bác-bơ-ranh cũng không muốn bắt chuyện. Má đi đi lại lại quanh bàn, chăm chú phục dịch ông chồng. Ông ta lại hỏi tôi:

- Màỵ không đói à ?

- Không.

- Thế thì đi ngủ đi, và cố ngủ ngay nhé, không thì tao nổi giận lên đấy!

Má Bác-bơ-ranh đưa mắt nhìn tôi, ý muốn bảo tôi vâng lời đi, đừng có cãi lại. Những lời dạn dò đó cũng thừa vì tôi không hề có ý chống đối.

Như ở phần lớn nhà nông dân, nhà bếp của chúng tôi cũng dùng làm buồng ngủ. Cái bàn, cái thùng gỗ, cái tủ đựng bát đĩa, nói chung những đồ đạc được dùng cho việc dọn ăn đều kê cạnh lò sưởi. Ở phía bên kia là giường ngủ. Giường của tôi ở xung quanh có chằng diềm vải đỏ.

Tôi vội vàng cởi áo lên nằm. Nhưng không sao ngủ được.

Người ta không ngủ theo mệnh lệnh. Người ta chỉ ngủ khi buồn ngủ và khi trong lòng yên tĩnh. Vậy mà tôi lại không buồn ngủ và trong lòng tôi cũng không yên tĩnh. Trái lại tôi rất bồn khoăn, hơn nữa còn đau khổ.

Cái người ấy mà là cha mình ư ? Là cha thì tại sao ông ta lại đối xử với mình tàn nhẫn thế ?

Úp mặt vào tường, tôi cố gắng xua đuổi những ý nghĩ ấy và mong ngủ thiếp đi theo lệnh của ông ta. Nhưng không tài nào nhắm mắt được. Giấc ngủ không đến và chưa bao giờ tôi lại thấy tỉnh táo như lần này.

Một lúc sau, không biết chừng bao nhiêu lâu, tôi nghe thấy có người lại gần giường tôi. Nghe bước chân đó chậm chạp, nặng nề, kéo lê chân, tôi biết ngay không phải là má Bác-bơ-ranh. Một hơi thở nóng hổi bay qua trên tóc tôi. Có tiếng thăm thì hỏi:

- Mày ngủ chưa ?

Tôi nhất định không trả lời vì mấy tiếng: “tao nổi giận lên” vẫn còn vang vọng bên tai tôi.

- Nó ngủ rồi đấy ! - Má Bác-bơ-ranh nói - Hễ nằm xuống là ngủ ngay, nó quen thế rồi. Ông cứ nói, không sợ nó nghe thấy đâu.

Đáng lẽ tôi phải nói tôi chưa ngủ, nhưng tôi không dám. Người ta đã ra lệnh cho tôi ngủ, tôi không ngủ là có lỗi.

Má Bác-bơ-ranh hỏi:

- Việc kiện tụng của ông đến đâu rồi ?

- Thưa rồi ! Quan tòa xử tôi bị nạn là lỗi tại tôi tự đứng đứng dưới giàn giáo, chủ thầu không phải đền đồng nào cả.

Đến đây, ông ta đắm bàn đánh thành một cái rồi lầu bầu chửi rửa, không nói được một câu tử tế. Ngay sau đó, ông ta lại tiếp:

- Thua kiện, tiền mất, tật mang, nghèo đói, thế đấy! Thế mà còn chưa đủ đâu! Bước chân về đến nhà lại còn thấy người ta cư mang một đứa trẻ. Má nó hãy nói rõ tôi nghe tại sao má nó không làm theo lời tôi dặn?

- Vì tôi không làm được!

- Không mang nó đi trại trẻ rơi nổi à?

- Một đứa bé nuôi bằng sữa mình và mình thương yêu thì sao đành lòng vứt bỏ đi như thế được?

- Có phải con đẻ của má nó đâu!

- Ấy, tôi cũng muốn làm theo lời ông bảo nhưng chính lúc đó nó lại ốm.

- Ốm à?

- Phải, nó ốm, mang nó đến trại trẻ rơi như thế là không phải lúc, phải không ông? Mang đến thì cũng bằng giết nó đi ấy.

- Thế khi nó đã khỏi ốm rồi thì sao?

- Nào nó có khỏi ngay cho đâu! Hết trận ốm này lại đến trận ốm khác: nó ho, tội nghiệp thằng bé, nó ho nghe mà xót ruột. Ấy thằng Ni-cô-la nhà ta mất đi cũng vì thế. Tôi cảm thấy đứa thằng này ra tỉnh thì nó cũng đến chết như thằng bé ấy thôi.

- Thế còn sau đó?

- Ngày tháng qua đi. Tôi đã cố công lần nữa đến lúc đó thì tôi tưởng rớt ít nữa chẳng sao.

- Hiện giờ nó bao nhiêu tuổi rồi ?

- Lên tám.

- Thì thì năm nay lên tám, nó sẽ về cái chỗ mà đáng lẽ xưa kia nó phải về, và như thế nó lại càng cảm thấy khó chịu hơn. Ấy làm như bà ngày trước chỉ tổ hại nó thôi.

- Ôi, ông Giê-rôm ơi, ông đừng làm thế !

- Đừng làm thế ! Ai cấm đoán tôi ? Má nó tưởng nhà ta giữ nó mãi được đấy à ?

Một lúc im lặng. Từ nãy tôi xúc động quá, cứ thấy nghẹn tắc ở cổ, bây giờ mới thở được. Giây lát sau má Bác-bơ-ranh nói tiếp:

- Chao ôi ! Thành phố Pa-ri đã làm cho tính tình ông thay đổi đi nhiều quá ! Trước kia chưa lên Pa-ri ông không ăn nói như thế.

- Cũng có lẽ. Có điều này chắc chắn: Pa-ri có làm cho tôi đổi tính thì nó cũng làm cho tôi què quặt nữa. Bây giờ làm thế nào nuôi được miệng bà, miệng tôi ? Hết sạch cả tiền ! Con bò sữa bán mất rồi. Mình đã chẳng có cái gì bỏ vào mồm, lại còn đi nuôi báo cô một thằng bé không phải là con mình nữa hay sao ?

- Nó là con tôi !

- Chẳng phải là con bà mà cũng không phải là con tôi. Nó không phải cái hạng con nông dân. Trong lúc ăn

tôi tôi ngắm nó mãi: nó là một thằng bé ẻo lả, gầy còm, tay chân lẻo khẻo.

- Nó xinh nhất vùng đấy !

- Tôi có nói chuyện xấu đẹp đâu ! Xinh mà làm quái gì ! Chỉ cần khỏe thôi ! Người ta có bẻ cái xinh ta mà ăn đâu ! Cứ nhìn đôi vai nó mà xem, có phải là con nhà lao động không ? Nó là con nhà thành thị, ở đây chúng ta không cần cái ngữ ấy.

- Tôi cam đoan với ông nó là một đứa trẻ ngoan, nó tinh khôn như một con mèo, và lại tốt bụng nữa. Nó sẽ làm lụng cho mình.

- Trong lúc chờ đợi nó là cho mình thì mình hãy làm cho nó đã ! Mà tôi thì tôi không làm được nữa.

- Thế đến khi bố mẹ nó đòi nó về thì ông nói sao?

- Bố mẹ nó à ! Nó có bố mẹ không đã chứ ? Nếu có thì từ tám năm nay, tất bố mẹ nó đã đi tìm nó và gặp nó rồi ! Ôi chao ! Tôi thật là ngu xuẩn, cứ tin chắc là nó có bố mẹ, một ngày kia bố mẹ nó sẽ đến xin nó và đền công bấy lâu mình nuôi nấng nó. Chẳng qua mình là một thằng ngây, một thằng ngốc. Đừng tưởng rằng tã nó sang, có viên ren, thì tất bố mẹ nó sẽ đi tìm nó... Có lẽ bố mẹ nó chết cả rồi cũng nên.

- Nếu bố mẹ nó chưa chết, và một ngày kia họ đến hỏi chúng ta thì thế nào ? Tôi thì tôi tin chắc là họ sẽ đến.

- Đàn bà thật là khó nói, đã muốn cái gì thì cứ giữ khư khư !

- Nhưng mà nếu họ đến thì thế nào cơ chứ ?

- Thì mình bảo họ lại trại trẻ rơi mà hỏi. Thôi nói thế đủ rồi. Câu chuyện này làm tôi bức mình lắm. Ngày mai tôi sẽ dẫn nó đến ông xã trưởng. Bây giờ tôi lại thăm bác Phơ-răng-xoa một chút, chừng một tiếng tôi về.

Cánh cửa mở ra rồi đóng lại. Ông ta đi rồi. Tôi vùng dậy và gọi má Bác-bơ-ranh :

- Ôi ! Má ơi !

Má chạy đến bên giường tôi.

- Má không để con đi trại trẻ rơi, phải không hở má?

- Không Rê-mi của má ạ, không đâu !

Và má ôm chặt tôi vào lòng, hôn tôi âu yếm. Sự vuốt ve của má làm tôi hời dạ, nước mắt ngừng chảy. Má dịu ngọt hỏi:

- Thế con không ngủ à ?

- Nào phải tại con !

- Má không mắng con đâu. Thế ông Giê-rôm nói gì, con nghe hết cả chứ ?

- Vâng, con nghe nói má không phải là mẹ đẻ của con, mà ông ấy cũng không phải là cha đẻ của con.

Tôi nói câu ấy với hai giọng khác nhau: tôi đau buồn nhận thấy má không phải là mẹ đẻ tôi, nhưng tôi lại thấy sung sướng, gần như tự hào vì ông ta không phải là cha tôi. Hai tình cảm trái ngược nhau bộc lộ qua

giọng nói. Nhưng má Bác-bơ-ranh hình như không chú ý gì đến cái đó. Má nói:

- Đáng lẽ ra má phải nói thật với con từ trước kia. Nhưng con ăn ở với má, con đẻ cũng không bằng, cho nên má không đành lòng bỗng dưng nói cho con biết má không phải là mẹ đẻ của con ! Con ơi ! Con đã nghe thấy đấy, không ai biết mẹ đẻ của con cả. Bà ấy còn sống hay đã chết rồi, nào ai hay ? Vào một buổi sáng Pa-ri, ông Giê-rôm đi làm, qua một phố rộng rãi có trồng cây, phố Bơ-rơ-toi, thì bỗng nghe có tiếng trẻ con khóc. Tiếng khóc hình như từ trong hốc cổng khu vườn vọng ra. Hôm đó vào tháng hai, lúc trời tang tảng sáng. Ông bèn đi lại gần cửa và trông thấy một đứa trẻ nhỏ nằm ở trên bậc cửa. Ông nhìn ra chung quanh xem có ai không để gọi thì chợt thấy một người đàn ông ở đằng sau một góc cây to chạy ra rồi biến mất. Chắc hẳn là người đó đã giấu đứa trẻ ở khung cửa và đứng rình xem có ai nhặt nó không. Thế là ông Giê-rôm đâm ra lúng túng vì đứa nhỏ la hét âm lên. Hình như nó hiểu là có người đến cứu nó, nên nó không muốn bỏ lỡ dịp này. Trong lúc ông Giê-rôm còn chưa biết xử trí ra sao thì nhiều người thợ khác cũng vừa đến và mọi người bàn là phải đem đến trình ông cảnh sát trưởng. Thằng bé thì vẫn cứ la hét. Người ta tưởng nó rét. Nhưng khi vào phòng giấy của ông cảnh sát trưởng, phòng nóng ẩm thế mà nó vẫn cứ kêu, thì người ta đoán là nó đói. Người ta chạy đi tìm một bà hàng xóm cho nó bú. Nó vồ ngay lấy vú. Quả là nó đang đói ngấu. Rồi người ta đem nó đến trước lò sưởi cởi áo nó ra. Nó là một đứa bé trai độ năm sáu tháng, nước da hồng, to béo, thật kháu

khinh. Cứ nhìn những tã đùm bọc nó cũng đủ biết nó là con nhà giàu. Chắc nó là một đứa trẻ người ta đánh cắp rồi đem vứt bỏ. Đó là lời giải thích của ông cảnh sát trưởng. Thế bây giờ đem nó đi đâu? Sau khi chép lời khai của ông Giê-rôm và ghi vào giấy hình dạng đứa trẻ cùng với mấy cái tã không có dấu hiệu, ông cảnh sát trưởng tuyên bố sẽ đưa nó lại trại trẻ rơi, nếu trong số người có mặt không có ai nhận nó mang về nuôi. Đứa trẻ trông xinh xắn lành mạnh, chắc là bố mẹ nó sẽ tìm ra và sẽ trọng thưởng người nuôi nấng nó. Thế là ông Giê-rôm tiến lên và nhận nuôi đứa trẻ và người ta giao nó cho ông ta. Hồi đó chính má cũng có một đứa con cùng lứa tuổi với nó. Đối với má thì nuôi cả hai đứa má cũng chẳng ngại ! Do đó má đã trở thành mẹ của con vậy.

- Ôi má ! Má ơi !

- Được ba tháng thì má bỏ mất đứa con của má, do đó má lại càng quý con hơn nữa. Má quên hẳn con không phải là con đẻ. Nhưng khốn thay, ông Giê-rôm thì ông ấy lại không quên. Sau ba năm không thấy bố mẹ con đi tìm kiếm con - hoặc là có tìm mà không gặp - thì ông ấy định cho con vào trại trẻ rơi. Vừa rồi, con đã nghe rõ tại sao má không vâng theo lời ông ấy.

Tối búi chặt lấy má, kêu lên:

- Chao ôi ! Con không đi trại đâu ! Má Bác-bơ-ranh ơi, con van má, má đừng đưa con đi trại trẻ rơi.

- Không đâu, con của má ạ, con không phải đi trại đâu. Má sẽ thu xếp xong. Ông Giê-rôm không phải là người độc ác, để rồi xem. Chỉ vì buồn phiền, vì sợ lâm

vào cảnh cùng quẫn nên ông ấy gắt gỏng. Ông ấy và má sẽ lo làm ăn và con cũng vậy.

- Vâng, muốn gì con cũng xin vâng, nhưng đừng có đi trại.

- Con không phải đi trại, nhưng với điều kiện là con phải ngủ ngay đi. Không được để cho ông ấy khi về vẫn thấy con còn thức.

Sau khi hôn tôi, má nâng đầu tôi lên, cho quay mặt vào tường. Tôi muốn ngủ ngay, nhưng lòng xao xuyến và xúc động quá, khó mà ngủ được. Vậy ra má Bác-bơ-ranh, má tốt với tôi thế, âu yếm tôi thế, mà lại không phải là mẹ thật của tôi ! Thế thì một người mẹ thật sẽ như thế nào nhỉ ? Ồ ! Không, không thể có như thế được. Nhưng mà theo tôi hiểu và cảm thấy rõ ràng, thì một người cha để tất không khắc nghiệt như ông Giê-rôm và không đời nào lại gờ gẩy lên và nhìn tôi bằng con mắt lạnh lùng như thế. Ông ta muốn đưa tôi vào trại trẻ rơi, liệu má Bác-bơ-ranh có giữ nổi không ? Trại trẻ rơi là cái gì ?

Ở trong làng có hai đứa trẻ người ta thường gọi là “trẻ trại”. Mỗi đứa đeo ở cổ một cái thẻ bằng chì có khắc chữ số. Chúng nó dơ bẩn và ăn mặc lôi thôi. Người ta chế nhạo chúng, có khi đánh đập nữa. Những trẻ khác thường hay nghịch ác, đuổi chúng như đuổi chó chạy lạc để chơi, vì một con chó lạc thì không ai bênh vực. Chao ôi ! Tôi không muốn như những đứa trẻ con ấy một tí nào cả. Tôi không muốn người ta đuổi theo tôi mà la ó: “Đi về trại đi ! Đi về trại !”. Chỉ nghĩ đến bấy

nhiều thôi cũng đủ làm cho tôi lạnh toát cả người, hai hàm răng đập vào nhau lập cập.

Tôi vẫn chưa ngủ được. Mà ông Bác-bơ-ranh thì sắp về rồi. May thay ông ta không về sớm như ông ta đã ráo trước và tôi đã ngủ thiếp đi trước khi ông ấy về.

3

GÁNH XIẾC CỦA ÔNG CỤ VI-TA-LI

Chắc chắn là suốt đêm tôi đã ngủ chập chồn trong nỗi ưu phiền và sợ hãi, cho nên sáng dậy, cử động đầu tiên của tôi là sờ cái giường và nhìn xung quanh để yên trí là người ta chưa đem tôi đi chỗ khác.

Suốt buổi sáng ông Bác-bơ-ranh không nói gì với tôi cả. Tôi những tưởng người ta đã bỏ cái dự định đem gửi tôi vào trại trẻ rồi. Hẳn là má Bác-bơ-ranh đã khuyên nhủ ông ấy cho nên ông ấy giữ tôi lại. Nhưng khi nghe thấy tiếng đồng hồ báo mười hai giờ trưa, ông Bác-bơ-ranh bảo tôi đội mũ cát kết đi theo ông ta. Sợ quá, tôi đưa mắt nhìn má Bác-bơ-ranh để cầu cứu, nhưng má kín đáo ra hiệu bảo tôi phải tuân theo. Đồng thời má khoa tay như để bảo tôi cứ yên lòng: không có việc gì đâu mà sợ hãi. Thế là không một lời cãi lại, tôi đi theo ông Bác-bơ-ranh.

Từ nhà chúng tôi đi tới xã, đường khá xa, đi phải mất ngót một tiếng đồng hồ. Trong lúc đi đường, ông

Bác-bơ-ranh không nói với tôi nửa lời. Ông đi trước, chân bước nhẹ nhẹ, khập khà khập khiễng, đầu không nhúc nhích. Thỉnh thoảng ông quay cả người lại để xem tôi có đi theo ông không.

Không biết ông ấy định đưa mình đi đâu thế này?

Câu hỏi đó làm tôi lo ngại, mặc dù má Bác-bơ-ranh đã ra hiệu cho tôi vững dạ. Tôi có cảm giác sẽ có tai họa gì đến với tôi đây, nên tôi định trốn đi cho xong. Do đó, tôi cố đi chậm lại sau, định rằng khi đã cách xa ông ta khá xa tôi sẽ nhảy ngay vào cái hào bên đường. Hẳn ông ta khó lòng mà đuổi kịp.

Ban đầu ông ta chỉ bảo tôi theo sau gót ông thôi. Nhưng rồi chừng như đoán được ý định của tôi, ông nắm lấy cổ tay tôi kéo đi. Thế là đành phải tuân theo ông ta. Chúng tôi cứ thế đi trong làng. Đi đến đâu ai cũng ngoảnh cổ lại nhìn vì tôi có vẻ một con chó cắn cần bị người ta nắm xích lôi đi.

Khi chúng tôi đi qua quán cà phê, một người đứng ở bực cửa gọi ông Bác-bơ-ranh và mời ông ta vào. Ông ta kéo tay tôi, đẩy tôi vào trước, tự mình theo sau rồi đóng cửa lại. Trong lúc ông Bác-bơ-ranh ngồi vào một cái bàn cùng với lão chủ quán đã mời ông ta, thì tôi đến bên gần lò sưởi, đưa mắt nhìn chung quanh.

Ở góc đối diện với góc tôi có một cụ già cao lớn, râu tóc bạc, mặc bộ quần áo kỳ quặc tôi chưa từng thấy bao giờ. Một chiếc mũ cao bằng dạ có cắm lông chim xanh đỏ chụp trên mớ tóc lòa xòa từng món dài phủ vai ông

cụ. Một tấm áo da cừu bó chặt người ông cụ, mặt có lông quay vào trong. Tấm áo da đó không có ống tay. Nó chỉ có hai cái lỗ khoét trên vai, từ đó thò ra hai cánh tay mặc áo nhung, thú nhung trước kia có lẽ màu xanh lơ. Chân ông cụ đi đôi ủng bằng len cao đến tận đầu gối; quanh ủng có những dây băng đỏ quấn chéo chằng chịt.

Ông cụ ngồi duỗi dài trên ghế, cầm tì vào lòng bàn tay phải, một chân co lại, khuỷu tay đặt trên đầu gối. Tôi chưa bao giờ trông thấy một người có dáng ngồi bình tĩnh như thế. Ông cụ giống hệt một tượng thánh bằng gỗ ở nhà thờ làng.

Gần ông cụ có ba con chó rúc dưới ghế. Chúng mãi mê sưởi lửa, không động dậy. Một con chó xù trắng, một con chó cụp tai lông đen, một con chó cái lông xám vẻ khôn ngoan và hiền lành. Con chó xù lông trắng đội một chiếc mũ lính cũ có dây da quàng xuống dưới cổ.

Trong lúc tôi đang tò mò và kinh sợ ngấm nhìn ông cụ thì ông Bác-bơ-ranh và lão chủ quán nói chuyện với nhau. Tôi nghe thấy họ nói chuyện về tôi. Ông Bác-bơ-ranh nói rằng ông đưa tôi tới xã để gặp ông xã trưởng can thiệp với trại trẻ rơi hàng tháng cấp cho ông ta một khoản tiền để nuôi tôi. Hóa ra má Bác-bơ-ranh đã nói cho ông ta chịu nhận cách giải quyết đó. Tôi hiểu ngay là nếu ông Bác-bơ-ranh thấy giữ tôi lại mà có lợi thì tôi chẳng có gì đáng lo ngại cả.

Cụ già vẫn theo dõi câu chuyện; tuy không có vẻ để ý. Bỗng ông cụ gơ tay về phía tôi và hỏi ông Bác-bơ-ranh với giọng lơ lơ của người ngoại quốc:

- Ông lúng túng vì chú bé này đây à ?

- Chính nó đấy !

- Thế ông tưởng rằng ban quản trị trại tế bần hàng tháng sẽ cấp cho ông một khoản tiền vú em để nuôi nó à.

- Hẳn chứ, nó không có bố mẹ mà tôi nuôi nó thì cũng phải có người bỏ tiền ra cho nó chứ ! Tôi tưởng cái đó công bằng.

- Nào tôi có bảo là không đâu ! Nhưng anh tưởng ở đời này cái gì công bằng thì đều thực hiện được cả hay sao ?

- Ô, cái đó tất nhiên là không rồi.

- Này, tôi chắc rằng chẳng bao giờ ông xin được tiền trợ cấp hàng tháng cho nó đâu !

- Thế thì vào trại trẻ rơi vậy, chẳng có luật pháp nào bắt buộc tôi phải nuôi nó ở nhà tôi, nếu tôi không muốn chứa nó.

- Trước kia ông đã bằng lòng nhận nó đem về nhà nuôi, thế có nghĩa là ông đã cam kết giữ nó.

- Tôi sẽ không giữ nó nữa ! Ví dụ phải đuổi nó ra ngoài đường thì tôi cũng sẽ tống cổ nó ra, không ngần ngại !

Sau một lúc suy nghĩ, cụ già nói tiếp.

- Cũng có cách tống cổ nó ngay bây giờ được; hơn thế, tống đi mà còn kiếm được chút ít nữa kia!

- Nếu cụ bảo cho tôi cách ấy, tôi sẽ đãi cụ một chai rượu, đãi một cách vui lòng.

- Ông hãy gọi rượu đi rồi việc của ông xong ngay cho mà coi.

- Chắc không ?

- Chắc !

Ông cụp rời chiếc ghế, lại ngồi trước mặt ông Bác-bơ-ranh. Thật lạ lùng; tôi không hiểu tại sao khi ông cụp đứng dậy thì ở dưới tấm da cừu có một chỗ động dậy và nhô lên. Hình như ông cụp có kẹp một con chó ở dưới cánh tay trái thì phải.

Ông cụp sắp nói gì ? Việc gì sắp xảy ra đây ? Tôi nhìn theo ông cụp mà lòng thất lại.

- Điều ông mong muốn là thằng bé này đừng có ăn bám vào ông nữa, hoặc giả nó cứ tiếp tục ăn thì phải có người chịu cho ông, có phải thế không?

- Đúng thế, bởi vì rằng...

- Ô, lý do vì sao tôi không cần biết, cái đó không can gì đến tôi. Tôi chỉ cần biết ông không muốn nuôi nó nữa. Nếu quả như vậy thì ông cho quách tôi, tôi sẽ gánh vác đỡ ông.

- Cho cụp !

- Chà ! chà ! Thế không phải ông muốn tống cổ nó đi là gì ?

- Một đứa trẻ như thằng bé này mà đem cho đi à ? Một thằng bé xinh xắn thế ! Quả là nó xinh, cụp thử nhìn nó mà xem.

- Tôi đã nhìn nó rồi !

- Rê-mi lại đây.

Tôi run lấy bầy đi lại gần bàn. Ông cụ nói:

- Nào nào ! Đừng sợ, cháu !

- Cụ nhìn nó xem - Ông Bác-bơ-ranh nói tiếp.

- Nào tôi có bảo nó là một thằng bé xấu xí đâu! Nếu thằng bé xấu xí, tôi đã chả thèm. Những của quái thai thì việc gì mà tôi chuốc lấy !

- Ôi chao ! Giá nó là một con quái hai đầu, hoặc chỉ là một thằng lùn thôi, thì...

- Thì ông đã chẳng nói đến chuyện cho nó vào trại! Chắc ông cũng thừa biết là một con quái lại rất có giá trị, vì người ta có thể dùng nó để kiếm tiền bằng cách cho thuê hoặc chính mình kinh doanh. Nhưng mà cái thằng bé này nó lại chẳng phải là một thằng lùn, mà cũng không phải là một con quái. Nó bình thường như mọi người khác, chẳng được tích sự gì!

- Được chứ, nó làm được !

- Trông nó yếu lắm.

- Nó mà yếu à ? Thôi xin cụ ! Nó khỏe như người lớn ấy, và chắc chắn, không có bệnh tật gì. Này cụ hãy thử nhìn bộ giò mà coi, cụ đã thấy bộ giò nào thẳng như thế chưa ?

Ông Bác-bơ-ranh vén quần tôi lên. Ông già nói:

- Mạnh khỏe quá !

Ông Bác-bơ-ranh nói tiếp:

- Lại còn tay nó !

- Tay nó cũng như chân thôi. Tầm tạm dùng được, nhưng mà chẳng chịu nổi mệt nhọc và nghèo khổ đâu !

- Nó mà không chịu đựng được à ? Cụ cứ thử nắn đi xem nào !

Ông cụ đưa bàn tay gầy guộc sờ nắn chân tôi, lắc đầu và bĩu môi. Tôi đã được chứng kiến một cảnh giống như thế khi lái đến mua con bò của chúng tôi. Lão lái cũng lắc đầu, cũng bĩu môi, chê con bò cái không tốt, không bán lại được. Thế nhưng rồi lão cũng mua và dắt bò đi. Ông cụ này có mua tôi không ? Ôi má Bác-bơ-ranh ơi ! Má Bác-bơ-ranh ơi !

Khốn thay, má không có ở đây để che chở cho tôi !

Nếu tôi không sợ thì tôi đã nói toạc ngay ra rằng vừa mới hôm qua ông Bác-bơ-ranh chê tôi là ẻo lả, chân tay gầy còm. Nhưng tôi biết rằng có ngất lời ông ta cũng không đi đến đâu, mà chắc chắn là ăn đòn, nên tôi cứ ngồi im. Cụ già nói:

- Nó là một đứa trẻ bình thường như vô số đứa trẻ con khác, sự thực là thế. Nhưng mà nó là một đứa trẻ thành thị. Do đó mà về công việc đồng áng chắc chắn là nó không làm được gì đâu ! Hãy thử để cho nó đánh bò cho người ta cày rồi xem nó làm như vậy được bao lâu !

- Mười năm !

- Chả được một tháng !

- Nhưng mà cụ hãy cứ nhìn nó xem đã !

- Ông cứ nhìn lấy !

Tôi đứng ở đầu bàn, giữa ông Bác-bơ-ranh và ông cụ già, hết bị ông này đẩy qua rồi bị ông kia xô lại.

- Thôi được ! - Ông cụ nói - Mặc dầu nó thế nào tôi cũng cứ nhận. Nhưng mà tất nhiên tôi không mua nó đâu, tôi chỉ muốn nó thôi. Tôi trả ông hai mươi phờ-răng một năm.

- Hai mươi phờ-răng ! Hừ !

- Thế là được giá đấy ! Tôi lại trả tiền trước ! Ông đã được bốn đồng bạc năm đồng, mà còn đầy được thằng bé đi nữa.

- Nhưng mà nếu tôi giữ nó lại thì trại trẻ rơi sẽ trả cho tôi mỗi tháng những trên mười phờ-răng cơ !

- Ta hãy nói là bảy hoặc tám thì đúng hơn, tôi biết rõ giá cả mà ! Bảy, tám đồng nhưng ông phải nuôi nó.

- Nó sẽ làm việc chứ !

- Nếu ông tin là nó làm lụng được thì ông đã chẳng muốn tống cổ nó đi. Người ta nhận trẻ con ở trại về nuôi không phải là để trông vào số tiền trợ cấp hàng tháng về nó, mà để nó làm cho mình. Người ta dùng nó làm đầy tớ, một thứ đầy tớ có trả tiền ăn cho mình mà mình khỏi phải trả công. Một lần nữa: có phải nếu thằng bé này nó giúp ích được gì cho ông thì ông đã giữ nó lại, phải không nào ?

- Gì đi nữa tôi vẫn cứ được mười phờ-răng...

- Nếu trái lại, trại trẻ rơi không giao nó cho ông mà giao cho người khác thì ông chẳng được hưởng xờ múi gì. Với tôi thì không có gì bấp bênh cả. Ông chỉ việc chia tay ra là có tiền ngay.

Cụ già móc áo lấy ra một cái túi đựng bạc bằng da, moi bốn đồng xỉa lên bàn kêu coong coong. Ông Bác-bơ-ranh kêu to:

- Cụ cứ tin rằng rồi tất có ngày thằng bé này tìm thấy bố mẹ nó.

- Cái đó ích gì ?

- Sao lại không ? Người nào nuôi nó sẽ có lợi chứ ! Nếu tôi không tính toán về khoản đó thì tôi đã chẳng rước nó về làm gì.

Câu nói của ông Bác-bơ-ranh “nếu tôi không tính toán về khoản đó thì tôi đã chẳng rước nó về làm gì” làm cho tôi ghét ông ta thêm chút nữa. Con người mới xấu xa làm sao ! Cụ già nói:

- Và bây giờ chính vì ông chẳng còn trông mong gì vào bố mẹ nó nữa cho nên ông mới đuổi cổ nó đi. Giả thử một ngày kia bố mẹ nó đến thì sẽ hỏi ai ? Tất nhiên là hỏi ông thôi, chứ không hỏi tôi, vì họ có biết tôi đâu, có phải thế không ông ?

- Thế còn nếu chính cụ tìm thấy bố mẹ nó ?

- Vậy thì chúng ta hãy thỏa thuận với nhau thế này: nếu một ngày kia bố mẹ nó đến thì chúng ta sẽ

chia nhau mỗi lợi. Đồng ý thế thì tôi đưa giá lên ba mươi phờ-răng đấy !

- Hãy nâng lên bốn mươi đi !

- Không được. Cứ cái công việc nó sẽ làm cho tôi thì không thể tính giá ấy được.

- Thế cái công việc ấy là việc gì mới được chứ? Nói là chân phải khỏe thì đúng là chân nó khỏe. Nói là tay phải khỏe thì đúng là tay nó khỏe. Ý kiến tôi vẫn như cũ. Nhưng mà theo cụ, cụ cho rằng nó làm công việc gì thì thích hợp ?

Ông cụ nhìn bố nuôi tôi một cách giễu cợt, nhấp từng ngụm nhỏ rượu, và nói:

- Để nó cùng đi với tôi cho có bầu có bạn ! Tôi già rồi. Đôi khi đêm đến, sau một ngày làm việc mệt mỏi, những hôm xấu trời, tôi thấy trong lòng buồn bã, thì nó sẽ giải muộn cho tôi.

- Ừ, ừ, dùng vào việc ấy thì chắc bộ giò nó không thừa ra đấy !

- Chẳng khỏe lắm đâu, vì phải múa phải nhảy, phải đi, rồi sau khi đi lại phải nhảy nữa. Tóm lại là nó sẽ nhập vào gánh xiếc của cụ Vi-ta-li.

- Thế gánh xiếc của cụ Vi-ta-li đâu ?

- Cụ Vi-ta-li là tôi đây, như ông đã đoán. Còn gánh xiếc ông muốn biết, tôi sẽ giới thiệu với ông.

Nói xong, ông cụ mở tấm da cừu lấy tay lôi ra một con vật kỳ lạ mà cụ đang kẹp dưới cánh tay trái.

À, thế ra chính con vật này đã mấy lần đội tấm da cừu lên ! Có lúc tôi đã đoán dưới đó có một con chó con, nhưng con này không phải là con chó như tôi đoán. Nó là con vật gì vậy ? Mà có chắc nó là một con vật gì không chứ ?

Mới trông thấy con vật kỳ quái ấy lần đầu, tôi kinh ngạc ngấm nó, không biết nó là con gì đây. Nó mặc một chiếc áo bờ-lu màu đỏ viền chỉ vàng óng ả, nhưng chân tay thì đen trần. Phải, đúng là chân tay chứ không phải là cẳng đâu. Chỉ có cái là da chân và da tay đen chứ không trắng mà cũng không hồng.

Đầu nó cũng đen và to gần bằng nắm tay tôi. Mặt nó rộng và ngắn, mũi hếch, cánh mũi giăng ra, đôi môi vàng vàng. Nhưng mà cái làm tôi chú ý nhất là đôi mắt nó rất gần nhau, hết sức linh hoạt, lóng lánh như gương.

Ông Bác-bơ-ranh kêu:

- Ôi ! cái con khỉ gớm chết !

Câu nói đó làm cho tôi hết sức kinh ngạc. Tuy tôi chưa nom thấy giống khỉ bao giờ, nhưng mà ít ra tôi cũng đã nghe nói đến. Thì ra trước mắt tôi không phải là một đứa con nít da đen mà chỉ là một con khỉ. Cụ già Vi-ta-li nói:

- Đây là kếp nhất của gánh chúng tôi, Giô-li-cơ. Này anh bạn Giô-li-cơ, hãy chào khán giả đi.

Giô-li-cơ khép bàn tay đưa lên môi và gửi đến tất cả mọi người một cái hôn. Giơ tay về phía con chó xù trắng, ông cụ nói tiếp:

- Bây giờ đến lượt các tài tử khác. Ngài Ca-pi sẽ hân hạnh giới thiệu các bạn của ngài với chư vị khách giả có mặt ở đây.

Nghe lệnh đó, con chó xù trắng đang nằm yên không nhúc nhích bỗng vùng dậy, đứng thẳng mình lên trên hai chân sau, khoanh hai chân trước lên ngực rồi cúi rạp xuống chào chủ nó, cúi đến nỗi chiếc mũ lính của nó chấm sát đất. Làm xong nghi thức ấy, nó ngoảnh về phía các bạn nó, một chân vẫn tì lên ngực, chân kia thì ra hiệu cho chúng lại gần. Hai con chó kia từ nãy vẫn nhìn bạn chăm chú. Thấy hiệu lệnh, chúng uốn người đứng phắt lên và mỗi con chìa một chân cho nhau, y hệt như người ta cấp tay nhau ở xã hội thượng lưu. Chúng trịnh trọng cùng bước lên sáu bước rồi lùi lại ba bước và nghiêng mình chào mọi người. Cụ Vi-ta-li nói tiếp:

- Anh này tôi gọi là Ca-pi, tiếng Ý là Ca-pi-ta-nô, là đầu lĩnh bọn chó. Anh ta thông minh nhất, có nhiệm vụ truyền lệnh của tôi xuống. Cậu công tử có bộ lông đen này là chàng Déc-bi-nô có nghĩa là gã điển trai; cái tên thật xứng với anh ta. Còn cái cô có vẻ thùy mị kia là tiểu thư Đôn-xơ, một cô Ăng-lê duyên dáng, mà cái tên có nghĩa là dịu dàng thì hợp với cô ta. Với bọn đàn em tài hoa, mỗi người một vẻ đó, tôi đi chu du thiên hạ để sinh nhai. Sinh kế chúng tôi có lúc phát, có lúc eo, tùy vận đỏ đen. Ca-pi !

Con chó xù trắng khoanh hai chân lại.

- Này Ca-pi, anh bạn, anh hãy lại đây ! Anh hãy ngoan ngoãn nhé ! Đây là những người lịch sự, đối với

họ tôi luôn luôn nói năng lễ độ. Anh có thấy chú bé đang nhìn anh với đôi mắt tròn xoe như hòn bi kia không ? Anh hãy báo cho chú ta biết bây giờ là mấy giờ.

Con Ca-pi bỏ chân xuống, lại gần chủ, vạch tấm áo da cừu ra, lục trong túi gi-lê. Nói rút ra một chiếc đồng hồ quả quýt to bằng bạc, nhìn mặt đồng hồ rồi sửa lên hai tiếng thật phân minh. Sau khi sửa hai tiếng to và rõ ấy, nó lại sửa ba tiếng nhỏ hơn. Đúng là hai giờ ba khắc⁽¹⁾.

- Tốt lắm ! - Cụ Vi-ta-li nói - Cám ơn anh Ca-pi. Bây giờ phiền anh mời cô Đôn-xơ nhảy dây cho chúng tôi xem với nào.

Ca-pi bèn lại túi áo chủ lấy ra một đoạn dây thừng. Nó ra hiệu cho con Déc-bi-nô. Con này chạy ngay lại đứng trước mặt nó. Ca-pi tung cho bạn một đầu dây thừng và cả hai con nghiêm chỉnh quay chiếc thừng. Khi dây thừng quay đã đều rồi thì con Đôn-xơ lao mình vào nhảy, nó nhảy nhẹ nhàng, đôi mắt đẹp và âu yếm ngược nhìn chủ.

- Đấy, ông xem ! - Cụ già nói - Những đứa học trò của tôi đều thông minh cả. Nhưng mà phải có sự so sánh thì mới biết chúng thông minh đến chừng nào. Vì

(1) Khắc xưa có hai nghĩa: một quãng thời gian hoặc là bằng 2 giờ 24 phút hiện nay ("Đêm năm canh, ngày sáu khắc" - ca dao), hoặc là bằng 14 phút 24 giây. Ấy là vì đồng hồ nước hay đồng hồ cát xưa chia một ngày đêm ra làm 10 quãng, mỗi quãng lại chia ra thành mười quãng nhỏ, có khắc lên ống đồng hồ để đo dấu nước hay cát rút xuống. Khi có đồng hồ dây cốt, người Pháp gọi 1/4 giờ (15 phút) là quart (1/4), thì ta cũng dùng khắc để chỉ quãng thời gian 15 phút - ND.

vậy tôi mượn thêm chú bé này vào gánh. Chú ta sẽ đóng một vai dẫn độn để cho người ta thưởng thức bội phần tài nghệ của bọn môn đồ của tôi !

- Ô ! Để đóng vai ngu xuẩn - Ông Bác-bơ-ranh ngắt lời.

- Thì cần phải có trí thông minh - Ông già nói tiếp - Và tôi chắc rằng chú bé này cũng thừa trí thông minh khi đã được học tập vài bài. Rồi chúng ta sẽ thấu rõ thôi. Ngay bây giờ cũng có thể xét nghiệm được. Nếu chú bé thông minh thì chú sẽ hiểu ngay rằng theo ông cụ Vi-ta-li chú sẽ có cái may mắn được chu du trên đất nước Pháp và trên mười nước khác nữa. Chú bé sẽ sống một cuộc đời tự do, chứ không phải lêo đéo sau đuôi bò, ngày nào cũng như ngày nào, từ sáng chí tối giẫm đi giẫm lại loanh quanh mỗi một cánh đồng. Nếu chú không thông minh thì chú sẽ kêu gào khóc lóc. Ông già Vi-ta-li vốn không ưa những đứa trẻ hư nên ông sẽ không đem chú đi với ông nữa. Thế là đứa trẻ hư phải vào trại trẻ rơi, ở đó trẻ con phải làm việc nhiều, mà ăn thì chả được bao nhiêu.

Tôi cũng đủ sức thông minh để hiểu những lời nói ấy. Nhưng mà từ chỗ thấu hiểu cho đến chỗ làm được còn phải vượt qua một quãng đường dài lạ lùng. Bọn học trò của cụ Vi-ta-li ngộ nghĩnh và buồn cười đáo để. Rồi luôn luôn được đi dạo chơi cũng thích. Nhưng đi theo họ, dạo chơi với họ thì phải xa má Bác-bơ-ranh; hẳn là tôi phải vào trại trẻ rơi thôi.

Tôi đang bối rối, nước mắt lưng tròng thì ông cụ Vi-ta-li lấy đầu ngón tay vỗ khế lên má tôi, nói:

- Này, chú bé hiểu rồi đấy vì chú không kêu la! Con người bé bỏng này rồi sẽ biết điều đấy và ngày mai...

Tôi kêu lên:

- Chao ôi ! Thưa ông, cháu van ông, xin ông hãy để cháu ở lại với má Bác-bơ-ranh.

Tôi vừa nói tới đó thì một tiếng sủa lớn của con Ca-pi ngắt lời tôi. Cùng lúc ấy nó nhảy xổ lại bàn Giô-li-cơ ngồi. Thì ra chú khỉ đã thừa lúc mọi người quay về phía tôi để nhẹ nhàng vớ lấy cái cốc rượu đầy của chủ mà uống. Nhưng con Ca-pi vốn luôn luôn có ý thức phòng gian, nó để ý thấy trò bợm của chú khỉ. Thế là nó ngăn chặn ngay vì nó là một đầy tớ trung thành.

Với giọng nghiêm khắc, ông cụ Vi-ta-li nói:

- Ông Giô-li-cơ ạ, ông là một tên tham ăn và là một thằng ăn cắp. Mời ông ra chỗ xó kia, đứng quay mặt vào tường. Anh Déc-bi-nô, anh hãy đứng canh nó, hễ nó động dậy thì cho nó một cái tát nên thân. Còn anh Ca-pi anh là một con chó khôn đấy, anh hãy đưa chân ra cho tôi bắt mừng anh nào.

Trong lúc con khỉ vừa thi hành lệnh phạt vừa kêu lí nhí trong cổ thì con chó sung sướng và kiêu hãnh giơ chân ra cho chủ bắt. Ông cụ Vi-ta-li nói tiếp:

- Bây giờ chúng ta trở lại câu chuyện của chúng ta đi. Tôi trả ông ba mươi phờ-răng đấy !

- Không, bốn mươi mới được !

Cuộc mặc cả diễn ra, nhưng được một lát thì cụ già ngừng lại nói:

- Chú bé đứng đây mãi chắc cũng buồn. Cho chú chạy ra ngoài sân chơi đi.

Cụ vừa nói vừa ra hiệu cho ông Bác-bơ-ranh. Ông này bèn bảo tôi:

- Phải đấy, thằng này ra sân chơi đi, khi nào tao gọi hãy vào. Đừng vào trước mà tao nổi nóng lên đấy.

Chỉ có cách nghe theo thôi. Tôi đi ra ngoài sân nhưng chẳng còn bụng dạ nào mà chơi đùa được. Tôi ngồi xuống hòn đá và trầm ngâm nghĩ ngợi. Số phận tôi đang được định đoạt trong giờ phút này. Chẳng biết nó ra sao. Vừa rét lại vừa hồi hộp lo âu nên người tôi run cầm cập.

Cụ Vi-ta-li và ông Bác-bơ-ranh bàn cãi với nhau khá lâu. Mãi hơn một tiếng đồng hồ sau vẫn chưa thấy ông này ra sân.

Nhưng rồi ông Bác-bơ-ranh cũng đi ra. Ông đi có một mình. Ông ấy tìm tôi để trao cho cụ Vi-ta-li chăng? Ông ta nói:

- Ta đi thôi. Về nhà !

Về nhà ! Tôi khỏi phải xa lìa má Bác-bơ-ranh ư ? Tôi muốn hỏi ông ta nhưng không dám, vì ông ta có vẻ cáu kỉnh lắm. Trên đường về nhà chẳng ai nói gì cả. Nhưng độ mười phút trước khi đến nhà, ông Bác-bơ-ranh đang đi trước bỗng dừng lại. Ông ta xách tai tôi và nói:

- Đây thằng kia, dù mày chỉ kể lại một câu về những điều mày nghe thấy hôm nay thì mày cũng sẽ biết tay tao. Liệu hồn đấy.

4

NHÀ MẸ

Chúng tôi về đến nhà thì má Bác-bơ-ranh hỏi:

- Nào ! Ông xã trưởng nói thế nào ?

- Tôi không gặp ông ấy.

- Thế nào ? Ông không gặp ông ấy à ?

- Không. Tôi gặp mấy ông bạn già ở quán cà phê Đức Bà, khi ra thì muộn quá. Ngày mai tôi sẽ đến tòa xã trưởng.

Như thế hẳn là ông Bác-bơ-ranh đã dứt khoát cắt đứt việc mua bán với ông cụ làm xiếc chó rồi.

Trên đường về tôi lỏn vởn nghĩ ông Bác-bơ-ranh mà dẫu tôi trở về nhà như thế này là có âm mưu gì đây. Nhưng câu trả lời cuối cùng của ông Bác-bơ-ranh với má tôi đã đánh tan mọi ngờ vực. Dĩ nhiên là ông Bác-bơ-ranh đã từ chối những điều kiện của ông cụ Vi-ta-li cho nên mới định đến gặp xã trưởng vào ngày hôm sau chứ!

Tuy thế, mặc những lời ông ta đe dọa, tôi cũng đã nói điều nghi ngờ của tôi với má nếu có được giấy lát ngồi một mình với má. Nhưng suốt buổi tối, ông Bác-

bơ-ranh không ra khỏi nhà, và cho đến lúc đi ngủ, tôi vẫn không có dịp nói chuyện với má. Lên giường nằm tôi tự nhủ đến mai vậy.

Hôm sau, thức dậy, tôi không tìm thấy má Bác-bơ-ranh:

- Má con đâu ?

- Má mày xuống lãng trưa mới về.

- Không hiểu sao sự vắng mặt của má khiến tôi đâm lo ngại. Tối hôm qua má không hề nói má xuống làng kia mà ! Quá trưa chúng tôi cũng xuống làng, có sao má không đợi để cùng đi một thể ? Má có về kịp trước khi chúng tôi ra đi hay không ?

Lòng tôi se lại vì một nỗi lo mơ hồ. Sợ gì tôi không biết rõ, nhưng tôi cảm thấy có một mối nguy hiểm sắp xảy đến với tôi. Ông Bác-bơ-ranh nhìn tôi một cách kỳ quái, cái nhìn đó làm tôi chả yên tâm tí nào.

Tôi chạy ra vườn để tránh con mắt ông ta.

Cái vườn không lớn lắm, nhưng đối với chúng tôi rất quý, vì nó nuôi sống chúng tôi. Trừ bột mì không kể, còn thì những thức ăn trong nhà này hầu hết do nó cung cấp: Khoai, đậu, bắp cải, củ cải, cà rốt. Vì vậy không có tác đất nào bỏ trống. Tuy thế má Bác-bơ-ranh cũng cho tôi một góc để tôi trồng đủ thứ cây, cỏ, rêu. Hễ cứ buổi sáng đi chăn bò, tôi nhặt được thứ gì ở biên rừng hay chân rào là buổi chiều tôi trồng lại trong góc vườn, lẫn lộn, hú họa, thứ nọ cạnh thứ kia.

Chắc chắn đây không phải là một khu vườn đẹp dễ, có những con đường rải cát và những bồn hoa giăng

dây trồng toàn hoa quý. Khách qua đường không ghen cổ nhòm vào qua cái hàng rào gai tươi xén bằng kéo. Nó chỉ có vậy thôi, nhưng được cái nó là của tôi, nó đáng yêu cũng chỉ vì nó là của tôi. Nó là của cải, là giang sơn, là sự nghiệp của tôi. Tôi xếp đặt nó tùy ý tôi, tùy thích thú mỗi lúc. Khi nói về nó, mỗi ngày tôi nhắc tới nó để đến vài mươi lần, tôi gọi nó là “cái vườn của tôi”.

Tôi thu thập và trồng những cây cỏ ấy mùa hè trước, thế thì đến mùa xuân nó phải mọc lên. Những giống sớm không cần đợi đến hết đông đã mọc, còn các giống khác thì lần lượt nối tiếp nhau. Chính vì vậy mà lúc bấy giờ, tính tò mò của tôi được kích thích tột độ.

Các cây trường thọ bây giờ đã ra nụ, mỗi nụ nhú lên một chấm vàng ở bên trên. Cây tử đinh hương đâm những chồi lốm đốm tím và giữa mấy là anh thảo nhẵn nhụi, trỗi lên những lộc sẵn sàng nở xòe ra.

Các thứ này sẽ ra hoa như thế nào đây ? Đó là điều mà ngày ngày tôi tọc mạch chờ xem.

Nhưng có một nơi khác trong mảnh vườn, tôi theo dõi một cách hồi hộp chứ không phải chỉ tò mò.

Ở khoảng ấy, tôi trồng một thứ rau củ người ta cho tôi, một thứ rau củ mà hầu như cả làng không ai biết. Đó là củ cúc vu. Người ta bảo củ cúc vu ngon hơn củ khoai tây nhiều vì nó có cái vị của ác-ti-sô, vừa có cái vị của củ cải, và nhiều thứ rau củ khác nữa. Những điều báo trước tốt đẹp kia gợi cho tôi ý định dành một sự bất ngờ cho má Bác-bơ-ranh. Tôi không nói gì với má về giống cây người ta cho, tôi cứ việc trồng các củ ấy trong

vườn tôi. Khi nó mọc lên, tôi cứ để cho má tưởng rằng đó là một loại hoa. Rồi một ngày nào đó, khi cúc vu đã già, tôi lợi dụng một buổi vắng mặt của má để bới củ, rồi tự tay tôi nấu nướng. Nấu thế nào đây, tôi không biết ! Nhưng trí tưởng tượng của con người ta khi bốc lên có đầu vương vấp về một chi tiết nhỏ mọn như thế ! Và khi má về ăn tối, tôi dọn cái món của tôi ra.

Ai ngạc nhiên đây ? Má Bác-bơ-ranh.

Ai lấy làm thú vị đây ? Cũng là má.

Bởi vì má con tôi đã có một món ăn mới thay thế cho món khoai tây trường kỳ và má Bác-bơ-ranh cũng không thấy khổ sở lắm nữa vì nỗi đã bán con bò Rút-xét tội nghiệp. Cái người phát minh ra món ăn mới đó là tôi, phải chính tôi: Rê-mi, như vậy tôi là người có ích trong gia đình.

Biết tôi có cái chương trình ấy, tất hiểu vì sao tôi chăm chú mong đợi những củ cúc vu mọc lên đến thế ! Ngày nào tôi cũng ra nhìn khoảnh đất trồng cúc vu. Sốt ruột quá, tôi cứ nghĩ rằng không đời nào kiếp nào các củ ấy mọc mầm cả.

Tôi đang quỳ gối, chống tay xuống đất, gí mũi nhìn trong đám cúc vu thì bỗng nghe có tiếng ai gọi tôi giật giọng. Đó là tiếng ông Bác-bơ-ranh.

Ông ta muốn gì đây ?

Tôi vội vã trở vào nhà. Tôi rất đổi ngạc nhiên khi nhìn thấy ông cụ Vi-ta-li và bảy chó của ông cụ đứng trước lò sưởi ! Tôi đoán được ngay ông Bác-bơ-ranh gọi

tôi làm gì. Ông cụ Vi-ta-li đến để đem tôi đi. Không để cho má nuôi tôi bệnh vực tôi, sáng nay lão Bác-bơ-ranh đã bảo má đi sang bên làng. Tôi cảm thấy không thể trông mong lão Bác-bơ-ranh kia đoái hoài thương xót. Tôi chạy đến ông già Vi-ta-li:

- Ôi ! Cụ ơi ! Cháu van cụ ! Xin cụ đừng đem cháu đi.

Thế rồi tôi khóc oà. Ông cụ dịu giọng trả lời:

- Này cháu ơi ! Cháu đi với ông sẽ không khổ đâu. Ông không đánh đập trẻ con bao giờ cả ! Cháu lại được làm bạn với lũ học trò của ông nữa. Chúng nó ngộ lắm kia. Cháu còn luyến tiếc cái gì?

- Má Bác-bơ-ranh ! Má Bác-bơ-ranh !

- Dù sao mày cũng không được ở lại đây nữa mà ! - Lão Bác-bơ-ranh vừa nói vừa kéo mạnh tai tôi - Hoặc là ông cụ đây, hoặc là trại trẻ rơi, mày chọn đi.

- Không, má Bác-bơ-ranh kia !

Lão Bác-bơ-ranh nổi cơn thịnh nộ, thét:

- À, cái quân này, mày làm rầy tao quá ! Phải đến lấy gậy mà đuổi mày ra khỏi nhà chắc ? Tao làm ngay tức khắc đây !

Ông Vi-ta-li nói:

- Thằng bé này nó quyến luyến má Bác-bơ-ranh của nó. Không nên vì thế mà đánh nó. Nó có tình có nghĩa, đó là dấu hiệu tốt.

- Nếu cụ tỏ ý thương hại nó, thì nó gào lên cho mà xem!

- Thôi, ta tính toán đi !

Nói xong ông già Vi-ta-li xĩa lên trên bàn tám đồng năm phờ-răng. Lão Bác-bơ-ranh vội vã vợ lấy chỗ tiền, cất biến vào trong túi. Cụ Vi-ta-li hỏi:

- Thế gói quần áo đâu ?

- Đây kia - Lão Bác-bơ-ranh đáp và trở một chiếc khăn tay bằng vải xanh buộc túm bốn góc.

Cụ Vi-ta-li cởi nút khăn ra để xem có những gì. Chỉ có hai chiếc sơ mi và một cái quần vải.

- Theo chúng ta giao hẹn với nhau thì không phải như thế này ! Chúng ta đã nói rằng ông phải trao quần áo nó cho tôi mà ở đây tôi chỉ thấy mấy thứ rách mướp này thôi !

- Nó không còn thứ gì khác cả.

- Nếu tôi hỏi thằng bé thì chắc nó sẽ bảo ông nói không đúng. Nhưng thôi, tôi cũng chẳng muốn cãi vã với ông làm gì. Tôi không có thì giờ. Tôi phải đi ngay bây giờ. Thôi ta đi đi, cháu ơi. Tên nó là gì nhỉ ?

- Rê-mi.

- Nào, Rê-mi, cầm lấy khăn gói và đi lên trước đi, còn Ca-pi nào, tiến lên ! Tiến !

Tôi giờ hai tay về phía ông cụ, tôi lao về phía lão Bác-bơ-ranh để van xin, nhưng mà cả hai người đều ngoảnh mặt. Cụ Vi-ta-li nắm cổ tay tôi.

Đành phải đi thôi.

Chao ôi ! Cái nhà thân yêu của ta ơi ! Khi ta bước chân qua ngưỡng cửa để xa mây, ta thấy hình như rút ruột để lại.

Tôi nhìn nhanh quanh tôi. Đôi mắt mờ lệ của tôi chẳng trông thấy ai hồng cầu cứu. Không một bóng người trên đường cái, không một bóng người trên những cánh đồng cỏ xung quanh. Tôi bèn gọi:

- Má ơi ! Má Bác-bơ-ranh ơi !

Nhưng không ai đáp lại tiếng gọi của tôi cả, nó vang lên rồi tự tắt dần trong tiếng nước nổ. Cụ Vi-ta-li vẫn không buông tay tôi ra, tôi đành phải bước theo ông cụ. Lão Bác-bơ-ranh nói:

- Chúc cụ đi đường mạnh giỏi !

Xong lão quay gót vào nhà.

Ôi thôi, thế là xong !

- Này, Rê-mi, con ơi, chúng ta đi lên đi nào !

Cụ Vi-ta-li vừa nói vừa kéo cánh tay tôi. Tôi bước đi bên cụ. Cũng may mà cụ không rảo bước đi nhanh, trái lại hình như ông cụ còn đi chậm lại theo nhịp bước của tôi.

Con đường chúng tôi đi là con đường dốc chữ chi dọc theo sườn núi. Cứ đến mỗi chỗ ngoặt, tôi lại nhìn thấy ngôi nhà của má Bác-bơ-ranh bé dần, bé dần đi. Tôi đã đi con đường này nhiều lần rồi. Tôi biết rằng khi đến chỗ ngoặt cuối cùng tôi sẽ trông thấy ngôi nhà một lần chót, rồi đi vài bước nữa thì chẳng còn trông thấy

gì. Trước mắt tôi sẽ là quê xa xứ lạ. Đằng sau tôi là ngôi nhà mà tôi đã sống thật sung sướng từ bé tới nay và có lẽ rồi đây không bao giờ tôi thấy lại nữa.

Cũng may là đường dốc khá dài. Thế nhưng cứ đi mãi chúng tôi cũng lên tới đỉnh cao. Ông cụ Vi-ta-li vẫn không buông cổ tay tôi ra.

- Cụ có thể cho cháu nghỉ chân một lát không? - Tôi hỏi.

- Được lắm, con ạ!

Lần đầu tiên ông buông tay ra nhưng đồng thời đưa mắt nhìn con Ca-pi ra hiệu cho nó. Nó hiểu ý ngay. Như một con chó chăn cừu, nó đang đi đầu đoàn tấc khắc chạy lại đứng sau tôi. Cách sắp xếp đó làm cho tôi càng hiểu rõ ám hiệu khi này: con Ca-pi là người canh giữ tôi đây ! Nếu tôi rục rịch chạy trốn nó sẽ nhảy xổ vào cắn chân tôi lại.

Tôi lại ngồi trên lũy cỏ xanh rì. Con Ca-pi theo tôi từng bước. Ngồi trên lũy, tôi đưa mắt mờ lệ tìm kiếm ngôi nhà của má Bác-bơ-ranh.

Dưới chân chúng tôi, cái thung lũng chúng tôi vừa trèo qua thoải thoải, chặng này là rừng, chặng kia là đồng cỏ. Đến dưới cùng, cái nơi tôi sống tuổi thơ và lớn lên, cái ngôi nhà lẻ loi cô quạnh của má tôi hiện ra.

Ngôi nhà rất dễ nhận thấy giữa đám cây cối, nhất là giờ đây vì không có gió, một cột khói nhỏ vàng vàng từ ống khói tuôn lên thẳng tắp, lên đến ngang tầm cao của chóp núi chúng tôi ngồi nghỉ. Tôi ngửi thấy mùi thơm của lá sồi khô khi bốc cháy, những chiếc lá còn

dính quanh mấy cành củi vụn mà má con chúng tôi lược để sưởi trong suốt mùa đông.

Là thực hay là ảo tưởng đây ? Có phải ngọn khói kia đã đưa mùi thơm ấy lên cho tôi không ? Tôi tưởng như đang ngồi bên bếp, trên chiếc ghế dài nhỏ, chân dẫm lên tro, những lúc có cơn gió lùa vào lò sưởi, làm tạt khói vào mặt chúng tôi.

Mặc dù ở xa và cao, tôi thấy mọi vật vẫn giữ nguyên hình dạng của nó, rõ ràng, minh bạch, chỉ có cái là thu nhỏ lại thôi.

Trên đồng phân bón, con gà mái cuối cùng của má con chúng tôi đi lại tung tăng đây đó. Nhưng nó không có cái vóc bình thường của nó nữa. Nếu tôi không biết nó quá rõ, thì tôi đã nhầm là một con bồ câu con. Tôi trông thấy rõ cây lê ở đầu hồi, với thân cây cong cong đã bao nhiêu năm tôi dùng làm ngựa cưỡi. Bên cạnh con suối dương vạch một vệt trắng trên đám cỏ xanh, tôi nửa nhìn thấy nửa đoán ra con mương dẫn nước mà tôi đã hì hục đào để chạy chiếc bánh xe nước tự tay tôi làm ra. Than ôi ! Cái bánh xe ấy chẳng bao giờ quay được, mặc dầu tôi bỏ vào đó bao nhiêu công sức !

Mọi vật vẫn ở nguyên chỗ thường ngày. Kia chiếc xe cút kít, kia cái cây làm bằng một cành cây vẹo, kia cái chuồng tôi nuôi thỏ khi nhà còn thỏ và kia là vườn tôi, cái vườn thân yêu của tôi !

Những bông hoa đáng thương của tôi, ai sẽ ngắm nhìn nó nở. Ai sẽ chăm sóc những cây cúc vu của tôi ? Chắc là lão Bác-bơ-ranh, cái lão Bác-bơ-ranh độc ác ấy!

Chỉ giờ chân đi một bước nữa thôi là tất cả mọi thứ đó sẽ vĩnh viễn tan biến.

Bỗng nhiên trên con đường từ dưới làng đi lên nhà tôi, xa xa tôi trông thấy một cái khăn trùm đầu trắng. Cái khăn khuất sau một khóm cây thoát lại hiện ra. Khoảng cách quá xa, nên tôi chỉ nhận thấy màu trắng của cái khăn chập chờn như một con bướm bướm xuân cánh nhạt đang bay lượn giữa những cành cây.

Có những lúc trái tim tôi thấy rõ hơn và xa hơn những con mắt tinh anh nhất: tôi nhận ra ngay đó là má Bác-bơ-ranh. Đúng là má ! Tôi tin chắc là như vậy. Tôi tin chắc là như vậy. Tôi cảm thấy như vậy.

- Thế nào ? - Cụ Vi-ta-li hỏi ? - Chúng ta lên đường chứ?

- Ô cụ ơi, cháu xin cụ ...

- Thế ra họ nói sai à ? Chân cháu chẳng khỏe tí nào, mới đi được một quãng ngắn mà đã mỏi rồi. Đi như thế thì một ngày đường có được là bao !

Tôi không trả lời, chỉ nhìn ra xa.

Đúng là má Bác-bơ-ranh rồi, đúng là cái khăn trùm của má, đúng là cái váy xanh của má. Đúng là má rồi.

Má bước những bước dài như hồi hỏ hỏ muốn về nhà cho chóng. Đi tới trước tấm cửa ngõ, má đẩy cửa băng qua sân thật nhanh.

Tức khắc tôi vùng đứng lên trên bờ lũy, không nghĩ gì đến con Ca-pi nhảy chồm chồm bên tôi.

Má Bác-bơ-ranh vào nhà không lâu lại ra ngay và chạy khắp chỗ trong sân, hai tay dang rộng ra. Má đang tìm tôi.

Tôi chồm người ra phía trước, dùng hết sức hét to lên:

- Má ơi, má ơi !

Nhưng tiếng tôi không bay xuống tới chỗ má, cũng không thể át tiếng rì rầm của con suối. Nó bay mất trong khoảng không. Cụ Vi-ta-li hỏi:

- Cháu làm sao thế ? Cháu điên à ?

Tôi không trả lời, mắt chỉ dăm dăm nhìn xuống má Bác-bơ-ranh. Nhưng má không biết rằng tôi ở gần má đến thế nên má đâu có ngẩng đầu lên. Má đi qua sân rồi lại đi ra ngoài đường nhìn khắp mọi phía. Tôi gọi to lần nữa, nhưng cũng như lần trước, vô ích thôi !

Bấy giờ cụ Vi-ta-li đã hơi đoán biết. Cụ trèo lên bờ lũy. Chỉ trong giây lát cụ đã nhìn thấy chiếc khăn trùm đầu trắng. Cụ khẽ than:

- Tội nghiệp thằng bé !

Nghe tiếng kêu thương hại ấy, tôi được thể, van xin:

- Chao ôi ! Cháu van cụ, cụ cho cháu trở về.

Nhưng ông cụ nắm cổ tay tôi dặt xuống đường. Cụ nói:

- Cháu ơi, cháu đã nghỉ ngơi rồi, bây giờ chúng ta đi thôi !

Tôi muốn giằng ra nhưng ông cụ giữ tôi rất chặt. Ông gọi:

- Ca-pi ! Déc-bi-nô !

Hai con chó liến vẫy quanh tôi: con Ca-pi đi sau, con Déc-bi-nô đi trước. đành phải đi theo ông cụ Vi-ta-li vậy.

Đi được ít bước, tôi ngoảnh đầu lại.

Đoàn chúng tôi đã vượt qua đỉnh núi và tôi không nhìn thấy thung lũng xưa, ngôi nhà cũ của tôi đâu nữa.

- Tít tận đằng xa chỉ thấy những ngọn đồi xanh xanh dàn ra tằm tấp như muốn lên tận chân mây, tầm mắt tôi mất hút đi trong khoảng không gian vô tận.

5

LÊN ĐƯỜNG

Cái người bỏ ra bốn chục phờ-răng để mua trẻ con cũng không nhất thiết phải là một con yêu tinh dự trữ thịt tươi để ăn dần. Ông cụ Vi-ta-li không định ăn thịt tôi, và cái này hiếm có đối với người mua trẻ, là ông cụ không ác. Điều này tôi sắp được biết.

Chỗ ông cụ lại cầm tay tôi dắt đi là chỗ đỉnh núi phân cách lưu vực sông Loa và sông Doóc-đô-nhơ. Cũng ngay khi ấy chúng tôi bắt đầu đi xuống triền núi phương Nam.

Đi được chừng mười lăm phút, ông cụ lại bỏ tay tôi ra. Ông cụ nói:

- Bây giờ cháu cứ việc đi thông thả bên ông. Nhưng mà cháu đừng có quên rằng nếu cháu định chạy trốn thì con Ca-pi và con Déc-bi-nô sẽ đuổi kịp cháu ngay và rằng chúng nó nhọn lắm đấy.

Chạy trốn thì bây giờ không thể được nữa rồi, do đó có mưu toan cũng vô ích..

Tôi thở dài.

- Cháu buồn lòng lắm đấy nhỉ ? - Ông cụ nói tiếp - Ông biết lắm và không giận cháu đâu ! Nếu cháu muốn khóc thì tùy ý, cháu cứ việc khóc đi. Nhưng mà cháu nên biết rằng ông mang cháu đi không phải để làm khổ cháu đâu ! Cứ ở đấy thì rồi cháu sẽ ra như thế nào nhỉ ? Chắc chắn là cháu phải vào trại trẻ rơi. Những người đã nuôi cháu không phải là bố mẹ đẻ của cháu. Má cháu, như cháu gọi, thật là tốt đối với cháu và cháu thương yêu má cháu, cháu đau lòng vì phải xa má cháu, đó là điều tốt. Tuy vậy, cháu cũng cần phải suy nghĩ lại, má cháu không thể giữ cháu trái ý với chồng được. Còn người chồng bà thì ông ta không đến nỗi khắc nghiệt như cháu tưởng đâu ! Ông ta không có gì để mà sống. Què quặt, không lao động được nữa, không lẽ người ta chịu chết đói để nuôi cháu. Cháu ơi, giờ đây cháu nên hiểu rằng trên đời này không phải là cứ muốn gì thì làm được nấy đâu !

Hắn đó là những lời nói của một người sáng suốt, hay ít ra cũng là lời của một người từng trải. Nhưng mà nỗi niềm ly biệt đau đớn trong lòng tôi lúc ấy làm cho tôi không thể nghe lọt những lời hay, lẽ phải.

Tôi sẽ không bao giờ gặp lại người đã nuôi dưỡng tôi, đã âu yếm tôi, người mà tôi thương yêu nhất đời là má tôi.

Ý nghĩ ấy cứ nhen ở cổ tôi làm tôi nghẹt thở. Tuy nhiên tôi vẫn đi gần cụ Vi-ta-li và cố sức đem những điều cụ vừa nói để tự bảo mình.

Cụ Vi-ta-li nói chắc là đúng. Ông Bác-bơ-ranh không phải là bố đẻ ra tôi, không lý do gì bắt buộc ông phải chịu đói khổ vì tôi. Trước kia ông đã nhận tôi về để nuôi. Bây giờ ông ta phải đuổi tôi đi là vì ông không thể giữ tôi lại được nữa. Nghĩ tới ông ta, tôi không nên nghĩ đến cái ngày hôm nay, mà phải nhớ lại những năm tôi đã sống ở nhà ông ta kia !

Chốc chốc cụ Vi-ta-li lại nhắc:

- Cháu ơi, cháu hãy suy nghĩ về những điều ông nói với cháu ! Ở với ông, cháu sẽ không khổ sở đâu !

Xuống khỏi một cái dốc, chúng tôi tới một cánh đồng hoang phẳng lì, buồn tẻ, rộng mênh mông. Không có nhà cửa, không có cây cối. Một cao nguyên mọc đầy thạch thảo hung hung và đó đây từng đám kim chi cần cỗi chập chờn trước gió như sóng gợn.

Cụ Vi-ta-li đưa tay trên bãi đồng hoang, bảo tôi:

- Cháu nom đấy, có định trốn cũng vô ích thôi! Con Ca-pi và con Déc-bi-nô sẽ bắt được cháu ngay!

Chạy trốn ! Tôi không nghĩ tới việc trốn nữa. Trốn đi đâu bây giờ kia chứ ? Trốn rồi về nhà ai ?

Suy cho cùng thì cái ông già râu tóc bạc phơ, cao lớn và đẹp lão ấy không đến nỗi dễ sợ lắm, như tôi nghĩ trước đây. Nếu ông ta làm chủ tôi thì có lẽ cũng không phải là một ông chủ tàn ác.

Chúng tôi đi mãi miết giữa nhiều cảnh quanh hiu buồn rút. Hết các bãi hoang lại đến những cánh đồng cây lúp xúp. Phóng tầm con mắt nhìn tận xa tít, tôi chỉ thấy mấy ngọn đồi trọc chóp tròn. Trước kia tôi hình dung các cuộc hành trình khác hẳn. Mỗi khi tôi để cho tâm hồn ngao du trên cảnh mộng, vượt khỏi cổng làng, thì tức khắc nó đi đến những xứ sở hoàn toàn khác lạ với cảnh thực bày ra trước mắt tôi hôm nay.

Lần này là lần đầu tiên tôi đi một đoạn đường dài đến như vậy một mạch, không nghỉ. Bước chân của cụ chủ tôi dài và đều đặn. Cụ để con Giô-li-ơ trên vai, cũng có khi cho ngồi trên xắc. Mấy con chó chạy lon ton bên cạnh không rời cụ.

Thỉnh thoảng cụ Vi-ta-li nói với chúng tôi vài lời âu yếm, khi thì bằng tiếng Pháp, khi thì bằng một thứ tiếng gì tôi không hiểu.

Ông cụ và mấy chó không có vẻ gì mệt mỏi. Tôi thì không thể. Tôi mệt lả đi rồi. Sự mệt mỏi của cơ thể thêm vào sự xúc động về tinh thần làm cho tôi kiệt sức.

Tôi kéo lê chân và phải vất vả mới theo kịp chủ tôi. Tuy thế tôi cũng không dám xin phép dừng lại.

- Tại đôi guốc của cháu nó làm cháu mỏi đấy ! - Cụ nói - Đến Út-xen ông sẽ mua giày cho.

Câu nói đó làm cho tôi gắng sức lên.

Thật vậy, xưa nay tôi vẫn khao khát có một đôi giày. Con ông xã trưởng và con ông chủ quán mới có giày. Ngày chủ nhật, đi lễ, chúng nó lướt êm ru trên nền gạch nhậy âm vang, còn bọn con nông dân chúng tôi thì khua guốc đinh tại nhức óc.

- Út-xen còn xa lắm phải không cụ ?

- Đó là một câu từ đáy lòng phát ra - Ông cụ già vừa cười vừa nói - Thế là cháu rất thích có một đôi giày phải không ? Được rồi, ông hứa sẽ cho cháu một đôi, một đôi dưới đế còn đóng đinh nữa cơ ! Và ông còn hứa cho cháu một cái quần nhung, một cái áo vét và một cái mũ nữa. Cái đó chắc sẽ làm cho cháu ráo nước mắt, ông mong thế, và cháu sẽ khỏe ra để đi nốt sáu dặm đường nữa.

Giày dưới đế có đóng đinh ! Tôi thấy choáng lên. Được một đôi giày đã là phi thường. Khi thấy nói đế có đóng đinh thì nỗi phiền muộn của tôi bỗng chốc tiêu tan đi mất.

Không, chắc chắn chủ tôi không phải là một người độc ác. Một người độc ác có thể nào mà nhận thấy đôi guốc làm cho tôi mệt nhọc được.

Đôi giày, đôi giày có đinh ! Cái quần nhung ! Rồi lại cái áo vét ! Cả cái mũ nữa !

Chà ! Má Bác-bơ-ranh mà trông thấy tôi hẳn là má sung sướng lắm. Và má sẽ tự hào biết bao nhiêu về cái thằng này.

Ấy thế mà Út-xen hãy còn xa lắc lơ mới cực chứ !

Mặc dù sẽ có đôi giày và chiếc quần nhưng, ở cuối quãng đường sáu dặm này, tôi thấy chừng như tôi cũng không còn sức đi xa như vậy được nữa.

May thay thời tiết đến giúp tôi.

Bầu trời vẫn xanh ngắt từ lúc chúng tôi ra đi, dần dần kéo đầy mây xám. Chẳng mấy chốc một cơn mưa nhỏ đổ xuống và cứ kéo dài mãi, không ngớt.

Có tấm áo da cừu, cụ Vi-ta-li không bị ướt và còn che cho con Giô-li-cơ được. Cái con khỉ ranh mãnh này mới thấy mấy giọt mưa đầu tiên rơi xuống đã nhanh nhẹn chui vào chỗ trú ẩn của nó. Nhưng mà bây chớ và tôi, chúng tôi không có cái gì để che mưa cả. Thế là chẳng bao lâu chúng tôi bị ướt sũng đến tận da. Bây chớ thỉnh thoảng rung mình rũ lông được, còn tôi thì tạo hóa không cho phép làm thế, tôi phải mang những quần áo nặng chịch nước mưa mà đi và thấy lạnh buốt đến xương.

- Cháu có dễ bị cảm không ? - Chủ tôi hỏi.

- Cháu không biết. Cháu không nhớ có lần nào bị cảm.

- Thế thì tốt lắm, tốt lắm, Ừ ! Cháu cũng có mặt cứng cỏi đấy. Nhưng ông cũng không muốn để cháu xông pha làm gì vô ích. Hôm nay, chúng ta hãy đi chừng này thôi. Có thôn xóm đằng kia chúng ta hãy vào ngủ trọ ở đấy.

Nhưng trong làng không có quán trọ. Chẳng ai muốn chứa cái ông già trông như người hành khất, lại

lẻo đẻo dắt theo một thằng bé con và ba con chó, người và vật đều lấm bùn be bết. Người ta bảo: “Ở đây không chứa trọ”.

Và người ta đóng sập cửa lại. Đi hết nhà này đến nhà khác, chẳng ai mở cửa cho chúng tôi vào.

Có lẽ phải đi nốt một mạch bốn dặm đường cho đến Ut-xen chẳng ? Tối đến nơi rồi, mà người thì thấm nước mưa lạnh buốt. Riêng tôi, tôi thấy hai chân cứng đờ như hai khúc gỗ.

Chao ôi ! Nào đâu cái nhà ấm cúng của má Bác-bơ-ranh!

Sau cùng có một bác nông dân tốt bụng vui lòng mở cửa vựa chứa rơm cho chúng tôi vào. Nhưng trước khi cho vào, bác ta ra điều kiện không được thắp đèn đốt lửa gì cả.

Bác ta nói với cụ Vi-ta-li:

- Ông cụ đưa diêm đây. Sáng mai cụ đi, tôi sẽ trả lại.

Dẫu sao chúng tôi cũng có được một mái nhà để ẩn náu và mưa không trút lên người chúng tôi nữa.

Cụ Vi-ta-li là một người biết phòng xa, khi đi đường không bao giờ quên mang lương thực. Trong cái xắc lính ông đeo trên vai, có một cái bánh mì lớn. Cụ cắt bánh ra làm bốn phần.

Bây giờ tôi mới thấy ông cụ duy trì kỷ luật và sự phục tùng trong gánh hát của cụ như thế nào.

Lúc này, trong khi chúng tôi còn đi lò dò hết nhà này đến nhà khác để tìm chỗ trú, thì con Déc-bi-nô đã

có lúc lẫn vào một nhà nào đó rồi chạy ra ngay, hôm tha một mẩu bánh mì. Cụ Vi-ta-li chỉ nói có một câu:

- Déc-bi-nô ! Tối nay rồi mày xem !

Tôi cũng chẳng nghĩ gì đến cái việc đánh cắp ấy nữa, cho đến khi ông cụ chủ cất bánh mì, tôi bỗng thấy con Déc-bi-nô có vẻ tiu nghỉu.

Cụ Vi-ta-li và tôi ngồi cạnh nhau trên hai bó phượng vĩ. Con Giô-li-cơ ngồi ở giữa. Ba con chó ngồi xếp hàng trước mặt chúng tôi, con Ca-pi và Đôn-xơ dăm dăm nhìn mắt ông chủ. Còn con Déc-bi-nô thì cúi mặt, hai tai cụp xuống. Cụ Vi-ta-li ra lệnh:

Đứa ăn cắp hãy đi ra ngoài hàng ngũ, chui vào xó kia mà nằm. Tối nay nó phải ngủ đói.

Thế là con Déc-bi-nô rời khỏi chỗ nó tức khắc và, vừa đi vừa lết, nó len lết đến cái xó mà ông chủ chỉ. Nó chui gọn vào dưới lá phượng vĩ. Chúng tôi không nhìn thấy nó nữa, chỉ nghe thấy nó vừa thở vừa rên và khe khẽ kêu mấy tiếng ghen ngào.

Trừng phạt con Déc-bi-nô xong, cụ Vi-ta-li đưa phần bánh mì cho tôi. Ông cụ thì vừa ăn vừa bẻ phần bánh của Giô-li-cơ, Ca-pi và Đôn-xơ ra từng miếng nhỏ để phân phát cho chúng.

Những tháng cuối cùng ở với má Bác-bơ-ranh cũng chẳng có gì gọi là sướng, nhưng giờ đây phải sống kham khổ thế này, tôi thấy sự đổi thay quá ác liệt.

Chà ! Nồi xúp má Bác-bơ-ranh nấu mỗi tối, giờ đây giá có, thì dù thiếu bơ đi nữa tôi cũng sẽ thấy ngon !

Giá lại được ngồi bên lò sưởi nữa thì dễ chịu biết bao ! Và sẽ được hạnh phúc biết mấy nếu được luôn mình trong vải nệm kéo chắn lên tận cằm!

Nhưng than ôi ! Làm gì có vải nệm, làm gì có chắn! Có được một ổ lá phượng vĩ thế này là phúc lắm rồi.

Người mệt nhừ, chân trầy da vì đôi guốc, tôi rét quá, run bần bật trong bộ quần áo ướt sũng.

Trời tối hẳn rồi nhưng tôi vẫn chưa ngủ.

- Sao răng cháu đập cầm cập thế Rê-mi - Cự Vi-ta-li hỏi - Cháu rét à ?

- Rét tí thôi !

Tôi nghe thấy ông cự mở xác.

- Quần áo của ông cũng chẳng nhiều nhận gì đâu !
- Ông cự nói - Nhưng mà đây, một chiếc sơ mi khô và một cái gilê ! Cháu hãy cởi hết quần áo và khoác những thứ này vào. Rồi cháu chui xuống dưới đồng phượng vĩ, cháu sẽ thấy người ấm lên và cháu sẽ ngủ được ngay.

Tôi làm theo lời cự, tuy thế cũng không thấy ấm người lên mau chóng như cự tưởng. Tôi cứ trần trở mãi trên lớp lá phượng vĩ, đau đốn và khổ sở quá, ngủ ở nhà chưa rơm, rét run lên, bữa tối chỉ có mẩu bánh bơ trụi, chẳng có ai tỏ lòng thương xót. Chẳng có ai để yêu thương, không có má Bác-bơ-ranh !

Tôi đang nghĩ ngợi lan man, lòng buồn rười rượi, nước mắt giàn giụa, thì bỗng thấy thoáng qua trên mặt tôi một hơi thở ấm ấm.

Tôi đưa tay ra phía trước và sờ thấy bộ lông dày như len của con Ca-pi. Nó đã rón rén đi trên lá phượng vĩ, nhẹ nhàng đến bên tôi. Nó ngửi tôi, hít khe khẽ. Hơi nó lướt nhẹ trên mặt tôi, trên tóc tôi.

Nó định làm gì nhỉ ?

Giây phút sau nó nằm lên đồng lá phượng vĩ, áp mình vào người tôi và dịu dàng, êm ái, nó liếm tay tôi.

Vô cùng cảm động trước cử chỉ âu yếm ấy, tôi nhòe dãi và hôn vào cái mũi lạnh ngắt của nó.

Nó kêu một tiếng khe khẽ, rồi nhanh nhẩu đặt cẳng vào trong tay tôi và nằm im.

Thế là tôi quên hết cả nỗi mệt nhọc, buồn phiền. Cổ họng tôi như bị bóp nghẹt, nay thấy được nới ra. Tôi thở phào. Tôi không cô đơn nữa. Tôi đã có một người bạn.

6

BƯỚC ĐẦU TRONG NGHỀ

Hôm sau chúng tôi lên đường sớm. Mưa tạnh rồi. Trời xanh biếc. Nhờ có trận gió hanh đêm qua, đường se bùn, chim ca rộn rã trong mấy bụi cây bên đường. Đàn chó chạy tung tăng quanh chúng tôi. Thỉnh thoảng con Ca-pi lại đứng thẳng trên hai chân sau và sủa vào mặt tôi hai ba tiếng. Tôi hiểu ý nghĩa tiếng sủa ấy là thế nào. Nó muốn nói :

- “Gắng lên ! Gắng lên” !

Thật là một con chó thông minh. Nó hiểu hết và luôn luôn biết cách làm cho người ta hiểu nó. Đã nhiều lần tôi nghe người ta bảo rằng nó chỉ thiếu có cái không biết nói thôi. Riêng tôi thì tôi không nghĩ như vậy. Chỉ cái đuôi của con vật ấy cũng đã thông minh và hùng biện hơn mắt và miệng lưỡi của khối người. Dù sao đi nữa thì giữa nó và tôi cũng chẳng cần đến lời nói. Chúng tôi đã hiểu nhau ngay từ ngày đầu.

Tôi chưa bao giờ ra khỏi cổng làng, cho nên ao ước được nom thấy một thành phố. Nhưng phải thú thật rằng thị trấn Út-xen không làm cho tôi choáng mắt chút nào cả, những ngôi nhà cổ có tháp ở đây hẳn khiến cho các nhà khảo cổ thích thú, nhưng đối với tôi thì có ý nghĩ gì đâu. Phải nói rằng tôi không tìm ở các ngôi nhà ấy cái vẻ đẹp, cái vẻ nên tranh của nó, tôi tìm cái khác kia.

Một ý niệm choán cả đầu óc tôi, làm quáng mắt tôi, hay ít nhất cũng chỉ cho phép tôi nhìn thấy một thứ: đó là một cửa hiệu giày.

Đôi giày của tôi, đôi giày cụ Vi-ta-li hứa hẹn, giờ đây là lúc tôi sắp được xỏ chân vào.

Chẳng biết cái cửa hàng có điểm phúc bán giày cho tôi ở vào đâu đây nhỉ ? Tôi chỉ tìm kiếm nó thôi, ngoài ra mái tháp, vòm cuốn, cột trụ mỹ thuật, không gì đáng cho tôi lưu ý.

Cho nên cái điều duy nhất tôi còn nhớ về thị trấn Út-xen là một ngôi hàng tối tăm, ám khói ở gần chợ. Ở

mặt trước cửa hàng bày la liệt nhiều súng cũ, một cái áo viền kim tuyến ở các đường may và có ngù vai bằng bạc, rất nhiều đèn và những cái sọt có vô số là sắt vụn, nhất là ổ khóa và chìa khóa han gỉ. Phải xuống ba bậc để đi vào một căn phòng rộng. Chắc hẳn là từ ngày căn nhà lợp mái xong, ánh sáng mặt trời chưa chiếu vào đây bao giờ.

Không biết tại sao một vật đẹp dễ như một đôi giày lại có thể bày bán ở một nơi ghê tởm như thế này được nhỉ?

Tuy vậy bước chân vào cửa hàng này, cụ Vi-ta-li đã có ý định của cụ rồi. Chẳng mấy chốc, tôi được cái phúc lớn xỏ chân vào đôi giày đóng đinh sắt nặng để gấp mười lần đôi guốc của tôi.

Sự hào phóng của ông chủ tôi không phải đến đây là hết.

Sau khi mua giày rồi, ông cụ lại mua cho tôi một chiếc áo vét nhung xanh, một cái quần len và một cái mũ dạ, nghĩa là mọi thứ ông cụ đã hứa với tôi. Mua hàng nhưng cho tôi, cho một đứa bé xưa nay chỉ mặc vải ! Rồi lại giày ! Và còn chiếc mũ dạ nữa cho thằng bé xưa nay chỉ lấy tóc che đầu. Rõ ràng ông cụ là người tốt nhất trần đời, con người hào phóng nhất và cũng là giàu có nhất.

Thực ra thì nhung đã nhàu, len cũng đã sờn rồi, và cái mũ dạ bị mưa dầm bụi dãi, khó mà biết xưa kia màu gì. Nhưng mà tôi choáng mắt vì những thứ lộng lẫy ấy, nên không hề động lòng về các thiếu sót ẩn dưới vẻ hào nhoáng kia.

Tôi mong chóng được mặc những thứ quần áo đẹp thế ấy. Nhưng về nhà trọ, trước khi đưa cho tôi, ông cụ đem thay hình đổi dạng nó đi, làm cho tôi vừa ngạc nhiên vừa xót của.

Ông cụ lấy kéo trong xác ra cắt phăng hai ống quần đến ngang gối: tôi giương mắt kinh hãi nhìn ông cụ. Ông cụ nói:

- Làm thế này cốt để cho cháu đừng giống mọi người. Chúng ta đang ở Pháp, ông mặc quần áo cho cháu theo kiểu I-ta-li-a. Bao giờ chúng ta sang I-ta-li-a - có thể chúng ta sẽ sang I-ta-li-a đấy - ông lại cho cháu mặc theo kiểu Pháp.

Tôi chưa hết ngạc nhiên thì ông cụ nói tiếp:

- Chúng ta là gì nào ? Là nghệ sĩ có phải không ? Là những diễn viên thì chỉ riêng hình dáng bên ngoài thôi cũng phải khéo gợi được tính tò mò của người ta. Ăn mặc như bất cứ người kẻ chợ hay người nhà quê nào, cháu tưởng rằng chúng ta có thể khiến thiên hạ đứng nhìn chúng ta và vây quanh chúng ta hay sao ? Tất nhiên là không, có phải không cháu ? Cháu nên học lấy điều này, là ở đời một đôi khi cái bề ngoài cũng cần thiết đấy. Việc đó đáng buồn nhưng biết làm sao được!

Ấy, buổi sáng tôi là người Pháp, đến chiều thành người Ý như thế đấy.

Quần tôi cắt đến đầu gối, cụ Vi-ta-li lấy dây băng đỏ quấn chéo trên bát tất, dọc theo ống chân. Trên mũ dạ của tôi, ông cụ cũng quấn ngang dọc nhiều băng khác và cài lên một chùm hoa bằng len.

Tôi không hiểu người khác nhìn tôi sẽ nghĩ như thế nào, chứ tôi, thành thực mà nói, tôi là tôi oai lắm, sộp lắm. Bằng chứng là con Ca-pi, sau khi nhìn ngắm tôi chán chê, bèn chìa chân ra cho tôi bắt, vẻ rất vừa lòng. Sự tán thưởng của con Ca-pi càng làm tôi thích thú bởi vì trong khi tôi khoác vào người bộ quần áo mới, chú Giô-li-cơ ngang nhiên đứng trước mặt tôi, nhại theo từng điệu bộ của tôi và cường điệu lên. Tôi đóng bộ xong, thì chú chống hai tay vào sườn, ngửa người ra sau cười khanh khách và lí nhí những tiếng chế nhạo.

Tôi nghe người ta nói tìm hiểu xem giống khỉ có cười không là một vấn đề khoa học lý thú. Tôi cho rằng những người đặt ra câu hỏi ấy là những nhà khoa học phòng giấy, không chịu khó quan sát trực tiếp con vật. Riêng tôi là người đã sống gần gũi với con Giô-li-cơ trong bao nhiêu lâu, tôi nói quả quyết rằng nó cười thực sự, không những cười mà còn biết cười chế nhạo tôi nữa. Có lẽ cái cười của nó không giống hết cái cười của chúng ta. Nhưng rõ ràng là mỗi khi có điều gì thích thì mép nó kéo sệch ra mang tai, mắt hí lại, hàm rung lia lịa và đôi mắt đen láy nảy ra những tia lấp lánh, như những cục than hồng nho nhỏ được thổi rực lên.

Vả chẳng, tôi đã có dịp quan sát ở nó những dấu hiệu đặc biệt của cái cười trong một trường hợp mà cái nhục về phần tôi.

Khi tôi đội mũ vào thì cụ Vi-ta-li bảo tôi:

Thế là cháu mặc xong quần áo rồi đấy ! Chúng ta bắt đầu làm việc đi để ngày mai là ngày phiên chợ, có

thể tổ chức một buổi biểu diễn lớn được. Trong buổi đó, cháu sẽ lên sân khấu lần đầu.

Tôi hỏi ông cụ lên sân khấu lần đầu là thế nào? Ông cụ giảng cho tôi biết lên sân khấu lần đầu là lần đầu tiên đóng trò trước công chúng. Cụ nói:

- Ngày mai gánh xiếc chúng ta sẽ ra mắt khán giả. Một buổi diễn đầu tiên trong đó có cháu đóng. Vậy ông phải cho cháu vượt vai trò ông dành cho cháu.

Đôi mắt ngạc nhiên của tôi làm cho cụ biết là tôi không hiểu gì cả.

- Vai có nghĩa là công việc cháu phải làm trong buổi diễn kịch. Ông đem cháu đi với ông không phải để cháu đi dạo chơi cho thỏa thích. Ông không giàu có gì mà làm như vậy được. Mang cháu đi là để cháu làm việc. Mà công việc của cháu là đóng kịch với dàn chó của ông và chú khỉ Giô-li-cơ.

Tôi đâm hoảng, kêu lên:

- Nhưng cháu đâu có biết đóng kịch !

- Chính vì thế mà ông phải dạy cháu. Cháu phải hiểu rằng không phải tự nhiên mà con Ca-pi biết đi trên hai chân một cách duyên dáng như thế. Và cũng không phải con Đôn-xơ nhảy dây vì sở thích của nó. Con Ca-pi đã tập đứng trên hai chân sau và con Đôn-xơ đã tập nhảy dây. Chúng nó đã phải học tập mất nhiều công phu và thì giờ mới có được những biệt tài ấy và cả tài nghệ cần thiết cho một diễn viên ưu tú. Cháu cũng vậy, cháu cần tập những vai cháu sẽ phải đóng với chúng nó. Thôi, chúng ta bắt tay vào việc đi.

Hồi đó tôi có những quan niệm thật là cổ lỗ về lao động. Tôi cứ tưởng hễ lao động là phải cuốc đất, xẻ gỗ, chặt cây, hoặc đẽo đá chứ không nghĩ đến cái gì khác.

- Vở kịch mà chúng ta sắp diễn - Ông cụ Vi-ta-li nói tiếp - Nhan đề là “Người đầy tớ của ông Giô-li-cơ” hay là “Kẻ dằn dộng nhất không phải là kẻ mà người ta tưởng”. Câu chuyện như thế này: Cho tới nay, ông Giô-li-cơ có một người đầy tớ rất vừa ý ông, đó là Ca-pi. Nhưng Ca-pi già rồi, mặt khác ông Giô-li-cơ cũng muốn mượn một người đầy tớ mới. Ca-pi nhận tìm cho ông một người. Nhưng mà nó không tìm được một con chó khác để kế nghiệp nó, nó tìm một thằng bé con tên là Rê-mi.

- Như cháu ấy à ?

- Không, không phải như cháu, mà chính là cháu đấy thôi. Cháu ở nhà quê lên để giúp việc ông Giô-li-cơ.

- Khi thì làm gì có người giúp việc !

Nhưng trong hài kịch thì có đấy. Vậy cháu ở nhà quê lên và ông Giô-li-cơ nhận thấy cháu có vẻ dằn dộng.

- Cái đó chả thú vị gì.

- Việc gì đến cháu, vì chỉ để cười thôi mà ! Vả lại cháu cứ tưởng tượng như là cháu thực sự đến ở cho một ông chủ và ông ấy bảo cháu bày bàn ăn chẳng hạn. Vừa đúng đây lại có một cái bàn để dùng cho buổi biểu diễn của chúng ta. Cháu đến xếp bát đi.

Trên bàn có mấy cái đĩa, một cái cốc, một con dao, một cái nĩa và những khăn ăn trắng tinh.

Phải bày biện như thế nào đây ? Tôi loay hoay với câu hỏi ấy và đứng sững, hai tay giơ ra, người chồm tới trước, mồm há hốc, không biết nên bắt đầu làm gì. Ông cụ vỗ tay cười phá lên. Ông nói:

- Hay lắm ! Hay lắm, cái vẽ mặt của cháu thật tuyệt ! Trước đây đã có một thằng bé làm với ông. Vẽ mặt nó ranh mãnh và đáng điệu nó nói lên một cách quá rõ ràng: “Để xem, tôi mà làm một thằng ngốc thì phải biết là cừ !”. Còn cháu thì cháu không nói gì cả. Cháu đích thị là thằng ngốc. Vẽ ngây ngô của cháu thật không chê được !

- Cháu chẳng biết cháu cần làm gì !

- Chính vì thế mà cháu “tuyệt”. Đến mai đây hoặc năm ba hôm nữa cháu sẽ rất thông thạo những việc cháu phải làm. Lúc đó cháu phải nhớ lại cái vẽ lúng túng hiện nay của cháu. Lúc đó cháu phải giả vờ lúng túng nữa. Nếu cháu diễn được cái vẽ mặt và điệu bộ hôm nay thì ông dám nói trước là cháu sẽ được hoan hô đặc biệt. Nhân vật mà cháu đóng trong vở hài kịch của ông như thế nào ? Là một chú bé ở quê ra, chưa trông thấy gì và chưa hiểu gì cả. Chú bé đến nhà một con khỉ và tỏ ra dốt nát vụng về hơn nó. Do đó ông mới lấy một đề phụ cho vở kịch là “Kẻ dần dộn nhất không phải là kẻ mà người ta tưởng”. Ngu hơn chú khỉ Giô-li-cơ, đó là vai trò của cháu. Để thủ vai một cách tuyệt diệu, giá có thể thì cháu chỉ cần giữ cái vẽ hiện nay của cháu. Nhưng mà việc đó không thể được, cho nên sau này cháu phải nhớ lại hiện giờ cháu đã làm như thế nào và

lúc đó, nhờ sự cố gắng nghệ thuật, cháu sẽ trở nên ngu ngốc trong khi cháu không thể ngu ngốc một cách tự nhiên được nữa.

“Người đầy tớ của ông Giô-li-cô” là một vở hài kịch nhỏ diễn trong hai mươi phút đồng hồ. Nhưng tập thì phải mất ngót ba tiếng. Cụ Vi-ta-li bắt chúng tôi làm đi làm lại mỗi việc hai ba lần, có khi đến mười lần. Lũ chó cũng phải làm đi làm lại như tôi.

Thật vậy, mấy con chó đã quên mất vài phần trong vai trò của chúng nên phải dạy lại chúng. Nhờ vậy tôi được dịp nhìn thấy tính kiên nhẫn và sự ôn hòa dịu ngọt vô hạn của thầy chúng tôi, và rất lấy làm ngạc nhiên. Ở làng tôi, người ta không đối đãi với súc vật như thế bao giờ. Phương pháp dạy súc vật duy nhất của người làng tôi là chửi rửa và roi vọt.

Đối với ông cụ thì việc tập tành có kéo dài bao nhiêu đi nữa ông cụ cũng không nổi nóng bao giờ và cũng chưa bao giờ ông buông một tiếng nguyên rủa. Mỗi khi ông không hài lòng về kết quả tập dượt thì ông nghiêm nghị nói:

- Này, này, làm lại đi. Ca-pi, anh như thế không tốt. Còn anh Giô-li-cô, anh không chịu chú ý. Anh sẽ bị trách mắng cho mà xem !

Chỉ có thế thôi. Nhưng vẫn là đủ. Sau buổi tập, ông cụ hỏi tôi:

- Thế nào, liệu rồi cháu diễn trò có quen đi không ?

- Cháu không biết.

- Cháu có thấy chán không ?

- Không, cháu thấy vui vui.

- Thế thì được, mọi việc đã ổn cả. Cháu khá thông minh và có điều này còn quý hơn nữa là cháu có ý chí. Chăm chỉ và dễ bảo thì rồi cái gì cũng làm được. Cháu thử nhìn đàn chó mà xem và so sánh chúng với con Giô-li-cơ. Con khỉ có lẽ nhanh nhẩu và thông minh hơn nhưng nó khó bảo. Dạy nó cái gì là nó học được ngay nhưng rồi nó lại quên trong chốc lát. Mà khi bảo nó làm cái gì chẳng bao giờ nó vui lòng làm đâu ! Nó phản kháng rất dễ dàng và luôn luôn muốn làm nghịch ý ta. Thiên tính của nó là thế cho nên ông cũng chẳng giận nó làm gì. Khác với chó, khỉ không có ý thức nghĩa vụ và do đó nó kém chó xa. Cháu có hiểu không ?

- Có lẽ cháu hiểu.

- Cháu ơi, cháu cần có ý chí và ngoan ngoãn phục tùng. Phải làm cái gì thì cháu cố làm cho hết sức. Ở đời tất cả mọi thành công là ở đó !

Trong khi chuyện trò như vậy, tôi đánh bạo nói với ông cụ rằng điều làm cho tôi ngạc nhiên nhất là sự kiên trì vô hạn của ông cụ đối với con khỉ Giô-li-cơ với đàn chó cũng như đối với tôi. Thế là ông cụ nở một nụ cười dịu dàng:

- Người ta thấy rõ là từ xưa tới nay cháu chỉ sống với những người dân quê quen tàn nhẫn đối với súc vật. Họ tưởng với chúng nhất thiết phải dùng roi vọt.

- Má Bác-bơ-ranh rất dịu dàng với con bò sữa Rút-xét của nhà cháu.

- Bà ấy làm đúng đấy ! Cháu làm cho ông có cảm tưởng tốt về má Bác-bơ-ranh. Bà ta đã hiểu điều mà thường thường những người dân quê chưa biết. Đó là: thô bạo đem lại ít kết quả, trái lại ngọt ngào thì được rất nhiều nếu không muốn nói là tất cả. Riêng phần ông, vì ông không bao giờ nóng nảy với mấy con vật của ông nên ông mới làm cho chúng nó trở thành như thế đấy. Nếu ông đánh đập chúng nó, chúng nó sẽ sợ sệt, mà sự sợ hãi làm tê liệt óc thông minh đi. Vả chẳng nếu ông cứ cáu gắt với chúng, thì ông đã là khác chứ không được như thế này đâu. Ông đã luyện được lòng kiên nhẫn bất chấp mọi thử thách, và chính nó đã làm cho cháu tin ông. Ấy, khi mình dạy kẻ khác thì cũng là tự dạy cho mình. Ông dạy những con chó kia bao nhiêu bài học thì chúng nó dạy lại ông bấy nhiêu bài. Ông đã mở trí thông minh cho chúng nó, thì chúng nó rèn luyện tính khí cho ông.

Điều đó kỳ dị quá khiến tôi bật cười.

- Cháu lấy làm lạ sao chó lại dạy được người, có phải không ? Ấy thế mà đúng như thế đấy, không có gì đúng bằng. Cháu thử suy nghĩ mà xem. Cháu có thừa nhận là con chó chịu ảnh hưởng của chủ nó không ?

- Ôi ! Cái đó đúng quá.

- Thế thì cháu sẽ hiểu rằng ông thầy bắt buộc phải tự giữ mình khi luyện tập cho chó. Giả thử khi dạy con Ca-pi, ông lại nổi lên cáu kỉnh và giận dữ ! Con Ca-pi nó sẽ làm gì ? Nó cũng sẽ tập thói quen giận dữ và cáu kỉnh, nghĩa là đập theo khuôn của ông và trở nên hư

hồng. Chó hầu như bao giờ cũng là hình ảnh của chủ. Nhìn thấy chó biết ngay chủ là người thế nào. Anh hãy cho tôi xem con chó của anh, tôi sẽ nói anh biết anh là người như thế nào cho mà coi. Chó của tên côn đồ là chó vô lại. Chó của đứa ăn sương là chó trộm cắp. Người cộc cằn thì chó thô lỗ. Người nhã nhặn thì chó dễ yêu.

Những bạn tôi, đàn chó và con khỉ, hơn tôi ở chỗ đã quen ra mặt công chúng, cho nên chúng nó chờ đón ngày mai tới không chút gì sợ hãi. Đối với chúng nó, chỉ cần làm lại những việc chúng làm đã hàng trăm lần, có dễ hàng nghìn lần rồi cũng nên.

Nhưng mà đối với tôi, tôi không thể bình tâm vững dạ như chúng nó. Nếu tôi đóng kém thì cụ Vi-ta-li sẽ nói sao đây. Khán giả sẽ bàn tán thế nào? Cái điều băn khoăn ấy làm tôi khó ngủ. Đến khi thiếp đi thì tôi mơ thấy bao nhiêu người ôm bụng cười lăn cười lộn, cười văng vào mặt tôi để chế giễu tôi.

Hôm sau tôi rất xúc động khi đoàn chúng tôi từ quán trọ ra đi để đến chỗ công cộng biểu diễn.

Cụ Vi-ta-li đi trước, đầu ngẩng cao, uốn ngực, chân bước đều, tay văng theo nhịp bước, vừa đi vừa thổi van⁽¹⁾ bằng một ống tiêu kim loại. Sau ông cụ đến con Ca-pi, trên lưng nó ông Giô-li-cơ ngự khoái trá. Ông mặc quân phục hàm tướng nước Anh: quần đỏ, áo đỏ có thêu kim tuyến, mũ cài một chùm lông xòe ra. Giữ một khoảng cách đúng phép, con Déc-bi-nô và con Đôn-xơ

(1) *Điệu nhảy xoay tròn (valse) - ND.*

song song đi theo sau. Cuối cùng, đi đoạn hậu là tôi. Nhờ có những khoảng cách do ông cụ xếp đặt nên đoàn chúng tôi có vẻ khá dênh dàng trên đường phố.

Đoàn kéo đi rầm rộ, long trọng. Nhưng làm cho người ta chú ý hơn là tiếng tiêu rần rỏi của ông cụ. Nó vọng vào trong tận cùng mọi nhà, kêu gọi tính tò mò của dân cư thị trấn Út-xen. Người ta đổ xô ra cửa để xem chúng tôi diễu qua. Người ta vén vội những màn cửa sổ lên. Dăm ba đứa trẻ theo chân chúng tôi. Có mấy bác nông dân thấy lạ mắt cũng nhập bọn với chúng tôi. Khi chúng tôi đi tới chỗ công cộng thì ở sau chúng tôi, quanh chúng tôi trông như một đám rước.

Chúng tôi dựng rạp rất nhanh. Rạp đây là một cái thùng buộc vào bốn gốc cây để vây lấy một khoảnh đất trống dài, ở giữa là chúng tôi.

Phần đầu buổi biểu diễn gồm có mấy trò do lũ chó làm. Những trò gì tôi không nói được vì tôi đang bận nhảm vai của tôi và mãi băn khoăn lo ngại. Tôi chỉ nhớ là cụ Vi-ta-li đã cất ống tiêu đi và lấy vi-ô-lông ra kéo để đệm những tiết mục của mấy con chó. Lúc thì ông cụ kéo những nhịp vũ, lúc thì kéo một bản nhạc du dương êm ái.

Công chúng dồn lại rất nhanh, xô vào dây thùng của chúng tôi. Khi chúng tôi nhìn chung quanh - tự nhiên mà nhìn chứ chẳng định tìm gì - thì tôi thấy trăm ngàn con mắt tập trung vào chúng tôi dường như nháy ra những tia sáng.

Khi đã diễn xong vở thứ nhất, con Ca-pi lấy mồm ngậm một cái âu gỗ, đứng kiểng trên chân sau và bắt đầu đi vòng quanh “chư vị khán giả” một lượt. Khi có một khách xem không chịu ném tiền vào âu thì nó đứng lại đặt âu vào trong vòng dây, ngoài tầm tay của khán giả, đoạn để hai chân trước lên người ông khách cứng cổ, sủa hai ba tiếng và đập đập khe khẽ vào túi khách như muốn mở túi ra. Thế là trong đám người xem, tiếng la ó, chuyện vui đùa, lời giễu cợt dậy lên:

- Cái con chó này láu thật, nó biết ai là người nặng túi đấy !

- Thôi thôi tay vào túi cho rồi.

- Hấn sắp chi tiền kìa.

- Hấn chẳng cho đâu.

- Cho đi ! Có gia tài của ông chú bù lại mà !

Thế là cuối cùng, những đồng xu giấu ở dưới đáy túi cũng phải vọt ra. Ông cụ Vi-ta-li thì không nói gì cả. Cụ kéo đàn violông, dạo những bài vui, lúc giờ cao, lúc hạ thấp cây đàn tùy theo nhịp, mắt không rời khỏi cái bát. Chẳng mấy chốc con Ca-pi đã trở về chỗ chủ nó, kiêu hãnh mang theo cái âu gỗ đầy tiền.

Bây giờ đến lượt Giô-li-cơ và tôi ra trò. Một tay cầm đàn, một tay cầm mã vĩ khoa lên, ông cụ Vi-ta-li nói:

- Thưa quý ông, thưa quý bà, chúng tôi sẽ tiếp tục diễn hầu quý ông quý bà một vở hài kịch lý thú nhan đề là: “Người đầy tớ của ông Giô-li-cơ” hay là “Kẻ dân dộn

nhất không phải là kẻ mà người ta tưởng". Một người như tôi không bao giờ hạ mình để cao diễn viên và vở kịch trước khi trình diễn. Tôi xin nói với các ngài một điều: mời các ngài mở to mắt mà nhìn, lắng tai mà nghe và chuẩn bị mà vỗ tay.

Cái mà ông cụ gọi là vở hài kịch lý thú, thực ra chỉ là một tấn trò câm, nghĩa là một tấn trò diễn bằng điệu bộ chứ không có lời. Tất nhiên là phải như thế, vì hai vai chính, Giô-li-cơ và Ca-pi đều không biết nói và vai thứ ba là tôi cũng không khó mà nói nổi hai câu. Tuy nhiên muốn cho khán giả hiểu và dễ theo dõi các diễn viên, ông cụ Vi-ta-li phải nói thêm vài lời để giới thiệu và giải thích các tình huống trong vở.

Chính vì vậy mà ông cụ chơi một bản nhạc nhà binh trầm trầm, báo trước cho khán giả biết là ông Giô-li-cơ sắp ra. Ông Giô-li-cơ là một vị tướng người Anh đã đoạt quân hàm cao và làm giàu lớn trong chiến tranh Ấn Độ⁽¹⁾. Từ trước tới giờ ông muốn kẻ hầu hạ cho ông phải là một con người, vì ông giàu, ông có điều kiện để hưởng thụ cái thú xa hoa ấy. Trong khi chờ đợi người đầy tớ ấy đến, ông Giô-li-cơ đi bách bộ trong phòng, vừa đi vừa hút xì gà.

Ồi chà, phải nhìn ông ta phả khói vào mặt người xem thì mới biết ! Ông tướng sốt ruột và ông bắt đầu trợn mắt tròn xoe, y hệt một người sắp sửa nổi giận. Ông mồm môi mồm lợi giậm chân xuống đất thành thịch.

(1). Chiến tranh đàn áp những cuộc vũ trang khởi nghĩa ở Ấn Độ thế kỷ XIX. Bấy giờ Ấn Độ là thuộc địa của Anh-ND.

Đến cái giậm chân thứ ba thì Ca-pi phải dắt tôi ra trò. Giả thử tôi có quên thì con chó nó cũng sẽ nhắc cho tôi. Khi đã đến lúc ra trò, Ca-pi đưa chân ra đỡ lấy tay tôi và đưa tôi ra mắt vị tướng.

Trông thấy tôi, ông tướng giơ hai tay lên, vẻ thất vọng. Thế nào ! Cái tên đầy tớ người ta giới thiệu đây à? Ông đến sát người tôi, nhìn tận mặt tôi, rồi thì ông vừa đi đi lại lại quanh tôi vừa nhún vai. Vẻ mặt của ông ngộ nghĩnh quá khiến mọi người phá lên cười. Người ta hiểu ngay rằng quan tướng coi tôi là thằng ngu ngốc, hoàn toàn ngu ngốc và chính khán giả cũng có cảm tưởng như thế.

Tất nhiên là vở kịch được xây dựng thế nào để phơi bày cái vẻ ngu dốt ấy dưới mọi hình dạng. Qua mỗi lớp tôi phải đưa thêm ra một cái ngốc nghếch mới. Còn Giô-li-cơ thì ngược lại phải lợi dụng những dịp ấy để phô trương trí khôn và tài khéo của mình.

Sau khi nhìn tôi, nhìn đi ngấm lại hồi lâu, quan tướng động lòng thương hại, bảo dọn bữa sáng cho tôi ăn. Ông cụ Vi-ta-li thuyết minh:

- Quan tướng nghĩ rằng khi thằng bé này ăn uống no nê thì nó sẽ bớt thộn. Chúng ta sẽ xem sao.

Tôi ngồi trước một cái bàn con trên bàn bày sẵn thìa đĩa, trên đĩa có một chiếc khăn ăn.

Khăn để làm gì nhỉ ? Con Ca-pi ra hiệu bảo tôi phải dùng khăn. Nhưng mà dùng thế nào chứ ? Tôi loay hoay suy nghĩ một hồi rồi đưa khăn lên toan hỉ mũi vào đó.

Thế là quan tướng cười lăn cười lộn, còn con Ca-pi ngã vật ngửa ra, chống bốn vó lên trời, vì sự dằn dặt của tôi.

Biết là nhảm, tôi lại ngấm cái khăn tự hỏi xem nên dùng nó thế nào. Sau cùng tôi nảy ra một ý định: tôi cuốn khăn lại và thắt thành một cái ca-vát trên cổ. Quan tướng lại cười ngất, con Ca-pi lại ngã lăn ra. Cứ như thế mãi cho đến lúc ông tướng điên ruột lên, đẩy tôi ra khỏi ghế, ngồi vào chỗ tôi và chén quách bữa ăn dọn cho tôi.

Chà ! Quan tướng sử dụng khăn ăn mới khéo làm sao ! Điều bộ rất mực phong lưu, ông cài khăn vào khuyết áo và trải lên trên đùi ông ! Lại còn xem ông bẻ bánh, ông bưng cốc rượu uống, duyên dáng làm sao ! Những cử chỉ quý phái của quan tướng đều làm cho khán giả vui thích cả, nhưng đến lúc ăn xong, quan đòi đưa một cái tấm và xĩa lia lịa vào răng, thế là người ta mới thật là không có cách nào nhịn cười.

Bấy giờ tiếng vỗ tay dậy ran tứ phía và buổi biểu diễn kết thúc trong vinh quang.

“Con khỉ thật khôn ! Mà anh đây tố thật ngu dốt!”. Về đến nhà trọ, ông cụ Vi-ta-li khen tôi như vậy, và tôi quả có máu nghệ sĩ trong người cho nên rất đổi tự hào với lời khen ấy.

7

TÔI TẬP ĐỌC

Những diễn viên trong gánh xiếc của cụ Vi-ta-li, tôi muốn nói mấy con chó và con khỉ - quả là tài hoa xuất chúng, nhưng mà tài hoa của họ không trở ra nhiều về. Khi họ đã diễn ba bốn buổi rồi thì người ta biết hết cả các tiết mục. Lúc ấy họ chỉ còn diễn lại những trò cũ. Do đó, chúng tôi không thể ở lâu trong một đô thị. Ở Út-xen được ba ngày thì chúng tôi không phải lên đường. Tôi đã quen ông cụ nên tôi đánh bạo hỏi:

- Chúng ta đi đâu đây, thưa cụ ?

Ông già nhìn tôi và hỏi lại :

- Cháu biết vùng này à ?

- Không.

- Thế sao cháu hỏi chúng ta đi đâu ?

- Để cho biết.

- Biết cái gì kia ?

Tôi đứng ngây người ra không biết nói gì, mắt nhìn con đường trắng xóa chạy dài trước mặt, trong lòng một thung lũng nhỏ có nhiều cây cối. Ông cụ tiếp:

- Nếu ông bảo cháu là chúng ta đi đến O-ri-ắc để rồi lại đi Boóc-đô, đi tới dãy núi Pi-rê-nê thì phỏng cháu biết được cái gì chứ ?

- Thế cụ biết rõ vùng này à ?

- Ông chưa đến đây bao giờ cả.

- Vậy sao cụ biết chúng ta đi những đâu ?

Ông cụ lại nhìn tôi rất lâu dường như định tìm kiếm cái gì ở tôi. Xong cụ hỏi :

- Cháu không biết đọc, có phải không ?

- Vâng.

- Thế cháu có biết quyển sách là cái gì không?

- Có. Người ta mang sách đi lễ nhà thờ để đọc kinh khi người ta không thuộc lòng bài kinh lẫn tràng hạt. Cháu đã trông thấy nhiều sách lắm, sách đẹp, ở trong có tranh vẽ, ngoài bọc da.

- Tốt lắm. Thế là cháu biết rằng người ta có thể viết kinh vào trong một quyển sách, có phải không?

- Vâng.

- Người ta có thể viết cái khác vào sách cũng được. Khi cháu đọc thuộc lòng bài kinh lẫn tràng hạt là cháu đọc thuộc lòng những câu mà cháu đã rót vào tai cháu. Những câu đó từ tai cháu đã dồn vào trong óc cháu để rồi trở ra trên đầu lưỡi khi cháu cần đến nó. Thế nhưng những người đọc kinh bằng sách thì không phải họ lấy những câu kinh ở trong trí nhớ, mà họ lấy những câu đó ở trong sách ra, lấy bằng mắt, nghĩa là họ đọc.

- Cháu đã được trông thấy người ta đọc rồi - Tôi reo lên, vẻ đắc thắng như một người không những không đần độn mà trái lại hiểu rất rõ những điều mà người ta nói với mình.

- Với những bài kinh người ta làm thế nào thì với những thứ khác người ta cũng làm thế ấy. Lúc nào nghỉ lại ông sẽ đưa cho cháu xem một quyển sách trong đó có tên và lịch sử các vùng chúng ta đi qua. Có những người đã ở hoặc đi khắp miền này, họ viết vào trong sách những điều mà họ trông thấy hoặc nghe biết. Nhờ vậy ông chỉ việc mở quyển sách ra đọc là biết rõ. Ông trông thấy những vùng ấy như là chính mắt ông nhìn thấy ! Ông học lịch sử các vùng ấy như là nghe người ta kể vậy.

Từ nhỏ đến giờ, tôi đã lớn lên như một chú bé man rợ, không có mảy may ý thức về đời sống văn minh. Những lời nói của ông cụ làm cho tôi bừng tỉnh, trước còn lơ mơ sau sáng tỏ dần ra. Thực ra thì mẹ nuôi tôi cũng đã cho tôi đi học. Nhưng mà chỉ đi học có một tháng, và trong cái tháng ấy tôi chẳng được sờ đến quyển sách nào. Người ta cũng chẳng nói gì đến việc tập đọc tập viết, chẳng dạy cho tôi một bài nào, dù là bài gì.

Không nên căn cứ vào tình hình trường lớp hiện nay để nhận xét rằng lời tôi nói trên là vô lý. Hồi đó ở nước Pháp có vô số xã không có trường học. Ở những xã có trường thì lại có những trường mà thầy giáo phụ trách vì lý do này hay lý do khác chẳng dạy dỗ gì cho

những con em người ta gửi gắm cho các thầy. Các thầy không dạy là vì các thầy dốt đặc, hoặc là vì các thầy mãi làm công việc khác. Các thầy chỉ biết trông trẻ, tưởng rằng việc đó là chính.

Đó là trường hợp thầy giáo trường làng chúng tôi. thầy giáo có biết chữ nghĩa gì không ? Có thể là biết đấy, tôi không muốn gán ấu cho thầy cái danh hiệu mít đặc. Nhưng mà thực sự thì từ khi tôi đến nhà thầy, thầy chẳng dạy cho tôi một chữ nào cả. Đối với các bạn tôi cũng vậy. Vốn là thợ guốc, thầy vui đầu vào làm guốc. Từ sáng chí tối chỉ thấy thầy tung ra quanh thầy bao nhiêu là vỏ bào gỗ dẻ và gỗ hồ đào. Ngoài những câu qua lại về bố mẹ chúng tôi, về thời tiết mưa rét, thầy chẳng nói cái gì khác. Chẳng dả động gì đến tập đọc, làm tính. Về việc này thì thầy ủy thác cho cô con gái thầy. Cô ấy có nhiệm vụ thay thế thầy, dạy chúng tôi học. Nhưng mà cô này vốn là thợ may cho nên cô cũng lại như ông bố thôi: trong khi ông bố sử dụng cái bào, cái đục thì cô múa cây kim thoăn thoắt.

Cần phải sống chứ ! Bọn học trò chúng tôi là mười hai đứa, hàng tháng mỗi đứa trả năm hào, cộng cả thầy là sáu phờ-răng. Sáu phờ-răng thì làm sao đủ nuôi miệng hai người trong vòng ba mươi ngày ! Dạy học không đủ sống thì phải làm guốc và khâu vá bù vào. Có tiền mới có cái ăn cái mặc chứ ! Thế là tôi chẳng học được cái gì ở trường cả, ngay cả đến những chữ cái cũng vậy.

Tôi vừa đi vừa suy nghĩ một lúc rồi hỏi cụ Vi-ta-li:

- Thưa ông, tập đọc có khó không ?

- Khó đối với những đứa tối dạ, càng khó hơn nữa đối với những đứa không quyết tâm. Cháu có tối dạ không ?

- Cái đó cháu không biết, nhưng nếu ông vui lòng dạy cháu đọc được sách thì cái gì chứ quyết tâm có lẽ cháu không thiếu đâu.

- Thế thì để rồi xem, chúng ta còn chán thì giờ!

Còn chán thì giờ ! Tại sao lại không làm ngay nhỉ ? Tôi chưa lượng biết tập đọc khó khăn đến dường nào. Tôi cứ tưởng rằng hễ tập đọc là mở ngay quyển sách và nhìn thấy tức khắc những cái gì chứa đựng trong ấy.

Ngày hôm sau, trong khi đi đường, ông cụ chủ tôi cúi xuống nhặt một mảnh ván nửa lếp trong bụi đường. Ông cụ nói:

- Đây là quyển sách để cho cháu tập đọc.

Cái mảnh ván này là quyển sách à ! Tôi nhìn ông cụ xem ông có chế giễu tôi không. Thấy ông nghiêm trang thì tôi lại ngắm kỹ cái vật ông vừa bắt được. Đúng là một mảnh ván, một mảnh ván gỗ dẻ, dài bằng cánh tay, rộng bằng hai bàn tay, nhẵn thín. Trên ván không ghi chép hoặc vẽ hình gì cả. Làm sao mà đọc được trên mảnh ván ấy ? Vả lại có cái gì mà đọc kia chứ?

Ông cụ vừa cười vừa nói:

- Ốc cháu đang suy nghĩ.

- Ông chế giễu cháu đấy à ?

- Không bao giờ đâu, cháu ạ ? Chế giễu cũng có cái hay, như khi cần sửa chữa một tật hư nết xấu. Nhưng

chế giấu người đốt nát thì lại là ngu dại. Hãy đợi khi ta đến chỗ lùm cây đằng kia, ta nghỉ chân và cháu sẽ thấy ông dạy cháu tập đọc trên mảnh gỗ như thế nào.

Chẳng mấy chốc đã tới lùm cây. Đặt xác xuống, chúng tôi ngồi trên thảm cỏ đang bắt đầu xanh lại, lổm đổm đó đây vài bông xuyên tuyết⁽¹⁾. Con Giô-li-cơ được cởi xích ra, nhảy tót lên cây, rung hết cành này đến cành khác như để làm rụng những trái hồ đào. Mấy con chó trầm tĩnh hơn và cũng mệt nhọc hơn, nằm vây quanh chúng tôi.

Ông Vi-ta-li rút ở túi ra một con dao, lấy lưỡi dao tách ở tấm ván ra một mảnh gỗ thật mỏng. Làm thế xong, ông cạy cạo thật nhẵn hai mặt mảnh gỗ và cắt nó ra thành từng miếng vuông nhỏ. Được cả thảy mười hai miếng dẹt dẹt bằng nhau.

Tôi chăm chú xem ông cạy làm. Nhưng phải thú thật rằng mặc dù hết sức, tôi vẫn chưa hiểu ông cạy làm thế nào dùng mấy miếng gỗ tí tẹo ấy mà làm thành một quyển sách được. Vì rằng có đốt nát đến đâu chăng nữa, tôi cũng biết rằng một quyển sách gồm có một số tờ giấy trên đó vạch những dấu đen. Mà ở đây thì nào có thấy những tờ giấy ấy, nào có thấy những dấu đen kia ! Ông cạy nói:

(1). Loại cây nhỏ có hoa, nảy mầm sớm, chóc tuyết mà mọc lên và ra hoa vào đầu xuân nên người Pháp gọi là *perce-neige* (đâm thủng tuyết, xuyên tuyết) hoặc *pâquerette* (ra hoa vào lễ Pâque, tháng 4 các loại hoa khác tháng 5).

- Trên mỗi mặt miếng gỗ nhỏ ấy, ngày mai ông sẽ lấy mũi dao khắc một chữ cái. Cháu sẽ học hình dạng từng chữ và khi cháu thuộc lòng không nhầm lẫn nữa, thoáng trông đã biết, thì cháu sẽ ghép những chữ ấy lại với nhau làm thành từng tiếng. Cứ như thế cho đến khi cháu ghép được những tiếng ông bảo là cháu có thể đọc trong sách được rồi.

Chẳng bao lâu túi tôi bỏ đầy những miếng gỗ nhỏ và dần dần tôi thuộc hết các chữ cái. Nhưng mà biết đọc lại là chuyện khác. Mọi sự không đi nhanh như thế đâu và đã có lúc tôi thấy hồi là mình trót dại, muốn biết đọc.

Muốn cho công mình thì tôi phải nói rằng không phải vì lười mà đã có lần tôi hối tiếc như vậy. Tôi hối tiếc chỉ vì tự ái thôi. Khi dạy tôi những chữ cái cụ Vi-ta-li nghĩ rằng có thể dạy luôn cho con Ca-pi được. Con chó đã nhớ những con số chỉ giờ thì tại sao nó không nhớ chữ cái được ?

Thế là chúng tôi học chung bài vở. Tôi trở thành người bạn học của con chó, hay con chó là bạn học của tôi, nói thế nào cũng được. Tất nhiên là con Ca-pi không đọc được những chữ nó nhìn thấy vì nó không biết nói. Nhưng mà khi mấy miếng gỗ đã được trải ra trên mặt cỏ thì hễ cụ chủ đọc chữ nào, nó phải lấy chân kéo chữ ấy ra.

Thoạt tiên thì tôi học mau tiến hơn nó. Nhưng trí thông minh của tôi nhạy hơn thì trí nhớ của nó lại bền hơn. Cái gì nó học được là nó nhớ mãi, không bao giờ quên. Vì nó không đăng trí cho nên không bao giờ nó

ngập ngừng hoặc nhầm lẫn. Thế cho nên khi tôi nhầm lẫn thì cụ chủ lại bảo:

- Rồi con Ca-pi sẽ biết đọc trước Rê-mi cho coi!

Và con chó hình như cũng hiểu nên nó vẫy đuôi đặc thăng. Cụ Vi-ta-li còn nói:

- Ngu hơn một con vật, ở trên sân khấu thì hay đấy, nhưng ở ngoài đời mà như thế thì thật là xấu hổ.

Điều đó kích thích tôi và làm cho tôi dốc lòng học tập. Tôi nghiệp thay con chó, trong khi nó giẫm chân tại chỗ ở cái bài chọn rút chữ cái để ráp tên nó, thì tôi đã xem được sách.

Cụ Vi-ta-li bảo:

- Bây giờ cháu biết đọc chữ cái rồi, cháu có muốn học đọc nhạc không ?

- Thế khi cháu biết âm nhạc rồi thì cháu có thể hát như ông được không ?

- Cháu muốn hát như ông à ?

- Ô ! Không phải hát như ông, cháu biết cái ấy không thể được. Cháu chỉ muốn hát được mà thôi.

- Nghe ông hát, cháu thích thú lắm sao ?

- Đó là điều làm cháu vui thích nhất. Con chim oanh hót đã hay nhưng mà cháu tưởng ông hát còn hay hơn nhiều. Vả lại không phải lúc nào cũng giống nhau. Khi ông hát thì cháu hoàn toàn tùy quyền ông, ông bắt buồn thì cháu khóc, ông cho vui thì cháu cười. Cháu

còn muốn nói với ông một điều mà có lẽ ông cho là ngu xuẩn: khi ông hát một điệu êm ái hay một điệu buồn thì điệu hát đó đưa cháu trở về với má Bác-bơ-ranh. Cháu nghĩ đến má cháu, cháu trông thấy má cháu ở trong nhà cháu, ấy thế mà nào cháu có hiểu những lời ông hát đâu, ông hát bằng tiếng Ý kia mà !

Tôi vừa nói vừa nhìn ông cụ và tôi thấy hình như ông cụ ứa nước mắt. Tôi bèn ngừng lại và hỏi xem có làm phiền lòng cụ không ? Ông cụ cảm động trả lời:

- Không đâu, cháu ạ. Cháu không làm ông buồn đâu. Trái lại, cháu làm ông nhớ lại tuổi trai trẻ, thời tươi đẹp của ông. Cháu cứ yên tâm, ông sẽ dạy cháu hát. Cháu là một đứa trẻ giàu tình cảm cho nên cháu cũng sẽ làm cho người ta khóc và cháu sẽ được người ta vỗ tay hoan hô. Rồi cháu xem...

Bỗng dưng ông cụ dừng lại, và tôi hiểu rằng ông cụ không muốn kể lể nhiều về câu chuyện này nữa. Nhưng mà lý do làm cho ông cụ không muốn nói thì tôi không đoán ra được. Mãi về sau, lâu lắm về sau này, tôi mới biết rõ, biết trong trường hợp thật đau đớn, thật khủng khiếp đối với tôi. Khi nào câu chuyện của tôi tới đoạn ấy tôi sẽ kể ra.

Ngay ngày hôm sau ông cụ dạy nhạc cho tôi cũng làm như cách dạy chữ. Nghĩa là ông cụ lại cắt những miếng gỗ vuông nhỏ và lấy dao khắc vào đó. Nhưng lần này việc ông cụ làm tốn công hơn nhiều vì rằng những dấu hiệu khác nhau để ghi nốt nhạc rắc rối hơn chữ cái nhiều.

Để cho túi tôi nhẹ bớt, ông cụ dùng cả hai mặt gối. Sau khi rạch năm dòng tức là những dòng để viết nhạc, mặt bên này ông cụ khắc khóa *sol* và mặt bên kia thì khóa *fa*. Khi cụ chuẩn bị mọi thứ đầu vào đó rồi thì tôi bắt đầu học. Tôi phải thú thực rằng học-nhạc vất vả không kém gì học chữ. Ông cụ Vi-ta-li kiên nhẫn với mấy con chó là thế, mà với tôi thì nhiều lần cụ đã lộn tiết lên. Cụ hét:

- Với một con vật, người ta nhin được bởi vì người ta biết nó là một con vật. Còn cháu thì cháu làm ông đến chết mất thôi !

Thế là ông cụ giơ hai tay lên trời như khi đóng kịch và thỉnh linh bỏ rơi xuống đánh đét trên đùi. Con Giô-li-cơ vốn thấy có cái gì buồn cười thì thường nhại, nay thấy ông cụ làm thế là nó bắt chước ngay. Hầu như lúc nào tôi học bài nó cũng ngồi xem, cho nên khi tôi ngập ngừng lúng túng thì thấy y như rằng nó đưa tay lên trời rồi thả xuống đánh đét trên đùi làm tôi bực mình. Còn ông cụ thì kêu:

- Ngay đến con Giô-li-cơ cũng chế nhạo cháu đó.

Nếu tôi bạo mồm bạo miệng thì tôi sẽ cãi lại rằng nó chế nhạo cả thầy nữa chứ không phải trò mà thôi. Nhưng mà phần vì kính nể, phần vì sợ vắn sợ vợ cho nên may quá, lần nào tôi cũng chặn câu ấy lại được. Tôi chỉ lẩm bầm câu đó một mình mỗi khi con khỉ vừa nhả nhó vừa buông tay đánh đét trên đùi. Lẩm bầm như thế cũng đủ làm cho tôi đỡ xấu hổ phần nào.

Rốt cuộc tôi vẫn vượt qua những bước đầu ấy, mặc dù vất vả khi tập hát lần đầu tiên trên một bản ký âm do cụ Vi-ta-li viết trên giấy, tôi rất sung sướng. Hôm đó ông cụ không buông tay đánh đét nữa, mà lại vỗ vào hai bên má tôi một cách thân mật. Cụ bảo rằng nếu tôi cứ tiếp tục như vậy thì chắc chắn sẽ trở thành một danh ca.

Tất nhiên là việc học tập của tôi không phải hoàn thành trong một ngày. Trong hàng tuần, hàng tháng lúc nào túi tôi cũng đầy những miếng gỗ nhỏ. Vả lại tôi cũng không được theo học đều đặn như các trẻ còn khác theo học ở nhà trường. Chỉ lúc nào rảnh rang, ông cụ mới dạy tôi.

Mỗi ngày chúng tôi phải đi một đoạn đường dài hay ngắn tùy theo các làng mạc cách xa hay gần. Chúng tôi phải biểu diễn bất cứ ở nơi nào nếu thấy ở nơi ấy có cơ thu được tiền, phải bắt bầy chó và ông Giô-li-cơ luyện tập, phải tự tay sửa soạn lấy bữa ăn sáng hay bữa ăn chiều. Xong xuôi các công việc đó thì mới nói đến chuyện đọc sách hay là học nhạc.

Thường thường tôi học ở chỗ nghỉ chân, dưới một gốc cây hoặc trên một đồng đá, lấy thảm cỏ hoặc đường đi làm bàn để bày những miếng gỗ ra. Cách học tập như thế khác hẳn với cách học tập của biết bao trẻ em khác. Những trẻ em này chỉ có mỗi một việc là học, thế mà vẫn cứ kêu ca là không có thì giờ làm bài. Tuy nhiên phải thừa nhận rằng trong việc học tập có điều quan trọng hơn thì giờ: đó là sự chuyên tâm.

Dành nhiều thì giờ để học bài cũng không làm cho bài học in sâu vào trí nhớ. Tập trung tư tưởng mới làm cho ta đạt kết quả ấy.

May làm sao tôi lại có khả năng tập trung tư tưởng, không để cho những trò chơi xung quanh mình lôi cuốn. Nếu tôi cũng như một số học sinh kia chỉ ngồi ì trong buồng, hai tay nút chặt tai lại mắt dán vào sách mới học được, thì hồ để tôi đã học được gì ! Chắc là không được gì cả. Bởi vì chúng tôi không có buồng để tự giam mình vào đó, và khi đi dọc theo những con đường thiên lý, tôi phải luôn luôn chú ý nhìn dưới chân không thì có khi ngã sấp mặt.

Rốt cuộc tôi đã học tập được đôi chút. Đồng thời tôi cũng tập đi được những độ đường dài và cái đó bổ ích cho tôi không kém gì những bài học của cụ Vi-ta-li. Khi còn ở với má Bác-bơ-ranh, tôi là một đứa trẻ khảng kheo ốm yếu và cái cách người ta nói về tôi chứng tỏ điều đó một cách rõ ràng. Ông Bác-bơ-ranh thì bảo : “Nó là một thằng bé thành thị”, cụ Vi-ta-li thì chế nhạo “chân tay nó mảnh khảnh quá”. Sống ở bên cạnh ông chủ tôi, màn trời chiếu đất kham khổ, chân tay tôi rắn lại, ngực tôi nở ra, da tôi dày dặn đi. Nhờ thế tôi chịu đựng được tất cả rét cũng như bức, nắng cũng như mưa.

Thời kỳ tập nghề này là một điều may lớn cho tôi. Nó giúp tôi về sau thắng được những đòn khốc liệt mà số phận giáng xuống đầu mình trong tuổi niên thiếu.

VƯỢT NGÀN BẮNG NỘI

Chúng tôi chu du một phần miền Nam nước Pháp qua các tỉnh Ô-véc-nhơ, Vơ-lê, Lăng-gơ-đốc... Cái lối đi của chúng tôi thật đơn giản: cứ việc đi tới phía trước, không suy nghĩ tính toán gì cả. Hễ trông thấy đằng xa có một làng nào không có vẻ quá tiêu điều là chúng tôi sửa soạn tiến vào một cách vinh quang. Tôi trang điểm chải chuốt cho mấy con chó, đội mũ cho con Đôn-xơ, mặc áo cho con Déc-bi-nô, dán một bên mắt cho con Ca-pi để cho nó đóng vai một chiến binh kỳ cựu. Và tôi bắt con Giô-li-cơ mặc quân phục tướng Anh. Đó là phần việc khó nhọc nhất của tôi, bởi vì con khỉ biết rằng mặc áo là sắp sửa phải làm việc vất vả, nên nó cố sức chống cự. Nó nghĩ ra những ngón rở ma mãnh để làm cho tôi thất bại. Thế là tôi phải cầu cứu con Ca-pi. Vì con chó tinh táo, tinh ý và nhạy cảm cho nên bao giờ nó cũng phá được những trò ranh mãnh của con Giô-li-cơ.

Đoàn xiếc mặc đại lễ xong, cụ Vi-ta-li cầm ống tiêu thổi, và chúng tôi xếp đội ngũ chỉnh tề, diễu hành qua làng.

Nếu những kẻ hiếu kỳ kéo theo sau chúng tôi khá đông thì chúng tôi tổ chức ngay một buổi diễn. Nếu số người quá ít không hy vọng kiếm tiền được thì chúng

tôi cứ tiếp tục đi. Chỉ tới những thành thị chúng tôi mới ở lại nhiều ngày, và khi đó thì buổi sớm tôi được tự do đi dạo chơi, muốn đi đâu thì đi, tôi dắt con Ca-pi đi rong vơ vẩn các phố phường, tất nhiên con Ca-pi chó nhà chứ không phải con Ca-pi trong trang phục biểu diễn.

Thông thường cụ Vi-ta-li giữ tôi bên nách cụ. Nhưng trong những dịp trên thì cụ buông lỏng cho tôi mặc tình, mặc ý. Cụ bảo:

- Ngẫu nhiên mà cháu được đi chu du nước Pháp ở cái lứa tuổi các trẻ con khác đang đi học tiểu học hay trung học, thì cháu hãy mở mắt ra, cố nhìn và gắng học hỏi. Khi cháu lúng túng, khi trông thấy điều gì chưa hiểu, muốn hỏi ông thì cứ việc hỏi, đừng sợ gì. Cũng có cái ông không thể giải thích cho cháu được vì ông không dám tự hào là cái gì cũng biết. Nhưng chắc là một đôi khi ông có thể làm cho tính ham hiểu biết của cháu được thỏa mãn đấy. Trước kia không phải bao giờ ông cũng làm anh bầu một gánh xiếc chó khỉ như thế này đâu ! Cho nên ông cũng đã học tập được nhiều cái khác kia, chứ không phải chỉ cái nghề trình diễn anh Ca-pi hay ngài Giô-li-cơ với chư vị khán giả.

- Cái khác là những cái gì kia, thưa cụ ?

- Để lúc nào rồi ông sẽ nói chuyện. Bây giờ cháu chỉ biết rằng một người làm xiếc chó cũng có thể đã từng có địa vị trong xã hội, thế là đủ. Đồng thời cũng cần biết rằng hiện nay cháu ở bậc thấp nhất trong các bậc thang xã hội, nhưng nếu cháu muốn thì cháu cũng có thể leo lên bậc cao hơn. Cái đó một phần tùy hoàn

cảnh, nhưng phần lớn là ở cháu. Cháu à, cháu hãy chịu khó nghe những bài học của ông, những lời ông khuyên bảo. Sau này lúc cháu lớn khôn, cháu sẽ cảm động và biết ơn ông khi cháu nhớ tới cái lão nhạc sĩ tội nghiệp đã khiến cháu khiếp đảm khi cướp cháu trong tay người mẹ nuôi của cháu. Ông cảm thấy rằng cuộc gặp gỡ giữa ông và cháu sẽ mang lại hạnh phúc cho cháu sau này.

Không biết trước kia ông cụ chủ tôi làm gì mà bây giờ hễ cứ nói đến là giữ gìn ý tứ nhỉ ? Tôi cứ tò mò tự hỏi như thế và nghĩ ngợi. Nếu đúng như ông cụ nói, ông cụ đã từng ở một bậc thang cao trong xã hội thì tại sao bây giờ ông cụ lại đang ở bậc thấp ? Ông cụ cho rằng nếu tôi muốn thì tôi có thể leo lên bậc cao, thế mà tôi thì chỉ là một đứa trẻ hèn mọn, dốt nát, không gia đình, không ai giúp đỡ. Thế thì tại sao chính ông cụ lại tụt xuống ?

Sau khi rời dãy núi tỉnh Ô-véc-nơ, chúng tôi đến vùng đá vôi tỉnh Kéc-xi. Đó là những đồng bằng rộng lớn, mặt đất cuộn lên như những làn sóng không đều, trên đó chỉ có đất hoang và rừng cây thưa thớt. Không có miền nào buồn bã, nghèo nàn hơn thế. Đó là cảm tưởng của khách khi qua đây. Cái điều làm cho cảm tưởng này càng thêm rõ rệt là không thấy chỗ nào có nước cả. Không có sông, không có suối, cũng không có ao hồ. Đây đó là một vài lòng suối khô cạn trơ những sỏi đá. Nước thì đã tuồn vào những vực sâu và biến vào trong lòng đất để rồi lại rỉ ra ở nơi xa, tạo thành những dòng sông hay những giếng lộng.

Giữa đồng bằng đang bị khô hạn ấy, có một làng lớn gọi là làng Ba-xti-muya-ra. Chúng tôi nghỉ đêm lại đấy, trong vựa cỏ một quán trọ. Buổi tối trước khi ngủ, ông cụ Vi-ta-li nói :

- Ở trong miền này, và có thể ở chính ngay quán trọ này, đã ra đời một con người từng làm chết hại hàng ngàn binh lính. Người ấy xuất thân là một anh chàng giữ ngựa mà về sau làm nên vương bá. Ông ta tên Mui-ra⁽¹⁾. Người ta tôn ông ta là anh hùng và lấy tên ông ta đặt cho làng này. Ông có biết ông ấy và đã nhiều lần nói chuyện với ông ấy.

- Thuở ông ta giữ ngựa ?

Câu hỏi đó bật ra ngắt lời ông cụ, tôi không kịp giữ lại. Ông cụ cười đáp:

- Không, thuở ông ta làm vua. Ông đến làng Baxti lần này là lần đầu, còn ông gặp ông Mui-ra thì ở Na-plơ kia, ở giữa triều đình của ông ta.

- Chao ! Ông đã quen thân với một vị vua ?

Chắc hẳn tiếng reo của tôi có gì ngộ nghĩnh lắm, vì thấy ông cụ lại phá lên cười, cười khá lâu.

Ông cháu chúng tôi ngồi trên một chiếc ghế dài trước chuồng ngựa, lưng tựa vào tường hãy còn ấm

(1) Mui-ra (Murat): Thống chế Pháp, người sử dụng và chỉ huy kỵ binh xuất sắc nhất của Napoléon. Được Napoléon gả em gái và cho làm vua Naplơ (Italia). Về sau bị người Italia lật đổ và bắn chết (1767 - 1815) - ND.

nắng ban ngày. Trên một cây sung lớn vòm lá trùm đầu chúng tôi, lũ ve sầu đang tung khúc nhạc đơn điệu của chúng. Trước mặt chúng tôi lừng lờ trên các mái nhà, vàng trắng tròn vành vừa mọc từ từ nhô lên giữa khoảng không. Cái đêm hôm ấy êm ả, đối với chúng tôi lại càng dễ chịu bởi vì ban ngày nóng bức quá chừng.

Cụ Vi-ta-li hỏi:

- Cháu buồn ngủ chưa ? Hay là cháu ưng nghe ông kể chuyện vua Mui-ra ?

- Ô ! Chuyện vua Mui-ra, thưa ông.

Thế là ông cụ kể câu chuyện từ đầu chí cuối cho tôi nghe. Chúng tôi ngồi hàng mấy giờ đồng hồ liền trên ghế, ông cụ thì kể, tôi thì dán mắt lên gương mặt ông cụ mờ tỏ dưới ánh trăng xanh. Sao? Tất cả những sự việc đó có thể có được ư ? Không những có thể có, mà lại có thực nữa chứ !

Cho tới lúc đó, tôi không có một ý niệm gì về lịch sử cả. Ai kể cho tôi nghe kia chứ ? Nhất định là không phải má Bác-bơ-ranh rồi. Má có biết lịch sử là cái gì ? Má sinh ra ở Sa-va-nông thì má lại chết ở đấy thôi. Trí óc của má không hề vượt ra quá tầm con mắt của má. Và đôi với con mắt của má thì vũ trụ nằm trọn trong cái vành chân trời trông từ trên chóp núi Ô-đu-dơ-ra.

Cụ chủ tôi đã trông nhiều thấy rộng làm sao !

Không biết thời trai trẻ ông cụ là người thế nào nhỉ? Tại sao ông cụ lại trở thành cái người như giờ đây tôi trông thấy trong tuổi già nua ? Hẳn ai cũng phải

nhận rằng tất cả những điều đó đủ làm cho trí tưởng tượng tỉnh táo, linh hoạt, hiếu kỳ của một đứa trẻ làm việc không ngừng.

9

TÔI GẶP MỘT NGƯỜI KHỔNG LỒ ĐI HẢI BẦY DẶM

Tôi còn nhớ đi khỏi miền đá vôi khô cằn thì chúng tôi lọt vào một thung lũng quanh năm xanh tươi. Đó là thung lũng sông Doóc-đô-nhơ. Chúng tôi đi xuôi chiều thung lũng, đi những chặng ngắn thôi. Đất đai màu mỡ làm cho dân cư giàu có, cho nên chúng tôi biểu diễn được nhiều lần. Tiền thưởng rơi vào cái bát gỗ của con Ca-pi khá dễ.

Một cái cầu lơ lửng trên không như treo trong sương mù bằng những sợi tơ nhện giăng ngang trời, vắt qua một con sông rộng, nước chảy lững lờ. Đó là cầu Cúp-dắc và sông Doóc-đô-nhơ.

Một thành phố đồ nát, có hào, có hang động, có vọng lâu, có những tường thành rạn nứt của một tu viện ở giữa, có lũ ve sầu kêu râm ran trên những cây nhỏ rải rác đó đây. Đó là thành xanh Ê-mi-li-ông.

Tất cả những thứ này đều mập mờ hỗn độn trong trí nhớ của tôi. Duy có một cảnh tượng dội khá mạnh

vào đầu óc tôi khiến nó ghi nhớ mãi cho đến ngày nay. Mỗi khi tôi hồi tưởng lại thì cảnh tượng ấy lại hiện lên rõ nét như buổi ban đầu.

Chúng tôi ngủ đêm ở một làng khá nghèo khổ và hôm sau chúng tôi lại ra đi khi trời vừa hửng sáng.

Chúng tôi đi đã lâu lắm trên đường cái đầy bụi. Tâm con mắt đang bị thu hẹp vào một con đường nhỏ hai bên trống rỗng, bỗng dung mở rộng ra trên một khoảng mênh mông, dường như có chiếc gậy thần đã đập vào một bức phong đột nhiên buông xuống trước mặt chúng tôi.

Một con sông chảy uyển chuyển vòng quanh ngọn đồi, chúng tôi vừa bước chân tới. Bên kia sông, những mái nhà và những gác chuông của một thành phố lớn rải rác khắp nơi, tít chân trời mờ nhạt. Nhà mới nhiều làm sao ! Và biết bao nhiêu là ống khói ! Một vài ống khói cao và đẹp hơn, vươn lên như những cây cột, phun từng luồng khói đen cuộn cuộn bay theo chiều gió tạo thành một đám mây mù trên thành phố ! Ở giữa dòng sông và dọc theo bến tàu, tàu thủy đậu ngổn ngang chen chúc. Dây lèo, cột buồm, cánh buồm, cờ muôn màu sắc phất phơ trước gió, tất cả những cái ấy chen nhau chi chít như cây trong rừng. Có những tiếng âm âm ì ì, tiếng sắt vụn loảng xoảng, tiếng xoong chảo, tiếng búa đập và trên cả các tiếng đó là tiếng rầm rầm của vô số xe cộ chạy nhộn nhịp trên bến tàu. Cự Vi-ta-li nói:

- Thành phố Boóc-dô đấy.

Đối với một đứa trẻ như tôi, một đứa trẻ cho tới lúc ấy chỉ trông thấy những thôn xóm nghèo nàn ở miền sông Cơ-dơ hay một vài đô thị nhỏ tình cờ gặp trên đường đi, thì quang cảnh này quả thực là thần tiên. Không nghĩ ngợi gì cả, chân tôi tự nhiên dừng lại. Tôi đứng yên nhìn về phía trước, nhìn xa, nhìn gần, nhìn xung quanh. Nhưng rồi mắt tôi chăm chú nhìn vào một điểm: con sông và tàu trên sông. Tàu bè ra vào nhộn nhịp làm cho tôi chú ý nhưng tôi chẳng hiểu gì cả, và càng không hiểu lại càng chăm chú.

Có những chiếc tàu buồm giương thẳng cánh, thân nghiêng chênh chếch xuôi theo dòng sông. Có những chiếc khác đi ngược dòng nước. Có chiếc đang quay tròn mà tôi chẳng trông thấy cái gì làm nó quay như vậy. Lại cũng có những chiếc không cột, không buồm nhưng có một ống khói nhả khói lên trời cuộn cuộn. Chúng chạy thật nhanh, xuôi ngược đủ chiều, để lại sau lái những làn bọt trắng trên mặt nước vàng vàng.

Thấy tôi ngạc nhiên, cụ Vi-ta-li giải thích, tuy tôi không hỏi:

- Đây là giờ thủy triều lên. Có những con tàu từ biển khơi vào sau những cuộc hành trình lâu dài: đó là những tàu trông như han gỉ, màu sơn đã bẩn. Cũng có tàu rời bến. Cháu hãy nhìn những con tàu đang quay ở giữa sông kia kìa, chúng đang trở mũi quanh neo, để cho mũi tàu quay về phía ngọn nước dâng lên. Những tàu chạy trong đám khói mù mịt kia là những tàu kéo dấy.

Chà, sao mà lắm tiếng kỳ lạ thế ! Sao mà lắm điều mới mẻ thế !

Khi chúng tôi đi đến chiếc cầu nối liền Ba-xti với Boóc-dô thì cụ Vi-ta-li không có đủ thì giờ để trả lời lấy một phần trăm những câu tôi muốn hỏi cụ.

Cho tới lúc đó chúng tôi chưa ở lại lâu trong những đô thị mà chúng tôi đi qua. Yêu cầu biểu diễn bắt buộc chúng tôi ngày nào cũng phải thay đổi nơi diễn để có khán giả mới. Với những diễn viên như trong “gánh xiếc của cụ Vi-ta-li trứ danh” thì tiết mục cũng chẳng được phong phú cho lắm. Khi đã diễn những vở: “Người đầy tớ của ông Giô-li-cơ”, “Cái chết của vị tướng”, “Sự đắc thắng của người chính trực”, “Con bệnh tẩy ruột” và ba bốn vở khác nữa thì chẳng còn gì, và các diễn viên của chúng tôi cũng đã dốc cạn tài nghệ rồi. Do đó phải đi chỗ khác để diễn lại vở “Con bệnh tẩy ruột” hoặc “Sự đắc thắng của người chính trực” cho những khán giả chưa từng xem.

Nhưng Boóc-dô là một thành phố lớn. Khán giả đổi mới thường xuyên. Từ khu phố này sang khu phố khác, mỗi ngày chúng tôi có thể diễn ba bốn lần, không sợ người ta la ó như ở tỉnh Ca-ho: “Bao giờ cũng có thể thôi à ?”.

Từ Boóc-dô chúng tôi định đến Pô. Hành trình của chúng tôi phải qua một vùng đất hoang rộng lớn chạy dài từ cửa ô Boóc-dô mãi cho tới dãy núi Py-rê-nê. Nơi này người ta gọi là vùng Lãng-đơ. Tôi bây giờ thì chẳng còn giống hệt con chuột nhắt trong chuyện ngụ ngôn nữa, nó trông thấy cái gì cũng ngạc nhiên, cũng thán

phục hay sợ hãi. Tuy thế ngay buổi đầu cuộc hành trình này, tôi đã bị một cái nhâm làm cho chủ tôi phải cười và chế giễu tôi mãi cho tới khi đến thành phố Pô.

Chúng tôi đã rời Boóc-dô được bảy tám ngày. Trước hết chúng tôi đi dọc theo bờ sông Ga-ron. Chúng tôi rời con sông ở xã Lăng-gông rồi đi vào con đường núi Mác-xăng xuyên sâu vào nội địa. Chẳng còn thấy ruộng nho, đồng cỏ, vườn cây ăn quả đâu nữa. Chỉ thấy toàn là rừng thông và bãi thạch thảo. Rồi nhà cửa cũng thưa thớt và xác xơ hơn. Tiếp đến một vùng đồng lầy trải mênh mông trước mắt với những nếp đất nhấp nhô. Ở đây không trồng trọt cũng không có rừng. Xa xa chỉ có một màu đất xám và ở cạnh, dọc hai bên đường cái phủ rêu mịn như nhung và những cây thạch thảo khô héo và những cây kim tước chỉ cần cỗi. Cụ Vi-ta-li nói:

- Chúng ta đến miền Lăng-dơ rồi đấy. Chúng ta còn phải đi giữa cánh đồng hoang vu này độ chừng hai mươi hay hai mươi lăm dặm nữa ! Cháu phải vững chân nhé !

Không những là phải vững chân mà còn phải vững lòng vững chí. Vì đi trên con đường hầu như vô tận, tôi cảm thấy tràn ngập một nỗi buồn không gì khuây khỏa được.

Sau này tôi đã nhiều lần đi biển. Lần nào cũng vậy, cứ ra đến giữa đại dương, không còn thấy bóng cánh buồm nào nữa thì nỗi buồn vẫn vợ khó tả ấy lại tràn ngập lòng tôi như ở giữa cảnh hiu quạnh này.

Cũng như ở trên đại dương, mắt chúng tôi phóng tới tận chân trời chìm đắm trong hơi thu mà chẳng nhìn thấy cái gì khác ngoài cảnh đồng bằng xám ngắt, phẳng lì và đơn điệu, trải ra trước mặt chúng tôi.

Thầy trò chúng tôi đi mãi. Bất giác nhìn quanh thì tưởng như mình vẫn giẫm chân tại chỗ không tiến được bước nào vì cảnh vật không thay đổi, vẫn những cây thạch thảo, vẫn những cây kim tước chi, vẫn những đám rêu. Rồi đến những cây phượng vĩ, lá mềm mại rung rung dưới gió, lượn lên lượn xuống uyển chuyển như sóng gợn.

Phải vượt những quãng đường dài mới gặp vài khu rừng nhỏ. Thông thường hễ có rừng thì phong cảnh vui tươi lên. Song những khu rừng này thì lại không thế. Rừng trồng những cây thông chặt cành đến tận ngọn. Ở thân cây có các vết đẽo sâu hoắm và ở trên các sọc màu đỏ ấy nhựa thông chảy ra kết tinh lại thành những giọt trắng. Gió thổi từng cơn qua lá thông tạo nên một bản nhạc bi ai làm cho người ta tưởng như nghe thấy tiếng những thân cây bị chặt than vãn về vết thương của mình.

Cụ Vi-ta-li đã bảo rằng tối nay chúng tôi sẽ đến thôn xóm và sẽ ngủ ở đó. Nhưng trời sắp tối rồi mà chưa thấy cái gì báo trước sẽ đến làng mạc. Không có ruộng đồng trồng trọt, không có súc vật ăn cỏ trên cánh đồng hoang và đằng xa cũng không có cột khói nào báo cho mình biết nơi đó có nhà.

Đi từ sáng sớm, tôi đã mỏi và càng thấy mỏi mệt hơn nữa vì có một sự uể oải ngao ngán đã xâm chiếm

toàn thân. Cái làng hạnh phúc kia dễ không bao giờ hiện ra ở đầu con đường vô tận này chắc !

Tôi cố mở to mắt nhìn thật xa, vẫn chỉ thấy đồng hoang vô tận mà những bụi cây mỗi lúc càng nhòa đi trong bóng tối dần dần dày đặc.

Lòng mong mỏi sắp đến chỗ nghỉ làm chúng tôi rảo bước đi nhanh. Tuy đã quen đi đường dài, chủ tôi cũng thấy mỏi. Ông cụ muốn dừng chân lại để nghỉ một lát ở bên đường.

Đáng lẽ ra tôi cũng ngồi xuống cạnh ông cụ nhưng tôi lại muốn trèo lên một ngọn đồi kim tước chỉ nhỏ ở gần lối đi, để xem có trông thấy nơi nào có ánh đèn không ?

Tôi gọi con Ca-pi tới để nó đi với tôi, nhưng nó cũng mệt nên tảng lờ như không nghe thấy. Đó là cái mảnh lối thường lệ của nó, mỗi khi nó không thích làm theo ý tôi. Cụ Vi-ta-li hỏi:

- Cháu sợ à ?

Nghe hỏi như vậy tôi không nài thêm nữa, nhất quyết đi một mình. Tôi thấy không chút gì sợ hãi nên càng không muốn cho chủ tôi chế giễu tôi. Đêm đã đến, không có trăng nhưng có sao lấp lánh trên trời và rọi ánh sáng xuống bầu không khí đầy những hơi mù mỏng nhẹ, mắt có thể nhìn qua.

Vừa đi tôi vừa đưa mắt nhìn bên trái. Buổi hoàng hôn đầy sương khói ấy tạo cho mọi vật những hình dạng kỳ dị. Phải suy luận mới nhận ra được những bụi cây, những lùm kim tước chì, nhất là mấy cái cây nhỏ

thân cong queo, cành vắn vẹo. Từ xa, những bụi bờ, những lùm kim tước chi, những cây cối đó trông chẳng khác gì những sinh vật của một thế giới kỳ quái.

Thật là kỳ lạ ! Đường như bóng tối làm cho cánh đồng hoang biến hình và có rất nhiều bóng ma huyền bí xuất hiện.

Tôi không hiểu tại sao tôi chợt nảy ra ý nghĩ là người khác ở vào địa vị tôi có lẽ phải khiếp sợ trước những hình bóng ma quỷ đó. Có thể được lắm, vì Cự Vita-li đã chẳng hỏi tôi có sợ không là gì ? Tuy vậy tự hỏi lòng, tôi không thấy sợ chút nào.

Tôi càng leo lên sườn đồi thì thấy những thân cây kim tước chi càng chắc hơn, cây thạch thảo và cây phượng vĩ càng cao hơn, ngọn cây thường cao quá đầu và đôi khi tôi phải luồn dưới lá của chúng.

Chẳng bao lâu tôi lên tới đỉnh gò. Tôi cố mở to mắt ra mà cũng chẳng thấy một đốm lửa nhỏ nào cả, tầm mắt tôi mất hút vào trong bóng tối: chỉ có những hình dáng mập mờ, những bóng đen kỳ quái, những cây kim tước chi vươn cành đến tôi như những cánh tay dài mềm dẻo, những bụi cây đang nhảy múa. Không nhìn thấy cái gì báo hiệu cho biết là gần đây có nhà ở. Tôi lắng nghe có tiếng gì không, tiếng bò rống hay tiếng chó sủa chẳng hạn.

Cố lắng tai nín thở để nghe cho rõ, bỗng tôi thấy rùng mình. Sự yên lặng của đồng hoang đã làm cho tôi đâm hoảng. Tôi sợ. Sợ cái gì chứ ? Tôi không biết. Có lẽ

sợ sự yên lặng, sợ cảnh cô quạnh và đêm tối. Dù sao, tôi cảm thấy như sắp gặp điều gì nguy hiểm.

Giữa lúc tôi hoang mang nhìn quanh thì thấy ở xa một bóng đen lớn chuyển động thật nhanh trên những cây kim tước chi. Đồng thời tôi cũng nghe thấy như có tiếng sột soạt của cành lá bị va chạm.

Tôi cố tự nhủ rằng vì sợ nên đã quáng mắt trông lầm và cái bóng đen kia có lẽ chỉ là một cái cây mà thoát đầu tôi chưa trông thấy.

Nhưng còn tiếng động kia là gì vậy ? Không có tí gió nào. Những cành cây dù nhẹ đến đâu chẳng nữa, tự nó cũng không rung chuyển được. Phải có gió nhẹ du đưa hay có người lay động nó !

Có người chăng ? Cái hình thù to lớn đen sẫm đang tiến về phía tôi kia không thể là người được ! Có lẽ là một con thú mà tôi chưa từng thấy bao giờ, hoặc đúng hơn một con chim đêm khổng lồ, hoặc một con nhện lớn vô cùng có bốn chân lêu đêu nổi bật lên nền trời xanh nhạt trên những bụi rậm, những lùm cây phượng vĩ.

Có điều chắc chắn là cái con vật có bộ cẳng cao lêu nghêu ấy đang tiến về phía tôi bằng những bước nhảy gấp rút.

Đích thị là nó đã trông thấy tôi và chạy xỏ đến tôi. Ý nghĩ ấy làm cho đôi chân tôi lại thấy dẻo dăng. Tôi xoay người lao xuống dốc để chạy về với cụ Vi-ta-li.

Nhưng mà lạ thay ! Lúc xuống thì tôi lại đi chậm hơn là khi đi lên. Tôi lao vào những đám kim tước chi

và những đám thạch thảo. Tôi va vấp vào cây, tôi bị móc lại, cứ mỗi bước mỗi dừng.

Vừa mới gỡ thoát bụi gai ra, tôi lé mắt nhìn lại phía sau thì thấy con vật sắp đến gần chỗ tôi rồi.

May thay bãi hoang không còn vướng víu những bụi rậm nữa và tôi chạy được nhanh hơn.

Nhưng dù tôi chạy nhanh bao nhiêu con vật cũng vẫn chạy nhanh hơn. Tôi không cần ngoảnh cổ lại vẫn cảm thấy nó đến sát sau lưng rồi.

Tôi không thở được nữa. Phần thì lo sợ, phần thì phải chạy cuống cuống, tôi đứt cả hơi. Nhưng tôi vùng lên, cố gắng hết sức bình sinh một lần nữa, chạy đến ngã khuyu xuống bên chân cụ chủ tôi. Trong lúc ấy ba con chó thành linh đứng cả dậy và sủa rộ lên. Tôi chỉ lấp đi lấp lại được hai tiếng:

- Con vật, con vật !

Bỗng giữa tiếng đàn chó cắn lao nhao, tôi nghe một tiếng cười vang dội. Cũng lúc ấy, cụ chủ tôi đặt tay lên vai tôi, xoay người tôi lại:

- Con vật vẫn là cháu ! - Ông cụ vừa nói vừa cười - Cháu hãy thử nhìn xem, nếu cháu có gan nhìn.

Tiếng cười của ông cụ, còn hơn cả câu nói, làm cho tôi tỉnh người lại. Tôi mở mắt ra và nhìn theo phía tay cụ chỉ.

Con quái vật hiện hình vừa rồi làm cho tôi hoảng sợ, đã dừng lại: nó đứng im trên đường cái.

Tôi phải thú thực rằng tôi vẫn còn ghê tởm và kinh sợ. Nhưng bây giờ không còn ở giữa cánh đồng hoang nữa. Ông cụ Vi-ta-li ngồi đó, bầy chó vây quanh, tôi không bị cảnh vắng lặng quanh hiu làm cho rối trí. Tôi định thần nhìn kỹ con vật.

Có phải là con vật hay không ? Hay là một con người.

Thân hình, đầu và tay nó thì y như người. Nhưng nó lại có vẻ thú ở chỗ toàn thân phủ một bộ lông dày, chêm chệ trên đôi cẳng dài khảng kheo, dễ thương cao đến đôi ba thước. Mặc dù bóng tối đã dày hơn, tôi vẫn nhận rõ những chi tiết ấy, vì cái hình dạng to lớn của nó nổi bật lên đen sẫm trên nền trời có ánh sáng nhờ nhờ của vô số vì sao.

Có lẽ tôi vẫn còn loay hoay với câu hỏi của tôi nếu cụ chủ không lên tiếng hỏi con quái vật đó:

- Đây, anh có thể cho chúng tôi biết ở gần đây có làng mạc gì không ?

Đúng là người rồi, vì người ta nói chuyện với nó mà. Đáp lại câu hỏi của cụ chủ, tôi chỉ nghe thấy một tiếng cười cụt lủn giống như tiếng kêu của một con chim.

Thế thì đây rõ là một con vật.

Tuy vậy chủ tôi vẫn tiếp tục hỏi, thế mới lạ chứ. Vì rằng ai cũng biết giống vật đôi khi cũng hiểu ta nói gì đấy, nhưng bảo trả lời thì chúng trả lời thế nào được.

Tôi rất đổi ngạc nhiên khi thấy con vật nói rằng quanh vùng này chẳng có nhà ở, chỉ có một cái trại chăn cừu và nó sẵn lòng đưa chúng tôi đến đó.

đông, ngày ngày cứ ở trên các đường phố, các nơi công cộng và các nơi người ta đi dạo, cho nên tôi rất thích cái thuận lợi không có gió đó. Chuyện ấy cũng dễ hiểu thôi. Tuy vậy đó cũng không phải là lý do khiến chúng tôi dừng lại lâu dài ở nơi đó, khác với lệ thường. Có một lý do khác có giá trị quyết định đối với chủ tôi, tôi muốn nói khoản thu nhập dồi dào ở đây.

Thật vậy, suốt cả mùa đông, khán giả của chúng tôi là những em nhỏ không bao giờ chán cái chương trình biểu diễn của gánh xiếc. Không bao giờ các em la “Buổi nào cũng chỉ có thế thôi à ?”

Phân đông là những trẻ em Ăng-lê: những chú bé béo tốt, da thịt hồng hào và những cô gái nhỏ bé xinh xinh có đôi mắt to và hiền từ, đẹp gần như mắt con Đôn-xơ. Nhờ vậy tôi được biết bánh An-be, bánh Hôn-ly và nhiều thứ bánh khác. Trước khi đi chơi, các chú đã nhét đầy túi để rồi đem đến chia cho con khỉ Giô-li-cơ, mấy con chó và tôi một cách hào phóng.

Đến những ngày ẩm áp đầu xuân thì khán giả của chúng tôi cũng bắt đầu thưa thớt dần. Sau buổi biểu diễn, nhiều khi có những trẻ em đến bắt tay con Giô-li-cơ và con Ca-pi. Đó là các em từ biệt chúng nó. Hôm sau thì chúng tôi không thấy các trẻ em ấy đâu nữa.

Chẳng bao lâu chỉ còn chúng tôi trơ trọi giữa các nơi công cộng. Chúng tôi phải nghĩ đến việc rời bỏ những khu vực ấy.

Một buổi sáng chúng tôi lên đường. Đi chẳng mấy chốc đã không nhìn thấy vọng lâu Gát-xtông Phê-buýt

Thì ra nó nói được ! Thế sao nó lại có cẳng nhỉ?

Nếu tôi bạo gan thì tôi đã lại gần nó để xem chân cẳng nó ra thế nào. Nó chẳng có vẻ gì dữ tợn, vậy mà tôi cũng không có cái can đảm ấy. Tôi nhấc xác lên vai đi theo cụ chủ tôi, không nói không rằng. Ông cụ vừa đi vừa hỏi:

- Cháu đã thấy cái gì làm cho cháu bị một mẻ hết hồn chưa ?

- Có, nhưng mà cháu vẫn không hiểu là thế nào ở vùng này có những người khổng lồ hay sao?

- Phải, là người khổng lồ khi họ đi trên đôi cà kheo!

Ông cụ giải thích cho tôi là người xứ Lãng-đơ muốn đi ngang qua những khoảng đất đai có nhiều cát hoặc đầm lầy ở vùng họ thì họ buộc chân vào hai cây gậy dài có đỉnh bàn đạp. Có như thế mới khỏi thụt lún xuống tận hông.

- Ấy thế là, đối với những đứa trẻ nhát gan, họ trở thành những người khổng lồ đi hài bảy dặm đấy!

10

RA TRƯỚC CÔNG LÝ

Tôi còn giữ một kỷ niệm thật dễ chịu về thành phố Pô. Gió hầu như không bao giờ thổi ở thành phố này. Vì chúng tôi dừng lại ở đó suốt mùa

và Mông-tô-dê đâu nữa. Chúng tôi lại tiếp tục đời sống lang thang, phiêu dạt trên các ngã đường.

Lâu lắm, tôi không nhớ là bao nhiêu ngày, bao nhiêu tuần lễ, chúng tôi cứ đi lên phía trước, dọc theo các thung lũng, trèo qua những trái đồi. Bên phải chúng tôi luôn có các đỉnh núi dãy Py-rê-nê xanh xanh giống như những đám mây chồng chất lên nhau.

Thế rồi một buổi chiều chúng tôi đến một thành phố lớn ở trên bờ sông, giữa một cánh đồng phì nhiêu. Nhà cửa phần lớn xấu xí, bằng gạch đỏ. Đường phố rải đá cuội làm đau nhói bàn chân những người khách vừa đi hàng chục dặm đường trong ngày. Chủ tôi bảo rằng chúng tôi đã đến tỉnh Tu-lu-dơ và có lẽ sẽ ở đây lâu.

Như thường lệ, công việc đầu tiên của chúng tôi ngày hôm sau là đi tìm kiếm những địa điểm thuận lợi để biểu diễn. Chúng tôi đã tìm thấy rất nhiều, vì ở Tu-lu-dơ những chỗ đi dạo chơi không thiếu, nhất là ở khu vực cạnh vườn bách thảo. Ở đó có một bãi cỏ đẹp có cây cao bóng mát, có những đường lớn trồng cây từ các nơi đổ về. Chúng tôi dựng rạp, căng màn, dàn trò ở trên một lối đi như thế. Ngay những buổi biểu diễn đầu tiên chúng tôi đã thu hút đông khán giả.

Nhưng rồi thay, viên cảnh sát trông coi khu vực này có vẻ không bằng lòng khi thấy chúng tôi kéo đến. Hoặc vì không thích chó, hoặc vì việc biểu diễn của chúng tôi làm trở ngại công việc của y, hoặc vì một lý do gì khác, y muốn chúng tôi phải rời đi nơi khác.

Đáng lẽ vào địa vị chúng tôi, chịu lép vế trước là khôn hơn hết. Sự tranh chấp giữa những người làm trò rong khốn khổ như chúng tôi với những người cảnh sát là một sự tranh chấp không ngang sức. Ông cụ chủ tôi vốn là người kiên nhẫn, nhưng lần này ông cụ có một tâm lý khác thường nên không nghĩ như vậy.

Tuy rằng hiện nay ông cụ chỉ là một người làm xiếc chó vừa nghèo khổ vừa tuổi tác, nhưng ông cụ có tính tự trọng, hơn nữa ông cụ hiểu biết quyền lợi của mình. Nghĩa là, theo như lời giải thích của ông cụ, ông cụ tin chắc rằng sẽ được bênh vực, nếu không làm điều gì sai trái với pháp luật hay điều lệ cảnh sát.

Do đó ông cụ không chịu theo lệnh viên cảnh sát khi hắn ta muốn đuổi chúng tôi khỏi đại lộ.

Khi chủ tôi muốn dẫn cơn nóng của mình xuống thì ông hay thường dùng cái lễ phép của người Italia của mình quá mức. Qua cách thưa gửi của ông cụ người ta tưởng chừng như ông cụ đang bấm báo với những nhân vật cực kỳ quan trọng.

- Thưa ngài đại diện chính quyền cao quý - Ông cụ ngả mũ trả lời viên cảnh sát - Ngài có thể cho chúng tôi xem điều lệ nào của nhà chức trách đã cấm những kẻ làm trò hèn mọn như chúng tôi đem cái nghề tầm thường của họ trình bày ở nơi công cộng này không ?

Viên cảnh sát trả lời là không cần phải bàn cãi mà phải tuân lệnh. Cụ Vi-ta-li đáp:

- Hắn là thế mà tôi cũng hiểu như vậy. Do đó tôi xin hứa với ngài là tôi sẽ xin tuân lệnh ngài ngay tức

khắc khi ngài cho tôi biết là ngài đã chiếu theo điều lệ nào mà ra lệnh cho tôi.

Hôm đó viên cảnh sát quay lưng đi. Trong khi đó chủ tôi cầm mũ khuỳnh tay và khom lưng đi tiến hẳn với một vẻ kính cẩn vờ vệt.

Nhưng hôm sau hắn trở lại, bước qua dây thừng bao quanh rạp hát của chúng tôi và nhẩy xổ vào giữa lúc chúng tôi đang biểu diễn sôi nổi. Hắn xẵng giọng nói với cụ Vi-ta-li:

- Anh phải buộc mõm chó của anh lại.

- Buộc mõm chó của tôi lại à ?

- Có một điều luật cảnh sát qui định như vậy, anh phải biết.

Chúng tôi đang biểu diễn vở “Con bệnh tẩy ruột”. Vì biểu diễn lần đầu ở Tu-lu-dơ nên công chúng rất chú ý. Sự can thiệp của viên cảnh sát làm cho họ phàn nàn và kêu ca.

- Thôi đừng có phá đám nữa !

- Để cho người ta biểu diễn xong đã nào !

Nhưng cụ Vi-ta-li lấy tay ra hiệu đề nghị công chúng yên lặng và công chúng làm theo. Rồi ông cụ ngả chiếc mũ dạ, vừa tiến lại phía viên cảnh sát, vừa cúi mọp người chào ba cái, cúi thấp đến nỗi lông mũ quét dưới cát. Cụ hỏi:

- Có phải ngài đại diện chính quyền đáng kính đã truyền lệnh cho chúng tôi buộc mõm diễn viên của chúng tôi lại không ?

- Phải buộc mõm chó của anh lại, và làm nhanh lên.

Cụ Vi-ta-li kêu to, có ý nói với công chúng hơn là nói với viên cảnh sát:

- Buộc mõm Ca-pi, Déc-bi-nô và Đôn-xơ lại ! Ngài sợ ý đồ chẳng ? Nếu con bệnh mà đeo trên mõm một cái rọ thì làm sao vị danh y bác học Ca-pi cho anh ta uống thuốc ? Tôi mạo muội dám xin lưu ý ngài rằng thuốc thì phải uống qua đường miệng mới có tác dụng. Trước mắt chư vị khán giả đây, bác sĩ Ca-pi không đời nào cho bệnh nhân dùng thuốc bằng đường khác.

Nghe câu đó, mọi người phá lên cười, cười lăn cười lộn. Rõ ràng là người ta đồng tình với cụ già và người ta càng vui thích những trò nhảm nhí của con Giô-li-cơ. Chú khỉ đứng ngay sau lưng “vị đại diện chính quyền” làm điệu bộ, cũng khoanh tay như viên cảnh sát, rồi cũng uốn người, chống nạnh, đầu ngửa ra đằng sau với bộ mặt nhảm nhí và đáng điệu uốn éo thật là lý thú.

Viên cảnh sát có vẻ là nóng nảy. Phần thì bực vì những lời nói của ông cụ; phần vì điên tiết lên vì tiếng cười của công chúng, hấn quay phắt lại. Thế là hấn trông thấy chú khỉ đứng chống nạnh với một tư thế anh hùng rơm. Người và vật đối diện nhau mấy giây đồng hồ, nhìn nhau dường như muốn thi đua xem bên nào cúi mặt trước. Thế là tiếng cười lại nổ ra, ồn ào, tràn lan và chấm dứt câu chuyện.

Viên cảnh sát giờ quả dám dọa chúng tôi, thét:

- Ngày mai mà không buộc mõm chó lại thì liệu hồn, tao sẽ đưa ra tòa. Tao chỉ nói thế thôi.

Trong khi viên cảnh sát rảo bước cúi thẳng thì ông cụ vẫn cúi gập người làm đôi, vẻ rất cung kính. Sau đó cuộc biểu diễn vẫn tiếp tục.

Tôi tưởng chủ tôi đi mua rọ mồm cho chó, nhưng ông cụ không làm gì cả. Tối đến, ông cụ cũng chẳng nhắc tới chuyện cũi cọ với viên cảnh sát. Tôi bèn đánh bạo nhắc ông cụ:

- Nếu ông muốn cho con Ca-pi nó khỏi bứt tung cái rọ mồm trong buổi biểu diễn ngày mai thì cháu tưởng nên đeo cho nó trước đi và trông chừng để cho nó quen dần.

- Thế cháu tưởng ông sẽ bắt chúng nó đeo một cái rọ sắt à ?

- Chà ! Cháu lo cái lão cảnh sát ấy nó muốn quấy rầy ông đấy !

- Cháu cứ yên tâm, ông sẽ cố thu xếp để ngày mai tên cảnh sát không thể đưa ông ra tòa được mà đồng thời mấy chú học trò của ông cũng không đến nỗi phải khổ quá. Mặt khác, giải trí cho công chúng một tí cũng tốt thôi. Cái thằng cha cảnh sát ấy nó sẽ làm cho ta thu gấp bội. Nó không ngờ nó sẽ đóng một vai hề trong cái vở ông soạn riêng cho nó. Cái đó làm cho các tiết mục của chúng ta thay đổi một chút, nhưng cũng sẽ không đi quá trớn đâu ! Muốn làm như thế thì ngày mai cháu sẽ đi ra chỗ diễn trò một mình với con Giô-li-cơ. Cháu giảng chừng ra và chơi một vài bản độc tấu. Khi đã có đủ số khán giả xúm quanh cháu và tên cảnh sát cũng tới rồi thì ông sẽ dắt đàn chó ra trò. Lúc đó vở hài kịch sẽ mở màn.

Tôi không tán thành ý kiến đó cho lắm.

Tôi không thích đi xếp đặt cuộc biểu diễn một mình như thế. Nhưng mà tôi bắt đầu hiểu biết chủ tôi và biết lúc nào mới có thể làm trái ý ông cụ. Trong hoàn cảnh hiện nay thật không có mấy may hy vọng làm cho ông cụ từ bỏ ý định bài trí vở kịch nhỏ của mình. Vì vậy, tôi quyết định làm theo cụ.

Ngày hôm sau tôi đến địa điểm thường ngày và giảng dây thừng. Tôi vừa mới dạo vài nhịp đàn thì ở khắp nơi người ta đổ đến đứng chật ních khoảnh đất tôi vừa vạch ra.

Trước đây, nhất là khi ở thị xã Pô, chủ tôi đã dạy tôi chơi thụ cầm. Bây giờ tôi gảy mấy bài mới học không đến nổi tồi lắm. Trong các bài đó, có một bài dân ca Na-pơ có điệp khúc mà tôi vừa ca vừa đàn và luôn luôn được hoan hô.

Tôi đã thành nghệ sĩ về nhiều mặt. Cho nên khi gánh hát của chúng tôi được hoan nghênh thì tôi sẵn lòng tin rằng đó là nhờ tài hoa của tôi. Tuy thế ngày hôm đó, tôi cũng có đủ lương tri để hiểu rằng không phải cốt để nghe bài dân ca có điệp khúc của tôi mà người ta chen chúc quanh vòng dây thừng.

Những người nào hôm trước đã được chứng kiến cuộc cãi cọ với viên cảnh sát, hôm nay lại đến và kéo luôn cả bạn bè đến nữa. Ở thành phố Tu-lu-dơ này người ta chẳng ưa gì cảnh sát. Người ta cũng tò mò muốn xem cái ông già người Italia này xoay xở ra sao.

Dù cụ già chỉ nói gọn lỏn có mấy tiếng: “Vâng, thưa ngài đến mai”, mọi người cũng thừa hiểu rằng cuộc gặp gỡ thách thức giữa đôi bên báo trước một tấn kịch lớn. Người ta sẽ có dịp để cười cợt anh chàng cảnh sát vụng về cái kính ấy.

Sự sốt sắng của công chúng ở đó mà ra.

Cho nên khi thấy chỉ có mình tôi với con Giô-li-cơ thì nhiều người đã ngắt lời tôi để hỏi xem ông già người Italia có đến không.

- Ông cụ sắp đến đấy !

Tôi trả lời và tiếp tục bài dân ca.

Người đến không phải là chủ tôi mà là viên cảnh sát. Con Giô-li-cơ trông thấy hấn trước. Thế là nó khuynh tay chống nạnh, ngửa đầu ra đằng sau, đi đi lại lại, người cứng đờ, ngực ưỡn ra uy nghi một cách lỗ bịch.

Công chúng phá lên cười và nhiều lần vỗ tay khen ngợi. Viên cảnh sát chừng hừng đưa mắt giận dữ nhìn tôi. Tất nhiên cái đó càng làm cho công chúng cười ngặt cười nghẻo.

Tôi cũng buồn cười nhưng mặt khác lại không yên tâm. Việc sẽ kết thúc như thế nào đây ? Khi có cụ Vi-ta-li ở đây thì cụ đối đáp với viên cảnh sát. Nhưng bây giờ chỉ có một mình tôi, phải thú thật rằng tôi rất bối rối, không biết làm thế nào xoay sở nếu hấn hỏi mình. Bộ mặt hấn làm tôi không hy vọng cái gì tốt lành cả. Hấn giận dữ, cơn thịnh nộ đã làm cho hấn như điên như dại. Hấn đi đi lại lại trước vòng dây thừng và khi hấn đi sát

người tôi, hẳn có một cái nhìn nghiêng khác biệt làm tôi e ngại câu chuyện sẽ kết thúc không hay cho chúng tôi.

Con Giô-li-cơ không biết là tình thế nghiêm trọng nên vẫn cứ đùa cợt. Nó cũng đi lại sát vòng dây thừng nhưng ở phía bên trong, còn tên cảnh sát đi đi lại lại ở phía bên ngoài. Đi qua trước mặt tôi, nó cũng nhìn nghiêng một cách khác biệt, vẻ mặt hài hước đến nỗi công chúng cười rộ lên.

Tôi không muốn làm cho tên cảnh sát giận dữ đến cực độ. Tôi bèn gọi con Giô-li-cơ. Nhưng quả không phải lúc con Giô-li-cơ sẵn sàng vâng lệnh. Cái trò chơi này làm cho nó thích thú. Nó cứ tiếp tục đi đi lại lại theo điệu cũ, vừa đi vừa chạy và nó lẩn tránh không để cho tôi bắt. Tôi không hiểu làm sao lại xảy ra việc đó; chắc có lẽ cơn giận đã làm cho tên cảnh sát mất lý trí. Hẳn tưởng tôi kích thích con khỉ nên hẳn vụt bước qua chiếc thừng. Chỉ hai bước là hẳn đến sát người tôi và tát tôi một cái lạng người.

Khi tôi gượng lên được và mở mắt ra thì thấy cụ Vi-ta-li không biết ở đâu đến bất thình lình, đã đứng sững giữa tôi và tên cảnh sát và đang nắm lấy cổ tay hắn.

- Tôi cấm anh không được đánh thằng bé này - Ông cụ nói - Việc anh vừa làm là hèn nhất.

Tên cảnh sát muốn rút tay ra nhưng bị cụ Vi-ta-li nắm cứng.

Trong khoảnh khắc hai người mặt đối mặt giương mắt chòng chọc nhìn nhau.

Tên cảnh sát như điên như dại.

Còn chủ tôi thì lăm liết hiên ngang. Ông cụ ngẩng cao cái đầu phủ tóc bạc rất đẹp. Mặt ông cụ đầy vẻ oai nghiêm và phần nộ.

Trước cử chỉ đó, tôi tưởng tên cảnh sát chỉ có cách độn thổ cho rồi. Nhưng nào phải thế ! Hấn vung tay mạnh một cái, giật tay ra, túm lấy cổ chủ tôi và đẩy ông cụ đi một cách thô bạo.

Cụ Vi-ta-li phần nộ, đứng thẳng người lên, giơ cánh tay phải đánh mạnh vào cổ tay tên cảnh sát để buộc nó thả ra.

- Anh muốn làm gì tôi nào ?

- Ta muốn tóm cổ chúng mày. Đi theo tao về bóp.

- Muốn đạt mục đích ấy hà tất anh phải đánh thẳng bé này !

- Không cần nhiều lời, chúng mày hãy đi theo tao.

Cụ Vi-ta-li đã trở lại rất bình tĩnh. Không cãi lại, cụ ngoảnh lại bảo tôi:

- Cháu về nhà trọ đi. Ở đấy với đàn chó. Ông sẽ báo tin cho cháu sau.

Ông cụ không nói thêm được gì nữa vì tên cảnh sát đã lôi tuột cụ đi.

Thế là buổi biểu diễn kết thúc. Buổi biểu diễn mà chủ tôi muốn làm cho vui nhộn lại chấm dứt một cách đáng buồn.

Ban đầu mấy con chó toan đi theo chủ. Nhưng ông cụ ra lệnh cho chúng ở lại với tôi. Vốn quen tuân lệnh nên chúng quay lại ngay. Lúc bấy giờ tôi mới nhận ra là chúng đã bị buộc mõm. Nhưng mà đáng lẽ bị bó trong một cái rọ sắt hay trong một cái lưới, thì chúng chỉ phải đeo một cái dải lụa thắt bướm chung quanh mõm. Con Ca-pi lông trắng thì dải lụa đỏ. Con Déc-bi-nô lông đen thì dải lụa trắng, con Đôn-xơ lông xám thì dải xanh lơ. Đó là những rọ mõm sơn khâu.

Công chúng giải tán rất nhanh, chỉ còn dăm ba người ở lại tranh luận với nhau về sự việc vừa xảy ra.

- Ông già có lý.

- Ông già trái rồi.

- Tại sao lão cảnh sát lại đánh thẳng bé con ? Nào nó có dám nói gì hay làm gì lão ta đâu.

- Việc rắc rối lắm đấy ! Ông già không khỏi tù đâu, nếu lão cảnh sát làm biên bản về tội của ông cụ phản kháng công chức.

Tôi trở về nhà trọ, trong lòng đau buồn và lổn lổn.

Bây giờ không phải là thời cụ Vi-ta-li làm cho tôi sợ hãi nữa. Thực ra thì thời gian đó chỉ vãn vãn có mấy tiếng đồng hồ. Chẳng bao lâu tôi đã quyến luyến và thành thực yêu thương cụ. Tình yêu thương đó cứ ngày càng tăng. Chúng tôi cùng sống chung một cuộc đời, sát cánh bên nhau từ sáng đến tối, có khi từ tối đến sáng, đó là những khi ông cháu chúng tôi phải nằm chung một bó rơm. Ông cụ đã dạy tôi đọc sách, dạy tôi hát,

dạy tôi viết, dạy tôi tính. Trên những đoạn đường dài vắng vẻ, ông cụ luôn luôn dùng thời giờ để dạy tôi cái này, cái khác, tùy cảnh ngộ gọi ra, hoặc do tình cờ. Những ngày tiết trời quá lạnh, ông cụ nhường chân cho tôi cùng đắp. Khi nắng gắt, ông cụ mang đỡ tôi một phần những hành lý đã chia cho tôi mang. Trong những bữa ăn không bao giờ ông cụ cho tôi miếng không ngon và dành cho mình miếng ngon. Trái lại ông cụ chia đều miếng ngon lẫn miếng không ngon. Thật ra thì đôi khi ông cụ cũng bẹo tai tôi hoặc cho tôi một cái bóp. Nhưng không vì những sự trừng phạt nhỏ nhặt ấy mà tôi quên được sự chăm sóc, những lời nói nhân từ phúc hậu và tất cả những cử chỉ âu yếm của ông cụ đối xử với tôi từ ngày chúng tôi sống chung với nhau. Ông cụ thương yêu tôi và tôi cũng thương yêu ông cụ.

Sự chia ly này làm cho tôi thật đau xót.

Bao giờ ông cháu chúng tôi gặp nhau đây ?

Người ta có khéo chuyện phạt tù. Chẳng biết ngồi tù bao nhiêu lâu ? Trong thời gian đó tôi phải làm gì ? Làm thế nào mà sống ? Sống bằng gì ?

Chủ tôi vốn quen giữ cả gia tài trên người. Khi bị tên cảnh sát lôi đi, cụ chẳng kịp đưa tiền cho tôi. Trong túi tôi chỉ còn có mấy xu. Để mấy xu ấy đủ để nuôi sống tất cả đoàn chúng tôi hay sao ? Trong hai ngày tôi bàng hoàng không dám ra khỏi sân quán trọ. Tôi trông nom con Giô-li-cơ và mấy con chó. Chúng nó đều lo lắng và buồn bã.

Đến ngày thứ ba thì có một người mang thư của cụ Vi-ta-li đến cho tôi. Trong thư cụ tin cho tôi biết rằng người ta giữ cụ trong nhà lao để đến thứ bảy sau đưa ra xét xử trước tòa án. Người ta khép ông cụ vào tội chống lại một công chức đang thi hành phận sự và bạo hành đối với công chức đó.

Ông cụ viết thêm: “Cái việc ông đã nóng nảy không tự chủ là một điều sai lầm nghiêm trọng có thể gây nhiều tổn hại cho ông. Cháu hãy đến dự phiên tòa, cháu sẽ rút được một bài học”.

Rồi cụ viết thêm một vài lời khuyên bảo tôi về cách cư xử. Để kết thúc, cụ gửi tôi một cái hôn và dặn tôi vỗ về con Ca-pi, con Giô-li-cơ, con Đôn-xơ và con Déc-bi-nô hộ.

Trong lúc tôi đọc thư thì con Ca-pi ngồi lọt giữa hai chân tôi, dí mũi vào tờ giấy, ngửi, hít, ngoe ngáy đuôi. Những cái vẫy đuôi của nó đủ cho tôi hiểu rằng nó đánh hơi ra tờ giấy đó đã qua tay chủ nó. Từ ba ngày nay, đây là lần đầu tiên nó tỏ ra hoạt động và vui vẻ.

Tôi đi hỏi thăm thì người ta cho biết phiên tòa tiểu hình bắt đầu từ mười giờ. Chín giờ sáng thứ bảy, tôi đến đứng tựa lưng vào cửa tòa và khi cửa mở thì tôi là người đầu tiên bước vào phòng xử án. Người kéo đến đông dần. Tôi nhận thấy có nhiều người đã chứng kiến cuộc cãi cọ giữa ông cụ và tên cảnh sát.

Tôi chẳng hiểu tòa án là thế nào, công lý là thế nào cả. Nhưng tự nhiên, tôi cảm thấy ghê sợ. Tuy là việc của chủ tôi chứ không phải việc của tôi, tôi cũng thấy

như chính tôi gặp bước nguy nan. Tôi núp đằng sau một cái lò sưởi lớn. Tôi đứng thụt vào sát tường, thu hình cho thật bé lại.

Người ta không đưa chủ tôi ra xử trước. Những người bị xử trước là những người ăn trộm, ăn cắp đánh nhau. Người nào cũng khai là vô tội nhưng cũng đều bị phạt tất. Sau cùng đến lượt cụ Vi-ta-li ra ngồi trên ghế dài giữa hai tên sen đầm ở chỗ những người kia vừa ngồi.

Lúc đầu người ta nói những gì, người ta hỏi gì ông cụ, và ông cụ trả lời ra sao, tôi không biết. Tôi cảm động quá nên không nghe được hoặc có nghe mà không hiểu. Tôi nhìn chủ tôi đứng đó: mớ tóc dài bạc phơ hất ra đằng sau, cụ có vẻ xấu hổ và ưu phiền. Tôi lại nhìn viên quan tòa đang hỏi ông cụ:

- Thế là anh nhận có đánh viên cảnh sát đến bắt anh mấy cú, phải không ?

- Thưa ông chánh án, không phải mấy cú mà chỉ một cú thôi, cốt để gỡ tay ông ta. Khi tôi tới chỗ biểu diễn thì thấy viên cảnh sát đánh thằng bé con cùng đi với tôi một cái tát.

- Đứa trẻ đó không phải là con anh mà ?

- Thưa ông chánh án, không phải, nhưng tôi thương yêu nó như con tôi. Khi tôi trông thấy nó bị đánh, tôi có nổi nóng lên và nắm lấy tay viên cảnh sát, không cho ông ta đánh nữa.

- Chính anh đã đánh viên cảnh sát, có phải không?

- Nghĩa là khi ông ta túm lấy cổ áo tôi, tôi không nhận ra người đang xông vào tôi là ai, hay nói cho đúng, tôi chỉ nhận thấy có một người xông vào tôi chứ không kịp nghĩ ra đó là một viên cảnh sát. Tôi đã mất tự chủ nên đối phó lại bằng một động tác tự nhiên, vô ý thức.

- Ở vào độ tuổi anh, người ta không dễ mất tự chủ.

- Đúng ở tuổi tôi, người ta không được dễ mất tự chủ. Nhưng khôn thay có khi mình không làm được những cái mình đáng phải làm. Ngày nay tôi mới nhận thấy thế.

- Tòa sẽ nghe lời khai của viên cảnh sát.

Viên này kể về sự việc xảy ra nhưng nhấn mạnh về việc người ta đem con người, giọng nói và điệu bộ của y ra mà chế giễu hơn là việc y bị đánh. Trong khi y khai trước tòa, đáng lẽ cụ Vi-ta-li phải chăm chú nghe thì ông cụ lại nhìn khắp bốn phía. Tôi hiểu ngay là ông cụ tìm tôi. Tôi bèn rời chỗ đang nấp, len lỏi giữa những người đứng xem để chen lên hàng đầu. Ông cụ trông thấy tôi. Gương mặt buồn rầu của ông cụ bỗng sáng lên. Tôi cảm thấy là ông cụ sung sướng được nhìn thấy tôi và bất giác nước mắt tôi trào ra.

Sau cùng viên chánh án hỏi:

- Anh còn nói gì nữa để tự bào chữa ?

- Riêng về phần tôi thì tôi không có gì nói thêm nữa. Nhưng vì đứa bé mà tôi yêu thương tha thiết, nó sắp phải sống cô đơn, vì nó tôi xin tòa mở lượng khoan hồng sớm cho ông cháu chúng tôi đoàn tụ.

Tôi tưởng là người ta sẽ trả lại tự do cho ông cụ. Nhưng nào có được thế. Một viên quan tòa khác nói gì trong mấy phút. Tiếp đó viên chánh án bằng một giọng trầm trầm tuyên bố là “tên Vi-ta-li đã phạm tội lãng mạ và bạo hành đối với một viên chức nhà nước, bị phạt tù hai tháng và phạt bạc một trăm phờ-răng”.

Hai tháng tù ! Qua làn nước mắt, tôi thấy cánh cửa trước đây đã mở cho cụ Vi-ta-li đi vào phòng xử án, bây giờ lại mở ra. Cụ đi ra theo một người sen đầm rồi cánh cửa bị đóng lại.

Hai tháng xa cách !

Biết đi đâu bây giờ ?

11

TRÊN THUYỀN

Tôi trở về quán trọ, lòng buồn bã, hai mắt đỏ ngầu. Lão chủ quán đứng ở cửa ngoài nhìn tôi lâu lắm. Tôi định đi qua cửa để vào nhà với mấy con chó thì lão ngăn tôi lại, hỏi:

- Thế nào, còn chủ mày ?

- Ông cụ bị án.

- Án bao nhiêu ?

- Hai tháng tù ngồi.

- Thế còn tiền phạt nhiều ít ?

- Một trăm phờ-răng.

- Hai tháng, một trăm phờ-răng - Lão nhắc đi nhắc lại ba bốn lượt.

Tôi muốn đi thẳng nhưng lão ngăn tôi lại lần nữa.

- Thế thì mày định làm ăn ra sao trong hai tháng ấy?

- Thưa ông, cháu không biết.

- À ! Mày không biết. Mày có tiền để mà sống và nuôi mấy con chó, con khỉ của mày chứ ?

- Thưa ông không ạ.

- Thế ra mày định trông vào tao để nuôi chúa lữ chúng mày phỏng ?

- Ô thưa ông không, cháu không trông vào ai cả.

Thật đúng quá, tôi chẳng trông vào ai cả. Lão chủ quán nói tiếp:

- Này, bé con, mày nói có lý đấy ! Chủ mày đã nợ tao nhiều rồi. Tao không thể cho mày ăn chịu những hai tháng trời mà không biết rồi rốt cuộc có được trang trải hay không. Thôi mày phải đi đi.

- Đi ! Nhưng mà cháu biết đi đâu bây giờ, thưa ông!

- Cái đó đâu phải việc của tao ! Tao không phải là bố mày ! Tao cũng không phải là chủ mày ! Tại sao mày lại muốn tao cho mày ở đây ?

Tôi đứng sững sờ một lúc lâu. Biết nói làm sao bây giờ ! Lão ta nói đúng. Tại sao lão lại phải chứa tôi ? Đối với lão, tôi chỉ là một của nợ.

- Này bé con, mang chó và khỉ ra rồi xéo ! Dĩ nhiên là mày phải để cái xác của chủ mày lại. Chủ mày mãn hạn tù sẽ lại lấy xác và tính toán công nợ với tao.

Câu nói đó gợi cho tôi một ý kiến. Tôi tin là đã tìm ra kế để ở lại quán trọ.

- Ông chắc là đến lúc đó sẽ đòi được nợ, thế thì ông hãy cho cháu ở lại tới ngày ấy ? Rồi ông sẽ tính gộp tiền trọ của cháu vào với khoản nợ của chủ cháu.

- Mày nói như thật ấy nhỉ ! Chủ mày có thể trả dăm ba ngày tiền trọ chứ hai tháng thì lại là chuyện khác.

- Cháu sẽ ăn rất ít, ông muốn cho bao nhiêu cũng được.

- Thế còn những con thú của mày ? Không được đâu, mày thấy chứ, phải đi đi thôi ! Vào xóm làng chắc mày tìm được việc làm để kiếm ăn đấy!

- Nhưng thưa ông, thế đến khi chủ cháu mãn hạn tù thì biết đăng nào mà tìm cháu ? Chắc ông cụt chỉ đến đây thôi.

- Đến ngày đó mày cứ việc trở lại đây. Từ nay đến lúc ấy, mày hãy đi dạo trong hai tháng ở xung quanh vùng này, ở các tỉnh có suối nước nóng chữa bệnh. Ở Banhe, ở Cô-tơ-rê, ở Luýt-dơ để kiếm tiền đấy chứ !

- Ngộ chủ cháu viết thư cho cháu ?

- Tao sẽ giữ hộ cho.

- Như thế thì cháu không viết trả lời cho ông cụ được.

- Dào ôi ! Mà làm tao phát ngấy lên rồi đấy ! Tao đã bảo mày là phải xéo đi. Phải bước ngay ra khỏi nơi này. Mau mau lên với ! Tao hẹn cho mày năm phút để mà xéo. Khi tao trở ra sân mà còn thấy cái mặt mày thì đừng có trách tao.

Tôi cảm thấy có van nài nữa cũng vô ích. Đúng như lời lão chủ quán nói: phải bước ngay ra khỏi nơi này thôi ! Tôi vào chuồng ngựa tháo mấy con chó và con Giô-li-cơ ra. Tôi cài xác lại, khoác đàn lên vai rồi rời khỏi quán trọ. Lão chủ quán đứng ở cửa để nom chừng tôi. Lão nói với theo:

- Nếu có thư đến tao sẽ giữ lại cho.

Tôi vội đi nhanh ra khỏi thành phố vì chó của tôi không buộc mõm. Nếu như gặp cảnh sát thì biết liệu làm sao mà trả lời ? Trả lời là tôi không có tiền để mua rọ mõm à ? Sự thực là như thế. Sau khi tính kỹ thì tôi cũng chỉ còn vền vền mười một đồng xu trong túi, không đủ để mua thứ đó. Có thể là họ bắt tôi nốt. Chủ tôi đi tù, tôi cũng đi tù thì mấy con chó và con khỉ Giô-li-cơ sẽ ra sao ? Cái đứa trẻ không gia đình này đã trở thành chủ gánh hát, người chủ gia đình. Tôi bỗng thấy trách nhiệm của mình.

Mấy con chó vừa đi nhanh vừa ngẩng đầu nhìn tôi. Không cần lời nói, cái nhìn ấy đủ làm cho tôi hiểu rằng chúng nó đói. Con Giô-li-cơ ngồi vắt vẻo trên xác tôi.

Thỉnh thoảng nó kéo tai tôi để tôi quay đầu lại, và nó lấy tay xát xát trên bụng. Cử chỉ ấy cũng có ý nghĩa chẳng kém gì cái nhìn của mấy con chó. Cũng như chúng nó, tôi muốn gào lên là tôi đói, bởi vì tôi cũng không ăn trưa như lũ chúng nó chứ có hơn gì đâu ! Nhưng mà nói ra có ích lợi gì !

Mười một đồng xu không đủ cho chúng tôi ăn cả bữa trưa và bữa tối. Chúng tôi đành sẽ ăn một bữa thôi, ăn vào quãng giữa ngày, như vậy thay thế được cả hai bữa.

Cái quán trọ vừa xưa chúng tôi đi ở ngoại ô Xanh Mi-sen, trên đường đi Mông-pen-li-ê. Tất nhiên là chúng tôi đi theo con đường này. Trong lúc vội vã đi nhanh cho ra khỏi thành phố vì sợ gặp cảnh sát, tôi cũng chẳng kịp hỏi đường ấy đi về đâu. Tôi chỉ mong muốn con đường ấy đưa tôi đi cho xa thành phố Tu-lu-dơ mà thôi, ngoài ra không cần gì nữa. Đi tỉnh này hay tỉnh khác đối với tôi không quan trọng. Vấn đề ở thì rất thứ yếu ! Hồi đó vào mùa nóng, chúng tôi có thể ở ngoài trời, tựa vào bụi cây, một bức tường nào đó.

Nhưng còn ăn ?

Đi có dễ ngót hai tiếng đồng hồ mà tôi chưa dám dừng chân lại. Mấy con chó vẫn thường nhìn tôi mỗi lúc một van lơn tha thiết hơn. Còn con Giô-li-cơ thì kéo tai tôi và xát bụng nó càng mạnh. Cuối cùng tôi chắc đã ở khá xa thành phố Tu-lu-dơ để khỏi phải lo ngại nữa. Tôi tin rằng ở đây nếu người ta có bắt tôi buộc mõm chó

thì ít ra tôi cũng có thể khát đến mai. Tôi vào ngay cửa hàng bánh mì tôi tìm thấy đầu tiên. Tôi bảo người ta bán cho một cân⁽¹⁾ rưỡi bánh. Bà bán hàng nói:

- Em lấy luôn một cái bánh hai cân thì hơn. Với tất cả đoàn thú của em, chừng ấy cũng không nhiều quá đâu ! Tội nghiệp những con thú này, phải cho chúng nó ăn chứ !

Một cái bánh mì hai cân kể ra cũng không là quá nhiều đối với bầy thú của tôi ! Dù không kể con Giô-li-cơ nó ăn chẳng hết bao nhiêu thì mỗi đứa chúng tôi cũng chỉ được có nửa cân thôi. Nhưng đối với túi tiền của tôi thì như thế cũng là quá nhiều. Giá bánh hồi bảy giờ năm xu một cân, nếu tôi mua hai cân thì mất mười xu, như vậy chỉ còn một xu. Ngày mai chưa biết thế nào mà hôm nay lại tiêu hoang như thế là không biết phòng xa. Mua một cân rưỡi bánh chỉ mất bảy xu và ba xăng-tim⁽²⁾ thôi, như thế thì ngày hôm sau vẫn còn được ba xu hai xăng-tim, nghĩa là đủ để khỏi chết đói mà chờ cơ hội kiếm ít tiền.

Trong một thoáng tôi đã suy tính như vậy, rồi cố làm ra vẻ chững chạc, tôi bảo bà hàng bánh rằng tôi chỉ cần một cân rưỡi là đủ, bà không phải cắt nhiều hơn nữa.

- Được rồi, được rồi - Bà ta trả lời.

(1) Nguyên văn là *livre*: đơn vị trọng lượng xưa ở châu Âu, bằng nửa kilôgam.

(2) *Xăng-tim (centime)*: phần trăm của đồng phờ-răng: 5 xăng-tim bằng một xu.

Bà lấy ra một cái bánh sáu cân thật to, một cái bánh mà chắc chúng tôi có thể ngón trọn; bà cắt ra một khúc đặt lên cân và đập sẽ vào cân một cái.

- Tươi quá rồi đây ! - Bà nói - Thế là đủ bù chỗ hai đồng xăng-tim thừa.

Thế là bà tao vút tám đồng xu vào trong ngăn kéo. Tôi đã từng thấy có người đẩy lui những đồng xăng tim lẻ người ta trả lại cho mình và bảo rằng họ chẳng biết dùng làm gì. Riêng tôi thì chắc không từ chối. Tuy thế tôi cũng không dám hỏi và lủi thủi đi ra, miếng bánh kẹp chặt trong tay. Ba con chó sung sướng nhảy cồm quanh tôi. Con Giô-li-cơ vừa kêu khe khẽ vừa dứt tóc tôi.

Chúng tôi không đi xa lắm. Đến gốc cây đầu tiên gặp trên đường cái, tôi dựa đàn vào thân cây và ngồi duỗi dài trên cỏ. Bấy chớ ngồi trước mặt tôi: con Ca-pi ở giữa, một bên là con Đôn-xơ, bên kia là con Déc-bi-nô. Còn con Giô-li-cơ, nó không một mảy gì thì đứng để rình đánh cắp những miếng bánh nó thích.

Cắt chia bánh là một việc khó ! Tôi chia ra năm phần cố cho thật đều. Để cho khỏi phí phạm, tôi cắt mỗi phần ra từng lát nhỏ lần lượt phát cho mỗi con một miếng y như là ở trại lính. Trong bọn chúng tôi có con Giô-li-cơ là ăn ít hơn cả, cho nên chia như vậy có lợi cho nó hơn ai hết. Trong lúc chúng tôi còn đói thì nó đã no rồi. Tôi lấy ở phần nó ba lát bánh cắt vào trong xác để dành cho mấy con chó sau này. Còn được bốn lát, chúng tôi chia nhau mỗi đứa một lát. Đó là món ăn thêm của chúng tôi và cũng là món ăn tráng miệng.

Bữa tiệc đó chẳng phải là loại tiệc kích thích người ta đọc diễn văn. Tuy vậy tôi thấy cần phải nói với các bạn tôi một vài lời. Tất nhiên tôi tự coi tôi là thủ lĩnh của chúng nó. Nhưng tôi cũng không tự cho mình cách biệt chúng nó quá, đến mức độ không cần phải báo cáo cho chúng nó biết là cả bọn đang lâm vào tình thế nghiêm trọng. Chắc con Ca-pi đoán ra được ý định của tôi nên nó nhìn chòng chọc vào mắt tôi. Tôi nói:

- Phải rồi, bạn Ca-pi ạ, phải rồi các bạn Đôn-xơ, Déc-bi-nô và Giô-li-cơ ạ, phải rồi, các bạn thân mến ạ, tôi có một tin buồn cần báo để các bạn biết: chủ của chúng ta phải xa chúng ta hai tháng.

- Oa ! - Con Ca-pi kêu lên.

- Trước hết việc đó làm cho chủ chúng ta buồn. Rồi đến chúng ta cũng buồn. Chủ chúng ta nuôi sống chúng ta. Trong khi chủ chúng ta vắng mặt thì chúng ta sẽ ở vào tình thế khủng khiếp đấy. Chúng ta không có tiền.

Nói đến tiền con Ca-pi hiểu ngay. Nó đứng kiễng lên hai chân sau rồi đi vòng tròn như thể đi xin tiền trong hàng "chư vị khất giả".

- Cậu muốn chúng ta biểu diễn à ? - Tôi nói tiếp - Ý kiến hay đấy. Nhưng mà liệu có thu được tiền không cơ chứ ? Tất cả vấn đề là ở chỗ đó. Tôi phải báo trước với các bạn là nếu ta không thành công thì tất cả gia tài của chúng ta chỉ có ba xu thôi đấy. Ta phải thất lưng buộc bụng. Sự việc là như vậy. Tôi mong các bạn hiểu cho rõ tình hình nghiêm trọng đến bực nào để đừng có

giở quẻ, trái lại nên mang tất cả tâm trí ra phục vụ đoàn. Tôi đề nghị các bạn phải biết phục tùng, biết dè xèn và dững cầm. Chúng ta hãy xiết chặt hàng ngũ. Các bạn hãy tin ở tôi cũng như tôi tin ở các bạn.

Tôi không dám nói quyết là các bạn tôi hiểu hết những cái hay trong bài diễn văn ứng khẩu đó. Nhưng chắc là chúng đã tiếp thu đại ý. Chúng nó biết rằng vắng mặt ông chủ tất là có điều gì nghiêm trọng xảy đến và chúng chờ đợi tôi giải thích. Nếu chúng không hiểu hết những lời tôi nói thì ít ra cũng hài lòng về cách xử sự của tôi đối với chúng. Chúng đã chứng tỏ sự hài lòng đó bằng sự chú ý.

Khi nói chú ý tôi chỉ nói về những con chó thôi. Đến như con Giô-li-cơ thì không tài nào bắt nó tập trung trí lực vào một vấn đề được. Đoạn đầu bài diễn văn nó lắng nghe hết sức chăm chú. Nghe được độ vài câu thì nó nhảy tót lên cái cây đang tỏa cành lá trên đầu chúng tôi, rồi nó đánh đu, đùa giỡn, nhảy từ cành này sang cành khác.

Nếu con Ca-pi mà láo xược với tôi như vậy sẽ làm tôi phật ý lắm, nhưng đối với con Giô-li-cơ thì không hành động gì của nó làm tôi ngạc nhiên cả. Nó chỉ là một đứa xốc nổi không đầu, không óc. Dù sao chẳng nữa nó thích đùa giỡn một tí cũng là tự nhiên thôi. Tôi xin thú thực rằng tôi cũng sẵn lòng làm như nó, đánh đu khoái trá như nó, nếu có thể. Nhưng mà chức vụ quan trọng và địa vị của tôi không cho phép tôi giải trí như thế.

Nghỉ được một lúc, tôi ra hiệu lên đường. Chúng tôi cần phải kiếm tiền để trả tiền trọ. Mà dù có phần chắc là chúng tôi sẽ ngủ ngoài trời và tiết kiệm được khoản ấy, thì bề nào cái khoản ăn sáng ngày mai cũng không tránh khỏi. Đi được chừng một tiếng đồng hồ, chúng tôi nom thấy một làng ở đằng xa, làng có vẻ nghèo khổ, tiền thu nhập chắc sẽ ít ỏi. Nhưng mà điều đó không làm cho tôi ngã lòng. Tôi còn tính là làng càng bé bao nhiêu thì càng ít gặp rủi ro, ít gặp cảnh sát bấy nhiêu.

Tôi mặc quần áo cho các diễn viên rồi cố xếp hàng thật đẹp, chúng tôi đi vào trong làng. Nhưng rủi thay chúng tôi không có ống tiêu của cụ Vi-ta-li và cái vẻ uy nghi của ông cụ. Y như một viên đội trưởng quân nhạc bao giờ ông cụ cũng làm cho người ta nhìn mình. Tôi không có những cái ưu thế của ông cụ như tầm vóc cao lớn, mặt mày linh hoạt. Trái lại người tôi bé nhỏ, mảnh khảnh và nét mặt tôi lại tỏ vẻ âu lo hơn là vững tin ở mình. Vừa đi tôi vừa nhìn ngang nhìn ngửa để xem có gây được ảnh hưởng gì không. Ảnh hưởng thật là xoàng xĩnh: người ta ngẩng đầu lên rồi người ta cúi đầu xuống, chẳng ai đi theo đoàn chúng tôi.

Đi đến một khoảng đất nhỏ, ở giữa có bể nước, có cây ngô đồng che bóng mát, tôi lấy thụ cầm ra đánh một điệu nhạc "van-xơ". Bản nhạc vui tươi, mấy ngón tay tôi nhẹ nhàng thoăn thoắt nhưng mà lòng tôi lại buồn phiền. Tôi thấy bên vai như có một gánh nặng nghìn cân. Tôi bảo con Déc-bi-nô và con Đôn-xơ nhảy "van-xơ", chúng nó vâng lời ngay và quay tròn theo nhịp.

Nhưng chẳng có ai hoài công đến nhìn chúng tôi cả, mặc dù ở các bậc cửa có vô số các bà đương đàn áo, hoặc nói chuyện.

Tôi tiếp tục đánh đàn. Con Déc-bi-nô và Đôn-xơ tiếp tục nhảy “van-xơ”. May chăng sẽ có một người nào đó đến xem chúng tôi. Có một người đến thì sẽ có người thứ hai, rồi thì có mười người, hai mươi người khác nữa. Nhưng mà tha hồ cho tôi đánh đàn, tha hồ cho con Déc-bi-nô và con Đôn-xơ cứ việc mà quay tròn, người ta vẫn cứ ở lì trong nhà. Rồi họ cũng chẳng buồn nhìn về phía chúng tôi nữa.

Bỗng nhiên một em bé, một em bé nhỏ xíu chừng như mới biết đi chập chững, rời bậc cửa nhà em và tiến lại chỗ chúng tôi. Có lẽ mẹ em sẽ theo em rồi thì sau bà mẹ sẽ có một bà bạn. Thế là chúng tôi sẽ thu được tiền. Tôi đánh đàn nhẹ tay hơn để cho em bé khỏi sợ, nói là để nhử em bé lại gần thì đúng hơn.

Em dang hai tay, đi núng na núng nính, từ từ tiến lại. Em đến rồi. Chỉ vài bước nữa là em đến chỗ chúng tôi.

Lúc ấy bà mẹ ngẩng đầu lên. Có lẽ bà đã cảm thấy đứa con không còn ở cạnh mình nữa. Bà trông thấy nó ở chỗ chúng tôi. Nhưng đáng lẽ chạy theo nó như chúng tôi mong mỗi thì bà chỉ ngồi yên mà gọi nó thôi. Đứa bé ngoan ngoãn trở về với mẹ.

Có lẽ những người này không thích múa chăng? Có thể lắm. Tôi bảo con Déc-bi-nô và con Đôn-xơ nằm xuống và tôi hát bài dân ca quen thuộc của tôi. Chắc hẳn là chưa bao giờ tôi hát chăm chú và nhiệt tình như thế.

Tôi bắt đầu hát sang đoạn thứ hai thì bỗng thấy một người mặc áo ngắn đội mũ dạ đi lại chỗ chúng tôi. Có thể chứ ! Tôi tự nhủ thế rồi càng hát say sưa hơn.

- Thằng kia ! - Người đó thét lên - Mày làm gì ở đây hả, thằng ranh con mất dạy này?

Tôi ngừng lại, rất đỗi kinh ngạc về câu hỏi đó. Tôi đứng sững, mồm há hốc nhìn người đó đi lại chỗ tôi. Hấn hỏi:

- Thế nào, mày có trả lời không ?

- Thưa ông, đây ông xem, cháu đang hát.

- Mày có giấy phép để hát ở nơi công cộng làng chúng tao không?

- Thưa ông không.

- Thế thì bước đi cho mau nếu mày không muốn tao đưa mày ra tòa !

- Thưa ông, nhưng...

- Hãy gọi tao là ông tuần phiên, rồi thì xéo đi cho nhanh, quân ăn mày khốn kiếp !

Một tuần phiên ! Nhờ bài học kinh nghiệm của chủ tôi, tôi hiểu rằng chống đối lại với bọn cảnh sát và bọn tuần phiên nguy hại như thế nào. Tôi không để cho hắn nhắc lại lần thứ hai. Theo lệnh hắn tôi vội vàng quay trở lại lối cũ.

"Quân ăn mày !" . Câu chửi đó chẳng đúng tí nào. Nào tôi có ăn xin bao giờ ! Tôi hát, tôi nhảy múa, đó là cách lao động của tôi chứ tôi có làm điều gì sai trái !

Chỉ cần năm phút là tôi đã ra khỏi làng ấy. Cái làng không niềm nở với khách qua đường nhưng lại được canh gác chu đáo thay ! Mấy con chó bước theo tôi, đáng ử dột. Chắc chúng hiểu rằng đoàn ta đã gặp một sự không may. Thỉnh thoảng con Ca-pi lại vượt lên trước tôi. Nó ngoảnh lại tò mò nhìn tôi với đôi mắt thông minh của nó. Ở vào địa vị ấy, bất kỳ con chó nào khác tất cũng đã hỏi tôi. Nhưng Ca-pi là một con chó có giáo dục, có kỷ luật nên nó không dám tự tiện đặt câu hỏi tọc mạch. Nó chỉ biểu lộ sự tò mò ham biết của nó mà thôi. Tôi thấy hàm nó rung rung vì nó muốn sủa mà phải cố gắng nhịn sủa.

Khi chúng tôi đi đã khá xa để khỏi lo tên tuần phiên đột ngột xuất hiện, thì tôi giơ tay ra hiệu. Tức thì ba con chó vây quanh tôi. Con Ca-pi đứng giữa lặng yên không nhúc nhích, mắt nó dán vào mắt tôi. Đã đến lúc giải thích cho chúng nó cái điều mà chúng nó mong đợi. Tôi nói:

- Chúng ta không có giấy phép biểu diễn, họ đuổi chúng ta đi.

- “Thế rồi sao ?” - Con Ca-pi bắt đầu hỏi.

- Thế rồi chúng ta sẽ ngủ ngoài trời, bất cứ chỗ nào và nhịn ăn bữa tối.

Nghe nói đến “bữa ăn tối”, cả bọn kêu lên một tiếng cầu nhàu. Tôi chìa ba đồng xu ra:

- Các bạn biết là chúng ta chỉ còn có thế. Nếu tôi nay chúng ta tiêu hết ba xu này thì đến mai không có tiền

mà ăn bữa trưa đâu ! Hôm nay chúng ta đã được ăn rồi. Vậy nên để dành đến ngày mai mới là khôn ngoan.

Thế rồi tôi bỏ ba đồng xu vào túi. Con Ca-pi và con Đôn-xơ cúi đầu xuống một cách nhẫn nhục. Con Déc-bi-nô vốn xấu tính và tham ăn cứ càu nhàu hoài. Tôi nghiêm khắc nhìn nó nhưng không bảo nó im mồm đi được. Tôi ngoảnh lại phía con Ca-pi:

- Ca-pi hãy giải thích cho Déc-bi-nô cái điều mà nó không muốn hiểu. Hôm nay chúng ta phải nhịn bữa ăn thứ hai nếu muốn ngày mai cũng được ăn một bữa.

Tức khắc con Ca-pi lấy cẳng đánh bạn một cái, và một cuộc tranh cãi diễn ra giữa hai con chó.

Con Ca-pi bảo con Déc-bi-nô cái gì tôi không nghe thấy, vì chó thì hiểu được ngôn ngữ của người chứ người thì không hiểu được ngôn ngữ của chó. Tôi chỉ thấy con Déc-bi-nô không chịu nghe lẽ phải và đòi tiêu ngay tức khắc ba đồng xu kia. Con Ca-pi phải nổi nóng lên và nhe bộ nanh ra. Con Déc-bi-nô vốn không can đảm gì cho lắm đành chịu im không kỳ kèo nữa. Vấn đề bữa tối thế là được giải quyết. Bây giờ còn vấn đề ngủ.

Cũng may là trời đẹp, ban ngày nóng nên ngủ ở ngoài trời về tiết này cũng chẳng có gì đáng ngại lắm. Chỉ cần bố trí thế nào để khỏi làm mối cho chó sói, nếu vùng này có chó sói. Cần hơn nữa là phải tránh bọn tuần phiên, bọn này còn nguy hiểm hơn bội phần. Đối với chúng tôi, con người vậy mà còn đáng sợ hơn muông sói !

Vậy thì cứ việc tiến thẳng về phía trước mặt, trên con đường trắng xóa, cho đến lúc nào gặp chỗ trú. Chúng tôi làm như vậy. Con đường dài dằng dặc, hết cây số này đến cây số khác nối tiếp nhau. Những tia ánh hồng của mặt trời lặn đã biến mất trên nền trời mà chúng tôi vẫn chưa tìm thấy chỗ trú. Dù thế nào cũng phải định liệu thôi.

Khi tôi quyết định dừng lại để nghỉ đêm thì chúng tôi đang ở trong một khu rừng đỏ đây có những khoảng trống trống trụi. Ở giữa các khoảng trống ấy có những khối đá hoa cương dựng đứng. Nơi này thật là buồn, thật là hiu quạnh. Nhưng chúng tôi không thể chọn chỗ nào hơn được. Tôi nghĩ rằng ở giữa những khối đá hoa cương ấy, chúng tôi có thể tìm được một chỗ trú ẩn để tránh khí lạnh vào ban đêm. Tôi nói “chúng tôi” là nói con Giô-li-cơ và tôi. Đối với mấy con chó thì không phải lo lắng gì cho chúng nó cả. Để chúng nó ngủ ngoài trời chẳng sợ chúng nó lên cơn sốt đâu ! Nhưng riêng tôi thì phải giữ gìn vì tôi biết trách nhiệm của mình rất nặng. Nếu tôi đau ốm thì gánh hát sẽ ra sao ? Và bản thân tôi ra sao, nếu phải nuôi con Giô-li-cơ ốm ?

Chúng tôi rời đường cái, đi vào giữa các khối đá. Lát sau tôi trông thấy một phiến đá hoa cương lớn nằm nghiêng, tạo thành một cái hốc dưới chân phiến đá và một cái ở trên chóp. Trong cái hốc đó, gió đã vun lá thông khô lại thành một lớp dày. Không còn kiếm ra chỗ nào hơn thế nữa: một cái nệm để nằm, một cái mái để nắp. Chỉ thiếu một miếng bánh để ăn bữa tối nữa thôi. Phải cố gắng đừng nghĩ đến chuyện đó nữa.

Trước khi ngủ tôi giảng giải cho con Ca-pi nghe là tôi trông cậy ở nó về việc canh phòng cho cả bọn. Thế là đáng lẽ cũng vào nằm trên đồng lá thông với chúng tôi, con vật ngoan ngoãn ấy lại đứng ở ngoài để canh gác. Tôi có thể yên tâm. Tôi chắc không ai có thể đến gần chúng tôi mà tôi không được báo trước. Tuy rằng tôi đã yên lòng về điểm đó nhưng nằm xuống đồng lá thông tôi chưa ngủ ngay được. Con Giô-li-cơ nằm sát cạnh tôi, trùm chiếc áo ngắn của tôi. Con Déc-bi-nô và con Đôn-xơ nằm khoanh tròn ở dưới chân tôi.

Tôi mệt mỏi lắm nhưng nỗi lo lắng còn lớn hơn là sự mệt mỏi. Ngày hôm đó, ngày đầu cuộc hành trình của chúng tôi, là một ngày xấu. Ngày mai đây sẽ ra sao nhỉ ? Tôi đói, tôi khát mà tôi chỉ còn có ba xu thôi. Tự nhiên tôi thò tay vào túi sờ nắn mấy đồng xu, nhưng có sờ nắn bao nhiêu cũng vô ích thôi, chúng chẳng đẻ thêm ra đồng nào nữa: một này, hai này, ba này, bao giờ cũng vậy, đếm đến con số ấy là tôi dừng lại.

Làm thế nào nuôi gánh xiếc ? Làm thế nào mà nuôi chính bản thân mình, nếu ngày mai đây và những ngày sau đó, tôi không biểu diễn được ? Nào là rọ mồm cho chó, nào là lấy giấy phép đi hát rong, biết đào những thứ ấy ở đâu ra ? Cả bọn phải chết đói ở một xó rừng nào đó, hoặc là chết bờ chết bụi chẳng ? Vừa đặt đi đặt lại những câu hỏi bứt rứt ấy tôi vừa nhìn những vì sao lấp lánh trên đầu trong vòm trời mờ mịt.

Không một tí gió. Khắp nơi đều yên lặng. Không một tiếng lá xào xạc. Không một tiếng chim kêu. Trên đường cái không một tiếng xe lăn bánh. Phóng hết

tầm con mắt trong cội xanh xanh sâu thẳm, cũng chỉ thấy khoảng không trống rỗng. Chúng tôi thật cô đơn và trơ trọi !

Tôi cảm thấy nước mắt trào lên giàn giụa rồi bỗng dưng tôi khóc nức nở: tội nghiệp má Bác-bơ-ranh ! Tội nghiệp cụ Vi-ta-li.

Tôi nằm sấp, hai bàn tay úp vào mặt khóc tấm tấ không tài nào nín được. Bỗng tôi thấy một hơi thở ấm ẩm luồn qua tóc. Tôi vùng quay lại, một cái lưỡi mềm mại và nóng hổi liếm vào mặt tôi. Đó là con Ca-pi, nó đã nghe thấy tôi khóc nên lại an ủi tôi như nó đã đến giúp đỡ tôi đêm đầu tiên tôi lên đường. Tôi choàng hai cánh tay ôm cổ nó, hôn cái mồm ẩm ướt của nó. Thế là nó rên lên mấy tiếng khe khẽ dường như nó cùng khóc với tôi.

Khi tôi thức giấc thì trời đã sáng rõ. Con Ca-pi ngồi trước mặt nhìn tôi. Trên cành, chim hót ríu rít. Ở xa, ở tận nơi xa tít, vọng lại tiếng chuông báo giờ cầu kinh buổi sáng. Mặt trời đã lên cao tỏa ra những tia nắng làm ấm người và ấm cả lòng nữa.

Công việc điếm trang chải chuốt buổi sáng của chúng tôi chỉ một thoáng là xong, và thế là chúng tôi lên đường, đi về phía có tiếng chuông giống giả. Ở đây chắc có làng xóm, ở đây chắc có cửa hàng bánh mì. Khi người ta đi ngủ không ăn bữa trưa và bữa tối thì cái đói nó lên tiếng ngay từ sáng sớm rồi.

Tôi đã nhất quyết: cứ tiêu hết ba đồng xu còn lại đó rồi sau sẽ hay.

Vào làng tôi chẳng cần phải hỏi thăm cửa hàng bánh mì ở đâu. Mũi chúng tôi đã đưa chúng tôi tới đó một cách chắc chắn. Gì chứ để đánh hơi thấy mùi bánh nóng thơm ngon từ xa thì mũi tôi cũng thính chẳng kém gì mũi mấy con chó kia. Ba xu bánh mì khi giá bánh năm xu một cân thì mỗi phần chỉ được một miếng nhỏ. Do đó, chúng tôi ăn xong bữa sáng rất nhanh.

Đã đến lúc phải xem xét, phải nghĩ cách thế nào để kiếm tiền trong ngày hôm đó. Tôi bèn đi khắp làng để tìm chỗ nào thuận lợi nhất để biểu diễn và cũng để dò xét về mặt mọi người đoán xem họ sẽ là bạn hay thù. Ý tôi không phải là biểu diễn ngay tức khắc vì giờ này không thuận tiện. Mục đích của tôi là nghiên cứu vùng này chọn lấy một chỗ tốt nhất để đến trưa thì trở lại đó thử thời vận xem sao.

Tôi đang mải mê với ý nghĩ ấy bỗng nghe thấy tiếng la hét ở phía sau. Tôi vội ngoảnh lại thì thấy con Déc-bi-nô chạy tới và một bà già đang đuổi theo nó. Thoáng qua cũng đủ hiểu tại sao có cuộc đuổi bắt và tiếng kêu la ấy. Lợi dụng lúc tôi lơ đãng, con Déc-bi-nô đã dõng tôi lên vào nhà người ta đánh cắp một miếng thịt mang đi.

- Quân ăn trộm ! - Bà già la to - Bắt lấy nó, bắt lấy tất cả bọn chúng nó !

Nghe mấy tiếng cuối cùng ấy, tôi thấy mình có lỗi, hay ít ra cũng phải chịu trách nhiệm về sự sai trái của con chó của mình. Vì thế, tôi cũng chạy nốt.

Biết trả lời làm sao nếu bà già kia bắt tôi bồi thường miếng thịt nó đánh cắp ? Lấy gì mà trả ? Không trả thì họ bắt lại và đã bắt thì họ giữ lại chứ chẳng chơi.

Thấy tôi chạy, con Ca-pi và con Đôn-xơ cũng không chịu tụt lại sau. Chúng nó theo sát gót tôi. Còn con Giô-li-cơ ngồi trên vai tôi thì bám chặt lấy cổ tôi để khỏi rơi xuống đất.

Tôi không sợ người ta đuổi kịp nhưng sợ người ta đón đầu ở quãng nào đó.

Quả nhiên có hai ba người chừng như có ý định ấy đang chặn đường chúng tôi.

May sao có một ngõ nhỏ đâm ngang ra đường cái trước khi đến chỗ họ. Tôi cùng với mấy con chó nhảy xổ vào trong ngõ và chạy thục mạng. Chẳng mấy chốc chúng tôi đã ra đến giữa đồng. Tôi chạy cho đến khi gần đứt hơi mới dừng lại, nghĩa là tôi đã chạy ngót hai cây số là ít.

Bây giờ tôi mới dám ngoảnh lại để nhìn về phía sau, không có người nào đuổi theo chúng tôi cả. Con Ca-pi và con Đôn-xơ vẫn bám sát gót tôi. Còn con Déc-bi-nô thì từ xa đi tới. Có lẽ nó đã dừng lại ở giữa đường để ăn miếng thịt.

Tôi gọi nó, nhưng nó biết là nó đáng bị trừng phạt nặng nên không đến với tôi. Nó dừng lại rồi đâm đầu chạy trốn.

Đành rằng con Déc-bi-nô đánh cắp miếng thịt vì đói, nhưng mà tôi không thể vin vào lý do đó để tha

thứ. Một vụ trộm cắp đã xảy ra. Kẻ có lỗi phải chịu phạt. Nếu không thì chẳng còn kỷ luật gì trong gánh xiếc của tôi nữa. Đến làng sau, con Đôn-xơ sẽ bắt trước bạn nó, rồi tới cả con Ca-pi nữa cũng sẽ bị cảm dỗ nốt. Vậy thì tôi phải trừng phạt công khai con Déc-bi-nô mới được. Nhưng muốn thế thì tự nó phải đến trước mặt tôi.

Chuyện đó không phải dễ dàng. Tôi phải cạy con Ca-pi.

- Đi tìm con Déc-bi-nô cho tao.

Nó đi ngay để thi hành nhiệm vụ tôi giao phó. Tuy nhiên nó nhận việc này không sốt sắng như thường lệ. Trong cái nhìn của nó trước khi đi, tôi nhận thấy như là nó muốn làm người bào chữa cho con Déc-bi-nô hơn là làm tên sen đầm cho tôi.

Thế là tôi chỉ còn việc đợi con Ca-pi điệu tên tù của nó về. Chắc phải chờ khá lâu vì hẳn là con Déc-bi-nô không chịu để lời về ngay đâu. Dù phải chờ đợi thế nào tôi cũng không lấy làm khó chịu lắm. Chúng tôi đã ở cách làng xóm khá xa, không còn lo người đuổi theo nữa. Mặt khác tôi chạy đã mệt rồi và cũng muốn được nghỉ ngơi một lát. Vả lại vợ vã mà làm gì ? Có vợ cũng chưa biết đi đâu và cũng chẳng có việc gì làm kia mà !

Chính cái chỗ tôi dừng lại là một nơi tuyệt diệu để đợi chờ và nghỉ ngơi. Số là trong lúc tôi chạy thực mạng chẳng biết là chạy đi đâu thì lại đến ngay trên bờ con kênh Nam. Từ khi rời thành phố Tu-lu-dơ, tôi đã đi qua

những cánh đồng mù mịt bụi. Giờ đây tôi mới đến một miền vừa xanh tươi vừa mát mẻ, có những kẽ của một tảng đá to phủ đầy cây nhỏ, và những cây ấy buông xuống thành những thác hoa xuôi chiều dòng nước. Thật thú vị. Ngồi đó đợi hai con chó trở về thì tuyệt.

Một giờ trôi qua. Không thấy con nào về cả. Tôi bắt đầu lo ngại thì bỗng thấy con Ca-pi lủi thủi trở về một mình.

- Con Déc-bi-nô đâu ?

Con Ca-pi nằm xuống, dáng điệu sợ sệt. Nhìn nó tôi thấy bên tai có vấy máu. Chẳng cần phải giải thích tôi cũng hiểu câu chuyện xảy ra thế nào: Con Déc-bi-nô chống cự lại. Còn con Ca-pi thì có lẽ nó chấp hành miễn cưỡng một mệnh lệnh mà nó cho là khắc nghiệt quá nên nó đành chịu thua. Có nên mắng mỏ nó và trừng phạt cả nó nữa không ? Tôi không đủ can đảm làm thế. Tôi không muốn làm phiền lòng người khác vì chính mình cũng đang nẫu ruột về nỗi sầu riêng.

Công việc giao cho con Ca-pi làm không có kết quả, tôi chỉ còn có cách đợi cho con Déc-bi-nô vui lòng trở về thôi. Tôi biết nó lắm. Cái hành động phản kháng lúc ban đầu qua rồi thì nó đành chịu phạt và chắc là tôi sẽ thấy nó hối hận trở về. Tôi nằm xuống bên một gốc cây, tay giữ con Giô-li-cơ đã xích lại vì sợ nó lại cao hứng bỏ theo con Déc-bi-nô. Còn con Ca-pi và con Đôn-xơ thì nằm dưới chân tôi. Thời gian trôi qua, con Déc-bi-nô vẫn không về. Giấc ngủ đến với tôi lúc nào không biết và tôi thiếp đi.

Khi tôi thức giấc thì mặt trời lên tới đỉnh đầu và khá nhiều giờ khắc đã trôi qua. Không cần có mặt trời tôi cũng biết là đã trưa vì dạ dày của tôi kêu lên rằng tôi đã ngón mẩu bánh cuối cùng từ lâu lắm rồi. Về phần mấy con chó và con khỉ Giô-li-cơ, chúng nó cũng tỏ ra rất đói. Con Ca-pi và con Đôn-xơ kêu đói bằng vẻ mặt thiếu não, con Giô-li-cơ thì nhăn nhó.

Vẫn không thấy bóng vía con Déc-bi-nô đâu cả.

Tôi kêu tên nó, tôi huýt sáo gọi nó. Đều vô ích ! Nó không về. Nó ăn bữa sáng no nê rồi, bây giờ nó rúc vào bờ bụi nào đó để yên ổn tiêu hóa thức ăn.

Tình thế trở nên khó xử. Nếu tôi đi thì con chó sẽ lạc đàn không trở về với chúng tôi được. Nếu tôi ở lại thì không có cơ hội kiếm được dăm ba xu để có cái ăn. Và đúng là nhu cầu về ăn càng lâu càng trở thành cấp thiết. Mắt của hai con chó nhìn chòng chọc vào mắt tôi, nhìn một cách tuyệt vọng. Con khỉ Giô-li-cơ thì vừa xoa bụng vừa kêu khe khẽ những tiếng đầy oán thán. Thời gian trôi qua, con Déc-bi-nô vẫn không trở về. Tôi lại phái con Ca-pi đi tìm một lần nữa. Nhưng nửa giờ sau nó trở về có một mình và cho tôi biết là không tìm thấy.

Làm thế nào bây giờ ?

Dù cho con Déc-bi-nô đã phạm lỗi, dù nó còn đặt chúng tôi vào một tình thế ghê gớm nữa, tôi cũng không thể tính đến việc bỏ rơi nó. Cụ chủ tôi sẽ nói sao nếu tôi không mang đủ ba con chó về. Vả lại dù sao đi nữa, tôi vẫn yêu thương nó, cái con Déc-bi-nô chết tiệt này ! Tôi quyết tâm đợi nó đến chiều tối.

Nhưng không thể nào cứ ngồi yên không hoạt động để nghe dạ dày van đói. Những tiếng kêu ấy nghe càng bội phần thống thiết vì chỉ có nó nhoi nhói bên tai, không lúc nào nghỉ ngơi, và cũng không có cái gì chen vào để làm cho ta có thể xao nhãng.

Phải nghĩ ra trò gì để bốn chúng tôi có việc làm cho khuây khỏa. Nếu có thể quên đi không nghĩ rằng mình đang đói thì tất nhiên sẽ ít thấy đói hơn. Nhưng làm gì bây giờ ?

Mải loay hoay về câu hỏi ấy, tôi chợt nhớ cụ Vi-ta-li có kể cho tôi nghe rằng trong chiến tranh, khi một binh đoàn hành quân mệt nhọc thì người ta bảo cử nhạc. Nghe thấy những điệu nhạc vui vẻ và lôi cuốn, binh sĩ sẽ quên hết mệt mỏi.

Nếu tôi chơi một bản nhạc vui có lẽ cả bọn sẽ quên đói ! Dù thế nào đi nữa, tôi bận chơi nhạc và mấy con chó bận nhảy múa với con Giô-li-cơ thì thời giờ sẽ đi nhanh hơn. Tôi vớ lấy cây đàn dựng ở góc cây. Sau khi sắp xếp chỗ đứng cho các diễn viên, tôi quay lưng lại con sông đào và bắt đầu chơi một điệu múa và sau đó một điệu "van-xơ".

Thoạt tiên thì dường như mấy tài tử của tôi không sẵn lòng nhảy múa. Giá có bánh mì để cho mỗi chú một khoanh thì tất nhiên ổn hơn đấy. Nhưng dần dần nhờ có tác dụng tự nhiên của âm nhạc, chúng nó phấn chấn lên. Chúng tôi quên cả lát bánh đang thềm mà chẳng có. Tôi chỉ nghĩ đến nhảy múa.

Thình lình tôi nghe một giọng nói trong trẻo, một giọng trẻ con reo lên: “Hoan hô !”. Giọng nói đó từ đằng sau vọng tới. Tôi vội vàng ngoảnh lại.

Một con thuyền đỗ ở dưới sông, mũi thuyền quay về bên bờ tôi đứng. Hai con ngựa kéo thuyền dừng lại nghỉ ở bờ bên kia. Đó là một con thuyền lạ lùng chưa bao giờ tôi trông thấy. Nó ngắn hơn những chiếc xà lan thường đi trên sông đào. Trên sàn thuyền dựng một cái hành lang lấp kính. Phía trước hành lang kính là một mái hiên có cây leo che mát. Cành lá bám rải rác vào đường răng cưa ở mái nhà và rủ xuống từng nơi từng chỗ như những thác nước màu xanh lục. Dưới mái hiên có hai người: một người đàn bà còn trẻ đang đứng, vẻ tao nhã buồn và một chú bé, một đứa con trai trạc tuổi tôi trông như đang nằm.

Có lẽ chính thằng bé này vừa reo: “Hoan hô !” đây. Con thuyền kia xuất hiện bất ngờ nhưng không có vẻ gì đáng sợ cả. Vừa hết ngạc nhiên thì tôi ngả mũ cảm ơn người vừa hoan hô tôi. Người đàn bà hỏi tôi với giọng lơ lơ của một người ngoại quốc?

- Em diễn trò để tiêu khiển đấy à ?

- Để tập luyện cho diễn viên của cháu và cũng để ... giải trí.

Chú bé ra hiệu cho bà ta và bà cúi sát xuống mặt nó. Rồi bà ngẩng lên hỏi tôi:

- Em có vui lòng biểu diễn một lúc nữa không?

Có, tôi vui lòng biểu diễn lắm chứ ! Biểu diễn trước một cử tọa đến đúng lúc thế này. Tôi không đợi người ta nài. Tôi hỏi:

- Bà muốn xem một điệu vũ hay một vở kịch ?

- Ô ! Một vở kịch ! - Đưa bé reo lên.

Nhưng bà ngắt lời và bảo là bà ta thích điệu vũ hơn. Đứa bé kêu:

- Điệu vũ thì ngắn ngủi quá !

- Sau điệu vũ, nếu chư vị khán giả thích thì chúng tôi có thể biểu diễn nhiều tiết mục "y hệt những tiết mục ở các rạp xiếc của thành phố Pa-ri".

Đó là một câu quen thuộc của chủ tôi. Tôi cố gắng đọc nó với cái giọng tao nhã của ông cụ. Nghĩ cho kỹ thì họ từ chối vở kịch hóa ra lại làm cho tôi hài lòng. Vì rằng tổ chức kịch mà thiếu mất con Déc-bi-nô và quần áo, dụng cụ cần thiết thì tôi còn biết xoay xở làm sao !

Thế là tôi vớ cây thụ cầm và bắt đầu chơi một điệu van-xơ. Tức khắc con Ca-pi lấy hai chân ôm ngang lưng con Đôn-xơ và chúng quay theo nhịp. Rồi đến con Giô-li-cơ một mình nhẩy một điệu vũ. Tiếp đó chúng tôi lần lượt biểu diễn hết cả chương trình của mình, không thấy mệt mỏi. Chắc mấy diễn viên của tôi hiểu rằng chúng sẽ được thù lao bằng một bữa ăn, cho nên chúng nó cũng như tôi, đều không tiếc gì công sức.

Giữa một tiết mục tôi thấy con Déc-bi-nô thành linh ở trong một bụi cây chui ra. Khi các bạn nó tới gần nó thì nó trăng tráo len vào và đóng vai trò của mình.

Vừa biểu diễn, vừa trông nom các diễn viên, thỉnh thoảng tôi vừa liếc mắt nhìn chú bé. Điều kỳ dị là tuy xem trò của chúng tôi, nó có vẻ thích thú, nhưng nó vẫn không cử động. Nó nằm dài ngay đơ chỉ động đậy hai tay để vỗ tán thưởng chúng tôi.

Nó bị liệt chăng ? Hình như nó bị buộc vào một tấm gỗ.

Gió đẩy dần con thuyền vào sát bờ lúc nào không biết. Bây giờ thì tôi nhìn thấy thằng bé rõ như tôi đang đứng ở trên thuyền gần ngay cạnh nó. Tóc nó vàng, mặt nó tái nhợt, tái đến nỗi người ta trông thấy rõ những đường gân xanh trên trán dưới làn da trong suốt, nét mặt nó hiền dịu âu sầu và có cái gì như là dấu hiệu của bệnh tật. Bà chủ thuyền hỏi tôi:

- Em diễn như thế, bao nhiêu một chỗ xem ?

- Người ta trả tùy lòng, tùy theo sự vui thích của người ta.

- Mẹ ơi, thế thì phải trả thật đắt đấy - Thằng bé nói.

Rồi nó nói thêm mấy câu bằng một thứ tiếng mà tôi không hiểu. Sau đó bà mẹ nói với tôi:

- Ấc-tơ nó muốn nhìn gần các diễn viên của em đấy.

Tôi ra hiệu. Con Ca-pi lấy đà nhảy vọt xuống thuyền. Ấc-tơ hỏi:

- Thế còn những con kia ?

Hai con Đéc-bi-nô và Đôn-xơ nhảy theo bạn.

- Còn con khỉ nữa !

Con Giô-li-cơ có thể nhảy xuống một cách dễ dàng nhưng tôi không bao giờ tin nó. Một khi lên thuyền, nó có thể bày ra những trò tinh nghịch không vừa ý bà chủ. Bà chủ hỏi:

- Nó có dữ không ?

- Thưa bà không, nhưng có lúc nó không vâng lời. Cháu sợ xuống thuyền nó không ngoan.

- Thế thì cháu cứ xuống với nó.

Vừa nói bà vừa ra hiệu cho một người đàn ông đứng ở sau lái. Lập tức người này đi lên phía trước bắc một tấm ván lên bờ. Nhờ cái cầu bắc như thế nên tôi xuống thuyền khỏi phải nhảy bật mạng. Tôi trịnh trọng bước vào trong thuyền, vai đeo đàn, tay bế con Giô-li-cơ. Ấc-tơ reo lên:

- Con khỉ ! Con khỉ đây !

Tôi tiến đến sát chú bé. Trong lúc nó vuốt ve, vỗ về con Giô-li-cơ, tôi tha hồ ngắm nghía nó. Thật là kỳ lạ ! Đúng là nó bị buộc vào một tấm gỗ như tôi đã dự đoán. Bà chủ hỏi tôi:

- Cháu có bố cháu đấy chứ, có phải không ?

- Thưa có, nhưng hiện nay cháu sống một mình.

- Sống một mình có lâu không ?

- Hai tháng.

- Hai tháng ! Ô tội nghiệp cho cháu ! Thế nào ? Bằng ấy tuổi mà đã phải sống một mình lâu như thế ư ?

- Thưa bà biết làm thế nào được !

- Hết hai tháng này có lẽ chủ cháu bắt cháu phải mang về cho ông ấy một số tiền phải không?

- Thưa bà không. Chủ cháu không bắt buộc cháu cái gì cả. Miễn là làm sao cháu sống được và nuôi sống được gánh xiếc thế là đủ.

- Cho tới nay cháu vẫn kiếm được đủ sống à ?

Tôi ngập ngừng trước khi trả lời. Tôi chưa thấy một bà nào làm cho tôi kính nể như bà ấy. Thế mà, bà nói năng hiền từ, giọng bà dịu dàng, cái nhìn của bà ân cần, sốt sắng đến nỗi tôi quyết định nói thực. Và lại tại sao lại không nói chứ ?

Tôi kể cho bà nghe tại sao tôi phải xa lìa cụ Vi-ta-li, ông cụ bị tù vì đã bảo vệ tôi như thế nào, và làm sao từ khi rời thành phố Tu-lu-dơ tôi chưa hề kiếm được một xu.

Trong lúc tôi nói thì thằng Ác-tơ chơi đùa với mấy con chó. Tuy vậy nó vẫn chú ý nghe tất cả những lời tôi kể lể. Nó kêu:

- Các bạn chắc đói lắm nhỉ ?

Nghe đến cái tiếng đói quen thuộc ấy, mấy con chó sủa vang lên và con Giô-li-cơ thì xoa bụng rồi rít. Ác-tơ kêu lên:

- Ô ! Mẹ ơi !

Nghe thấy tiếng gọi, bà hiểu ngay. Bà nói mấy câu bằng tiếng ngoại quốc với một người đàn bà vừa thò

dầu ra sau cánh cửa hé mở. Hầu như tức khắc sau đó, người đàn bà này bưng ra một chiếc bàn nhỏ bày thức ăn. Bà chủ thuyền bảo tôi:

- Ngồi ăn đi cháu.

Tôi không đợi bao nhiêu lần. Tôi đặt cây đàn xuống và ngồi ngay vào bàn. Tức thì mấy con chó xếp hàng quanh tôi và con Giô-li-cơ ngồi lên đầu gối tôi. Ác-tơ hỏi:

- Chó của anh có ăn bánh mì không ?

- Chúng nó ăn mạnh chứ ! Tôi cho mỗi con một miếng chúng ngốn hết ngay.

Ác-tơ lại hỏi:

- Còn con khỉ nữa ?

Nhưng cũng chẳng cần săn sóc đến con Giô-li-cơ. Trong khi tôi cho chó ăn thì nó đã vớ lấy một miếng ba-tê chui xuống gầm bàn ngồi tọng đến nghẹn cổ.

Xong đến lượt tôi, tôi cũng cầm một khoanh bánh.

Tôi không đến nỗi tọng cho nghẹn hầu nghẹn họng như con Giô-li-cơ nhưng cũng ăn ngấu ăn nghiêng không kém nó. Bà chủ rót đầy cốc rượu nho cho tôi và nói:

- Tội nghiệp cháu bé !

Còn Ác-tơ không nói gì cả. Nó giương mắt nhìn chúng tôi. Thấy chúng tôi ăn ngon miệng như thế, chắc là nó phải kinh ngạc lắm, vì trong cả bọn chúng tôi, đứa nào cũng háu ăn như đứa nào. Ngay cả con Déc-bi-nô cũng vậy, tuy rằng nó cũng đã khá no bụng với miếng thịt đánh cắp. Ác-tơ hỏi:

- Thế tối nay anh và các con vật định ăn ở đâu nếu không gặp chúng tôi ?

- Chắc là chúng tôi không ăn tối.

- Thế ngày mai ăn ở đâu ?

- Có lẽ ngày mai chúng tôi lại may mắn gặp được người tốt như hôm này.

Không tiếp chuyện tôi nữa, Ác-tơ ngoảnh lại phía mẹ và hai người lại trao đổi với nhau rất lâu bằng thứ tiếng ngoại quốc mà tôi đã nghe thấy vừa rồi. Hình như nó muốn xin cái gì mà mẹ nó không muốn cho, hay ít ra cũng nêu nhiều điều trở ngại. Bỗng nhiên nó quay đầu lại phía tôi vì thân mình nó không cử động được. Nó nói:

- Anh ở lại đây với chúng tôi nhé ?

Tôi nhìn nó không trả lời. Câu hỏi đột ngột quá.

- Con tôi nó hỏi cháu có vui lòng ở lại đây với chúng tôi không ?

- Trên chiếc thuyền này ?

- Phải, trên chiếc thuyền này. Con tôi nó ốm. Thầy thuốc bắt phải buộc nó trên một tấm gỗ như cháu thấy đấy. Để cho nó khỏi buồn chán, tôi đưa nó đi chơi trên chiếc thuyền này. Cháu sẽ ở lại đây với chúng tôi. Lũ chó và con khỉ của cháu sẽ biểu diễn cho Ác-tơ xem. Nó sẽ là khán giả của những con vật ấy đấy. Còn cháu, nếu cháu vui lòng thì cháu sẽ đánh thụ cầm cho mẹ con chúng tôi nghe. Như vậy cháu sẽ giúp ích cho chúng tôi

và về phía chúng tôi thì có lẽ chúng tôi cũng có ích cho cháu. Hàng ngày cháu sẽ khỏi phải đi kiếm khách xem. Cái đó không phải là một chuyện dễ dàng đối với một đứa trẻ vào lứa tuổi cháu.

Đi thuyền ! Tôi chưa hề được đi thuyền bao giờ và được đi thuyền là điều mong ước lớn của tôi. Tôi sẽ được sống trên thuyền, trên mặt nước, sung sướng làm sao ! Đó là ý nghĩ đầu tiên bùng lên trong trí tôi và làm cho óc sáng hẳn lên.

Giấc mơ thú vị quá ! Chỉ cần suy nghĩ vài giây tôi đủ thấy lời đề nghị kia rất có lợi cho tôi và người đề nghị đó quả là hào hiệp.

Tôi cầm tay bà ta mà hôn.

Hình như bà cảm kích về cách tỏ lòng biết ơn đó. Thân ái và gần như âu yếm, bà lấy tay xoa đầu tôi mấy lần và nói :

- Tội nghiệp cháu bé !

Người ta đã có ý muốn tôi gảy đàn cho nghe thì tôi tưởng nên làm hài lòng người ta ngay chứ không nên trì hoãn. Sự sốt sắng là một cách chứng tỏ phần nào thiện chí và lòng biết ơn của mình. Tôi cầm cây đàn, đi mãi tận đằng mũi thuyền và bắt đầu gảy.

Lúc đó bà chủ đặt lên môi một chiếc còi nhỏ bằng bạc và huýt lên một tiếng lanh lảnh.

Tôi vội ngừng gảy đàn và tự hỏi tại sao bà ta thổi còi như thế. Phải chăng bà thổi còi vì tôi chơi đàn dở hay bà muốn bảo tôi im đi ?

Vốn để ý tới tất cả mọi việc xung quanh. Ác-tơ đoán được mỗi bản khoả của tôi. Nó nói:

- Mẹ tôi thôi còi để cho ngựa tiếp tục đi đấy !

Thật vậy, con thuyền có ngựa kéo rời khỏi bờ và bắt đầu lướt trên mặt nước yên lặng của con sông đào. Nước vỗ róc rách vào mạn thuyền. Cây cối ở hai bên bờ chạy lùi về phía sau chúng tôi dưới tia nắng xiên khoai của mặt trời. Ác-tơ bảo:

- Anh đánh đàn đi !

Nó lấy đầu ra hiệu gọi mẹ nó lại gần. Nó cầm tay bà lên, giữ thật chặt trong hai bàn tay nó suốt thời gian tôi chơi những bản nhạc mà thấy tôi đã dạy.

12

NGƯỜI BẠN ĐẦU TIÊN CỦA TÔI

Bà mẹ Ác-tơ là người Anh. Tên bà là Mi-li-gơn. Bà góa chồng. Lúc đầu tôi tưởng Ác-tơ là đứa con duy nhất của bà, về sau mới biết bà còn đứa con trưởng bị mất tích một cách bí mật. Người ta không tìm ra được dấu vết của nó. Sự việc ấy xảy ra trong lúc ông Mi-li-gơn đang sắp chết, còn bà Mi-li-gơn thì ốm nặng chẳng biết tí gì xung quanh bà ta cả. Khi bà bình phục thì chồng bà đã chết và con bà đã mất tích rồi. Việc tìm tòi do người em chồng bà là ông Giem Mi-li-gơn lo liệu. Chọn ông Giem Mi-li-gơn vào việc này thì cũng lạ vì

ông ta có những quyền lợi đối lập với chị dâu. Thật vậy, anh ông Giem chết không con thì ông ta trở thành người thừa kế của ông ấy.

Tuy vậy ông Giem Mi-li-gon cũng không được hưởng di sản của anh vì rằng bảy tháng sau khi chồng chết, bà Mi-li-gon lại sinh ra một đứa con trai, đó là chú bé Ác-tơ⁽¹⁾.

Thầy thuốc bảo rằng thằng bé này khảng khỏe và bệnh tật thế, chả nuôi được. Nó có thể chết nay chết mai. Lúc ấy ông Giem Mi-li-gon mới hẳn là người thừa kế tước vị và gia sản của anh ông. Luật thừa tự không phải ở nước nào cũng giống nhau. Bên nước Anh trong một trường hợp nào đó, pháp luật có thể cho một người chú đứa trẻ thừa kế chứ không phải người mẹ.

Đứa cháu trai ra đời làm cho mối hy vọng của ông Giem Mi-li-gon chậm thực hiện, nhưng không làm cho nó tiêu tan. Ông ta chỉ có việc đợi thôi.

Và ông ta đợi.

Nhưng mà lời báo trước của các ông thầy thuốc chẳng ứng nghiệm. Ác-tơ tuy ốm đau quặt quẹo nhưng không chết như người ta dự đoán. Sự chăm sóc của bà mẹ đã làm cho nó sống. Đó là một điều kỳ diệu, nhưng ơn trời điều kỳ diệu ấy cũng thường hay lặp lại.

Để đến hai mươi lần người ta tưởng nó đi đời, nhưng hai mươi lần nó được cứu sống. Nó bị liên tiếp -

(1) Theo luật ở các nước tư bản Âu Mỹ, con sinh trong 10 tháng sau ngày bố chết được hưởng gia tài của bố - ND.

đôi khi còn cùng một lúc - tất cả các thứ bệnh tật mà trẻ con thường hay mắc phải.

Thời gian gần đây nó lại mắc một chứng bệnh khủng khiếp gọi là lao xương hông. Chỗ đau nằm ở hông. Để chữa bệnh này, người ta bảo phải dùng nước có chất lưu hoàng. Bà Mi-li-gơn bèn đến miền núi Pyrê-nê. Nhưng sau khi chữa bằng nước có chứa chất lưu hoàng không kết quả, người ta bèn bày một phương pháp điều trị khác. Theo cách này, người ốm phải nằm duỗi dài ra không được đặt chân xuống đất. Do đó, bà Mi-li-gơn mới thuê đóng chiếc thuyền này ở thành phố Boóc-dô.

Bà không dành nhốt con bà trong một căn nhà. Nó đến chết vì buồn chán hoặc thiếu khí trời mà thôi. Thằng Ác-tơ không đi được thì cái nhà nó ở sẽ đi thay cho nó.

Người ta đã biến chiếc thuyền thành ngôi nhà nổi có buồng ngủ, có bếp, có buồng khách và mái hiên. Tùy theo thời tiết, Ác-tơ ở trong phòng khách hay ở dưới mái hiên này, từ sáng chí tối, với mẹ nó bên cạnh. Thế là cảnh vật diễn qua trước mắt nó, nó chỉ cần mở mắt ra mà nhìn.

Họ khởi hành từ Boóc-dô được một tháng nay. Sau khi ngược dòng sông Ga-ron, họ đi vào kênh Nam. Từ con sông đào này họ sẽ đi tới những đầm vũng và con sông đào dọc bờ Địa Trung Hải. Rồi họ sẽ ngược sông Rôn, sông Xôn, chuyển sang sông Loa cho tới thị trấn Bơ-ri-a. Ở đấy họ rẽ sang con sông đào cùng tên để đến sông Xen

rồi xuôi dòng sông cho tới thành phố Ru-ăng. Đến đó hai mẹ con sẽ đáp tàu thủy lớn để trở về nước Anh.

Ngày tôi mới đến, tôi chỉ biết có cái buồng tôi ở trên chiếc thuyền mang tên “Thiên Nga” này. Buồng này bé nhỏ - hai thước chiều rộng - nhưng nó là buồng tàu thủy mỹ lệ nhất, kỳ lạ nhất mà trí tưởng tượng của trẻ con có thể ước mơ.

Đồ đạc trong phòng chỉ có một cái tủ có ngăn kéo. Nhưng cái tủ có ngăn kéo đó giống như cái chai vô tận của nhà vật lý học, chứa đựng rất nhiều thứ. Mặt trên của cái tủ không đóng cứng như thường lệ mà giở lên đây xuống được. Nhấc nó lên người ta thấy ở dưới có một chiếc giường có đầy đủ cả chăn, đệm, gối. Tất nhiên là cái giường đó cũng chẳng được rộng gì cho lắm. Tuy thế nó cũng khá lớn, đủ chỗ để nằm ngủ trong đó một cách thoải mái. Dưới giường có một ngăn kéo đựng đủ các đồ dùng để rửa mặt. Bên dưới nữa lại có một ngăn kéo khác chia ra làm nhiều ô trong đó có thể xếp quần áo. Không có bàn, không có ghế để ngồi, nghĩa là không có bàn ghế đóng theo kiểu thông thường. Nhưng sát vách về phía đầu giường có một mảnh ván khi hạ xuống thì thành cái bàn, và phía chân giường có một mảnh ván khác hạ xuống thì thành cái ghế. Ở cặp thuyền khoét một cửa sổ tròn có tấm kính để đóng mở lấy ánh sáng và không khí.

Tôi chưa bao giờ được trông thấy cái gì vừa xinh đẹp vừa sạch sẽ như thế. Tất cả đều lát ván thông quét dầu. Trên nền ván trải một tấm vải sơn kẻ ô đen ô trắng.

Nhưng không phải chỉ có con mắt là say mê mà thôi đâu.

Khi tôi cởi áo ngả lưng trên giường, tôi có một cảm giác khoan khoái quả là mới lạ. Đây là lần đầu tiên những tấm vải lót giường mỏng trơn chứ không phải cào xát da thịt tôi. Ở nhà má Bác-bơ-ranh tôi ngủ trên những tấm vải lót dệt bằng sợi gai cộm cộm và xù xì. Đi với cụ Vi-ta-li thì chúng tôi thường ngủ trên đồng rơm hay đồng cỏ khô không có vải lót. Mà khi ở quán trọ, người ta có đưa vải lót giường cho chúng tôi, thì hầu như bao giờ cũng vậy, vải xấu quá, thà rằng nằm ổ rơm tốt còn hơn. Ở trong buồng này vải lót mới thơm mịn màng làm sao !

Nó mềm mại và thơm tho quá ! Và cái nệm quả là êm hơn những lá cây thông trên đó tôi vừa ngủ đêm hôm trước. Cảnh đêm yên lặng không đáng lo ngại nữa. Trong bóng tối cũng không có gì xôn xao. Những vì sao mà tôi nhìn thấy qua khung cửa sổ tròn chỉ nói với tôi những lời khuyến khích, những lời tin tưởng ở tương lai.

Mặc dù tôi được nằm ngủ trên một cái giường êm ấm, mới tờ mờ sáng tôi đã dậy, vì tôi áy náy không biết những tài tử của tôi đêm qua ngủ ngáy ra sao.

Tôi thấy cả bọn vẫn còn ở nguyên chỗ tối hôm trước tôi đã xếp đặt cho chúng và hãy còn ngủ đàng hoàng, tưởng chừng như con thuyền này là nhà của chúng từ mấy tháng nay rồi. Khi tôi đến thì mấy con chó trở dậy vui vẻ lại gần tôi để đòi vuốt ve như lệ thường những

buổi sáng sớm. Chỉ có một mình con Giô-li-cơ không động đậy, tuy nó đã he hé mắt. Nó lại còn ngáy ồ ồ như một cái kèn đồng cỡ lớn.

Không cần phải suy nghĩ nhiều, tôi cũng hiểu: ông Giô-li-cơ vốn là hiện thân của tự ái, ông nổi giận lên rất dễ dàng, và khi đã giận thì dỗi rất lâu. Giờ đây ông bực tức vì tôi đã không mang ông theo vào trong buồng tôi và ông tỏ thái độ bất bình bằng cách giả vờ ngủ.

Tôi không thể giải thích cho Giô-li-cơ vì lý do gì mà bất đắc dĩ tôi phải để nó ở lại trên sàn thuyền. Tôi cảm thấy tôi có lỗi với nó, ít ra là xét về bề ngoài. Tôi bèn ẵm nó lên tay và vỗ về nó để tỏ lòng hối hận. Thoạt đầu nó vẫn dỗi. Nhưng vốn tính tình luôn luôn thay đổi nên lát sau nó đã nghĩ đến chuyện khác. Bằng điệu bộ, nó nói cho tôi hiểu rằng nếu cho nó lên bộ đi chơi với tôi thì nó sẽ tha thứ cho tôi.

Người thủy thủ tôi trông thấy cầm lái hôm trước cũng đã dậy và đang rửa sàn thuyền. Bác ta vui lòng bắc một tấm ván làm cầu và thế là cả đoàn chúng tôi đi lên bờ cỏ.

Tôi nô đùa với đàn chó và con Giô-li-cơ. Tôi chạy, tôi nhảy hào hồ, tôi leo cây chơi đùa như thế thì thời gian đi rất nhanh. Khi chúng tôi trở về thì ngựa đã thắng vào thuyền và buộc vào một cây bạch dương ở trên con đường dùng cho việc kéo thuyền. Chúng nó chỉ đợi ngọn roi vung lên là đi ngay. Tôi vội vàng xuống thuyền.

Vài phút sau người ta mở dây buộc thuyền. Bác thủy thủ cầm tay lái, anh đánh ngựa lên yên, cái ròng rọc xỏ dây kéo rít lên. Thế là chúng tôi lên đường.

Đi thuyền mới thích thú làm sao ! Trên đường ngựa đi nước kiệu và chúng tôi lướt nhẹ nhàng trên mặt nước mà không cảm thấy có một sự lay động nào. Rừng cây hai bên bờ chạy nhanh về phía sau. Chỉ nghe thấy tiếng nước vỗ mạn thuyền róc rách chen với tiếng nhạc đeo ở cổ ngựa.

Thuyền lướt tới. Nghiêng mình trên cạp, tôi ngắm nhìn những cây bạch dương rễ ăn sâu trong đám cỏ tươi, những cây bạch dương vươn mình kiêu hãnh và lắc lư những cành lá luôn luôn xao động trong không khí yên lặng buổi ban mai. Từng dãy dài bạch dương xếp thành hàng, dọc theo bờ sông, làm thành một bức bình phong rậm rạp, màu xanh, nó chắn những tia nắng xiên ngang của mặt trời, chỉ để lọt tới chỗ chúng tôi một thứ ánh sáng êm dịu đã được sàng lọc qua các cành lá. Từng chỗ, mặt nước đen nhánh như che phủ những vực thẳm không thể dò được. Trái lại chỗ khác, mặt nước trải ra thành một lớp trong suốt để thấy cả những viên đá cuội bóng loáng và những lá cỏ mịn màng như nhung ở dưới đáy sông.

Tôi đang say sưa lặng ngắm, chợt nghe thấy nói đến tên tôi ở sau lưng.

Tôi ngoảnh lại: Người ta vừa khênh Ác-tơ nằm trên tấm gỗ ra. Mẹ nó đứng bên nó. Nó hỏi:

- Anh ngủ có ngon không ? Ngủ ngon hơn ngủ giữa cánh đồng chứ ?

Tôi đến gần và cố tìm những lời lịch sự để nói với Ác-tơ đồng thời cũng cố ý nói với cả bà mẹ nữa. Ác-tơ lại hỏi:

- Thế mấy con chó đâu ?

Tôi gọi lũ chó và con Giô-li-cơ lại. Đàn chó chạy đến chào và con Giô-li-cơ thì nhăn nhó như những khi nó đoán ra rằng nó sắp phải biểu diễn. Nhưng buổi sáng hôm đó người ta không nói đến chuyện biểu diễn. Bà Mi-li-gon đặt con vào chỗ khuất bóng nắng và ngồi cạnh nó. Bà hỏi tôi:

- Cháu hãy đem chó và khỉ đi nhé ! Ác-tơ và bác sắp làm việc đây.

Tôi nghe lời và cùng với bảy thú đi ra mãi đằng mũi thuyền.

Không biết thằng nhỏ ốm yếu đáng thương ấy làm được việc gì mà bảo là làm việc ?

Tôi thấy bà mẹ bắt nó đọc thuộc lòng một bài học và bà ta mở một quyển sách để dò theo. Ác-tơ nằm trên tấm gỗ mà đọc bài, người không nhúc nhích.

Nói là nó cố đọc thì đúng hơn vì nó ngáp ngừng nhiều quá. Nó không nói được lấy ba tiếng trọn tru. Nhiều khi nó còn nhầm lẫn nữa. Mẹ nó mắng nó một cách nhẹ nhàng nhưng cương quyết. Bà nói:

- Anh không thuộc bài ngụ ngôn.

Nghe thấy bà gọi con là anh, tôi cho là một điều kỳ dị vì khi đó tôi chưa biết rằng người Anh thường xưng hô như thế khi họ nói với nhau bằng tiếng Pháp. Ác-tơ kêu lên ảo não:

- Chao ! Mẹ ơi !

- Hôm nay anh còn phạm nhiều lỗi hơn hôm qua nữa.

- Con đã cố học.

- Và anh không thuộc.

- Con không thể học thuộc.

- Tại sao ?

- Con không biết... tại con không thể học được... con ốm đau.

- Anh không ốm ở đâu. Mẹ không bao giờ chịu để cho anh không học tập được gì cả và lấy cớ là ốm đau để rồi lớn lên trở thành người dốt nát.

Tôi cho là bà Mi-li-gơn quá nghiêm khắc nhưng bà vẫn nói năng ôn tồn, âu yếm.

- Tại sao anh không chịu học bài để làm phiền lòng mẹ?

- Thưa mẹ, con không học được. Con nói thành thật với mẹ là con không thể nào học được.

Ác-tơ bắt đầu khóc. Nhưng bà Mi-li-gơn không nao núng vì những giọt nước mắt của nó, mặc dù bà có vẻ cảm động và phiền lòng nữa như bà nói. Bà tiếp:

- Sáng nay mẹ cũng muốn để anh chơi với Rê-mi và đàn chó nhưng mà chỉ được chơi khi nào anh đọc thuộc bài ngụ ngôn không phạm lỗi.

Nói xong bà đưa quyển sách cho Ác-tơ và đi vài bước như thể sắp vào trong khoang thuyền, để mặc cho con nằm trên tấm gỗ.

Ác-tơ khóc nức nở. Đứng ở chỗ tôi cũng nghe thấy tiếng ngen ngào của nó.

Sao bà Mi-li-gon lại có thể khắc nghiệt với chú bé đáng thương này vậy ? Bà vẫn tỏ ra yêu nó thấm thiết kia mà ! Nó không học được bài; có phải lỗi tại nó đâu. Có lẽ là tại bệnh tật của nó. Ấy vậy mà bà định bỏ đi không an ủi nó một lời.

Nhưng bà không bỏ đi. Bà không vào trong khoang thuyền mà trở lại với con bà. Bà nói:

- Anh có muốn mẹ cùng học với anh thử xem không?

- Ô ! thưa mẹ vâng, cùng học.

Bà bèn lại ngồi gần nó. Bà cầm quyển sách và bắt đầu đọc khe khẽ bài ngụ ngôn nhan đề là *Chó sói và cừu non*. Ác-tơ đọc theo bà từng chữ, từng câu.

Khi đọc xong bài ngụ ngôn ba lần, bà trao quyển sách cho Ác-tơ bảo nó học một mình. Rồi bà vào trong thuyền.

Ác-tơ liền đọc bài ngụ ngôn. Từ chỗ tôi đứng tôi trông thấy môi nó mấp máy. Rõ ràng là nó học bài và chăm chú học.

Nhưng sự chuyên cần của nó chẳng được mấy chốc. Mắt nó rời khỏi sách. Mỗi nó mấp máy chậm hơn rồi đột nhiên dừng hẳn lại.

- Nó không đọc nữa, nó không học nữa.

Mắt nó đang lơ vẩn đó đây thì gặp mắt tôi. Tôi lấy tay ra hiệu cho nó để khuyên nó tiếp tục học bài đi. Nó khẽ mỉm cười với tôi ra ý cảm ơn tôi đã nhắc nhở nó và lại nhìn vào sách.

Nhưng rồi mắt nó lại ngược lên nhìn hai bên bờ sông, hết bờ này đến bờ kia.

Vì nó không nhìn về phía tôi nên tôi đứng lên cốt để cho nó chú ý. Và khi nó đã trông thấy tôi thì tôi lấy tay trở vào quyển sách. Nó lại cầm sách lên ngượng nghịu.

Rủi thay, hai phút sau một con chim bói cá xẹt qua trước thuyền như một mũi tên, để lại một làn xanh đằng sau nó.

Ác-tơ ngẩng đầu lên nhìn theo con chim. Khi hình ảnh đó tan biến thì nó lại nhìn tôi. Rồi nó nói:

- Tôi không thể học được tuy tôi muốn lắm.

Tôi bước lại gần nó. Tôi nói:

- Ấy thế mà cái bài ngữ ngôn này cũng chẳng lấy gì làm khó cho lắm.

- Ô ! Trái lại khó lắm chứ !

- Tôi thấy nó cũng dễ thôi. Khi nghe mẹ anh đọc tôi cũng đã nhớ được đấy.

Nó mỉm cười ngờ vực. Tôi tiếp:

- Anh có muốn tôi đọc cho anh nghe không ?

- Muốn làm gì cái chuyện không thể có ấy ?

- Không đâu, không phải là không thể đâu. Tôi cứ thử đọc nhé ? Anh cầm lấy sách.

Nó cầm quyển sách lên và tôi bắt đầu đọc. Nó chỉ phải nhắc tôi có ba, bốn lần thôi. Nghe hết bài, nó reo:

- Chao ôi ! Anh thuộc rồi !

- Cũng chưa thuộc lắm đâu ! Nhưng từ giờ trở đi thì chắc tôi đọc không vấp vấp gì nữa.

- Anh làm thế nào mà học được thế ?

- Tôi lắng nghe mẹ anh đọc. Tôi chăm chú nghe chứ không nhìn những vật chung quanh tôi.

Nó đỏ mặt nhìn đi chỗ khác. Sau một phút bẽ bàng nó nói:

- Tôi hiểu anh đã lắng nghe như thế nào rồi, tôi sẽ cố gắng lắng nghe như anh. Nhưng mà anh làm thế nào mà nhớ nổi tất cả những chữ ấy nhỉ ? Nó cứ rối beng trong trí nhớ của tôi.

Tôi đã làm thế nào ? Tôi cũng chẳng biết nữa, vì tôi chưa hề nghĩ tới câu đó. Tuy vậy tôi cố tự mình tìm hiểu để giải thích cho nó. Tôi trả lời:

- Trong bài ngụ ngôn này nói gì ? Tôi tự hỏi mình thế. Nói về một con cừu. Thế là tôi bắt đầu nghĩ tới

những con cừu. Rồi tôi nghĩ tới chuyện chúng nó đang làm gì : “Đàn cừu đang sống an toàn trong chuồng”. Tôi trông thấy lũ cừu nằm và ngủ ở trong chuồng vì chúng nó an toàn. Khi tôi đã trông thấy chúng nó rồi thì tôi không quên nữa.

- Được rồi - Nó nói - Tôi cũng trông thấy chúng nó: “Đàn cừu đang sống an toàn trong chuồng”. Tôi trông thấy có con trắng, có con đen. Tôi trông thấy những con cừu cái và những con cừu non. Tôi trông thấy cả cái chuồng. Chuồng làm bằng những bức phen thưa.

- Thế anh sẽ không quên nữa chứ ?

- Ô ! không.

- Thường thì ai trông coi cừu ?

- Chó.

- Khi không cần phải trông coi cừu, bởi vì cừu đã được an toàn, thì mấy con chó làm gì ?

- Chúng chẳng có việc gì mà làm cả.

- Thế thì chúng nó có thể ngủ được. Vậy chúng ta nói: “Mấy con chó đều ngủ cả”.

- Đúng rồi, thật dễ dàng.

- Đấy, có phải thật là dễ không ? Bây giờ chúng ta nghĩ đến chuyện khác. Cùng với lũ chó thì còn có ai trông coi cừu nữa ?

- Người chăn cừu.

- Nếu cừu đã an toàn rồi thì người chăn cừu chẳng có gì mà làm. Thế anh ta có thể dùng thì giờ làm gì nhỉ?

- Để thổi sáo.

- Anh có trông thấy anh ta không?

- Có.

- Anh ta ở đâu nhỉ?

- Ở dưới bóng một cây du to.

- Anh ta chỉ có một mình thôi ư?

- Không, anh ta cùng ngồi với các anh chăn cừu láng giềng.

- Vậy nếu anh trông thấy cừu, chuồng cừu, chó và người chăn cừu thì anh có thể đọc thuộc đoạn đầu bài ngụ ngôn không nhỉ?

- Có lẽ được.

- Hãy đọc thử xem nào.

Nghe tôi nói thế và giảng cho nó hiểu cách làm thế nào để học thuộc được một bài mới đầu tưởng chừng như khó lắm, Ấc-tơ vừa cảm động vừa lo sợ nhìn tôi. Hình như nó chưa tin lắm những điều tôi nói là sự thật. Tuy vậy, sau vài giây do dự, nó quả quyết:

“Đàn cừu đang sống an toàn trong chuồng. Máy con chó đều ngủ cả. Người chăn cừu thổi sáo dưới bóng cây du to cùng với các bạn láng giềng.”.

Thế rồi nó vỗ tay reo lên:

- Tôi thuộc rồi mà ! Tôi không phạm lỗi nào cả.

- Thế anh có muốn học nốt bài ngụ ngôn bằng cách ấy không ?

- Muốn chứ ! Có anh, tôi chắc chắn là sẽ học được. Ôi chà ! Mẹ sẽ bằng lòng lắm nhỉ.

Thế là nó học nốt bài ngụ ngôn như đã đọc mấy câu đầu.

Chưa đầy mười lăm phút sau nó đã thuộc lâu. Nó đang đọc trôi chảy thì mẹ nó ra đứng sau chúng tôi.

Thoạt tiên bà ta có ý giận vì thấy chúng tôi tụm với nhau: bà tưởng chúng tôi tụm nhau để chơi đùa. Nhưng Ác-tơ không để bà ta nói nửa lời. Nó reo:

- Con thuộc bài rồi ! Chính anh ấy đã dạy con đấy!

Bà Mi-li-gon ngạc nhiên nhìn tôi và chắc là bà sắp hỏi tôi thế nào đây ! Nhưng không đợi bảo. Ác-tơ bắt đầu đọc bài *Chó sói và cừu non*. Nó đọc với vẻ đắc thắng và vui vẻ, không ngập ngừng, không sai tiếng nào.

Trong khi đó tôi nhìn bà Mi-li-gon. Tôi thấy gương mặt xinh đẹp của bà sáng bừng một nụ cười, rồi hình như là bà rơm rớm nước mắt. Nhưng vì lúc đó bà cúi xuống choàng hai tay ôm con bà và âu yếm hôn nó nên tôi không biết bà có khóc không. Ác-tơ nói:

- Những chữ suông thì thật ngốc. Nó chả có nghĩa lý gì. Chỉ có sự vật thì mới trông thấy rõ. Anh Rê-mi đã làm cho con trông thấy người chăn cừu với ống sáo. Khi con vừa học vừa ngược mắt lên thì con không nghĩ gì đến mọi thứ chung quanh con, con trông thấy ống sáo

của người chẵn cừu và con nghe điệu nhạc anh ta thổi. Mẹ có muốn con hát cái điệu ấy không ?

Thế là Ác-tơ hát một bài hát buồn buồn bằng tiếng Anh.

Lần này thì bà Mi-li-gơn khóc thật sự. Khi bà đứng lên, tôi trông thấy mấy giọt nước mắt của bà trên má Ác-tơ. Bà lại gần tôi, cầm tay tôi. Bà xiết tay tôi thật nhẹ nhàng êm ái, làm cho tôi cảm động. Bà nói:

- Cháu là một đứa bé ngoan.

Tôi kể lể đầy đủ câu chuyện nhỏ vừa xảy ra đây để cho mọi người hiểu sự thay đổi về địa vị của tôi bắt đầu từ ngày hôm ấy. Hôm trước người ta coi tôi là một thằng bé làm xiếc chó, khỉ và dùng tôi với những con chó, con khỉ của tôi để làm vui cho một cậu bé ốm. Nhưng cái việc học bài vừa rồi đã tách tôi ra khỏi bầy chó và khỉ. Tôi trở thành một người bạn, gần như một người bạn thân của Ác-tơ.

Phải nói ngay cái chuyện này mà mãi về sau tôi mới biết: đó là việc bà Mi-li-gơn rất buồn lòng nhận thấy con bà không học hành gì được cả, hay nói đúng hơn, không thể học hành gì được. Tuy rằng nó ốm nhưng bà vẫn muốn cho nó học tập. Ấy cũng vì bệnh còn kéo dài nên bà muốn ngay từ bây giờ rèn cho trí óc thằng bé những tập quán thích hợp để tới khi nó khỏi bệnh thì nó có thể học bù lại cái thời gian đã bỏ mất.

Nhưng cho tới ngày hôm đó, bà đã không thành công. Ác-tơ không phải là một đứa bé ương bướng, không chịu học, nhưng nó không tài nào tập trung tư

tưởng, không tài nào chuyên cần cho được. Đưa sách vào tay nó thì nó không phản kháng, nó gần như vui lòng xòe tay ra để nhận lấy là khác. Nhưng mà trí óc nó thì nó lại không mở ra. Y như một cái máy, nó nhắc lại một cách vô ý thức những chữ người ta cố nhồi vào trong đầu óc nó, chữ được chữ mất, có thể nói mất nhiều hơn là được.

Do đó mẹ nó rất buồn và thất vọng về nó. Cũng do đó, bà rất hài lòng khi nghe nó đọc thuộc một bài ngụ ngôn vừa học cùng với tôi trong nửa tiếng đồng hồ. Cũng cái bài ngụ ngôn đấy, bà ta đã mất mấy ngày trời mà không tài nào làm cho nó nhớ được.

Bây giờ, khi nghĩ tới những ngày sống trên thuyền gần bà Mi-li-gơn và Ác-tơ, tôi thấy đó là những ngày tươi đẹp nhất trong thời niên thiếu của tôi. Ác-tơ yêu tôi bằng một tình bạn nồng nhiệt. Về phía tôi, một mối thiện cảm tự nhiên đã làm cho tôi coi nó như anh em ruột thịt, không suy nghĩ gì. Chúng tôi không cãi nhau bao giờ. Mặc dù là chủ nhân, chẳng khi nào nó mấy may có ý trịnh thượng với tôi. Và riêng tôi cũng không thấy mấy may rụt rè lúng túng với nó. Tôi không hề nghĩ là mình có thể như thế.

Cái đó chắc là do tôi ít tuổi mà chưa am hiểu việc đời. Nhưng mà chắc chắn một phần nào cũng do tính tình tế nhị và lòng tốt của bà Mi-li-gơn. Bà thường nói năng với tôi như thể tôi là con của bà vậy.

Vả lại cuộc du hành trên thuyền này thật là kỳ diệu. Chẳng có giờ phút nào buồn chán hay mệt nhọc.

Từ sáng chí tối, tất cả giờ giấc của chúng tôi đều được sử dụng đầy đủ.

Từ khi có con đường xe lửa thì người ta không tới xem kênh Nam và cũng chẳng buồn biết đến con sông đào ấy nữa. Ấy thế mà nó là một trong những cảnh kỳ thú của nước Pháp đấy.

Từ Vin-lơ-phăng-xơ đơ Lô-ra-ghe chúng tôi đi A-vi-nhôn-nê, rồi từ A-vi-nhôn-nê đi vào miền núi đá Nô-ru-dơ. Ở Nô-ru-dơ có đài kỷ niệm ông Ri-kê, người đã đào ra con kênh này. Đài dựng ngay trên đường phân thủy giữa những con sông chảy ra Đại Tây Dương và những con sông chảy ra Địa Trung Hải.

Rồi chúng tôi đi qua Ca-xten-nô-đa-ry, thành phố của máy xay, đoạn xuyên qua Các-cát-xôn, thành phố trung cổ. Chúng tôi vượt cổng Phu-xơ-ran rất đáng xem vì có tám ngàn phối hợp. Từ cổng ấy thuyền đổ xuống Bê-di-ê.

Ở miền nào đẹp mắt thì mỗi ngày chúng tôi đi chỉ mấy dặm. Trái lại qua nơi nào phong cảnh đơn điệu chúng tôi đi nhanh hơn.

Tùy phong cảnh hai bên đường mà chúng tôi đi hay ở, đi chậm hoặc đi nhanh. Chúng tôi không vướng víu về những việc có thể làm bận tâm những khách đi đường khác. Chúng tôi không cần phải đi những đoạn đường dài để tới một quán trọ mới chắc chắn là có chỗ ăn chỗ ngủ. Cứ đúng giờ là bữa ăn dọn ra dưới mái hiên. Chúng tôi vừa ăn vừa bình thản ngắm quang

cảnh mỗi lúc mỗi thay đổi hai bên bờ. Về chiều, bất luận gặp trời tối chỗ nào là chúng tôi đỗ lại ở chỗ ấy cho đến khi trời sáng.

Tuy là đi nhưng lại luôn luôn ở trong nhà mình nên chúng tôi không hề có những buổi tối nhàn rỗi vô sự thường thường là buồn tẻ và dài dằng dặc với khách du lịch thông thường. Trái lại đối với chúng tôi, thời giờ buổi tối dường như ngắn ngủi quá. Giờ đi ngủ chợt đến vào lúc chúng tôi chưa nghĩ đến chuyện ngủ nghê tí nào.

Khi thuyền đỗ lại, nếu trời lạnh thì mọi người đều ở trong phòng khách. Người ta đốt một ngọn lửa nhỏ để xua tan khí ẩm ướt và sương mù có hại cho sức khỏe người ốm. Rồi người ta mang đèn ra. Ấc-tơ được đặt nằm trước bàn. Tôi ngồi gần nó. Bà Mi-li-gon giở cho chúng tôi xem những quyển sách tranh và những tập ảnh. Cũng như con thuyền được đóng riêng để phục vụ cuộc hành trình đặc biệt trên sông này, những sách vở và tranh ảnh ở đây đã được lựa chọn thích hợp với cuộc du lịch.

Khi chúng tôi bắt đầu mỗi mất thì bà Mi-li-gon lại mở một quyển sách ra đọc cho chúng tôi nghe những đoạn chúng tôi ưa thích và có thể hiểu được. Hoặc là gấp tất cả sách, ảnh lại bà kể cho chúng tôi nghe những truyền thuyết, những sự kiện lịch sử liên quan đến các vùng vừa đi qua. Bà vừa kể vừa chăm chú nhìn vào mặt con bà. Thật là cảm động khi thấy bà không tiếc công phu khó nhọc để tìm những từ vừa ý, dùng những chữ thật dễ hiểu.

Trong những buổi tối đẹp trời, tôi cũng đóng một vai trò tích cực. Tôi xách cây thụ cầm đi lên bộ tìm đến một chỗ hơi xa một chút, đứng nép vào bóng cây và hát tất cả các bài hát, chơi tất cả các điệu nhạc tôi thuộc. Ác-tơ rất thích thú được nghe âm nhạc trong cảnh đêm yên tĩnh mà mắt không trông thấy người gảy đàn. Thịnh thoảng nó gọi bảo tôi: “Nữa đi”, và tôi lại gảy lại bài tôi vừa mới chấm dứt.

Cảnh sống ở đó quả là êm đẹp và sung sướng đối với một đứa trẻ như tôi, một đứa trẻ rời khỏi túp lều của má Bác-bơ-ranh chỉ để theo ông cụ Vi-ta-li trên đường thiên lý. Món khoai tây rắc muối của bà mẹ nuôi tội nghiệp của tôi so với những bánh mứt, nước quả đông, bánh kem, bánh ngọt của chị nấu bếp nhà bà Mi-li-gơn thật khác xa. Những thời đi bộ từng chặng đường dài trong bùn lầy dưới mưa dầu nắng dãi lúi thủi sau gót chữ, so với cuộc du hành bằng thuyền này cũng thật là trái ngược.

Nhưng mà nói cho công bằng đối với mình thì trong cuộc sống mới này, tôi cảm thấy sung sướng về tinh thần hơn là về những sự hưởng thụ vật chất. Phải, bánh của bà Mi-li-gơn ngon thật đấy. Phải, không bị đói, không khổ vì rét vì bức, cái đó thật dễ chịu. Nhưng mà những tình cảm thấm thiết tràn ngập lòng tôi còn dễ chịu và tốt đẹp hơn những cái đó biết bao.

Đã hai lần tôi được thấy mối thân tình ràng buộc tôi với những người tôi thương bị cắt đứt hoặc gián đoạn. Lần đầu tôi bị rút ra khỏi tay má Bác-bơ-ranh. Lần thứ hai tôi phải xa lìa cụ Vi-ta-li và thế là hai lần

tôi phải sống cô đơn ở trên đồi, không nơi nương tựa, không người nhờ cậy, chỉ đánh bạn với mấy con thú của tôi thôi. Ấy thế mà trong lúc cô quạnh, trong lúc khốn cùng, tôi đã tìm thấy có người yêu mến tôi và để cho tôi yêu mến: một người phụ nữ đẹp, hiền hậu, nhã nhặn và âu yếm, một đứa bé cùng lứa tuổi tôi, đối xử với tôi như anh em ruột thịt. Đó là điều sung sướng biết bao đối với một trái tim đang khao khát yêu thương như tôi.

Biết bao lần nhìn thấy Ác-tơ xanh xao, râu rĩ nằm dài trên tấm ván, tôi đâm ra thêm muốn hạnh phúc của nó, mặc dù tôi vẫn khỏe mạnh, sức vóc dường này! Không phải thêm muốn cảnh sống đầy đủ của nó, không phải thêm muốn những sách vở, những thứ đồ chơi sang trọng của nó. Cả chiếc du thuyền kia tôi cũng không ham. Tôi chỉ thêm cái tình thương yêu của bà mẹ nó đối với nó.

Được yêu thương như vậy, phải biết là nó sung sướng nhé! Mỗi ngày nó được bà ôm hôn đến những hai mươi bận. Và nó cũng được âu yếm ôm hôn cái bà phụ nhân xinh đẹp ấy. Còn tôi thì mỗi khi bà đưa tay ra cho tôi bắt, tôi chỉ dám chạm vào se sẽ thôi.

Thế rồi tôi buồn rầu chạnh nghĩ chả bao giờ tôi có một bà mẹ hôn tôi và để cho tôi hôn. Có lẽ một ngày kia tôi gặp lại má Bác-bơ-ranh và đó là một niềm vui lớn. Nhưng mà dẫu sao bây giờ tôi không thể gọi "Má" đối với bà y như ngày xưa, vì má không phải là mẹ đẻ của tôi.

Cô đơn, có lẽ tôi phải chịu cô đơn mãi mãi!

Cái ý nghĩ ấy làm cho tôi thích thú bội phần khi thấy mình được bà Mi-li-gon và Ác-tơ đối xử âu yếm.

Tôi thấy không nên khó tính, đòi hỏi nhiều quá về cái phần hạnh phúc của mình ở trên thế gian này. Không có mẹ, không anh em, không gia đình thì có bè bạn cũng đủ sung sướng rồi.

Tôi phải tự lấy làm sung sướng và thực sự tôi đã sung sướng hoàn toàn.

Tuy nhiên, những thói quen mới kia dù có êm ái dễ chịu đến đâu đi nữa, cũng sắp đến lúc tôi phải rời bỏ để trở lại với đời sống trước đây.

13

ĐƯA TRẺ NHẬT ĐƯỢC

Đi thế này thời gian trôi qua rất nhanh. Sắp đến lúc chủ tôi được ra khỏi nhà tù. Đó là một nguồn vui, đồng thời lại là một việc làm cho tôi bối rối.

Càng đi xa tỉnh Tu-lu-dơ thì ý nghĩ ấy càng làm cho tôi bứt rứt.

Đi thuyền như thế này thì thật là thú vị. Chẳng vất vả mà cũng chẳng lo âu. Nhưng mà rồi đây lại phải đi bộ ngược trở lại chặng đường đã vượt qua dưới nước.

Cái đó sẽ ít thú vị hơn, không còn giường êm, không còn bánh kem, bánh ngọt. Không còn những buổi tối ngồi quanh bàn nữa.

Cái điều làm cho tôi xúc động sâu sắc hơn nhiều là phải xa lìa Ác-tơ và bà Mi-li-gon. Phải từ bỏ tình thương yêu của những người ấy, phải mất họ cũng như đã mất má Bác-bơ-ranh. Vậy ra tôi chỉ yêu thương và được yêu thương để rồi phải xa lìa một cách phũ phàng, những người tôi cứ muốn sống suốt đời bên cạnh. Không có cách gì có thể đoàn tụ họ lại được sao ?

Niềm băn khoăn này là đám mây mù độc nhất lớn vồn trong những ngày rạng rỡ ấy.

Rồi một hôm tôi quyết định nói với bà Mi-li-gon cái điều làm cho tôi bận lòng và cũng hỏi bà xem muốn trở về thành phố Tu-lu-dơ thì phải đi mất bao nhiêu ngày đường. Tôi muốn đứng đợi chủ tôi ở trước cổng nhà lao lúc chủ tôi bước ra khỏi cổng. Nghe thấy nói tôi đi, Ác-tơ la lớn:

- Tôi không muốn cho anh Rê-mi đi đâu !

Tôi trả lời cho nó biết rằng tôi không được tự do về thân thể, tôi thuộc quyền chủ tôi. Bố mẹ tôi đã đem tôi cho thuê cho nên tôi phải tiếp tục theo giúp việc chủ tôi khi ông cụ cần đến. Tôi nói đến bố mẹ tôi nhưng không nói rõ là không phải bố mẹ đẻ. Vì nói như vậy thì lại phải thú nhận rằng tôi chỉ là một đứa trẻ người ta bắt được đem về nuôi.

- Mẹ ơi ! Phải giữ Rê-mi lại - Ác-tơ nói tiếp.

Ngoài việc học hành ra, Ác-tơ được bà mẹ nuông chiều, nó muốn xoay bà thế nào, bà cũng xuôi theo. Bà Mi-li-gon trả lời:

- Mẹ cũng rất sung sướng nếu giữ được anh Rê-mi ở lại. Anh mến anh ấy và chính mẹ cũng yêu quý anh ấy lắm. Nhưng mà muốn giữ anh ấy ở lại với chúng ta thì phải có đủ hai điều kiện mà anh ấy cũng như mẹ, chúng ta không thể định đoạt. Điều thứ nhất là Rê-mi muốn ở lại với chúng ta...

- Ô ! Rê-mi muốn lắm chứ - Ác-tơ ngắt lời - Có phải không Rê-mi ? Anh không muốn trở về Tu-lu-dơ chứ ?

- Điều kiện thứ hai - bà Mi-li-gon nói tiếp không đợi tôi trả lời - Là ông chủ anh ấy có bằng lòng từ bỏ quyền làm chủ của ông ta đối với anh ấy !

- Hỏi Rê-mi, hỏi Rê-mi cái đã - Ác-tơ theo đuổi ý nghĩ của nó, ngắt lời mẹ.

Cụ Vi-ta-li đối với tôi là một ông chủ tốt, điều đó đã hẳn. Tôi biết ơn ông cụ đã chăm sóc tôi và dạy tôi học tập. Nhưng tôi không thể so sánh cuộc sống bên cạnh chủ tôi với cuộc sống mà bà Mi-li-gon dành cho tôi. Mặt khác, tôi thú nhận như thế này không phải là không hối hận: "Không chỉ đem so sánh tình yêu thương mà bà Mi-li-gon và Ác-tơ đã gây nên trong lòng tôi. Khi tôi nghĩ thế tôi tự bảo rằng tôi yêu chuộng những người xa lạ mới quen ấy hơn cụ Vi-ta-li là một điều không tốt. Nhưng dù sao việc nó như thế đấy, tôi yêu thấm thiết bà Mi-li-gon và Ác-tơ". Bà Mi-li-gon lại tiếp:

- Trước khi trả lời, anh Rê-mi còn phải suy nghĩ. Mẹ không hứa với anh ấy chỉ một cuộc sống có vui chơi và du ngoạn, mẹ còn hứa cả một cuộc sống lao động

nữa. Anh ấy phải học, phải chịu khó, phải cặm cụi đèn sách, phải theo dõi Ác-tơ trong việc học tập. Anh Rê-mi cân cân nhắc giữa cái lối sống đó với cảnh sống tự do trên đường thiên lý.

- Thưa bà, không phải so sánh cân nhắc gì nữa. Tôi nói - Những việc bà đề ra đó cháu thấy đối với cháu rất hay.

- Đấy mẹ xem ! Anh Rê-mi sẵn lòng mà ? - Ác-tơ reo lên như vậy rồi vỗ tay. Rõ ràng là tôi vừa làm cho Ác-tơ hết lo sợ. Khi mẹ nó nói đến học tập và sách vở, tôi thấy nó lo lắng ra mặt. Nếu tôi từ chối thì sao ? Vốn dĩ nó sợ sách. Cho nên nó lo tôi cũng ngại sách mà từ chối, chắc nó lo tợn lắm. May sao tôi lại không sợ cái thứ ấy. Sách không những không làm cho tôi hoảng mà còn quyến rũ tôi. Thật ra thì tôi mới biết đến sách ít lâu nay thôi. Những sách đó làm cho tôi thích thú hơn là phiền lòng. Cho nên đề nghị của bà Mi-li-gơn khiến tôi rất sung sướng. Tôi hoàn toàn thành thật khi tôi cảm ơn bà về lòng hào hiệp đó. Nếu cụ Vi-ta-li đồng ý thì tôi không phải rời bỏ chiếc thuyền Thiên Nga này, tôi sẽ không phải từ bỏ cuộc sống dễ chịu này, tôi sẽ không phải là Ác-tơ và mẹ nó.

Bà Mi-li-gơn nói tiếp:

- Bây giờ chúng ta còn phải được ông chủ anh ấy đồng ý. Mẹ sẽ viết thư cho ông cụ để mời ông cụ đến gặp chúng ta ở thị trấn Xét-tơ, vì chúng ta không thể quay trở lại Tu-lu-dơ được. Mẹ sẽ gửi tiền tàu cho ông cụ và cắt nghĩa cho ông cụ rõ tại sao chúng ta không đi xe lửa

đến được. Mẹ hy vọng ông cụ sẽ nhận lời mời của chúng ta mà đến đây. Nếu ông cụ đồng ý lời đề nghị của mẹ thì chúng ta chỉ còn phải thỏa thuận với bố mẹ Rê-mi nữa thôi, vì cũng cần phải hỏi ý kiến họ.

Cho đến lúc đó, câu chuyện diễn ra rất vừa ý tôi y như có một bà tiên nhân hậu đã đung chiếc dũa thần vào tôi. Nhưng mà những lời sau cùng đã phủ phàng kéo tôi từ cõi mộng trở về thực tế buồn tênh.

Hỏi ý kiến mẹ tôi ư?

Chắc chắn là bố mẹ tôi sẽ nói cái điều mà tôi muốn giấu. Tôi là đứa trẻ mà người ta nhặt được, sự thật ấy sẽ phơi trần.

Thế là Ác-tơ, có thể là bà Mi-li-gon sẽ không nhận tôi nữa.

Tôi rụng rời thảng thốt.

Bà Mi-li-gon nhiên nhìn tôi và hỏi han tôi, nhưng tôi không dám trả lời câu hỏi của bà. Bà tưởng tôi bối rối vì ông chủ sắp đến nên không hỏi nữa.

Cũng may mà sự việc xảy ra vào buổi tối trước giờ đi ngủ một chút. Chẳng mấy chốc tôi đã thoát khỏi con mắt tò mò của Ác-tơ. Tôi đi về phòng vừa lo ngại vừa suy nghĩ lung tung.

Đây là đêm thao thức đầu tiên của tôi trên thuyền Thiên Nga. Phải nói rằng tôi trần trọc quá đỗi, cứ chấp chờn trong mộng mị và thấy đêm dài mãi như không muốn sáng ra.

Làm gì bây giờ ? Và nói thế nào đây ?

Tôi chẳng tìm ra cách nào cả.

Sau khi đã cân nhắc lại hàng trăm lần những ý nghĩ giống nhau, chọn những cách giải quyết trái ngược nhau, cuối cùng tôi dừng lại với cách tiện nhất và tầm thường nhất, là không làm gì cả và không nói gì cả. Tôi sẽ mặc cho sự việc diễn ra thế nào thì hay thế ấy vì không thể làm gì hơn,

Có lẽ cụ Vi-ta-li không chịu rời bỏ tôi ra. Trong thâm tâm đang dần vật dữ dội, tôi vừa mong vừa sợ sự việc xảy ra như vậy. Trong trường hợp ông cụ không nhận lời, tôi sẽ ra đi và khỏi phải nói sự thật. Tôi sợ sự thật ghê gớm, sợ bị phát giác đến nỗi phải thiết tha mong mỏi ông cụ Vi-ta-li không nhận lời bà Mi-li-gon và hai bên không thể thỏa thuận về tôi.

Như thế thì hẳn tôi sẽ phải xaÁC-tơ và bà mẹ nó, xa luôn và không bao giờ được gặp lại nữa cũng nên. Nhưng được cái là họ sẽ không giữ những kỷ niệm xấu về tôi.

Viết thư cho chủ tôi ba ngày thì bà Mi-li-gon nhận được thư trả lời. Cụ Vi-ta-li cho biết vấn đề là cụ ấy lấy làm hân hạnh đáp lại lời mời của bà Mi-li-gon và sẽ đi chuyến tàu hai giờ đến tỉnh Xét-tơ vào thứ bảy tối.

Tôi xin phép bà Mi-li-gon ra đón ông cụ. Tôi dắt cả đàn chó và con khỉ Giô-li-cơ cùng đi.

Mấy con chó có vẻ lo ngại như đoán biết có việc gì xảy ra. Con Giô-li-cơ thần nhiên như không. Còn tôi thì

rất xúc động. Biết bao xung đột đã diễn ra trong đầu óc dốt nát của tôi. Tôi đứng ở một góc sân ga, tay giữ xích ba con chó và ôm con Giô-li-cơ trong áo vét. Tôi đứng chờ nhưng chẳng nhìn thấy gì xảy ra xung quanh.

Chính mấy con chó báo cho tôi biết tàu tới và chúng đã đánh hơi thấy chủ chúng tôi. Đang đứng yên thì tự nhiên tôi thấy bị lôi về phía trước. Vì không đề phòng nên tôi không giữ được mấy con chó lại. Chúng nó vừa chạy vừa vui vẻ sủa vang. Liền ngay sau đó tôi thấy chúng nó nhảy nhót sau lưng cụ Vi-ta-li. Cụ vẫn mặc bộ quần áo thường ngày. Nhanh chân hơn mặc dù không mềm dẻo bằng các bạn, con Ca-pi nhảy tót lên tay chủ, còn con Déc-bi-nô và con Đôn-xơ thì quán quýt bên chân.

Đến lượt tôi lại gần. Cụ Vi-ta-li đặt con Ca-pi xuống đất ôm chặt tôi vào lòng. Lần đầu tiên cụ hôn tôi. Cụ nhắc đi nhắc lại mãi:

- Chào anh bạn thân mến⁽¹⁾!

Chủ tôi không bao giờ khắc nghiệt với tôi, nhưng cũng không hay vuốt ve mơn trớn. Tôi chưa quen với cảnh tỏ tình bông bột ấy. Tôi cảm động đến rớt nước mắt, vì lúc bấy giờ lòng tôi dễ se lại mà cũng dễ mở ra.

Tôi nhìn ông cụ. Tôi nhận thấy ở trong tù ông cụ đã già đi nhiều. Lưng cụ còng xuống, mặt cụ xanh đi và môi cụ nhợt nhạt.

(1) Nguyên văn bằng tiếng Italia: *Buon di, pove-carò !* - ND.

- Thế nào? - Ông cụ nói - Cháu thấy ông khác xưa lắm phải không? Nhà tù là một chỗ nghỉ chân không tốt và buồn chán là một bệnh nguy hiểm. Nhưng từ giờ thì sẽ khá hơn.

Rồi cụ chuyển sang chuyện khác. Cụ nói:

- Thế cái bà viết thư cho ông, cháu làm thế nào mà quen bà ấy?

Tôi bèn kể cho cụ nghe tôi gặp chiếc thuyền Thiên Nga như thế nào, và vì sao từ đó tôi ở với bà Mi-li-gơn và con trai bà. Tôi thuật lại những điều ấy với ông cụ. Câu chuyện của tôi đã dài tôi lại còn cố kéo dài vì sợ phải kể đến đoạn cuối, phải nói đến cái việc làm tôi sợ hãi. Giờ thì có lẽ không khi nào tôi dám nói với chủ tôi là tôi mong muốn ông cụ đồng ý với bà Mi-li-gơn và Ác-tơ để cho tôi ở lại.

Nhưng tôi khỏi phải thú thực điều ấy với ông cụ, vì câu chuyện chưa đến đoạn cuối thì chúng tôi đã đến khách sạn bà Mi-li-gơn trọ rồi. Vả lại ông cụ chẳng nói gì với tôi về bức thư của bà Mi-li-gơn, cũng không đề động gì đến những đề nghị của bà ta trong thư.

Khi chúng tôi bước vào khách sạn ông cụ hỏi:

- Thế bà ấy đợi ông đấy à ?

- Vâng, để cháu dẫn ông đến buồng bà ấy.

- Không cần ! Cháu cho ông biết buồng bà ấy, và đứng ở đây với bấy chớ và con Giô-li-cơ, chờ ông xuống.

Hể chủ tôi đã nói thì tôi quen vâng lời và không tranh luận. Tuy vậy lần này tôi cũng liếc góp ý kiến xin

phép ông cụ cho tôi cùng đi vào gặp bà Mi-li-gon. Điều đó tôi cho là tự nhiên và hợp lý thôi. Nhưng ông lấy tay ra hiệu và bảo tôi im. Tôi đành vâng lời và ngồi đợi trên chiếc ghế dài của khách sạn với đàn chó quanh tôi. Chúng nó cũng muốn đi theo ông cụ. Nhưng cũng giống như tôi, chúng nó cũng không dám cưỡng lại mệnh lệnh của ông cụ. Cụ Vi-ta-li biết cách chỉ huy lắm.

Tại sao cụ Vi-ta-li không muốn cho tôi dự cuộc nói chuyện giữa ông với bà Mi-li-gon ?

Tôi tự hỏi như vậy và xoay câu hỏi ấy đủ hướng đủ chiều. Tôi chưa tìm được câu trả lời thì ông cụ đã quay trở lại. Cụ bảo:

- Thôi cháu vào từ biệt bà ấy đi. Ông đợi cháu ở đây. Mười phút nữa chúng ta lên đường.

Vài phút trước đây, tôi hết sức phân vân. Nhưng giờ đây tôi lại ngăn người trước quyết định đó. Chờ mấy phút thấy tôi không nhúc nhích cụ nói tiếp:

- Thế nào ? Cháu không hiểu ông nói gì à ? Còn đứng ngây ra như phỗng ấy. Mau lên chứ.

Ông cụ không quen nói xằng với tôi bao giờ. Từ khi tôi ở với ông cụ, chưa lần nào ông cụ nặng lời với tôi đến như vậy.

Chẳng hiểu gì, tôi như cái máy, đứng lên làm theo lệnh ông cụ. Nhưng sau khi đi được vài bước tôi hỏi:

- Thế ông đã nói...

- Ông đã nói rằng cháu cần cho ông cũng như ông cũng cần cho cháu. Do đó ông không thể nhường cháu cho ai được. Thôi đi đi rồi trở lại đây!

Câu nói đó làm cho tôi lấy lại được can đảm. Bởi vì cái lo người ta biết mình là đứa trẻ nhát đảm ảnh hưởng đến nỗi tôi cho rằng mình phải đi gấp như thế là vì ông chủ đã kể hết lai lịch của mình rồi.

Bước vào buồng bà Mi-li-gơn, tôi thấy Ác-tơ đang khóc và mẹ nó thì cúi xuống dỗ nó. Nó kêu to:

- Anh Rê-mi ơi, anh không chịu đi đấy chứ ?

Bà Mi-li-gơn trả lời thay tôi, giải thích cho nó nghe là tôi phải vâng lời.

- Tôi đã yêu cầu chủ anh để anh ở lại đây với mẹ con tôi. Bà nói với tôi với một giọng làm tôi ứa nước mắt.
- Nhưng chủ anh không bằng lòng, chẳng làm thế nào lay chuyển ông cụ được.

- Ông ấy là một người độc ác ! - Ác-tơ kêu.

- Không, ông cụ không phải là người độc ác đâu - Bà Mi-li-gơn nói tiếp - Ông cụ cần anh, hơn nữa tôi thấy ông cụ yêu thương anh thực sự. Vả lại lời lẽ của ông cụ là lời lẽ của bậc chính nhân quân tử, một người thanh cao tuy nghèo khó. Để giải thích vì sao ông cụ từ chối, cụ đã trả lời như thế này: "Tôi thương yêu thằng bé này và nó cũng yêu thương tôi. Tập sống ở đời bên cạnh tôi gian khổ lắm, nhưng sẽ bổ ích cho nó hơn cái vị trí tôi tố trá hình mà bà sẽ vô hình dành cho nó. Bà cho nó học tập, bà giáo dục nó, cũng có như vậy. Bà bồi dưỡng

trí tuệ cho nó, cũng có như vậy. Nhưng bà không rèn luyện tính khí cho nó được. Nó không thể là con bà được. Nó sẽ là con tôi. Sống với tôi vẫn hơn là làm một thứ đồ chơi cho cậu con trai ốm yếu của bà, mặc dù trông chú bé thật hiền lành và dễ yêu. Phần tôi, tôi cũng sẽ dạy nó học”.

- Nhưng ông cụ không phải là bố Rê-mi mà ! - Ác-tơ kêu to.

- Ông cụ không phải là bố anh ấy, cái đó đúng. Nhưng ông cụ là chủ của anh ấy. Rê-mi thuộc quyền ông cụ, vì bố mẹ Rê-mi đã cho ông cụ mượn Rê-mi. Hiện nay Rê-mi phải tuân lời ông cụ.

- Con không bằng lòng để cho Rê-mi đi đâu.

- Nhưng mà phải để cho anh ấy đi theo chủ. Mẹ mong sẽ không còn lâu nữa. Mẹ sẽ viết thư cho bố mẹ anh ấy và dàn xếp với họ.

- Ô ! Không ! - Tôi kêu lên.

- Thế nào, tại sao lại không.

- Ô đừng thế ! Cháu xin bà !

- Chỉ còn cách ấy thôi cháu ạ.

- Cháu xin bà, bà đừng làm thế !

Chắc chắn là bà Mi-li-gơn không nói tới bố mẹ tôi, thì có lẽ tôi đã kéo dài cuộc từ biệt này quá cái mười phút đồng hồ mà chủ tôi đã dành cho tôi.

-Bố mẹ cháu ở Sa-va-nông, có phải không cháu?- Bà Mi-li-gơn nói tiếp.

Tôi không trả lời, bước lại gần Ác-tơ, ôm lấy nó và hôn hai ba lần. Tôi đã đặt trong mấy cái hôn ấy tất cả tình thân ái của tôi. Rồi dang tay nó ra, tôi trở lại phía bà Mi-li-gơn quỳ xuống và hôn tay bà.

- Tội nghiệp con ! - Bà vừa nói vừa cúi xuống.

Và bà hôn lên trán tôi.

Tôi đứng lên ngay và chạy ra phía cửa.

- Ác-tơ ơi, tôi sẽ yêu thương anh mãi mãi !

- Tôi nói giọng nức nở - Còn bà, thưa bà, không bao giờ cháu quên bà !

- Rê-mi ! Rê-mi ! - Ác-tơ kêu.

Tôi chẳng nghe thấy gì nữa, tôi đã ra ngoài và đóng cửa lại.

Phút sau tôi lại ở bên cạnh chủ tôi.

Ông cụ nói:

- Thôi lên đường, các con !

Chúng tôi theo con đường Phờ-rông-ti-nhăng ra khỏi thành phố Xết-tơ

Thế là tôi đã từ biệt người bạn đầu tiên của tôi để lại lao vào cuộc sống phiêu lưu.

Nếu tôi không phóng đại hậu quả của một thành kiến xấu xa để rồi hoảng hốt sợ sệt, thì tôi đã có thể tránh được cuộc sống bấp bênh cay đắng ấy.

TUYẾT VÀ SÓI

Thế là tôi lại lẻo đẻo theo gót ông chủ tôi. Dây quai đàn căng thẳng trên vai ê ẩm, tôi lại đi mãi miết trên những con đường thiên lý, dầm mưa dãi nắng, trong gió bụi, trong bùn lầy. Tôi lại phải đóng vai thằng ngốc ở những nơi công cộng. Tôi lại cười, lại khóc để mua vui cho chư vị khán giả. Đang sống êm ấm thì lại phải đi lang thang, sự thay đổi ấy đối với tôi cũng thực là khổ, vì thói thường hề sống sung sướng là người ta chóng quen đi. Tôi cứ thấy buồn chán mệt nhọc. Trước kia, khi chưa được hưởng hai tháng của những người sung sướng, tôi làm gì biết những giây phút đen tối ấy!

Ở với bà Mi-li-gơn, lắm khi tôi nhớ đến cụ Vi-ta-li. Giờ đây đi bên cạnh cụ Vi-ta-li, tôi lại nghĩ đến bà Mi-li-gơn. Trong lúc đi đường trường như thế, nhiều khi tôi cố ý tụt lại sau để tha hồ nghĩ đến Ác-tơ, bà mẹ nó và con thuyền, và bằng tưởng tượng, tôi quay về sống lại những ngày vừa qua. Chao ôi ! Cái thời sung sướng ! Mỗi khi đặt lưng xuống giường, trong một cái quán khổ ở thôn quê, tôi lại nghĩ đến cái giường con của tôi trên chiếc du thuyền. Lúc bấy giờ chần chiếu nơi quán trọ trở nên xù xì không thể tả.

Thế là từ nay tôi không còn được đánh bạn với Ác-tơ ! Tôi không còn được nghe giọng nói, âu yếm của bà Mi-li-gơn nữa.

May thay trong nỗi buồn da diết dai dẳng ấy, tôi cũng có một điều an ủi là cụ chủ bây giờ hiền từ hơn trước nhiều, có thể nói là âu yếm nữa. Đã có sự thay đổi trong tính tình cụ Vi-ta-li, hay ít ra là cách đối xử với tôi. Điều ấy nâng đỡ tôi làm cho tôi ngăn ngừa được nước mắt khi chạnh lòng nhớ đến Ác-tơ. Tôi cảm thấy trên đời này tôi không cô quạnh và chủ tôi đối với tôi có cái gì hơn là một ông chủ thông thường.

Nhiều lúc tôi muốn ôm hôn cụ chủ bởi vì tình cảm chất chứa trong lòng tôi chỉ trục trào ra ngoài, nhưng tôi dẫu dám. Với cụ Vi-ta-li, không thể suông sẻ được. Lúc đầu tôi xa cụ và sợ sệt. Bây giờ tôi cũng không dám gần cụ vì một cảm giác gì lơ mờ như lòng kính nể cụ.

Rồi Xét-tơ ra đi, mấy ngày đầu tôi không nói chuyện về bà Mi-li-gơn, về thời gian tôi sống trên thuyền Thiên Nga. Nhưng dần dần trong lúc chuyện vãn, chúng tôi bắt đầu nói đến, và lần nào cũng do cụ Vi-ta-li gợi ra trước. Rồi thì không ngày nào là chúng tôi không nhắc đến tên bà Mi-li-gơn. Cụ Vi-ta-li hỏi tôi:

- Cháu mến bà ấy lắm phải không ? Ừ, ông cũng hiểu bụng cháu mà ! Bà ấy đối với cháu tốt, rất tốt. Khi nào nghĩ đến bà, cháu phải nhớ ơn bà.

Rồi cụ thường thêm:

- Đành phải thế mới được !

Phải thế là cái gì ? Thoạt tiên tôi không hiểu. Nhưng rồi sau tôi nghĩ rằng “phải thế” là phải từ chối lời đề nghị của bà Mi-li-gon xin cho tôi ở lại với Ác-tơ. Khi cụ chủ tôi bảo “đành phải thế” chắc hẳn cụ nghĩ đến việc ấy. Trong hai tiếng “phải thế” của cụ Vi-ta-li, tôi nghe như ẩn cái ý luyến tiếc. Phải chăng cụ cũng phải nghĩ để tôi ở lại với Ác-tơ nhưng quả là không thể làm như thế được?

Trong thâm tâm, tôi cảm ơn cụ về niềm ân hận của cụ, mặc dù tôi không đoán ra vì sao cụ không nhận lời bà Mi-li-gon. Bà ấy có kể cho tôi nghe những lý do ông cụ nêu ra, nhưng tôi vẫn chưa hiểu.

Có lúc tôi nghĩ: “ Có lẽ một ngày kia cụ sẽ nhận lời chẳng !”. Nghĩ thế lòng tôi chứa chan hy vọng. Tôi tự hỏi: Sao chúng ta lại không thể gặp lại thuyền Thiên Nga? Nó đi ngược sông Ron còn chúng ta thì đi trên bờ sông kia mà !

Nghĩ như thế cho nên trong khi đi đường, mắt tôi thường quay về phía dòng sông hơn là về phía đồi núi, những đồng bằng phì nhiêu ở hai bên bờ.

Khi chúng tôi đến thị trấn: Át-lơ, Ta-rát-xông, A-vi-nông, Mông-tê-li-ma, Va-lăng-xơ, Tuốc-nông, Viên-nơ; Nơi đi dạo đầu tiên của tôi là bến sông và cầu. Tôi tìm thuyền Thiên Nga. Khi tôi nhìn xa xa thấy một con thuyền mờ tỏ trong sa mù, tôi đợi cho nó đến gần để xem thử có phải thuyền Thiên Nga đấy hay không.

Nhưng không phải.

Một đôi khi tôi đánh bạo hỏi những người thủy thủ. Tôi tả hình dáng con thuyền cho họ nghe. Họ đều nói không thấy con thuyền ấy đi qua.

Tôi tưởng tượng ra là bây giờ ông chủ tôi đã nhất định nhường tôi cho bà Mi-li-gơn. Như thế, thì không còn lo người ta nói đến lai lịch tôi hay người ta viết thư cho má Bác-bơ-ranh nữa. Công việc sẽ được giải quyết giữa cụ chủ tôi và bà Mi-li-gơn thôi. Trí óc ngây thơ của tôi xếp đặt sự việc như thế này: Bà Mi-li-gơn muốn giữ tôi lại bên cạnh bà, cụ chủ tôi bằng lòng từ bỏ quyền làm chủ của cụ, thế là xong.

Chúng tôi lại ở lại Ly-ông mấy tuần lễ, và hễ có dịp được tự do là tôi đến bên bờ sông Rôn và sông Xôn. Nhờ vậy tôi biết các cầu trên hai sông ấy rõ như một người dân thành phố Ly-ông chính cống.

Nhưng tôi tìm kiếm bao nhiêu cũng không thấy thuyền Thiên Nga.

Rồi đến lúc chúng tôi rời Ly-ông để đi về Đì-giông. Tôi bắt đầu mất hy vọng sẽ được gặp lại bà Mi-li-gơn và Ác-tơ. Ở Ly-ông, tôi đã nghiên cứu tất cả các bản đồ nước Pháp bày ở mấy hiệu bán sách cũ, cho nên tôi biết rằng kênh Giữa tách khỏi sông Xôn từ Sa-lông, mà bà Mi-li-gơn thì định đi theo kênh ấy để vào sông Loa.

Đến Sa-lông chúng tôi vẫn không gặp thuyền Thiên Nga, mãi cho đến lúc đi cũng không thấy. Thôi thế là hết, cái mộng đoàn viên đành phải vứt bỏ. Tôi buồn đến nẫu ruột.

Chính lúc ấy thời tiết trở nên xấu, tuồng như để làm cho nỗi thất vọng khá nặng của tôi càng nặng nề thêm. Năm đã muộn, mùa đông sắp về. Phải dầm nước, lội bùn, thầy trò chúng tôi ngày càng vất vả. Buổi tối ngã lưng xuống nằm ở một cái quán trọ tồi tàn hay một vựa rơm của nhà nào đó, tôi chẳng thấy vui vẻ ít nào. Rồi Đi-giông, trong khi xuyên qua vùng đồi Cốt-tơ-do, chúng tôi gặp một cơn rét, buốt đến tận xương. Giô-li-cơ trở nên buồn bã, bực dọc hơn cả tôi nữa.

Mục đích của ông chủ tôi là đi gấp rút đến Pa-ri. Chỉ ở Pa-ri mới có cơ hội biểu diễn một đôi lần trong mùa rét. Nhưng không biết vì túi tiền quá nhẹ, ông cụ không dám đi tàu hỏa, hay vì lý do khác, thầy trò chúng tôi phải cuộc bộ trên quãng đường từ Đi-giông đến Pa-ri. Qua các thị trấn và làng mạc, hôm nào may mắn gặp trời tạnh ráo, chúng tôi diễn một vài tiết mục, kiếm một ít tiền rồi lại lên đường ngay.

Cho đến Sa-ti-ông thì mọi việc cũng tạm tạm xuôi, mặc dù chúng tôi khổ vì mưa rét. Đi khỏi thành phố thì trời tạnh mưa, gió trở hướng Bắc. Gió bắc thổi tạt vào mặt cũng khó chịu đấy, nhưng lúc đầu, chúng tôi không phàn nàn. Cần nhắc cho kỹ vì cái thứ gió ấy có thổi rất chẳng nữa cũng dễ chịu hơn nạn mưa dầm làm nẫu người chúng tôi từ mấy tuần nay.

Khổ thay gió hanh không thổi được lâu. Trời kéo từng mảng mây đen, rồi bị mặt trời che lấp hẳn. Tất cả đều báo hiệu là mưa tuyết sắp rơi.

Tuy vậy chúng tôi còn kịp đến một làng khá lớn mà vẫn chưa gặp tuyết. Nhưng cụ chủ không định trú ở lại

đó, cụ muốn đi nhanh đến Tờ-roa kia. Tờ-roa là một thị trấn lớn, nếu phải bó chân ở đây vì trời xấu thì cũng có thể biểu diễn được dăm ba lần.

Khi đã vào quán trọ và xếp đặt yên chỗ rồi thì cụ Vi-ta-li bảo: “Cháu lo mà ngủ đi, nhanh lên. Đến mai, tờ mờ sáng chúng ta lại đi ngay không thì đến gặp phải mưa tuyết giữa đường mất!”. Về phần cụ thì không đi ngủ sớm như thế. Cụ ngồi bên cạnh lò bếp để sưởi cho con Giô-li-cơ. Cả ngày Giô-li-cơ bị rét buốt cứ rên mãi mặc dù chúng tôi đã bọc nó thật cẩn thận trong mấy lớp chăn.

Hôm sau, chưa sáng tôi đã dậy đúng như lời cụ dặn. Bấy giờ trời không một vì sao, thấp và đen như mực. Người ta tưởng như một cái vung to tướng và tối om đã đập lên mặt đất và đè bẹp nó đi. Khi mở cửa thì một ngọn gió rất rạt lửa vào lò sưởi, làm những khúc củi tàn vùi dưới tro từ tối hôm qua lại cháy bùng lên. Ông chủ quán bảo cụ Vi-ta-li:

Tôi như cụ thì hôm nay tôi chưa đi đâu, tuyết sắp xuống rồi.

Tôi vội quá - cụ Vi-ta-li đáp - Tôi hy vọng đến được Tờ-roa trước khi có tuyết.

Tuy ông chủ quán nói vậy, chúng tôi vẫn ra đi. Cụ Vi-ta-li ôm con Giô-li-cơ trong áo để truyền hơi ấm cho nó. Mấy con chó thấy trời khô ráo thì hí hửng chạy lên phía trước. Lúc ở Di-giông cụ chủ có mua cho tôi một tấm áo da cừu, lông quay vào bên trong. Tôi khoác nó lên, cuộn kín người. Gió bắc thổi tạt vào mặt, tấm da

cửu đỉnh sát người tôi. Mỏ miệng ra thì khó chịu, chúng tôi cứ im lặng mà đi, bước rảo lên cho mau đến nơi mà cũng để cho ấm người nữa.

Đáng lẽ sáng rồi mà trời vẫn tối tăm mờ mịt. Mãi mới thấy ở đằng đông có một vết trắng trắng rưng lên, nhưng mặt trời thì vẫn không ló ra. Đành rằng đêm đã qua. Nhưng nói trời đã sáng thì cũng là nói gương.

Tuy vậy, cảnh vật nông thôn bây giờ nhìn đã rõ hơn. Từ cái cửa thông hơi lớn ở đằng đông rọi đến, một thứ ánh sáng nhờ nhờ là là mặt đất, làm rõ hình thù những thân cây trụi lá và đây đó những hàng giậu, những bụi còi. Mỗi khi luồng gió đến làm bụi cây rung lên quăn quại thì những lá khô còn dính trên cây kêu rào rào.

Không một bóng người trên đường cái, không một bóng người ngoài đồng, không có tiếng xe chạy, không có tiếng roi ngựa vun vút. Không có sinh vật nào ngoài loài chim mà người ta nghe tiếng kêu chứ không nhìn thấy hình dáng bởi chúng lấp trong lá. Duy có mấy chú chim khanh khách nhảy nhót trên đường cái, đuôi cất cao, mỏ vênh. Khi chúng tôi đến gần thì chúng vỗ cánh bay lên đậu trên cây kêu khanh khách, những tiếng kêu ấy đuổi theo chúng tôi như nguyên rủa, như báo trước chuyện không hay.

Bỗng một chấm trắng hiện ra giữa trời về từ phương Bắc. Nó vừa tiến về phía chúng tôi vừa tỏa rộng ra rất nhanh, đồng thời là những tiếng xôn xao hỗn tạp, hợp thành một cái gì rào rào, nghe rất lạ tai. Đó là những đàn ngỗng, đàn vịt giới phương Bắc di cư về phương

Nam. Chúng bay qua trên đầu chúng tôi, bay đã xa mà còn thấy một vài mẫu lông tơ trắng toát lơ lửng trên nền trời đen.

Cảnh vật xứ này ảm đạm quá ! Đã thế lại tĩnh mịch nên càng buồn thêm. Trong ánh mai xám xịt ấy, nhìn đến đâu cũng chỉ thấy đồng cỏ, đồi trọc và rừng cây đỏ úa.

Gió vẫn thổi từ hướng Bắc tuy có nhiều chuyển nhẹ qua hướng Tây. Từ phía ấy ùn về nhiều đám mây màu đồng đỏ bay thấp và nặng nề, trông như đè lên ngọn cây. Lát sau, vài bông tuyết to như cánh bướm bay qua trước mặt chúng tôi. Nó tung lên, sà xuống quay lộn chập chờn, nhưng không bén đất.

Chúng tôi đi chưa được mấy đoạn đường, và chắc là không tài nào đến Tờ-roa được trước khi có mưa tuyết. Tuy nhiên điều đó cũng không cho tôi lo ngại lắm, vì tôi nghĩ rằng tuyết xuống thì gió bắc sẽ ngừng và rét cũng giảm đi.

Quả tôi chưa biết thế nào là một cơn bão tuyết!

Nhưng rồi tôi được biết liền ngay đấy, không phải chờ đợi lâu, và biết một cách thấm thía, suốt đời không thể quên.

Những đám mây từ Tây Bắc ùn về đã đến gần và trời về phía ấy sáng lên một màu trắng nhạt. Như thế là mây đã vỡ và tuyết đã tung rơi. Bây giờ không phải là những cánh bướm bay lượn nữa mà là cả một trận mưa tuyết rào rào đổ xuống, phủ lên người chúng tôi. Cụ Vi-ta-li bảo:

- Trời đã không cho chúng ta đi tới Tờ-roa, vậy thì hãy gặp nhà nào chúng ta trú ngay lại ở nhà đó.

Thật là một câu nói quý hóa, nghe mà hồi lòng hồi dạ. Nhưng biết tìm ở đâu ra cái nhà phúc đức ấy? Trước khi tuyết xuống vây phủ chúng tôi trong đám mù trắng này, tôi đã phóng tầm mắt ra tận xa nhìn khắp cảnh vật trong vùng. Tôi không hề thấy bóng dáng một cái nhà nào, cũng không có một dấu hiệu gì báo cho biết rằng sắp đến thôn xóm làng mạc, ngược lại, chúng tôi đi vào một khu rừng thì có. Trước mắt tôi, màu âm u thăm thẳm của rừng cây dần trải đến tận chân trời, ở hai bên cũng thế, chỉ toàn rừng là rừng trên những dãy đồi xung quanh.

Bởi vậy không nên trông vào cái nhà trọ hứa trước ấy cho lắm, nhưng chắc rồi thế nào tuyết cũng sẽ ngừng rơi chứ ? Không, tuyết vẫn tiếp tục rơi dày hơn nữa. Trong giây lát, nó đã phủ kín mặt đường, hay nói cho đúng phủ kín tất cả những cái gì cản trở nó, chẳng hạn những đồng đá, bờ cỏ, bụi cây... Gió mạnh đẩy tuyết bay là là mặt đất, cho nên gặp vật gì chắn nó lại thì nó dồn đóng lên vật ngay ấy ngay. Phien một nổi là chúng tôi đã thuộc loại những chướng ngại vật đó. Khi tuyết tạt vào người chúng tôi, gặp những chỗ tròn nhẵn không gồ ghề thì nó trượt đi cả, nhưng gặp một kẻ hở nào thì nó tọt vào như bụi và không mấy chốc thì tan ra.

Về phần tôi, tôi cảm thấy nó trôi chảy thành dòng nước trên cổ. Cụ chủ tôi chắc không hơn gì tôi bởi vì cụ phải mở hé tấm áo da cừu để cho con Giô-li-cơ thở.

Mặc bão tuyết, chúng tôi vẫn cặm cụi bước đi, ngược chiều gió, ngược chiều tuyết, không nói, không rằng, chốc chốc lại ngoái cổ về một bên để thở. Mấy con chó không chạy đằng trước nữa. Chúng bám sát gót chân tôi nài xin chỗ nấp, nhưng chúng tôi biết làm thế nào được ! Chúng tôi tiến từng bước chậm rì, khó nhọc, mắt mờ, thân hình ướt át, tê lạnh. Đã vào giữa rừng sâu từ đời nào rồi mà cũng không được che chở tí nào, bởi vì con đường xoay hẳn về hướng gió.

May sao-có nên nói là may không chứ?- cơn lốc giảm dần đi. Nhưng tuyết lại càng rơi mạnh hơn, không rơi thành bụi nữa mà thành từng mảng to, dày đặc. Chỉ trong giây lát, mặt đường đã phủ một lớp tuyết dày, chúng tôi giẫm lên không nghe thấy tiếng động. Thỉnh thoảng, tôi thấy cụ chủ nhìn về bên trái hình như có ý tìm một cái gì. Nhưng nào có gì đâu ! Chỉ thấy một khoảng rừng thưa rộng đã dẫn gỗ từ mùa xuân trước, nay còn những cây to chừa lại, thân mềm mại oằn xuống vì tuyết.

Cụ Vi-ta-li định tìm gì ở phía ấy nhỉ ?

Tôi thì tôi cứ trông thẳng trước mặt, theo đường cái, cố nhìn cho hết sức xa để xem thử khu rừng đã sắp hết chưa và có cái nhà nào ở bên đường không.

Nhưng thật là điên rồ ! Mắt làm sao chọc thủng cái màn trắng ấy ? Chỉ cách mấy thước thôi, mọi vật đã nhòa mất, chỉ còn thấy tuyết rụng xuống thành bông. Tuyết xuống càng lâu càng dày, tuyết như bọc lấy chúng tôi trong một mạng lưới mênh mông.

Tình cảnh chúng tôi thật đáng buồn! Tôi chưa bao giờ thấy tuyết rơi mà không nao nao trong lòng, dù cho đứng nhìn sau cửa kính trong một căn buồng có ngọn lửa ấm chảnh nữa, hướng hồ bây giờ đây cái căn buồng ấm cúng ấy còn ở đâu xa lắc xa lơ! Tuy vậy vẫn phải đi lên, không được ngã lòng, bởi vì chân càng ngày càng lún sâu xuống tuyết và tuyết đã lên tới ống chân. Bởi vì vậy chiếc mũ phủ dày tuyết và nặng trĩu trên đầu.

Thình lình cụ Vi-ta-li đưa tay về phía trái như để cho tôi chú ý. Nhìn theo tay cụ, tôi thấy lơ mờ hình như có một túp lều trong rừng, một túp lều bằng cành cây phủ đầy những tuyết. Tôi không hỏi gì cụ. Tôi biết rằng cụ chỉ cái lều ấy cho tôi không phải để cho tôi ngắm bức tranh “Lều trong rừng tuyết”. Vấn đề ở chỗ là tìm con đường đi đến lều ấy.

Điều đó thật khó, vì tuyết xuống khá dày đã xóa nhòa mọi dấu vết đường lớn đường nhỏ. Duy ở cuối khu rừng đã dẫn gỗ, nơi bắt đầu có cây to trở lại thì hình như có một cái hào ở chỗ con đường cái đã bị lấp bằng. Con đường con dẫn đến lều có lẽ từ chỗ đó tách ra.

Đoán thế mà đúng. Khi chúng tôi vượt qua hào thì lớp tuyết ở đấy không lún xuống.

Chẳng bao lâu chúng tôi đã đến túp lều.

Lều dựng bằng những bó củi chạc và củi chà chống lên nhau, trên thì xếp cành cây nhỏ khít vào nhau làm mái. Mái ấy khá kín, tuyết khó mà lọt qua.

Đây là chỗ trú tạm, nhưng quý như một ngôi nhà. Nôn nóng hơn hay nhanh nhẹn hơn không biết, mấy

con chó xông vào lều trước hết. Chúng lăn bừa trên nền đất bụi, khô ráo, ăng ẳng reo mừng.

Cụ Vi-ta-li và tôi mừng rỡ chẳng kém gì chúng nó. Nhưng chúng tôi không lăn chiêng xuống đất để biểu lộ sự mừng rỡ ấy. Nói cho đúng, lăn được xuống đất thì cũng chóng khô người đi đấy. Cụ Vi-ta-li nói:

- Ta đoán đúng là trong rừng vẫn dẫn gỗ này, tất có một cái lều thợ rừng ở đâu đây. Bây giờ thì tuyệt cú việc rồi.

- Vâng, cho nó tha hồ rơi ! - Tôi đáp lại giọng thách thức.

Rồi tôi đi lại phía cửa lều để rũ áo mũ cho khỏi ướt át “phòng trọ” của chúng tôi.

Thật ra thì cái lều ấy không có cửa lớn, cửa sổ gì cả, chỉ có một lỗ hổng để ra vào.

“Phòng trọ” của chúng tôi xây dựng sơ sài, bàn ghế chẳng có, cái gì cũng hết sức đơn giản. Chỗ ngồi gần vền chẳng có, cái gì cũng hết sức đơn giản. Chỗ ngồi gồm vền dẫu. Nhưng trong tình cảnh chúng tôi bây giờ, có cái này đáng quý nhất: đó là năm sáu viên gạch đặt nghiêng xếp thành một cái bếp trên mặt đất ở một góc lều.

Có lửa rồi đây ! Chúng tôi có thể đốt lửa sưởi được rồi.

Nói cho đúng thì có bếp cũng chưa phải là có lửa, còn phải có củi đốt nữa !

Trong một cái nhà như kiểu nhà chúng tôi đang trú thì củi không khó kiếm. Cứ việc lấy ở tường, ở mái,

nhờ chen vài khoảnh ố vàng đây đó, không có cái gì trông mà đoán được là trưa, chiều hay sớm.

Tai nghe cũng không hơn gì mắt ngó, bởi vì sự yên lặng thật là tuyệt đối. Không một tiếng chim kêu, một tiếng roi ngựa vút, một tiếng bánh xe lăn. Dù cảnh đêm chẳng nữa, dễ cũng không có đêm nào vắng vẻ như cái cảnh ngày hôm nay.

Thêm vào đó, một sự ngưng trệ hoàn toàn. Tuyết đang chặn đứng mọi chuyển động, tuyết đã biến tất cả thành đá. Chỉ chốc chốc có tiếng động khẽ, chú ý lắm mới nghe thấy, rồi một cànch thông đu đưa nặng nề. Cànch thông trĩu tuyết dần dần oằn xuống, và khi độ nghiêng dốc quá thì tuyết rơi tuột xuống hết, cànch thông lại bật lên ngay. Bấy giờ màu xanh thẫm của cây nổi bật lên giữa tấm màn trắng trùm lên tất cả những cây cối khác; nhìn xa, người ta tưởng đây đó tấm màn bị thủng những lỗ đen ngòm.

Tôi đang tựa cửa say sưa ngắm nhìn cảnh tượng ấy thì cụ chủ gọi tôi:

- Rê-mi, cháu thích lên đường rồi đấy à?

- Cháu không biết, cháu không thích gì cả. Ông muốn gì thì cháu làm nấy.

- Thế à, thế thì theo ý ông, ta nên ở nán lại đây. Ở đây ít ra cũng có chỗ ẩn trú, và có lửa ấm để sưởi.

Tôi nghĩ tới việc thiếu lương thực, nhưng tôi không nói. Cụ Vi-ta-li tiếp:

trời. Ánh sáng từ tấm thảm tuyết chói ngời dưới đất chiếu lên chứ không phải từ trên cao rọi xuống.

Mấy con chó cũng đã tạm bằng lòng với chỗ trú chân bất đắc dĩ này, nên cả ba đều xúm quanh bếp lửa mà ngủ, con nằm khoanh tròn, con nằm nghiêng. Con Ca-pi thì nằm sấp, dúi mũi vào tro. Tôi nảy ra ý định làm như chúng nó. Sáng nay tôi đã dậy quá sớm, bây giờ ngồi trông tuyết rơi thì không bằng thả hồn trong cõi mộng, biết đâu trong chiêm bao lại được đi trên thuyền Thiên Nga?

Không biết tôi đã ngủ bao lâu. Chỉ biết lúc tỉnh giấc thì tuyết đã ngừng rơi. Tôi nhìn ra ngoài thấy lớp tuyết đóng ở trước cái lều cao lên lắm; nếu lại ra đi thì dễ thường tuyết cũng lên cao qua đầu gối tôi.

Mấy giờ rồi nhỉ ?

Cụ chủ có biết đâu mà hỏi. Máy tháng gần đây, số thu tệ quá, không đủ bù lại những khoản phí tổn trong lúc cụ ở tù và hầu kiện. Bởi vậy, ở Đi-giông cụ phải bán cái đồng hồ quả quýt để mua tấm áo da cừu cho tôi và vài thứ đồ dùng lặt vặt cho cả hai thầy trò. Đó là chiếc đồng hồ vỏ bạc to lớn mà ngày mới nhập đoàn, tôi thấy con chó Ca-pi xem để báo giờ cho khán giả. Nay chiếc đồng hồ thân mến đã không còn thì muốn biết giờ khắc đành phải nhìn ra ngoài trời.

Nhưng ngoài trời không có gì trả lời cho tôi được: dưới đất một vạch trắng lóa mắt; giữa không trung một đám sa mù sâm sẫm; trên trời, một thứ ánh sáng nhờ

- Ông không quen con đường này nên không rõ từ đây đến Tờ-roa có tìm thấy quán cơm không. Vả lại ông cũng không thuộc đường đi lối lại trong rừng. Ông chỉ biết rằng vùng này cây dày rừng rậm, rừng rú mênh mông bạt ngàn nối tiếp nhau. Có thể chúng ta còn cách xa nhà cửa xóm làng những năm mươi dặm. Cũng có thể chúng ta bị nghẽn lâu trong túp lều này. Vì vậy phải dành lại ít lương thực để ăn tối.

Những lý lẽ ấy, tôi hiểu, bởi vì tôi còn nhớ cái ngày đoàn chúng tôi ra khỏi Tu-lu-dơ sau khi cụ Vi-ta-li bị bắt. Nhưng mấy con chó hiểu sao được ! Vừa liếm láp chút ít đã thấy cụ chủ cất chiếc bánh mì vào xắc, chúng bèn chìa chân ra xin thêm và cào cào lên đầu gối ông cụ. Chúng châu những cặp mắt van lơn vào cái xắc, và làm nhiều điệu bộ tỏ ý yêu cầu cụ mở xắc ra.

Van lơn, mơn trớn cũng vô hiệu. Chiếc xắc vẫn cài im.

Tuy bữa ăn hết sức sơ sài, chúng tôi cũng đã được hồi sức. Có chỗ trú, có lửa sưởi ấm, chúng tôi có thể chờ cho qua cơn mưa tuyết. Ở lại trong cái lều ấy, tôi thấy chẳng có gì đáng ngại cả, huống hồ tôi yên trí là không phải ở lâu. Tôi không tin rằng sẽ bị mắc nghẽn ở đây, mặc dù ông chủ tôi nói thế để giải thích vì sao phải dè xẻn. Chắc là tuyết không rơi mãi. Nhưng cũng phải nói là chưa hề có dấu hiệu gì báo trước là nó sắp ngừng rơi.

Nhìn qua cửa lều tôi thấy tuyết vẫn cứ rơi nhanh và dày. Gió đã lặng nên tuyết rơi thẳng đứng, bông này chồng lên bông khác không ngớt. Nhìn chẳng thấy da

nghĩa là rút các que củi đã xếp làm phen, làm mái nhà. Duy phải rút ở chỗ này một ít, chỗ kia một ít để cho lều khỏi trống trải, lung lay.

Công việc kiểm củi làm nhanh lắm. Chẳng bao lâu một ngọn lửa hồng bốc lên trên bếp, nhảy nhót reo vui. Ôi ! Ngọn lửa đẹp, lành, ấm áp làm sao ! Đành rằng lửa hun khói lên, và vì không có ống thoát nên khói bay khắp cả lều. Nhưng hề gì ! Miễn là có lửa, có hơi nóng là được.

Tôi bò rạp xuống đất chống tay thối lửa, còn ba con chó thì gập chân sau ngồi rất chững chạc, vươn cổ, phơi mấy cái bụng ướt lạnh ra đón ngọn lửa hồng. Rồi đến lượt con Giô-li-cơ cũng hé vạt áo ông chủ, lộ mũi ra: nó dòm xem cho biết đây là đâu. Thấy không có gì đáng ngại, nó nhanh nhẹn nhảy xuống đất, chọn chỗ tốt nhất bếp mà ngồi, rồi đưa hai bàn tay bé bỏng đang run lẩy bẩy ra hơ lửa.

Bây giờ thì chắc chắn không chết rét rồi, nhưng vấn đề đói vẫn chưa có cách giải quyết. Cái lều ấy trú chân được, nhưng trong lều không có thùng đựng bánh cũng không có xoong chảo reo sôi trên lò.

May sao, cụ tôi là người cẩn thận và từng trải. Lúc sớm, tôi chưa dậy, cụ đã lo xong khoản lương thực đi đường, gồm có một chiếc bánh và một rẻo pho mát. Nhưng đâu phải là lúc vơi vĩnh khó tính ! Thoạt trông thấy chiếc bánh, chúng tôi tỉnh cả người ra.

Khổ thay, khẩu phần chẳng được là bao vì cụ chủ không chia hết bánh, chỉ cắt một nửa. Tôi thất vọng, đưa mắt hỏi cụ. Cụ bảo:

- Ông chắc rồi tuyết sẽ rơi trở lại, chốc lát nữa thôi. Không nên xông pha trên đường trong khi chưa biết làng mạc còn cách bao xa. Đêm đến không dễ gì nằm giữa tuyết. Ở đây vẫn còn hơn. Ở đây ít ra chân chúng ta cũng khỏi bị dầm nước.

Gác vấn đề lương thực lại một bên thì kể ra tôi cũng thấy làm thích cách thu xếp ấy. Với lại có ra đi ngay thì cũng không chắc gì gặp một quán ăn trước khi đêm đến. Trái lại cái chắc chắn sẽ gặp là một lớp tuyết dày trên đường cái, chưa ai giẫm lên nên đi lại sẽ rất khó khăn.

Chỉ cần bóp bụng mà chịu, thế thôi.

Đúng là chúng tôi phải làm thế khi đến bữa ăn tối, Cụ Vi-ta-li chia chỗ bánh còn lại làm sáu phần. Chao ôi! Sao mà ít thế? Chúng tôi đã bẻ bánh ra từng miếng, hết sức nhỏ để kéo dài bữa ăn, nhưng rồi nó cũng hết bẻng đi nhanh chóng.

Tôi cứ tưởng là ăn xong bữa ăn ít ỏi và ngắn ngủi ấy thì lũ chó sẽ giở lại cái trò ban trưa vì quả thật chúng tôi còn đói lắm. Nhưng chúng không làm thế. Một lần nữa tôi quả thật thấy chúng quả là giống vật tinh khôn.

Cụ Vi-ta-li vừa bỏ con dao vào túi quần-thế nghĩa là bữa tiệc của chúng tôi đã chấm dứt-thì con Ca-pi đứng dậy. Nó gạt đầu ra hiệu cho hai bạn chó của nó đến ngồi cái xác thường ngày chứa lương thực. Đồng thời nó nhẹ nhàng đặt chân lên xác để sờ thử. Qua hai cuộc xét nghiệm ấy, nó biết chắc là không còn gì chén

nữa. Thế là nó trở về chỗ cũ bên cạnh bếp lửa, và sau khi gặt đầu ra hiệu một lần nữa cho con Đôn-xơ và con Déc-bi-nô, nó nằm thườn thượt ra, thở dài một cách nhẫn nại.

Nó đã diễn đạt ý nghĩ của nó rõ ràng không kém gì dùng lời nói. Nó muốn nói: “Không còn gì nữa đâu. Đừng van xin vô ích”.

Lũ bạn của nó cũng hiểu ý nó. Chúng nằm dài trước bếp lửa y như nó. Nhưng tiếng thở dài của con Déc-bi-nô không có vẻ gì nhẫn nại cả. Nó vốn ăn tốn mà lại tham ăn, cho nên khi phải chịu đói nó khổ sở hơn các bạn nó.

Tuyết đã rơi lại và cũng rơi liên miên dai dẳng như trước. Thời gian càng trôi qua, lớp tuyết đóng trên mặt đất càng cao lên dần dọc theo những chồi non mọc ở gốc cây mới đốn. Về sau chỉ còn các chồi non ngói ngóp trên mặt tuyết trắng và tuyết cũng sắp dâng lên phủ ngập chúng như một ngọn triều.

Trời hôm nay sẫm quá cho nên cũng chóng tối. Ăn xong bữa tối trông ra ngoài không thấy rõ mọi vật nữa. Đêm đến tuyết vẫn cứ rơi. Từ trên trời tối đen từng mảng tuyết trắng rơi xuống liên hồi trên mặt đất trắng xóa. Đàng nào cũng phải nghỉ đêm tại đây thì tốt hơn là ngủ đi cho rồi. Tôi nghĩ thế và làm theo mấy con chó. Cuộn mình trong tấm da cừu đã hong khô, tôi nằm dài bên cạnh bếp lửa, gối đầu lên một hòn đá phẳng. Cự Vita-li bảo:

- Cháu ngủ đi. Ông sẽ đánh thức cháu dậy khi đến lượt ông ngủ. Ở trong lều này thì không sợ gì người hay thú rừng quấy phá, nhưng giữa hai ông cháu mình phải luôn có một người phải thức để coi bếp lửa. Ta phải phòng rét cẩn thận, khi tuyết ngừng rơi thì có thể lạnh cắt da cắt thịt đấy.

Không đợi bảo lần hai tôi đã nhắm mắt ngủ kỹ.

Khi cụ chủ đánh thức tôi dậy thì đêm đã khuya lắm rồi, tôi đoán chừng như thế. Tuyết đã ngừng rơi, lửa vẫn đỏ rực. Cụ bảo:

- Bây giờ đến phiên cháu. Cháu chỉ có mỗi việc chóc chóc bỏ thêm củ vào bếp. Cháu thấy không. Ông đã dự trữ sẵn củ cho cháu đấy.

Quả vậy, tôi thấy có một đồng củ chất sẵn, vừa tầm tay. Cụ chủ tôi tỉnh ngủ hơn nên không muốn cho tôi làm mất giấc ngủ của cụ khi rút củ sọt soạn ở vách. Cụ đã rút sẵn và xếp đó cho tôi, tôi chỉ việc nhẹ nhàng với tay mà lấy.

Việc làm của cụ chủ tôi rõ ràng là khôn ngoan chu đáo. Nhưng chao ôi ! Kết quả của nó lại khác hẳn với sự mong muốn của cụ.

Bấy giờ tôi đã tỉnh táo và sẵn sàng nhận phiên gác. Thấy thế cụ chủ nằm xuống bên bếp lửa, quấn chăn cho con Giô-li-cơ và đặt nó nằm bên cạnh. Lát sau nghe nhịp thở pho pho đều đặn của cụ, tôi biết là cụ đã ngủ. Tôi đứng lên nhẹ nhàng, rón rén nhón chân đi lại gần cửa để xem thử ở ngoài trời bây giờ ra sao.

Lúc này thì tuyết đã phủ lấp tất cả cỏ cây, bờ bụi, cả những cây cối lớn. Nhìn tận xa tít cũng chỉ thấy một lớp tuyết trắng toát nhưng không phẳng phiu lắm. Trên nền trời lác đác có những chấm sao nhấp nháy. Mặc dù sao rất sáng, nhưng thứ ánh sáng nhờ nhờ soi rọi cảnh vật lúc bấy giờ lại không từ trên cao xuống mà từ dưới tỏa lên. Trời rét lại. Có lẽ ngoài kia tuyết đương đóng băng vì luồng khí tạt vào lều lạnh tê người. Trong sự yên lặng ảm đạm của cảnh đêm, thỉnh thoảng nghe thấy tiếng lác cắc thì người ta biết rằng tuyết trên mặt ngoài trời đang kết lại thành băng.

Chúng tôi tìm được chiếc lều này quả là có phúc, nếu không thì trong cảnh tuyết băng, giá rét ở giữa rừng này, còn gì là đời !

Dù đi rón rén nhẹ nhàng, tôi cũng đã làm mấy con chó thức giấc. Con Déc-bi-nô đã đứng lên theo tôi ra phía cửa. Không có con mắt biết ngấm cảnh đêm tuyết lộng lẫy như tôi, nó vừa nhìn qua một chút là chán ngay và muốn chạy ra ngoài. Tôi đưa tay ra hiệu bảo cho nó đi vào. Điên hay sao mà đòi đi ra ngoài trời trong khi rét như thế này ? Ngồi sưởi lửa không sướng hơn là chạy lang thang hay sao ? Déc-bi-nô vâng lời, nhưng nó cứ hếch mũi ra phía cửa. Đúng là một con chó cứng đầu, thích làm gì thì khư khư ôm cái thích ấy.

Tôi đứng ngấm tuyết một lúc nữa. Cảnh ấy làm cho lòng tôi nao nao buồn nhưng không hiểu sao tôi cứ thích ngấm. Nhìn cảnh tuyết mà nao người muốn khóc. Mà không muốn nhìn thì rất dễ, chỉ cần nhắm mắt lại, hoặc trở về chỗ cũ. Nhưng tôi lại cứ đứng yên ở đó.

Nhưng mãi rồi tôi cũng đi lại bên bếp lửa. Tôi bỏ vào bếp ba bốn thanh củi gác chéo lên nhau, xong tôi ngồi lên hòn đá dùng để gối đầu lúc này, nghĩ rằng ngồi một lúc cũng vô hại. Chủ tôi ngủ yên. Mấy con chó và con khỉ cũng ngủ. Trong bếp ngút cháy, từng ngọn lửa hồng cuộn cuộn bốc lên tận mái lều và tàn bắn ra nổ lách tách. Đó là tiếng động duy nhất trong đêm tĩnh mịch này. Tôi thích thú ngắm nhìn những tàn lửa ấy khá lâu. Nhưng dần dần, tôi thấy trong người mệt mỏi, rồi chợp ngủ lúc nào không biết.

Giá cụ chủ để cho tôi tự lo khoản củi cành, thì tôi đã phải đứng lên, đi lại lảng xãng trong lều và như thế ắt phải tỉnh như con sáo. Đằng này ngồi yên một chỗ không cần cử động mấy, chỉ chốc chốc với tay lấy củi bỏ vào bếp, cho nên dễ buồn ngủ. Cứ định ninh là mình sẽ tỉnh táo, thế mà tôi ngủ quên đi.

Thình lình một tiếng sủa giận dữ làm tôi vùng dậy. Trời tối om. Có lẽ tôi ngủ quên lâu rồi vì lửa đã tắt hay ít ra là không còn bốc ngọn, không soi sáng trong lều nữa. Tiếng sủa không ngại. Đó là tiếng của con Ca-pi. Nhưng lạ chưa! Còn con Déc-bi-nô và cả con Đôn-xơ nữa ở đâu mà không lên tiếng đáp lại? Cụ Vi-ta-li choàng dậy kêu to lên:

- Cái gì thế? Có chuyện gì xảy ra đấy?

- Cháu không biết!

- Cháu ngủ quên để lửa tắt rồi.

Ca-pi đã sấn ra phía cửa từ bao giờ nhưng nó không ra ngoài, nó đứng ở ngưỡng cửa mà sủa. Cái câu

cụ chủ hỏi tôi, chính tôi cũng tự hỏi mình: “Có chuyện gì xảy ra thế?”. Đáp tiếng sủa của con Ca-pi, vài tiếng rú đau đớn vang lại: Tôi nhận ra tiếng con Đôn-xơ. Tiếng rú vang lên từ sau lều nghe gần lắm.

Tôi toan chạy ra. Cụ chủ để tay lên vai tôi ngăn lại. Cụ ra lệnh:

- Hãy chất củi vào bếp đã !

Trong khi tôi làm theo lời thì cụ cầm một cái vỏ lửa⁽¹⁾ thổi lên. Que củi đỏ bùng, cụ không đưa vào bếp mà giữ lấy trong tay và bảo tôi:

- Ta ra xem thử thế nào. Cháu đi sau ông. Nào! Ca-pi, đi ra đi !

- Chúng tôi sắp bước chân ra ngoài thì một tiếng tru dữ dội vang lên trong đêm lặng. Con Ca-pi nhảy trở lại quẩn lấy chân tôi, dáng hoảng hốt. Cụ Vi-ta-li nói:

- Chó sói đấy ! Con Déc-bi-nô và Đôn-xơ đâu?

Tôi không biết trả lời làm sao cả. Chắc chắn hai con chó đã ra khỏi lều trong khi tôi ngủ: con Déc-bi-nô trái chứng trái nết đã làm theo ý định của nó lúc này, còn con Đôn-xơ thì chạy theo bạn. Chó sói đã tha chúng đi rồi chẳng ? Khi chủ tôi hỏi hai con chó ở đâu, tôi thấy hình như cụ có ý lo ngại điều đó. Cụ bảo:

- Cháu cũng cầm lấy một que củi đỏ rồi cùng đi cứu chúng nó với ông.

(1) Củi cháy dở, đã tắt ngọn - ND.

- Ở làng quê, tôi đã nghe kể lắm chuyện muông sói hãi hùng. Tuy thế tôi cũng không do dự, cầm một que củi đỏ làm khí giới rồi đi theo cụ chủ. Nhưng ra rừng chẳng thấy chó đâu, sói đâu cả. Chỉ thấy dấu chân của hai con chó hằn trên tuyết.

Chúng tôi lần theo hai dấu chân đó. Dấu chân chỉ lẫn quần chung quanh lều. Rồi, ở cách một khoảng xa hơn, trong bóng đêm mờ mờ, hiện lên một vạt tuyết nát nhàu như tưởng có những con vật gì lăn lộn trên ấy. Cụ chủ bảo con Ca-pi:

- Tìm đi, Ca-pi, tìm đi con ! - Rồi cụ huyết sáo để gọi con Déc-bi-nô và con Đôn-xơ.

Không có một tiếng sủa nào đáp lại tiếng gọi của ông cụ, không có tiếng động nào vang lên trong cảnh vắng lặng, âm đạm của khu rừng. Con Ca-pi thường ngày dễ bảo và gan dạ là thế mà hôm nay không chịu sục sạo theo lệnh chủ, chỉ quần lấy chân chúng tôi.

Ánh sáng phản chiếu từ mặt tuyết không đủ để chúng tôi nhìn thấy lối đi và theo vết chân chó. Hơi nhìn xa một tí thôi cũng đủ lóa mắt không thấy gì trong bóng đêm mập mờ. Cụ Vi-ta-li lại huyết sáo và gọi âm lên: “Déc-bi-nô ! Đôn-xơ !” Gọi rồi lại nghiêng tai nghe ngóng. Vẫn im lìm. Lòng tôi thất lại. Tội nghiệp con Déc-bi-nô. Tội nghiệp con Đôn-xơ !

Cụ Vi-ta-li nói mối lo của tôi ra:

- Sói bắt chúng rồi !... Tại sao cháu lại để cho chúng đi ra ngoài ?

Ừ ! Tại sao ? Than ôi ! Tôi còn biết đáp lại thế nào!
Phải đi tìm chúng nó!

Tôi nói thế và vụt chạy đi trước. Cụ Vi-ta-li giữ tôi lại:

- Đi tìm ở đâu ?

- Cháu không biết. Tìm khắp !

- Làm sao đi được trong đêm tối mà lại ở giữa rừng tuyết thế này ?

Quả là chuyện ấy không dễ. Tuyết lên đến nửa ống chân, mà hai que lửa trong tay chúng tôi thì làm sao mà soi được trong đêm tối ? Cụ chủ nói:

- Chúng không đáp tiếng gọi của ta, nghĩa là chúng đã ở đâu... xa lắm rồi. Vả lại cũng không nên liều lĩnh để cho sói tấn công ngay cả chúng ta nữa. Chúng ta có gì để tự vệ đâu !

Thế có nghĩa là phải bỏ chúng nó. Bỏ hai con chó bất hạnh, hai người bạn đường, hai người anh em chí thiết chúng tôi thì đau lòng biết chừng nào! Khổ nhất là tôi, vì lỗi tuy bởi chúng mà trách nhiệm thì ở tôi. Nếu tôi không ngủ quên thì chúng có ra ngoài được đâu !

Cụ chủ quay trở về lều, tôi cũng đi theo, cứ một bước tôi lại ngoảnh nhìn đằng sau và dừng chân nghe ngóng. Nhưng chỉ thấy tuyết là tuyết, chỉ nghe thấy tiếng răng rắc của tuyết kết thành băng.

Trong lều lại có chuyện bất ngờ nữa đang chờ đợi chúng tôi. Trong khi chúng tôi đi ra ngoài thì mấy cảnh

cây khô chất trong bếp lúc này đã bén cháy và rục lên, soi tận những xó tối tăm nhất.

Thế mà tôi không trông thấy con Giô-li-cơ.

Cái chần vẫn còn trước bếp lửa, nhưng xẹp lép, không có con khỉ trong ấy. Tôi gọi nó. Rồi đến cụ Vi-ta-li gọi. Vẫn không thấy nó ra.

Nó làm sao rồi nhỉ ?

Cụ Vi-ta-li nói khi cụ thức dậy thì vẫn thấy con khỉ còn nằm một bên. Thế thì đúng nó mất tích khi chúng tôi ra ngoài lều. Nó định chạy theo chúng tôi chăng ?

Chúng tôi cầm mỗi người một nắm củi đỏ rồi bước ra ngoài lều, cúi rạp người xuống nghiêng đóm soi trên mặt tuyết để tìm dấu tay con Giô-li-cơ. Chẳng tìm thấy gì cả. Đã đành dấu chân chó và dấu chân chúng tôi làm loạn xạ trên tuyết. Nhưng nó cũng không làm nhòa tất, nếu có dấu tay khỉ thì vẫn có thể nhận ra. Thế thì rõ là Giô-li-cơ không ra khỏi lều.

Chúng tôi trở về lều để xem thử nó có thu mình trong bó củi cành nào không. Chúng tôi sục sạo lâu lắm. Mỗi nơi, mỗi góc, chúng tôi tìm kiếm để có đến mười lần. Tôi đứng lên vai cụ Vi-ta-li để lục lọi trong các cành cây xếp làm mái lều. Tất cả đều vô hiệu ! Chốc chốc, chúng tôi ngừng tay để gọi nó. Vẫn không thấy gì !

Cụ Vi-ta-li có vẻ tức tối bức bối lắm; còn tôi, tôi thực vô cùng buồn nẫu. Tội nghiệp cho Giô-li-cơ quá !

Tôi hỏi cụ Vi-ta-li xem cụ có nghĩ rằng nó bị chó sói bắt đi không, cụ đáp:

- Không đâu. Sói hản không dám xông vào cái lều có lửa sáng như thế này. Ta cho rằng sói đã bắt hai con chó vì chó chạy ra ngoài, chứ chúng không chui vào đây. Có lẽ trong khi chúng ta đi vắng, Giô-li-cơ hải quá đã trốn vào xó nào đấy thôi. Ta lo cho nó lắm, vì với thời tiết chết tiệt này, nó sẽ cảm lạnh mất. Mà đối với giống ấy hề lạnh là chết đấy.

- Thế thì ông với cháu sục tìm nữa đi.

Và chúng tôi lại tìm kiếm lục lọi, nhưng cũng hoài công như lần trước thôi. Cụ Vi-ta-li nói:

- Thôi đành phải đợi đến sáng sẽ hay.

- Nhưng bao giờ mới sáng ?

- Cũng vài ba tiếng đồng hồ nữa. Ông đoán thế.

Nói đoạn cụ ngồi xuống bên bếp lửa, hai tay ôm lấy đầu. Tôi không dám quấy rầy cụ, chỉ cử động những khi cần lấy củi bỏ vào bếp thôi. Chốc chốc cụ đứng lên, đi lại cửa, ngước nhìn trời và nghiêng tai nghe ngóng. Rồi cụ trở về chỗ cũ. Tôi cảm thấy giá bị cụ mắng còn đỡ khổ tâm hơn là cứ nhìn vẻ mặt âu sầu ảo não của cụ.

Cụ Vi-ta-li nói có ba tiếng đồng hồ, nhưng mà giờ khắc sao mà đi chậm đến điên ruột như thế ! Chẳng như cái đêm nay chẳng bao giờ hết.

Nhưng rồi sao trên không cũng nhạt dần, bầu trời ửng trắng. Sắp sáng rồi đây. Nhưng càng về sáng càng rét. Không khí bên ngoài lùa vào lửa lạnh như băng giá.

Trời thế này thì có tìm ra con Giô-li-cơ cũng chắc gì nó còn sống ! Và có gì làm cho chúng tôi hy vọng là sẽ tìm được nó ?

Biết đâu sáng ra, tuyết lại không rơi trở lại ? Mà nếu thế thì tìm nó làm sao ?

May sao, tuyết đã dứt hẳn. Trời không mù mịt như hôm trước mà ửng một màu hồng. Đó là triệu chứng tạnh ráo.

Khi trời đủ sáng, cây cỏ hiện hình rõ rệt, thì chúng tôi ra khỏi lều ngay. Cụ Vi-ta-li cầm lấy cây gậy lớn, tôi cũng thế. Con Ca-pi chừng như cũng không còn sợ cuồng chân cuồng cẳng như lúc ban đêm nữa. Nó nhìn chòng chọc vào mắt cụ chủ, đợi cụ ra hiệu để phóng lên trước.

Chúng tôi đương tìm dấu tay Giô-li-cơ dưới đất. Bỗng thấy con Ca-pi ngẩng đầu lên sủa có vẻ mừng rỡ. Như thế có nghĩa là phải tìm trên cao chứ không phải tìm dưới đất.

Quả nhiên chúng tôi thấy lớp tuyết phủ trên mái lều bị giày đạp lỗ chỗ thành một đường chạy thẳng đến một cành cây to sà xuống gần sát mái. Đó là một cây sồi to lớn. Chúng tôi đưa mắt nhìn trên cành ấy. Trên chót vót ngọn cây, chúng tôi thấy một hình thù bé nhỏ màu xám sẫm nép mình giữa một cái chạc đôi.

Đó là Giô-li-cơ. Chuyện xảy ra cũng dễ đoán. Con Giô-li-cơ nghe tiếng tru của chó và muông sói thì kinh hãi. Trong lúc vắng người, nó không dám vào trong lều, nó phóng lên mái và từ đó đã leo tuột lên ngọn cây sồi.

Thấy ở đó yên ổn, nó thu mình lại nấp vào chạc cây, gọi cũng không lên tiếng. Con vật bé bỏng vốn kém chịu rét, chắc hẳn nó đang bị công ở trên ấy.

Cụ chủ âu yếm gọi nó. Nhưng nó không nhúc nhích, nó chết rồi chẳng ? Cụ gọi đi gọi lại đến mấy phút. Giô-li-ơ vẫn cứ im lìm như chết. Để chuộc lại sự sơ suất đêm qua, tôi nói:

- Nếu ông cho phép thì cháu leo lên bắt nó cho.
- E cháu ngã gãy cổ mất.
- Không có gì nguy hiểm đâu.

Không có gì nguy hiểm thì không đúng. Trái lại có nguy hiểm đấy và nhất là có khó khăn. Cây đã to, lại dính đầy tuyết ở những chỗ thân và cành quay về phía gió.

Cũng may là tôi đã tập leo cây từ thuở bé, và trong khoa ấy, tôi đã đạt tới một tài nghệ khác thường. Quanh thân cây, dây đó có một vài tước nhỏ. Tôi đã dùng những tước ấy làm nấc thang. Mặc dù tay tôi bám vào cây làm tuyết rơi mờ cả mắt, nhờ có cụ Vi-ta-li giúp sức, không bao lâu, tôi đã trườn tới chạc thứ nhất. Đến đấy thì lên nữa cũng dễ, chỉ cần cẩn thận để chân khỏi trượt trên tuyết. Vừa leo tôi vừa lên tiếng vỗ về con khỉ. Nó không động đậy. Nó nhìn tôi với cặp mắt sáng ngời. Tôi đã lên tới chỗ nó. Tôi đưa tay ra toan bế nó thì nó nhảy phốc một cái, chuyển sang cành khác. Tôi leo qua cành ấy đuổi theo nó. Nhưng con người, dù là thú trẻ ranh đi nữa, cũng không làm sao bì với loài khỉ trong khoa leo trèo chạy nhảy trên cây. Vì thế nếu tuyết

không phủ các cành cây thì chắc không là bao giờ tôi bắt được nó. Tuyết làm ướt lạnh tay chân nó nên không bao lâu nó cũng chán với cái cảnh đuối bắt đó. Thế là nó tuột từ cành này xuống cành khác rồi đánh một phóc xuống vai cụ chủ và chui vào trốn trong áo cụ.

Tìm được con khỉ cũng khá rồi đấy, nhưng chưa phải là hết. Bây giờ còn phải tìm hai con chó nữa. Đi mấy bước, chúng tôi đã đến chỗ lúc ban đêm, tuyết bị giày đạp.

Bây giờ ban ngày cho nên xét đoán sự việc cũng không khó. Câu chuyện hai con chó của chúng tôi bị nạn như thế nào còn in rành rành trên tuyết.

Khi con Déc-bi-nô và con Đôn-xơ ra khỏi lều thì con trước con sau, chúng đi dọc theo các bó củi dựng làm vách. Chúng tôi nhận rõ dấu chân của chúng đi như thế trong khoảng vài mươi thước. Thế rồi những dấu chân ấy nhòa đi trên một khoảng tuyết bị giày xéo ngổn ngang. Cũng ở chỗ đó lại thấy nhiều dấu chân khác: Một phía thì dấu chân những con sói đã nhảy từng bước dài đến vô chó; một phía thì dấu chân chúng tha mỗi chạy đi sau khi vật đã chết mỗi. Từ đấy mà đi dấu vết chó không có nữa, chỉ còn một vết máu dài nhuộm đỏ mặt tuyết đó đây.

Rõ ràng là chúng tôi không phải mất công tìm kiếm xa hơn nữa: Hai con chó đáng thương của chúng tôi bị cắn cổ ngay tại đây và lũ sói đã tha chúng vào lùm bụi rậm nào đó để xé nuốt tha hồ. Vả lại chúng tôi còn phải gấp rút lo sưởi cho con Giô-li-cơ nữa chứ!

Chúng tôi trở về lều. Trong khi cụ Vi-ta-li đưa tay chân con Giô-li-cơ kê ngọn lửa để hơi như một đứa trẻ con thì tôi hơi tắm chân của nó. Sau đó chúng tôi quấn nó vào chăn. Nhưng một tấm chăn chẳng đủ. Nó cần một cái giường đã được xông ấm và cần nhất là một cốc gì nóng để uống cho ấm người. Mà chúng tôi thì không có giường cũng không có thức uống nóng. Có lửa sưởi đã là phúc lắm rồi.

Cụ Vi-ta-li và tôi ngồi bên bếp lửa không động dậy, im lặng nhìn củi cháy. Không cần nói, không cần nhìn nhau, chúng tôi cũng hiểu nỗi đau lòng của nhau.

“Tội nghiệp con Déc-bi-nô, tội nghiệp con Đôn-xơ. Thương hại hai chú bạn ấy làm sao!”

Đó là những lời mỗi chúng tôi thì thầm với mình hay ít ra là những ý thầm kín trong lòng mỗi chúng tôi. Hai con chó là bạn đường của chúng tôi, khi no đủ cũng như khi nghèo đói hoạn nạn không hề rời nhau. Riêng đối với tôi, trong những ngày nào nề cô quạnh, chúng nó là những người bạn trung thành, hầu như là những đứa con.

Thế mà chúng nó chết vì sự lầm lỗi của tôi.

Tôi không thể tự bào chữa thế nào cho xuôi được: nếu tôi canh gác tròn phận sự, nếu tôi không ngủ quên, thì nó đã không ra ngoài lều để cho chó sói bắt. Đời nào chó sói lại dám xông vào tấn công chúng tôi ngay trong lều ! Sợ ánh ngọn lửa sáng, hẳn chúng chỉ đứng xa mà nhìn thôi.

Tôi muốn cù Vi-ta-li mắng tôi. Tôi suýt yêu cầu cù đánh đòn cho nữa kia. Nhưng cù không nói gì với tôi cả, cũng không nhìn tôi nữa. Cù ngồi yên, đầu gục trên bếp lửa. Chắc cù đang lo thiếu hai con chó thì tình cảnh của đoàn chúng tôi sẽ ra sao. Làm sao mà biểu diễn ? Làm sao mà kiếm đủ sống ?

15

NGÀI GIÔ-LI-CƠ

Những dấu hiệu lúc hừng sáng đã báo thời tiết đúng. Mặt trời nhô lên rạng rỡ trên vòm trời không mây. Những tia nắng nhạt chiếu xuống được mặt tuyết trắng tinh rọi lại. Hôm qua, rừng buồn bã nhợt nhạt là thế mà hôm nay thì ánh sáng chói chang đến lóa cả mắt.

Thình thoảng, cù Vi-ta-li luồn tay vào dưới chăn sờ xem Giô-li-cơ thế nào. Giô-li-cơ vẫn chưa ấm lại tí nào. Tôi nghe thấy nó run lập cập khi cúi xuống bên nó. Trong chốc lát, chúng tôi nhận thấy rõ không tài nào làm ấm lại dòng máu tê buốt trong người nó. Cù Vi-ta-li đứng lên bảo:

- Phải tìm đến chỗ xóm làng mới được. Nếu không thì Giô-li-cơ đến chết ở đây thôi. Dọc đường mà nó không chết thì cũng là phúc lắm rồi. Đi đi thôi!

Chúng tôi trùm kín Giô-li-cơ trong chiếc chăn ấm, rồi cù chủ ôm nó vào dưới áo, sát ngực. Thế là chúng tôi đã sẵn sàng lên đường. Cù Vi-ta-li bảo:

- Gớm ! Cái quán này bắt ta phải trả giá trọ đắt quá!

Giọng cụ run run khi nói câu ấy.

Cụ đi ra trước, tôi bước theo gót cụ. Con Ca-pi còn ngồi lại ở ngưỡng cửa, quay lại nhòm về chỗ hai bạn nó bị chó sói vồ. Phải gọi nó, nó mới chịu đi.

Ra đường cái được mười phút thì chúng tôi gặp một cái xe, người chủ xe bảo cho biết là đi độ non một tiếng nữa thì đến làng mạc. Nghe nói thế chân chúng tôi hóa khỏe ra, mặc dù tuyết ngập đến nửa người tôi, đi vừa khó khăn vừa mệt nhọc.

Chốc chốc tôi hỏi cụ Vi-ta-li xem Giô-li-cơ thế nào. Cụ vẫn trả lời là cụ nghe thấy nó run cầm cập trong lòng cụ.

Đi mãi, đến một cái dốc, dưới chân dốc hiện ra những mái nhà trắng của một thôn lớn. Cố gắng một thôi nữa và thế là chúng tôi đến nơi.

Thầy trò chúng tôi vốn không quen vào những quán tốt nhất, những quán mà vẻ sang trọng bên ngoài hứa hẹn thức ăn ngon, chỗ nằm ấm. Trái lại thường thường chúng tôi dừng ở đầu làng hay ở ngoại ô, chọn một cái nhà tồi tàn nào đó mà họ không xua đuổi chúng tôi, cũng không moi nhẵn túi chúng tôi.

Lần này thì không thế. Cụ Vi-ta-li không dừng ở đầu làng, cụ đi mãi đến một cái quán trước cửa đeo đu đưa một tấm bảng đẹp thiếp vàng. Qua cửa nhà bếp mở toang, tôi thấy một chiếc bàn chất đầy thịt, và trên lò bếp rộng nhiều chiếc xoong bằng đồng đỏ đang reo sôi

vui vẻ, hơi các món ăn bốc lên trần thành đám mây con con. Mùi xúp béo ngậy bay ra tận ngoài đường môn trôn mấy cái dạ dầy lép kẹp của chúng tôi.

Cụ chủ tôi lấy dáng điệu một người sang trọng bước vào quán. Không cất mũ, đầu hất ra đằng sau, cụ hỏi chủ quán thuê một cái buồng tốt có lò sưởi.

Chủ quán là một nhân vật trông khá bảnh bao. Ban đầu ông ta không thèm nhìn chúng tôi. Nhưng rồi về uy nghi đường bệ của cụ chủ tôi làm ông ta phải kính nể. Chị hầu phòng được lệnh đưa chúng tôi về buồng trọ.

Trong khi chị ta nhóm lửa thì cụ Vi-ta-li bảo tôi:

- Cháu đi nằm đi ! nhanh lên.

Tôi đứng sững một lúc: Sao lại đi nằm ? Ngủ làm gì, ngồi vào bàn ăn thì thích hơn bao nhiêu !

Cụ Vi-ta-li giục:

- Nhanh lên chứ !

Tôi phải đành làm theo lời cụ. Trên giường có một tấm chăn lông, cụ Vi-ta-li đắp lên người tôi đến tận cằm.

- Cháu gắng chịu, làm sao cho nóng ran người lên. Cháu càng nóng ấm chừng nào thì càng tốt chừng ấy.

Tôi băn khoăn nghĩ rằng con Giô-li-cơ cần được ấm hơn tôi nhiều, bởi vì tôi chẳng thấy rét gì cả. Trong lúc tôi nằm im cho nóng người trong tấm chăn lông thì cụ Vi-ta-li cứ trở qua trở lại con Giô-li-cơ, dường như quay thít nó, làm chị hầu phòng hết đổi ngạc nhiên.

Một lát sau, cụ hỏi tôi:

- Cháu đã thấy nóng chưa?

- Cháu chết bức đây.

- Ấy, chính ta cần thế đây.

Nói xong, cụ đi ngay lại phía tôi và đặt con Giô-li-cơ lên giường, bảo tôi ôm chặt nó vào lòng. Tôi nghiệp cho con vật bé bỏng, thường ngày nó búống bình, bắt làm gì mà không vừa ý thì giãy nảy lên, thế mà hôm nay nó ngoan ngoãn chịu đựng tất cả. Nó nép sát vào người tôi, nằm không cựa quậy. Nó hết lạnh rồi, mình nó nóng ran như lửa.

Cụ chủ tôi xuống bếp. Lát sau cụ bưng lên một cốc rượu vang nóng pha đường. Cụ muốn cho con Giô-li-cơ uống vài thìa, nhưng nó không hé răng ra được. Nó mở đôi mắt sáng nhìn chúng tôi buồn bã, như muốn van nài chúng tôi hãy để cho nó yên thân, đừng làm tình làm tội nó. Đồng thời nó rút một tay ra khỏi chăn, chìa cho chúng tôi.

Tôi không hiểu nó chìa tay ra và chìa đi chìa lại như vậy là có ý gì. Có cụ Vi-ta-li giải thích, tôi mới rõ. Thì ra, trước khi tôi nhập đoàn, Giô-li-cơ đã có một lần bị sung phổi, người ta đã chích máu ở tay nó. Bây giờ đây, tự thấy mình ốm, nó đưa tay ra để người ta chích máu nó nữa và chữa cho nó khỏi bệnh như lần trước.

Các bạn thấy có cảm động không ?

Không những cụ Vi-ta-li cảm động, cụ còn lo ngại nữa. Rõ ràng là con Giô-li-cơ đang ốm, không những ốm

mà còn ốm nặng nữa, cho nên nó mới không chịu uống rượu vang pha đường, cái món mà ngày thường nó thích lắm. Cụ Vi-ta-li bảo tôi:

Cháu uống chỗ rượu ấy rồi cứ nằm yên trên giường. Ta đi mời thầy thuốc đây.

Phải thú thật bản thân tôi, tôi cũng ưa món rượu vang pha đường ấy. Và lại tôi đang đợi phờ người ra. Bởi vậy, không đợi bao hai lần, tôi nốc cạn bát rượu rồi chui vào chăn nằm. Hơi nóng của chăn lại thêm có hơi rượu bốc lên nữa làm tôi suýt ngất người thật.

Cụ chủ tôi đi không lâu lắm. Chỉ một lát sau, cụ trở về, dẫn theo một ông mang kính vọng vàng. Đó là ông thầy thuốc.

Cụ Vi-ta-li sợ cái nhân vật quyền quý ấy không chịu rời gót ngọc đi chữa bệnh cho một con khỉ ranh, nên không nói rõ.

Vì thế thấy tôi nằm trên giường, mặt đỏ như một đóa mầu đơn chớm nở thì ngài lương y sấn lại, đặt tay lên trán tôi rồi phán:

- Huyết tụ.

Xong ngài lắc đầu, ý nói: bệnh tình nghiêm trọng lắm.

Tôi thấy cần phải cải chính ngay, không thì ông ta chê tôi mà chích máu mất. Tôi nói:

- Không phải tôi ốm.

- Thế nào ? Mà y mà không ốm à ? Cái thằng bé này nó lên cơn mê sảng rồi !

Tôi không trả lời. Tôi nhích dần chân lên, chỉ con Giô-li-cơ dương choàng tay qua cổ tôi nói:

- Nó ốm đấy !

Ông thầy thuốc lùi hai bước, quay về phía cụ Vi-ta-li, la lên:

- Một con khỉ! Hay chữa? Vì một con khỉ mà ông quý rầy tôi à ? Lại dương tiết trời thế này nữa !

Tôi đoán rằng ông ta sẽ tức tối bỏ đi.

Nhưng cụ Vi-ta-li lại là một người khôn ngoan và luôn tỉnh táo. Nhã nhặn với một cốt cách của một người thượng lưu, cụ giữ ông thầy thuốc lại. Rồi cụ nói cho ông ấy nghe cảnh ngộ của chúng tôi: nào là gặp phải mưa tuyết thế nào, nào con Giô-li-cơ sợ sói leo lên cây trốn, bị cảm lạnh như thế nào. Cụ phân trần:

- Đành rằng bệnh nhân chỉ là một con khỉ. Nhưng một con khỉ như thế nào ? Một con khỉ thiên tài ! Ngoài ra nó còn là một người bạn đường, một người anh em thiết cốt của chúng tôi . Tôi không đành giao một nghệ sĩ sân khấu xuất sắc như vậy cho một anh thú y tầm thường cứu chữa. Vả chăng tuy khỉ chỉ là một con vật đấy, nhưng theo các nhà sinh vật học thì nó gần với giống người hết sức cho nên bệnh của nó không khác bệnh của người. Về mặt khoa học và y thuật, nghiên cứu xem bệnh của khỉ giống bệnh của người ở chỗ nào và khác ở chỗ nào, tôi tưởng cũng là một điều lý thú.

Người I-ta-li-a vốn khéo tán. Bởi thế lát sau, ông thầy thuốc không ra cửa mà lại quay lại bên giường.

Trong lúc cụ chủ tôi nói thì con Giô-li-cơ thò tay ra ngoài hơn mười lần để đưa ông thầy thuốc chích máu. Chứng như nó đoán được cái người đeo kính ấy là một vị thầy thuốc. Cụ bảo:

- Ngài xem con khỉ thông minh chưa ! nó biết ngài là một vị thầy thuốc, cho nên nó đưa tay cho ngài bắt mạch cho nó đấy.

Điều đó làm ông thầy thuốc hết do dự. Ông nói:

- Ừ ! cái “ca” này có lẽ cũng ngộ đấy !

Đối với chúng tôi thì, chao ôi ! Cái “ca” này buồn và đáng lo ngại lắm: ngài Giô-li-cơ có triệu chứng sưng phổi.

Ông thầy thuốc cầm cánh tay nhỏ xíu mà chú khỉ luôn luôn chia ra, và thọc dao vào mạch máu. Giô-li-cơ không kêu rên một tiếng. Chú biết người ta làm như thế là để chữa cho chú lành bệnh.

Chích máu xong thì đến đủ các thứ thuốc: nào là thuốc cao, thuốc dán, thuốc nước, thuốc thang. Tôi trông nom bệnh nhân với sự chỉ bảo của cụ Vi-ta-li.

Tội nghiệp chú Giô-li-cơ bé bỏng, chú thích được tôi chăm sóc. Thỉnh thoảng chú mỉm cười hiền lành để cảm ơn tôi. Cái nhìn của chú lúc này thật giống người lạ lòng !

Ngày thường Giô-li-cơ lác cắc, ngang bướng hết chỗ nói; chả bao giờ chú chịu ngồi yên, lúc nào cũng lảng xảng để trêu nghịch chúng tôi. Thế mà bây giờ thì chú

yên lặng, để bảo một cách mẫu mực. Hình như chú cần người ta tỏ lòng yêu mến đối với chú. Chú muốn được cảm tình của cả con Ca-pi, trước kia đã bao phen là nạn nhân của chú. Như một đứa con nuông, chú muốn mọi người ở bên cạnh chú. Có một ai ra ngoài là chú hờn dỗi.

Bệnh tình của chú tiến triển theo lệ thường của bệnh sưng phổi, nghĩa là ít lâu sau thì chú đổ ra ho. Những cơn ho làm cho chú mệt lắm, vì nó khiến cả cái thân hình bé bỏng của chú quần quai.

Tài sản tôi vền vẹn có năm xu, tôi trút hết ra mua kẹo mạch cho chú.

Khốn thay ! Kẹo mạch của tôi không làm bệnh giảm mà lại làm tăng thêm. Số là động tới việc gì, Giô-li-cơ cũng để ý nhận xét, vì vậy không bao lâu, chú nhận thấy rằng mỗi khi chú ho thì tôi cho một cái kẹo. Sử dụng ngay điều nhận xét ấy, chú cứ ho mãi để tôi cho mãi cái vị thuốc mà chú rất thích kia. Cho nên cái vị ấy đáng lẽ làm cho chú đỡ bệnh hóa ra làm cho chú đau thêm.

Khi tôi biết ngón lấu cá của chú thì tôi không cho kẹo nữa.

Nhưng chú không ngã lòng! Thoạt đầu chú đưa mắt van xin. Khi thấy van xin vô hiệu, chú ngồi gập người lại ôm bụng ho dữ dội, rần hết gân cổ mà ho. Mặt chú đỏ bừng, mạch máu trên trán căng thẳng, mắt giàn giụa nước mắt. Rốt cuộc chú đứt hơi, không phải là đứt hơi vờ, đứt hơi khi đóng kịch, mà là đứt hơi thật sự.

Cụ chủ không bao giờ nói cho tôi biết mọi việc tính toán bán mua của cụ. Cái việc cụ phải bán đồng hồ để mua tấm áo lông cừu cho tôi, tôi biết được cũng là ngẫu nhiên thôi.

Nhưng lần này, trong hoàn cảnh khó khăn này, cụ không theo cái lệ thường ấy. Một sớm, tôi ngồi với Giô-li-cơ, còn cụ thì đi ăn sáng, vì bao giờ chúng tôi cũng thay phiên nhau trông Giô-li-cơ, không để nó nằm một mình. Khi về buổi, cụ cho tôi biết rằng chủ quán đòi tiền trọ, và khi tính toán trả hết xong các khoản thì cụ chỉ còn năm mươi xu. Làm thế nào bây giờ?

Dĩ nhiên, tôi không trả lời được.

Còn cụ, cụ thấy chỉ có một cách giải nguy là tổ chức một buổi biểu diễn.

Một buổi biểu diễn không có Déc-bi-nô, không có Đôn-xơ, không có Giô-li-cơ ? Tôi thấy không thể thực hiện được. Nhưng chúng tôi đương ở vào một cảnh ngộ dù không thể làm cũng cứ phải làm không có cách gì nản lòng chùn bước hết. Thế nào cũng phải lo thuốc men cho Giô-li-cơ để cứu nó. Công thầy, tiền thuốc củi sưởi, buổi trọ bắt buộc chúng tôi phải thu ngay bốn chục phờ-răng là ít nhất mới đủ trang trải. Có thấy đồng bạc trắng xĩa ra, chủ quán mới mở cho chúng tôi một tài khoản mới để ăn ở tại quán anh ta thêm nữa.

Nơi đây là thôn quê, trời lại rét, phương tiện biểu diễn còn lại ít như thế, mà phải kiếm cho ra bốn chục phờ-răng, thì quả là một sự gắng sức phi thường. Tuy

vậy cụ chủ tôi không để mất thì giờ suy nghĩ đắn đo, cụ bắt tay vào một cách khẩn trương. Trong khi tôi vẫn phải chăm người ốm, thì cụ chạy được một phòng diễn ở chợ, bởi vì trời rét thế này, không thể biểu diễn ngoài trời được. Cụ vẽ mấy tấm quảng cáo rồi đưa đi dán các nơi. Cụ kiếm được mấy tấm ván rồi xếp thành một sân khấu tạm tạm. Cụ mạnh dạn dùng cái vốn năm mươi xu để mua nến. Cụ cắt nến thành hai để thắp nhiều ngọn cho sáng. Qua cửa sổ, tôi trông thấy cụ chủ tôi đi đi lại lại nhiều lần trên tuyết ở trước quán. Tôi lo lắng tự hỏi không biết chương trình buổi biểu diễn thế nào.

Nhưng tôi không phải chờ lâu. Anh đánh trống trong làng đã đến. Anh đội mũ lưỡi trai màu đỏ. Anh đứng trước cửa quán đánh ran một hồi trống oai hùng rồi tuyên đọc chương trình biểu diễn.

Cái chương trình ấy ra sao thì cũng dễ hình dung được sau khi nghe lời tuyên bố kỳ quặc của cụ Vi-ta-li. Cụ quảng cáo cho một “nghệ sĩ tiếng tăm lừng lẫy khắp thiên hạ” - Đó là con Ca-pi - và “một danh ca thiếu niên đáng coi là một kỳ quan trong thế giới” - kỳ quan ấy là tôi.

Chưa hết. Cái chuyện lý thú nhất trong lời quảng cáo là chuyện không bán vé vào cửa, mà để tùy lòng hào hiệp của chư vị khán giả: sau khi xem xong, hoan hô xong, họ sẽ tự liệu lấy mà trả tiền.

Tôi thấy làm như thế liều quá, vì chắc gì họ đã hoan hô chúng tôi ! Ca-pi mà nói rằng danh tiếng thì cũng đáng, chứ về phần tôi, tôi chưa hẳn tin mình là một kỳ quan.

Nghe tiếng trống Ca-pi sủa lên vui vẻ, còn Giô-li-cơ thì nhồm dầy, mặc dù lúc ấy chú đương mệt nặng. Tôi nghĩ rằng có lẽ hai nghệ sĩ này đã đoán ra là người ta đánh trống rao để cho ta biểu diễn. Tôi đồ chừng như thế mà thôi, không ngờ về sau điệu bộ quá rõ ràng của con Giô-li-cơ làm cho tôi tin chắc. Chú khỉ muốn đứng lên, tôi phải hết sức giữ chú lại. Rồi thì chú đòi bộ quân phục cấp tướng nước Anh của chú: Cái áo cài lon vàng, cái quần viền vàng, cái mũ đại lễ đính chòm lông trắng. Chú chấp tay lại, chú quỳ xuống để van xin cho thiết tha hơn.

Khi thấy rằng van xin không ăn thua gì, chú xoay qua ngón giận dữ, cuối cùng thì tuôn nước mắt ra để làm cho tôi mềm lòng. Rõ ràng là tối nay không dễ dàng gì thuyết phục chú bỏ cái ý định thủ vai trò quen thuộc của chú. Bởi vậy tôi nghĩ tốt hơn hết là khi nào đi diễn thì nên giấu không cho chú biết.

Khốn thay ! Cụ Vi-ta-li không biết những sự việc xảy ra ở nhà trong lúc cụ đi vắng. Khi về, bước chân vào buồng cụ bảo ngay rằng tôi phải chuẩn bị dàn và những vật liệu cần thiết cho biểu diễn.

Giô-li-cơ vẫn nghe quen những tiếng ấy, nên hiểu ngay. Nó lại giở trò van nài, nhưng lần này thì van nài với ông chủ nó.

Nó kêu nhiều tiếng khác nhau, nó cau mày nhú mắt, cả thân hình nó làm điệu bộ, tất cả những cái ấy diễn đạt những ý muốn của nó quá rõ, tôi tưởng dù nó có nói lên lời, cũng chỉ đến thế là cùng. Những giọt

nước mắt đầm đìa trên má nó rõ ràng là những giọt nước mắt, và những cái hôn nó đặt lên bàn tay cụ Vi-ta-li cũng thật sự là những cái hôn.

- Con muốn đóng trò à ? - Cụ Vi-ta-li hỏi

- Vâng, vâng ! - Toàn thân nó đáp.

- Giô-li-cơ bé bỏng, tội nghiệp con ! Con ốm kia mà !

- Hết ốm rồi ! - Người nó lại "kêu to" lên như thế.

Trông cảm động quá, cái cảnh con vật bé bỏng bị bệnh nặng đã kiệt sức mà còn hăng hái kêu xin được ra trò, khấn khoản van nài, làm đủ mọi cách để thuyết phục chúng tôi. Nhưng chiều ý nó thì cũng bằng giết nó.

Đã đến giờ phải ra chợ biểu diễn. Tôi khuân mấy khúc củi tướng chát một đồng lửa to trong lò sưởi, cứ chỗ củi ấy thì cháy còn lâu mới hết. Tôi bọc Giô-li-cơ trong chăn hết sức chu đáo. Nó khóc đầm đìa, nó hôn tôi mãi không thôi. Xong đâu đấy, chúng tôi ra đi.

Cụ Vi-ta-li vừa đi đường vừa giảng cho tôi nghe việc tôi phải làm. Không thể diễn những tiết mục quen thuộc của chúng tôi vì thiếu diễn viên chính. Cho nên con Ca-pi và tôi phải tận tình trở hết tài nghệ. Phải thu những bốn mươi phờ-răng kia mà.

Bốn mươi phờ-răng cái đó mới là khoản kinh khủng.

Cụ Vi-ta-li đã chuẩn bị sẵn sàng mọi thứ, chỉ còn việc thấp nển lên mà thôi. Nhưng đó là một món xa xỉ phẩm chỉ được dùng khi nào khách đến đông đủ, vì phải làm sao cho nển cứ sáng mãi cho đến lúc diễn hết chương trình.

Khi chúng tôi vào rạp hát thì anh đánh trống rảo qua các đường làng một lần nữa. Tiếng trống của anh vang lên khi gần khi xa cũng tùy con đường quanh co uốn lượn như thế nào đó.

Khi đã trang điểm cho con Ca-pi và phần tôi cũng hóa trang xong rồi, tôi ra đứng sau một cái trụ để xem khách đến. Lát sau, tiếng trống nghe gần lại và chen với tiếng trống có tiếng ồn ào ở ngoài đường. Đó là tiếng cười nói của một toán trẻ con độ chừng hai mươi đứa, chúng bước đều theo tiếng trống.

Anh đánh trống đứng giữa hai ngọn đèn lồng thấp ở cửa rạp và tiếp tục đánh liên hồi. Rõ ràng là công chúng chỉ còn vào rạp ngồi để chờ khai diễn.

Chao ôi ! Trống đến thì cứ thúc ran lên, hùng dũng, vui vẻ, mà sao người xem đến chậm thế ? Bọn trẻ con trong làng đã vào rạp, có lẽ đủ mặt tất cả ngồi yên chỗ. Nhưng với trẻ con thì làm gì thu góp nổi bốn mươi phờ-răng ! Chúng tôi cần những nhân vật tai mắt, túi tiền nặng và bàn tay vung ra một cách dễ dàng.

Mặc dù rạp còn với khách, cụ chủ cũng quyết định diễn. Không thể chờ nữa vì nấn là vấn đề nhặt nghèo.

Tôi phải ra trò trước hết. Vừa đệm đàn, tôi vừa hát hai bài hát ngắn. Thành thực mà nói thì tiếng vỗ tay hoan hô cũng thưa thớt.

Ở tôi lòng tự ái của người diễn viên vốn không sâu sắc lắm, nhưng trong trường hợp lúc bấy giờ, sự lạnh nhạt của khán giả khiến tôi buồn phiền. Nếu họ không

thích thì họ có bỏ tiền ra đâu! Tôi không hát vì danh vọng, tôi hát vì con Giô-li-cơ tội nghiệp của tôi. Tôi chỉ muốn làm xúc động khán giả. Ôi ! Tôi muốn làm sao cho họ say sưa, họ mê mẩn! Nhưng nhìn xuống cái gian chợ chập chờn những bóng đen hình thù kỳ dị tôi thấy tưởng như tôi không làm cho họ thích thú và họ chưa chịu rằng tôi là một kỳ quan.

Con Ca-pi tốt số hơn. Người ta vỗ tay hoan hô nó đến mấy lần, vỗ tay nhiệt liệt. Buổi biểu diễn tiếp tục cho đến hết và nhờ Ca-pi, đã chấm dứt trong tiếng hoan hô vang dậy. Người ta vỗ tay chưa đủ. Người ta còn giậm chân nhảy lên nữa.

Giờ phút quyết định đã đến. Trong khi cụ Vi-ta-li đánh đàn cho tôi nhảy một điệu nhảy Tây Ban Nha thì Ca-pi ngậm cái âu trong mồm, lần lượt đi qua các dãy ghế. Nó có thu được bốn mươi phờ-răng hay không ? Ý nghĩ ấy làm quặn lòng tôi, tuy ngoài mặt tôi cố tươi cười với khán giả. Tôi nhảy đã hết hơi mà vẫn cứ phải nhảy. Tôi chỉ có thể nghỉ khi nào Ca-pi mang âu tiền về. Nó thì nó không vội vã, có ai không bỏ tiền cho nó thì nó đưa chân vỗ nhẹ nhẹ vào cái hấu bao còn buộc chặt của người ấy.

Cuối cùng thấy nó về, tôi toan ngừng nhảy. Nhưng cụ Vi-ta-li ra hiệu tôi tiếp tục. Tôi vừa nhảy vừa nhích lại gần con Ca-pi. Tôi thấy âu tiền chưa đầy; còn phải nhiều nữa mới đầy! Cụ chủ tôi cũng đã ước được khoản thu, cụ đứng lên nói với khán giả:

• Thưa chư vị khán giả, chúng tôi tưởng có thể nói không ngoa rằng chúng tôi đã thực hiện cái chương

trình hứa hẹn. Tuy vậy vẫn còn nấn, cho nên nếu chư vị khán giả vui lòng thì tôi xin hát hầu chư vị khán giả vài khúc. Con Ca-pi sẽ đi điếu qua một lần nữa, mong rằng quý vị khán giả nào lần trước chưa kịp tỏ ra hào phóng thì lần này sẽ nhanh tay hơn. Chúng tôi hân hạnh báo trước để quý vị khán giả ấy chuẩn bị đi thì vừa.

Mặc dù, cụ Vi-ta-li là thầy dạy hát của tôi, tôi chưa bao giờ nghe cụ hát thật sự, hát như tối hôm đó. Cụ chọn hai bài hát mà ai cũng biết, chỉ có riêng tôi lúc đó là không, bài ca về chàng Giô-dép: "Mới qua tuổi ấu thơ" và bài ca về vua Ri-sa dũng mãnh : "Ôi ! Ri-sa, bệ hạ!"

Thuở ấy tôi làm gì biết phán đoán người ta hát hay, hay là không hay, có nghệ thuật hay không có nghệ thuật. Tôi chỉ biết nói sự xúc động mà giọng hát của cụ làm nảy ra trong lòng tôi: Từ chỗ xó sân khấu mà tôi đã lui vào, tôi đứng nghe mà nước mắt rơi lã chã.

Qua làn nước mắt, tôi trông thấy một thiếu phụ ngồi hàng đầu vỗ tay sôi nổi. Tôi đã chú ý đến bà ấy từ trước, vì đó không phải là một phụ nữ nông thôn như những người đàn bà khác trong cử tọa. Đó là một bà thượng lưu rõ rệt, trẻ, đẹp, tôi đoán là giàu nhất làng, vì có áo lông cừu. Bên cạnh bà, có một chú bé, chú vỗ tay hoan hô Ca-pi tợn lắm. Chắc là bà con bà, vì nó giống bà như đúc.

Sau bài hát thứ nhất, Ca-pi đi thu tiền lần nữa. Tôi ngạc nhiên biết bao khi thấy bà thiếu phụ ấy không bỏ đồng nào vào âu cả. Khi cụ chủ hát xong bài hát về Risa thì bà ra hiệu cho tôi lại gần. Bà bảo:

- Ta muốn được tiếp chuyện với chủ em.

Tôi cũng hơi lầy lăm lẹ tại sao cái bà thượng lưu xinh đẹp ấy lại muốn gặp chủ tôi. Theo tôi thì, bà bỏ tiền vào âu của con Ca-pi là tốt hơn hết. Tuy nghĩ vậy, tôi vẫn đem lời bà thừa lại với cụ Vi-ta-li. Lúc đó Ca-pi trở về và số tiền thu đợt thứ hai này còn ít hơn lần trước. Cụ Vi-ta-li hỏi:

- Bà ấy muốn gì ?

- Nói chuyện với ông.

- Ta không có chuyện gì để nói với bà ấy cả.

- Bà chưa bỏ gì vào âu Ca-pi. Có lẽ bà muốn cho tiền nó.

- Thế thì con Ca-pi cần đến chứ không phải là ta.

Tuy nói vậy, cụ cũng đành lòng gặp bà. Cụ dắt con Ca-pi theo. Tôi đi sau. Lúc bấy giờ người hầu của bà ấy đã đến đứng bên cạnh bà và cậu bé. Hắn mang theo một tấm chăn và một chiếc đèn lồng. Cụ Vi-ta-li bước lại nghiêng đầu chào bà ấy, nhưng chẳng có vẻ là vốn vã.

- Cụ tha lỗi cho tôi đã quấy rầy cụ. - Bà ấy nói.

- Tôi muốn được tỏ bày lòng cảm phục đối với cụ.

Cụ Vi-ta-li nghiêng mình, không nói. Bà ấy tiếp:

- Tôi là nhạc sĩ. Nói thế để cụ biết tôi xúc động vì tài hoa lỗi lạc của cụ đến mức nào !

Tài hoa lỗi lạc ở ông chủ tôi, cụ Vi-ta-li, cái người hát rong, người xiếc khỉ ấy ư ? Tôi vô cùng kinh ngạc.

- Tài hoa gì ở một lão già quên như tôi ! - Cụ Vi-ta-li đáp.

- Cụ đừng tưởng tôi tọc mạch vô duyên, không đâu.

- Dù bà có tọc mạch muốn biết thì cũng có khó gì đâu, tôi sẵn sàng làm cho bà hài lòng. Thưa bà, bà thấy một người xiếc khỉ mà hát tầm tàm được thì ngạc nhiên chứ gì ?

- Không phải ngạc nhiên mà kính phục.

- Duyên do đơn giản thôi. Ngày trước không phải bao giờ tôi cũng như bây giờ. Ngày trước, trong thời niên thiếu, thời ấy đã qua lâu lắm rồi, tôi là... vâng, tôi là người hầu của một bậc danh ca, và tôi bắt chước chủ tôi, cũng như con vẹt học nói, tôi học lỏm một đôi bài mà chủ tôi thường tập dượt trước mặt tôi. Có thể thôi.

Bà khách không trả lời mà lại ngắm cụ Vi-ta-li một lúc lâu. Đứng trước mặt bà, cụ chủ tôi có vẻ như lúng túng.

- Xin chào ngài ạ ! - Bà khách nhấn mạnh vào tiếng “ngài” mà bà nói với giọng rất lạnh lùng. - Chào ngài, thưa ngài, và một lần nữa, xin cảm ơn ngài về những giây phút cảm động tôi vừa được hưởng.

Rồi cúi xuống con Ca-pi, bà đặt trong âu của nó, một đồng vàng.

Tôi tưởng cụ Vi-ta-li sẽ tiễn bà ấy ra cửa. Nhưng không cụ không làm thế. Bà đi cách mấy bước thì cụ lăm bằm trong miệng hai ba tiếng nguyên rửa nước Italia. Tôi nói:

- Bà ấy đã cho con Ca-pi những một đồng vàng kia mà!

Cụ giơ tay lên, tôi tưởng cụ sắp cho tôi một cái tát. Nhưng cụ ngừng lại. Cụ nói như người vừa tỉnh mộng:

- Một đồng vàng. À phải ! đúng rồi ! Tôi nghiệp con Giô-li-cơ, thế mà ta quên đi chứ. Phải mau về với nó.

Chúng tôi thu dọn rất chóng và lát sau thì về đến quán trọ. Tôi leo lên các bậc thang trước ai hết và chạy xổ vào buồng. Lửa chưa tắt, nhưng không còn ngọn nữa. Tôi lấy làm lạ sao không nghe tiếng động của Giô-li-cơ, bèn vội vã châm một ngọn nến rồi đưa mắt tìm con khi.

Giô-li-cơ nằm dài trên chăn. Nó diện bộ quân phục cấp tướng và có vẻ như đang ngủ. Tôi cúi xuống và nắm nhẹ nhẹ tay nó để nó khỏi giật mình. Cái bàn tay ấy lạnh ngắt.

Vừa lúc ấy cụ Vi-ta-li bước vào buồng. Tôi quay lại cụ:

- Ông ơi ! Con Giô-li-cơ lạnh ngắt.

Cụ Vi-ta-li cúi xuống bên tôi:

- Ôi thôi! Nó chết rồi ! Thế tất phải như thế chứ không sao tránh khỏi ! Cháu thấy không, Rê-mi, - Ông không để cháu ở lại với bà Mi-li-gon có lẽ là không đúng! Như tuồng trời định phạt ta hay sao ấy ! Đã Déc-bi-nô, Đôn -xơ... nay còn Giô-li-cơ nữa. Để đã hết đâu !

VÀO PA-RI

Chúng tôi còn cách Pa-ri xa lắm. Chúng tôi phải ra đi trên những con đường phủ tuyết, từ sáng đến tối, gió bắc tạt vào mặt. Những chặng đường dài ấy mới buồn bã làm sao.

Cụ Vi-ta-li đi đầu, tôi theo sau, con Ca-pi nối gót tôi. Chúng tôi đi hàng một như thế, hàng không dài mấy, suốt trong mấy tiếng đồng hồ liên, chẳng ai nói với ai nửa câu, mặt mày tái mét vì gió lạnh, chân ướt đẫm, bụng trống không. Khách đi đường đứng lại nhìn đoàn chúng tôi điếu qua. Chắc hẳn là trong đầu họ lại nảy ra những ý nghĩ kỳ quặc. Cái ông già lênh khênh ấy bắt thằng bé con kia và con chó nọ đi đâu thế nhỉ?

Sự im lặng làm cho tôi khổ lắm. Tôi muốn bô bô lên cho choáng người đi. Nhưng mỗi khi tôi hỏi, cụ Vi-ta-li chỉ trả lời nhát gừng, mà cũng chẳng buồn quay đầu lại. Cũng may có con Ca-pi cởi mở hơn. Lắm khi tôi đang đi, bỗng thấy có cái gì ẩm ướt, dính trên bàn tay: Đó là lưỡi con Ca-pi. Nó liếm tay tôi để nói với tôi:

“Cậu bạn ơi ! Còn có tôi đây, tôi, Ca-pi, bạn của cậu đấy!”

Thế là tôi vừa đi vừa dịu dàng vuốt ve nó. Cử chỉ trìu mến của tôi cũng làm cho nó dễ chịu như cử chỉ trìu

mến của nó làm cho tôi dễ chịu. Hai chúng tôi hiểu nhau và yêu nhau. Tình bạn đó là nguồn an ủi cho tôi và tôi tin chắc cũng là nguồn an ủi cho nó. Trái tim của một con chó cũng dễ cảm kích như trái tim của một chú bé con.

Sự ve vuốt của tôi an ủi được con Ca-pi nhiều lắm, cơ hồ làm nó quên cái chết của hai bạn nó. Nhưng đôi lúc thói quen lại mạnh hơn. Những lúc ấy Ca-pi đột nhiên dừng lại bên đường như để nhìn toán chó của nó đi lên, giống như cái thời nó còn là toán trưởng, cứ phải luôn luôn kiểm tra lại đội ngũ của mình. Cảnh ấy chỉ diễn ra một thoáng thôi, rồi ký ức của nó lại thức tỉnh. Nó sực nhớ ra vì sao toán nó không đi qua nữa. Thế là nó vọt chạy lên vượt chúng tôi và nhìn cụ Vi-ta-li phân trần rằng nó vẫn làm phận sự, còn Đôn-xơ và Déc-bi-nô không đi theo đoàn là vì chúng không thể theo được nữa. Nó làm cái việc ấy với đôi mắt linh hoạt, thông minh đến nỗi chúng tôi cảm thấy lòng se lại.

Con Ca-pi làm như vậy càng khiến cho cuộc hành trình của chúng tôi buồn thêm. Chúng tôi cần phải giải trí kia, nhất là tôi.

Tuyệt như phủ trắng toát khắp đồng quê. Không có mặt trời, chỉ có một thứ ánh sáng màu nâu nâu, nhàn nhạt. Không có hoạt động gì ngoài đồng, không có một nông dân nào làm việc ở ruộng. Không có tiếng ngựa hí, tiếng bò rống, chỉ có tiếng quác quác của mấy con quạ đậu trên chót vót những ngọn cây trụi lá. Chúng kêu đói. Chúng không tìm thấy một chỗ nào để đồ

xuống bắt vài con bọ, con giun. Đi quanh các xóm làng, không thấy nhà nào mở cửa, chỉ có im lặng và quanh hiu. Trời rét cắt da như thế này, người ta đành ngồi nhà, chụm quanh bếp lửa hoặc là làm việc trong chuồng bò, trong vựa đóng kín cửa.

Thế mà, trên đường thiên lý khi thì gồ ghề, khi thì trơn như mỡ, chúng tôi cứ phải xăm xăm đi một mạch, không dừng lại, không giờ phút nghỉ ngơi ngoài giấc ngủ đêm đêm trong một chuồng ngựa hay chuồng cừu nào đó. Mỗi buổi chiều chúng tôi ăn một mẩu bánh mì mỏng dính, thay cho cả bữa trưa và bữa tối. Khi được người ta cho ngủ ở chuồng cừu thì chúng tôi cho là may mắn lắm, vì cừu truyền hơi ấm cho chúng tôi. Lại đương mùa cừu nuôi con, những người chăn cừu đôi khi cho tôi uống một ít sữa. Chúng tôi không nói rằng: chúng tôi đói gần chết; nhưng khéo léo như thường lệ, cụ Vi-ta-li nói xà xôi rằng “thằng bé nó ưa sữa cừu lắm, vì lúc nhỏ nó quen uống sữa cừu, cho nên bây giờ ngủi thấy mùi sữa cừu thì nó nhớ tới quê nhà nó”. Câu chuyện bịa ấy không phải lúc nào cũng mang lại kết quả. Nhưng khi những người chăn cừu nghe lọt tai thì tối ấy tôi được uống một bữa sữa sung sướng. Vâng đúng thế. Tôi ưa sữa cừu đứt đi rồi !

Tối nào tôi được uống y như rằng sáng hôm sau tôi thấy người khỏe ra và tươi tỉnh lại.

Trên con đường dài, cột số này tiếp cột số kia, đoạn đường này đến đoạn đường nọ, chúng tôi đã đến gần Pa-ri. Giá như cột số bên đường không mách cho tôi

biết đi nữa thì tôi vẫn cứ nhận thấy điều đó vì xe cộ người ngựa đi lại nhiều hơn, vì màu tuyết trắng trên mặt đường khác đi, bản hơn tuyết trong đồng bằng Săng-pan nhiều.

Tôi thấy làm lạ rằng thôn quê nơi đây cũng chẳng có gì đẹp hơn, làng mạc cũng chẳng có gì khác những nơi chúng tôi đã đi qua mấy hôm trước. Tôi đã từng nghe nói đến các kỳ quan của thành phố Pa-ri nhiều quá, cho nên tôi ngây thơ tưởng rằng phải có những gì khác thường báo trước những kỳ quan ấy từ xa kia. Nói cho đúng thì tôi không biết tôi chờ đợi cái gì. Tôi cũng không dám hỏi. Nhưng rõ ràng là tôi chờ đợi những cái kỳ diệu: cây vàng lá ngọc, phố xá gồm toàn lầu đài cẩm thạch, dân thành phố đi lại toàn mặc nhung lụa. Tôi cho là tất nhiên phải như vậy.

Dù cố chú ý tìm những cây vàng lá ngọc tôi vẫn thấy rằng khách đi đường ở đây không nhìn chúng tôi nữa: họ vội quá đi chẳng ? Hay là họ đã quen với nhiều cảnh đau thương hơn cảnh chúng tôi?

Nghĩ thế, tôi không yên lòng một chút nào cả.

Chúng tôi đến Pa-ri làm gì, nhất là lại trong tình trạng xác xơ như thế này ? Tôi lo lắng tự hỏi. Câu hỏi ấy cứ lờn vờn trong đầu óc tôi suốt chặng đường dài. Tôi muốn hỏi cụ Vi-ta-li xem thế nào, nhưng tôi không dám vì cụ mặt ủ mày chau, khi nói gì thì rất vắn tắt. Nhưng rồi một hôm cụ đi lùi xuống đi kề bên tôi. Trông cách cụ nhìn tôi, tôi biết cụ sắp nói cho tôi cái điều mà tôi mong đợi.

Lúc ấy vào buổi sớm. Thấy trò chúng tôi vừa nghỉ đêm lại ở một trại tá điền gần một xã lớn. Đọc trên mấy tấm biển xanh dọc đường thì biết làng ấy là làng Bô-ác-xi-xanh-lê-giê. Chúng tôi lên đường từ lúc tờ mờ sáng. Sau khi men theo bờ tường khu vườn lớn rồi xuyên qua làng Bô-ác-xi-xanh-lê-giê theo chiều dọc, thì đến một cái dốc. Từ trên đầu dốc trông ra trước mặt, chúng tôi thấy một luồng khí đen to như một đám mây bay lơ lửng trên một thành phố mênh mông. Phố xá chưa nhìn thấy, chỉ có mấy công trình kiến trúc nhô lên.

Tôi giương to đôi mắt cố nhìn cho rõ trong cảnh hỗn độn những mái nhà, những hình tháp những gác chuông lẫn trong sa mù và hơi khói, thì cụ bước chậm lại để cho tôi đi kể cụ:

- Thế là cuộc sống của chúng ta thay đổi rồi đấy! - Cụ nói câu ấy như nói tiếp một câu chuyện đã trao đổi từ lâu. - Chừng bốn tiếng đồng hồ nữa thì chúng ta vào Pa-ri.

- Ô ! Thế ở đằng kia là Pa-ri đấy ă ?

- Hẳn rồi !

Ngay khi cụ Vi-ta-li nói cho tôi biết thành phố ở trước mặt là Pa-ri thì có ánh nắng ở trên trời lóe xuống và trong chớp mắt, tôi thấy lấp lánh những tia vàng. Đúng rồi ! Tôi không lầm đâu! Nhất định tôi sẽ tìm thấy cây vàng lá ngọc. Cụ Vi-ta-li nói tiếp:

- Đến Pa-ri thì ông cháu ta sẽ chia tay nhau.

Trời bỗng dưng tối sầm lại, tôi không trông thấy cảnh vàng lá ngọc đâu nữa. Tôi quay lại nhìn cụ Vi-ta-

li. Cụ cũng nhìn tôi. Thấy mặt tôi tái đi, môi tôi run rẩy, cụ đoán biết tôi xúc động.

- Cháu lo lắm phải không ? Và cũng buồn nữa, ông đoán thế ?

Tôi trấn tĩnh lại nói:

- Thưa ông, phải chia tay nhau à !

- Tội nghiệp cháu quá !

Câu nói của cụ, nhất là giọng nói của cụ làm cho tôi rơm nước mắt. Đã từ lâu rồi, tôi có được nghe một lời nói âu yếm nào đâu! Tôi kêu:

- Ôi chao ôi! Ông tốt quá.

- Chính cháu mới tốt. Cháu là một cậu bé ngoan, nhỏ người mà tốt bụng. Cháu thấy không, trong đời ta, có những lúc ta dễ thừa nhận những điều như vậy mà cảm kích. Khi mọi việc yên ổn, thì ta cứ cặm cụi đi con đường của ta, không thêm quan tâm đến những kẻ cùng đi với ta. Nhưng khi mọi việc đều chẳng ra gì, khi ta cảm thấy đương gặp bước gian truân, nhất là khi ta đã già nua không tin tưởng ở ngày mai nữa, thì ta cần tựa vào những người chung quanh ta. Ta hết sức sung sướng được nhìn thấy có họ bên cạnh mình. Nói rằng ông tựa vào cháu thì cháu lấy làm lạ lắm có phải không? Ấy mà đúng như thế đấy. Chỉ một việc nhìn cháu nghe lời ông nói mà mắt cháu nhòa lệ, ông cũng đã nhẹ bớt phiền não một phần. Vì bé Rê-mi ơi, ông cũng khổ tâm như cháu vậy !

Những lời nói của cụ Vi-ta-li sau này, khi tôi cũng có một người để yêu mến, tôi mới nghiệm thấy là đúng. Cụ Vi-ta-li tiếp:

- Cảnh nghịch ở chỗ người ta phải xa nhau ở những giờ phút người ta mong dịch lại gần nhau nhất.

Tôi rụt rè thưa:

- Nhưng ông không nỡ bỏ cháu bơ vơ giữa thành phố Pa-ri này chứ ?

- Hẳn là không ! Ông có định để cháu bơ vơ đâu, cháu nên yên trí là thế. Tội nghiệp cháu ! Cháu của ông biết xoay sở như thế nào chứ ? Vả lại ông không có quyền bỏ cháu, cháu phải tự bảo mình như vậy. Cái ngày mà ông không thuận giao cháu cho bà phu nhân phúc hậu định cứu mang cháu và nuôi dạy cháu như con bà thì ông đã tự nhận trách nhiệm nuôi dạy cháu hết sức của ông Nhưng khổ thay, ông gặp phải toàn nghịch cảnh. Hiện nay ông không làm gì được cho cháu, vì vậy ông mới định chia tay với cháu. Không phải chia tay mãi mãi đâu, chỉ tạm trong ít tháng thôi, để ông cháu ta mỗi người có thể sống đáp đối qua những ngày cuối đông giá rét này. Mấy tiếng nữa ta sẽ đến Pa-ri. Cả đoàn chúng ta còn lại mỗi con Ca-pi thì cháu nghĩ chúng ta còn làm ăn gì được ?

Con Ca-pi nghe nhắc đến tên nó thì chạy lại ngồi thẳng trước mặt chúng tôi. Nó đưa chân lên tai chào theo kiểu nhà binh. Rồi nó lại để chân lên trước ngực

như có ý nói rằng chúng tôi có thể tin ở sự trung thành của nó.

Trong hoàn cảnh bấy giờ, cử chỉ của con Ca-pi không làm dịu nổi xúc động trong lòng chúng tôi.

Cụ Vi-ta-li dừng lại một chốc, đưa tay xoa đầu nó, nói:

- Con cũng thế, con là một con chó tốt Ca-pi ạ. Nhưng ở đời, lòng tốt không nuôi sống được ai! Phải có lòng tốt để giúp cho những người quanh ta sống có hạnh phúc, nhưng cũng cần phải có cái khác nữa, mà cái ấy thì chúng ta không có. Cháu nghĩ chúng ta còn làm gì được với mỗi mình con Ca-pi? Cháu hiểu đấy chứ? Cháu hiểu rằng bây giờ chúng ta không thể nào diễn trò được chứ?

- Thưa ông, đúng như vậy.

Diễn trò thì lũ trẻ ranh sẽ reo hò chế giễu chúng ta, mặc dù vậy mỗi ngày chúng ta không thể kiếm nổi quá hai mươi xu đâu! Với hai mươi xu mỗi ngày chúng ta sẽ sinh sống ra sao? Hơn nữa những ngày mưa, những ngày tuyết, những ngày rét to, mà có vền vện hai mươi xu thì coi như không có gì!

- Thế cây đàn của cháu không được việc gì ư?

- Giá ông có hai đứa bé như cháu thì có lẽ cũng không đến nỗi nào, như một già một trẻ như hai ông cháu mình thì chả được việc gì. Ông cũng chưa thật già lắm. Nếu ông già lụ khụ hay mù lòa thì ... Nhưng khốn nạn thay, ông chỉ mới là ông bây giờ, nghĩa là chưa đủ khiến người ta thương hại. Ở Pa-ri, khách qua đường

đều vội vàng đi công việc của họ, muốn cho họ động lòng thương xót thì có lẽ phải có thân hình tả tơi thảm hại. Và phải biết ngửa tay xin không ngượng ngùng xấu hổ. Điều đó thì trọn đời mãi kiếp ông vẫn chịu thôi, không làm được. Chúng ta phải tìm cách khác kia. Bởi vậy ông đã suy nghĩ và quyết định như thế này: Ông sẽ nhường cháu cho một nhà bầu gánh trẻ con cho đến hết mùa đông. Hẳn sẽ muốn cháu đánh thụ cầm đồng thời với nhiều trẻ em khác.

Khi nhắc đến cây đàn của tôi, tôi không hề nghĩ đến chuyện như vậy. Cụ Vi-ta-li không để cho tôi nói nốt, cụ nói tiếp:

- Phần ông thì ông sẽ dạy thụ cầm, vĩ cầm, kèn bị ... cho lũ trẻ Ý làm việc ở các đường phố Pa-ri.

Ở Pa-ri nhiều người biết ông, ông đã ở đấy nhiều lần, ngay lúc ông đến làng cháu, thì cũng từ Pa-ri mà đi đấy. Ông chỉ cần nói dạy đàn là tìm ra thừa chỗ dạy. Chúng ta sẽ sống được chỉ mỗi cái ông một nơi cháu một nơi thôi. Rồi thì trong khi dạy đàn thì ông kiếm hai con chó mà tập để chúng thay thế con Déc-bi-nô và con Đôn-xơ. Ông tập khấn trương và đến mùa xuân, ông cháu mình lại lên đường và sẽ không rời nhau nữa, cháu Rê-mi ạ. Có gan phấn đấu thì rồi thời vận xấu cũng hóa tốt. Có gan phấn đấu, đó chính là cái ông đòi hỏi ở cháu hiện nay, đồng thời phải biết nhẫn nại chịu đựng nữa. Phải chịu thế ít lâu thôi, sau này thì mọi việc sẽ tươi hơn. Sang xuân chúng ta lại sẽ sống cuộc đời tự do của ta. Ông sẽ đưa cháu đi sang Đức, sang

Anh. Thế rồi cháu sẽ trưởng thành, đầu óc sẽ mở mang ra. Ông sẽ dạy cháu lắm điều hay và rèn luyện cháu thành con người thực sự. Trước mặt bà Mi-li-gon ông đã hứa như vậy. Ông sẽ giữ lời hứa. Ông bắt đầu dạy tiếng Anh, tiếng Pháp⁽¹⁾, tiếng Italia cho cháu cũng là để chuẩn bị những cuộc hành trình ấy. Với tuổi cháu mà biết được như vậy cũng đã là khá lắm rồi. Đó là chưa kể cháu đã trở nên vạm vỡ rắn chắc. Rồi cháu xem. Bé Rê-mi ạ, chưa phải là hồng cả đâu!

Sắp xếp như vậy có lẽ là thích hợp nhất đối với hoàn cảnh chúng tôi bây giờ. Nhưng mà những phản ứng đầu tiên của tôi đâu có giống những ý nghĩ lúc bình tĩnh về sau. Trong các điều ông cụ nói, tôi chỉ thấy có hai điều:

Một là sự chia ly.

Hai là thằng cha bầu gánh trẻ con.

Trong khi đi qua các làng mạc, các đô thị, tôi đã từng gặp một số những thằng cha bầu đó. Chúng điều khiển lũ trẻ vó được dây đó bằng gậy bằng hèo.

Chúng chẳng giống Ông cụ Vi-ta-li một chút nào. Chúng độc ác, chúng bất công, chúng khó tính, chúng say rượu lè nhè, mồm cứ luôn luôn văng tục, tay luôn giơ cao chực đánh.

Tôi có thể lọt vào tay một thằng cha gớm ghiếc như thế!

(1) Tiếng Pháp phổ thông (khác với thứ tiếng Pháp quê mùa pha nhiều thổ ngữ khó hiểu).

Mà có may mắn gặp một anh chủ tốt đi nữa, thì cũng vẫn là một sự thay đổi. Mẹ nuôi tôi, xong đến cụ Vi-ta-li rồi đến một người khác nữa. Tôi phải chịu mãi cái số kiếp ấy ư? Tôi không bao giờ giữ được một người thân để yêu thương trọn đời chăng?

Dần dần tôi đã thấy quyến luyến cụ Vi-ta-li như một người cha già, mà nay cũng phải rời cụ.

Thế là tôi sẽ không bao giờ có cha hay sao? Không bao giờ có gia đình hay sao? Tôi phải luôn luôn làm một đứa trẻ cô cút trên đời này ư? Luôn luôn nay đây mai đó trên mặt đất mênh mông, không có chỗ nào dừng chân đỗ bến chăng?

Tôi có nhiều điều muốn nói lại với cụ chủ, bao nhiêu ghen ngào uất ức cứ từ tim trào lên miệng. Nhưng tôi nén xuống. Cụ chủ đã bảo tôi là phải có gan, phải nhẫn nại. Tôi muốn vâng lời cụ để cụ khỏi phiền muộn thêm. Vả lại, cụ không còn đi bên cạnh tôi nữa. Hình như cụ đoán biết tôi sắp nói gì và sợ nghe những điều ấy nên cụ rào bước đi lên phía trước.

Tôi theo cụ và giây lát sau thì thấy trò chúng tôi vượt qua một cái cầu dây bùn bắc qua một con sông nhỏ. Tôi chưa bao giờ thấy có một cái cầu lầy lội đến như thế. Tuyết phủ lên mặt đường thành một lớp bùn sinh lội đến mắt cá.

Qua khỏi cầu thì đến một làng có đường sá hẹp lắm; khỏi làng ấy thì lại đồng bằng nữa, nhưng đồng bằng mà ngổn ngang bao nhiêu là nhà cửa tồi tàn

nghèo khổ. Trên đường cái, xe cộ nối tiếp nhau ngược xuôi liên miên. Tôi bước lên cho gần cụ Vi-ta-li rồi đi bên phải cụ, còn Ca-pi thì bám sát gót chúng tôi. Lát sau hết cảnh thôn quê, chúng tôi vào phố xá và đi trên một đường phố không nom thấy đàng cuối. Hai bên đường chạy dài những nhà cửa nhưng tồi tàn, dơ bẩn, xấu xí hơn ở Boóc-đô, Tu-lu-dơ và Ly-ông nhiều.

Người ta cào tuyết dồn lại đây đó thành từng đống và trên mấy đống tuyết đen sì và cứng ngắt ấy họ vứt tro, rau quả ôi và rác rưởi đủ thứ. Không khí sục mùi hôi thối. Những trẻ con chơi ngoài phố trông xanh xao quá. Những chiếc xe nặng nề chạy liên tiếp trên đường, lũ trẻ này đều tránh một cách nhanh nhẹn, tuồng như không cần lưu ý. Tôi hỏi cụ Vi-ta-li:

- Đây là đâu, thưa cụ ?

- Pa-ri đấy, cháu ạ !

- Pa-ri...

Có thể như thế được chăng ? Pa-ri đấy à ?

Thế thì những tòa nhà cẩm thạch của tôi đâu? và nào đâu những khách qua đường mặc toàn nhung lụa? Sao mà cảnh thực xấu xí tồi tàn đến thế ?

Đây là thành phố Pa-ri bao lâu nay tôi thiết tha mơ ước à ?

Chao ôi ! Thế mà đúng như vậy đấy. Thế mà ở chốn này tôi sắp phải sống hết mùa đông xa cụ Vi-ta-li và xa ... con Ca-pi.

MỘT ÔNG “BẦU GÁNH” TRẺ CON Ở PHỐ LƯỚC -XIN

Dù mọi vật xung quanh tôi đều có vẻ ghê tởm, tôi vẫn trở mắt nhìn. Tôi hình như quên tình cảnh đáng lo của mình để nhìn ngó xung quanh.

Càng đi sâu vào Pa-ri, những điều trông thấy càng xa lạ đối với những mộng tưởng ngây thơ, những mơ huyền ước hão của tôi. Mấy rãnh nước vẫn đóng băng. Bùn trộn lẫn tuyết với băng vụn, càng đi sâu vào thành phố càng thấy đen ngòm. Những chỗ nào lầy ướt thì khi xe cộ đi qua bùn bắn phền phệt lên từng mảng dày, chập vào mặt kính các cửa hàng tối tàn và dơ bẩn.

Rõ ràng là Pa-ri không bì được với Boóc-dô.

Chúng tôi đi đến một đường phố đông có vẻ khá hơn phố vừa đi qua. Càng đi thì càng thấy các cửa hiệu to hơn, đẹp hơn. Đi một lúc lâu thì cụ Vi-ta-li rẽ bên phải và thế là chúng tôi đi vào một khu phố hết sức nghèo khổ. Những ngôi nhà cao và đen xì mái tiếp mái trông như liền nhau. Một dòng nước không đóng băng chảy giữa đường phố và bất chấp hơi thối, một đám người đông đặc giẫm lên nền đường nhầy nhụa mà đi.

Tôi chưa bao giờ thấy những gương mặt xanh xao vàng vố như gương mặt họ. Cũng chưa bao giờ tôi thấy trẻ con táo bạo như những đứa trẻ đang đi đi lại lại giữa những người khách qua đường này. Quán rượu khá nhiều. Có nhiều người đàn ông đàn bà đứng uống rượu và gào thét inh ỏi trước mấy quầy hàng bọc thiếc.

Tôi đọc được cái tên phố Luốc-xin ở góc tường một ngôi nhà.

Hình như cụ Vi-ta-li đã có ý định sẽ đi tới chỗ này. Cụ đưa tay ẩy nhẹ những người vướng lối cụ. Tôi theo sát cụ. Cụ bảo: “Coi chừng kéo lạc ông đấy”. Nhưng lời dặn bảo ấy cũng bằng thừa. Tôi luôn luôn sát gót cụ và muốn cho chắc chắn hơn, tôi nắm chặt áo cụ.

Thấy trò chúng tôi đi qua một cái sân rộng và một lối đi, rồi đến một thứ hang sâu mập mờ, xanh xanh, có lẽ ở đây ánh nắng không bao giờ lọt vào. Cái chỗ này còn xấu xí, còn dễ sợ hơn tất cả những gì mà tôi đã thấy cho tới đây. Một người đương soi đèn lồng để mặc những miếng tã rách lên tường. Cụ Vi-ta-li hỏi hần:

- Ga-rô-phô-li có nhà không ?

- Không biết, cụ cứ lên xem. Cụ biết hần ở đâu rồi chứ ? Đi hết thang gác thì thấy cửa ngay trước mặt.

- Ga-rô-phô-li là người bầu mà ông đã nói chuyện với cháu. Hần ở đây.

Cụ Vi-ta-li vừa nói thế vừa chỉ thang gác cho tôi; các bậc thang tưởng như khoét vào trong lớp đất sét ướt vậy, bởi vì nóбет một lớp đất cứng, trơn tuột. Đường

phố, ngôi nhà, cái thang gác, chẳng có chút gì làm cho tôi yên lòng cả. Vậy còn ông chủ thì ra sao ?

Thang gác có bốn tầng. Lên đến đầu cầu thang thì cụ Vi-ta-li xô cái cửa ở trước mặt và thế là thấy rõ chúng tôi bước vào một gian phòng lớn, hay nói cho đúng, một thứ vừa chứa khá rộng. Ở giữa phòng có một khoảng trống lớn, bốn bên kê khoảng mười cái giường. Tường và trần nhà không thể nói là mầu gì: ngày xưa thì trắng đấy, nhưng rồi khói ám vào và bụi bặm cấu bẩn đủ thứ dính lên làm cho lớp vôi tô ngoài hóa đen đi và lỗ chỗ từng mảng bị tróc ra hay bị thủng hần. Trên tường, bên cạnh hình một cái đầu người vẽ bằng than có nhiều hoa và chim khắc chìm.

Cụ Vi-ta-li vừa bước vào vừa hỏi:

- Ga-rô-phô-li, anh ở xó nào thế? Sao không thấy ai cả ? Lên tiếng đi, anh ! Già Vi-ta-li đang gọi anh đấy.

Dưới ánh sáng tù mù của ngọn đèn dầu hỏa treo trên tường, gian phòng có vẻ vắng người thật. Tuy vậy, sau tiếng cụ chủ tôi gọi, có một giọng yếu ớt, uể oải, một giọng trẻ con cất lên trả lời:

- Ngài Ga-rô-phô-li không có nhà. Hai tiếng đồng hồ nữa ngài mới về.

Đồng thời cái người trả lời chúng tôi cũng ló mặt ra: đó là một chú bé độ mười tuổi. Chú lê chân về phía chúng tôi. Hình thù của chú đột nhiên đập mạnh vào giác quan của tôi, đến nỗi ngày nay tôi vẫn như nhìn thấy chú trước mặt. Nói cho đúng thì chú không có

thân mình: một cái đầu to tướng không cân xứng với con người, cái đầu ấy tưởng chừng như gắn liền với đôi chân như các bức biếm họa được ưa chuộng mấy năm trước đây. Cái đầu mang một vẻ đau thương, một vẻ dịu hiền sâu sắc; trong đôi mắt có ẩn niềm nhẫn nại và toàn thân con người nói lên nỗi ngao ngán chán chường. Hình thù như thế tất nhiên là không đẹp. Nhưng không hiểu sao nó gây cảm tình, nó bắt ta phải nhìn, phải ngắm chứ không nỡ quay mặt đi, vì ở đôi mắt to, ướt ướt, âu yếm như mắt một con chó, ở cặp môi mấp má như luôn luôn muốn thổ lộ tâm tình ấy, có một sức gì quyến rũ chúng ta. Cụ Vi-ta-li hỏi:

- Cháu có chắc rằng trong hai tiếng nữa, ông chủ sẽ có nhà không ?

- Thưa cụ, chắc lắm. Hai tiếng nữa là đến giờ ăn, mà ngoài ngòi ra thì không có ai phân phát bữa ăn đâu.

- Thế thì nếu ông ấy có về sớm hơn; cháu thưa rằng có ông Vi-ta-li đến, hẹn hai tiếng nữa sẽ trở lại.

- Hai tiếng nữa, vâng thưa cụ.

Tôi toan quay gót đi theo cụ chủ thì cụ cản tôi lại:

- Cháu hãy ở đây - Cụ nói - Cháu nghỉ ngơi một lát rồi ông trở lại đây.

Thấy tôi tỏ vẻ hoảng hốt, cụ nói thêm:

- Cam đoan với cháu là ông sẽ trở lại.

Dù mệt mỏi, tôi cũng cứ muốn đi theo cụ Vi-ta-li hơn. Nhưng tôi đã quen tuân lệnh khi cụ bảo, nên đành ở lại vậy.

Tiếng chân bước nặng nề của cụ Vi-ta-li trên các bậc thang dội lên tới chỗ chúng tôi. Chú bé nghiêng tai về phía cửa nghe ngóng. Khi không nghe thấy gì nữa, chú quay lại hỏi tôi bằng tiếng Italia:

- Anh là người đồng hương à?

Từ khi theo cụ Vi-ta-li, tôi đã học vờ vẽ mấy câu Italia gọi là tạm đủ để nghe người ta nói chuyện bằng thứ tiếng ấy.

Nhưng nói thì còn tồi lắm nên tôi ít thích dùng. Tôi trả lời bằng tiếng Pháp:

- Không phải.

- Ô ! - Chú bé buột miệng kêu lên một tiếng buồn rầu và đôi mắt to của chú nhìn tôi chòng chọc - Cũng không sao ! Giá anh là người cùng quê thì thích hơn.

- Cùng quê là quê nào?

- Lúc-ca. Giá anh là người Lúc-ca thì tôi được biết tin tức quê nhà.

- Tôi là người Pháp.

- A ! Thế càng hay.

- Anh ưa người Pháp hơn người I-ta-li-a à?

- Không. Tôi nói "càng hay" không phải vì tôi mà vì anh. Bởi vì nếu anh là người I-ta-li-a thì anh đến đây chắc là để làm việc với ngài Ga-rô-phô-li. Mà người ta không nói "càng hay" với những ai định vào làm việc với ông bầu này.

Những lời ấy làm cho tôi không yên tâm tí nào.

- Ngài ác lắm hay sao ?

Chú bé không trả lời câu hỏi trực tiếp ấy mà chỉ nhìn tôi; nhưng cái nhìn kia lại có ý nghĩa rõ ràng ghê gớm hơn bao nhiêu lời nói. Rồi như không muốn kéo dài câu chuyện ấy, chú quay lại, đi về phía cái lò sưởi lớn ở cuối phòng.

Ở trong lò ấy một bếp lửa lớn nhóm bằng những thanh gỗ dỡ nhà đang cháy ngùn ngụt. Trên lửa có một cái nồi gang to đương sôi sùng sục.

Đi lại gần lò để sưởi cho ấm, tôi nhận thấy cái nồi kia có những điều đặc biệt mà thoát đầu tôi không để ý: một bên vung dính chặt vào nồi bằng bản lề và bên kia thì có khóa; trên vung có gắn một cái ống nhỏ để cho hơi trong nồi thoát ra.

Thái độ của chú bé đủ làm tôi hiểu rằng tôi không nên hỏi tò mò về ngài Ga-rô-phô-li. Nhưng còn về cái nồi này thì sao ?...

- Tại sao phải khóa nồi lại ?

- Để tôi khỏi múc nước xúp mà ăn. Tôi có nhiệm vụ nấu xúp, nhưng ông chủ không tin tôi.

Tôi không giấu nổi một nụ cười.

- Anh cười ! - Chú bé buồn bã nói tiếp - Phải rồi, anh cười vì anh tưởng tôi tham ăn. Nhưng ở vào cảnh tôi, có lẽ anh cũng sẽ tham ăn không kém. Thực ra thì tôi không phải là một thằng tham ăn mà là một thằng đói

rac, mùi xúp bốc lên từ cái ống này càng làm cho cái dạ dày lép kẹp của tôi cồn cào dữ dội.

- Ngài Ga-rô-phô-li để anh chết đói như thế à?

- Nếu anh vào làm việc với ngài ấy, thì anh sẽ biết rằng ở đây, người ta không chết đói, người ta chỉ khổ vì đói thôi. Nhất là tôi, vì tôi bị trừng phạt.

- Đúng đấy ! Tôi có thể kể cho anh nghe chuyện ấy. Nếu ngài Ga-rô-phô-li sẽ là chủ anh thì anh có thể lấy câu chuyện của tôi làm gương để giữ mình. Ngài Ga-rô-phô-li là cậu tôi và ngài nuôi tôi làm phúc đấy. Phải nói cho anh biết mẹ tôi là một bà góa và có lẽ anh cũng đoán là bà cũng chẳng giàu có gì. Năm ngoái, khi Ga-rô-phô-li đến vùng tôi tìm trẻ con thì ông ta nói với mẹ tôi để cho ông mang tôi đi. Mẹ tôi không đành lìa tôi, nhưng anh hiểu cho, tình thế bắt buộc phải như vậy thì biết làm thế nào khác được. Tôi nói tình thế bắt buộc bởi vì ở nhà, anh em chúng tôi lúc nhúc những sáu đứa mà tôi là lớn. Ga-rô-phô-li thích bắt thằng Lê-ô-nác-dô hơn, thằng em kế tôi ấy, bởi vì nó khôi ngô còn tôi thì xấu xí. Muốn kiếm ra tiền thì không được xấu xí. Những đứa xấu xí chỉ kiếm ra đòn vọt và những lời chửi rủa mà thôi. Nhưng mẹ tôi không cho Lê-ô-nác-dô đi. Bà nói: "Đành phải cho một đứa đi thì Mát-chi-a là lớn, Mát-chi-a phải đi. Chúa phúc đức đã chỉ định trước như vậy tôi đâu dám trái ý Chúa". Thế là tôi theo cậu tôi. Chao ôi ! Cái cảnh chia ly thật là cay đắng: anh biết chứ, phải rời bỏ ngôi nhà thân yêu, phải xa lìa bà mẹ tôi đang khóc lóc, con em bé Cơ-rít-xi-na, nó trù mến

tôi hết sức bởi vì nó là út và tôi luôn luôn bông bế nó trên tay; rồi còn các em khác của tôi, còn các bè bạn, còn làng quê.

Tôi cũng từng nếm mùi cay đắng của cảnh chia ly và tôi không quên nỗi đau thắt ruột thắt gan khi nhìn thấy lần cuối cùng cái khăn trùm màu trắng của má Bác-bơ-ranh.

Chú bé Mát-chi-a kể tiếp:

- Lúc rời khỏi nhà chỉ có mình tôi với Ga-rô-phô-li, nhưng tám ngày sau, đoàn trẻ con chúng tôi lên đến mười hai đứa. Và chúng tôi lên đường đi Pháp. Ôi ! Con đường mới dài làm sao đối với tôi và các bạn cùng đi ! Cả tôi lẫn các bạn đều buồn rười rượi. Nhưng rồi chúng tôi cũng đến Pa-ri. Lúc bấy giờ chúng tôi chỉ còn lại mười một đứa vì một đứa đã nằm lại ở nhà thương Đi-giông. Đến Pa-ri, ông chủ chọn lọc phân loại chúng tôi ra: đứa khoẻ mạnh thì cho đi làm công với thợ lò, hay thợ cả trong nghề nạo ống khói, đứa nào cơ thể yếu chưa làm nghề được thì đi hát rong, đàn rong ngoài phố. Dĩ nhiên là tôi không đủ sức khỏe để làm nghề, và hình như tôi cũng xấu xí quá, có đi đánh đàn dạo cũng không kiếm được nhiều. Vì vậy Ga-rô-phô-li giao cho tôi hai con chuột bạch để tôi mang đi diễu trước các cửa nhà, trong các lối đi cho người ta xem và định mức cho tôi mỗi ngày là ba mươi xu. Ngài nói: “Chiều về, thiếu bao nhiêu xu thì lĩnh bấy nhiêu roi đó”. Kiếm cho ra ba mươi xu thì thật là khổ, nhưng ăn đòn thì lại càng khổ hơn, nhất là ngón đòn do tay Ga-rô-phô-li quật. Bởi vậy

tôi dốc hết sức ra để cóp nhặt cho đủ số tiền. Mặc dù khó nhọc, vất vả hết sức, thường thường tôi vẫn không kiếm được đủ số. Các bạn khác hầu như luôn luôn kiếm đủ, tôi thì luôn luôn hụt mức. Cái đó làm cho Ga-rô-phô-li giận dữ. Lão kêu: "Cái thằng ngốc Mát-chi-a này, không biết nó làm ăn thế nào ấy !" Có một đứa bé khác cũng mang chuột bạch đi điều như tôi. Định mức cho nó đến bốn mươi xu mà chiều nào nó cũng mang về đủ số. Nhiều khi tôi đi cặp kè với nó để xem thử nó làm ăn ra sao, nó khéo léo tài tình hơn tôi ở chỗ nào. Nhờ vậy tôi hiểu tại sao nó kiếm bốn mươi xu dễ dàng, còn tôi chỉ ba mươi xu mà quá đổi chật vật. Khi có một ông hay bà sang trọng nào cho tiền chúng tôi thì bao giờ bà ấy cũng nói: "Cho cái em dễ thương đó, không cho cái thằng ma lem kia đâu". Cái thằng ma lem đó là tôi. Tôi không thèm đi cặp với thằng bạn ấy nữa. Về nhà bị đánh đòn thì thật đáng buồn nhưng ra đường bị người ta nói những câu nhục mạ trước mặt mọi người thì lại càng tội hơn. Anh thì anh không biết cái khổ ấy đâu, bởi vì không bao giờ người ta bảo anh là xấu xí, nhưng tôi... Cuối cùng thấy rằng đánh đập không ăn thua gì, Ga-rô-phô-li bèn dùng một phương pháp khác. Lão nói: "Từ giờ mà đi, mày đem về thiếu một xu thì tao trừ một củ khoai trong bữa ăn tối, nghe chưa? Da mày già chịu đòn nhưng có lẽ dạ mày non chịu đói !". Này anh, có khi nào vì bị đe dọa mà anh làm được việc không anh?

- Ô ! Cái đó tùy.

- Tôi thì không bao giờ. Vả lại tôi cũng không thể làm hơn cái mức tôi làm cho đến lúc ấy. Mà khi chìa tay

ra xin tiền, tôi cũng không thể nói với người khách: “Nếu ông không cho tôi một xu thì tối nay tôi không có khoai ăn”. Những người bỏ tiền ra cho bọn trẻ con thì lại không bỏ ra vì những lý do như thế.

- Thế thì họ bỏ ra vì lý do gì ? Họ cho tiền là để cho mình được vui lòng chứ ?

- Ôi chà ! Anh còn non trẻ ngây thơ quá ! Người ta cho trước hết là để cho vui lòng người ta. Người ta cũng cho tiền một đứa trẻ vì trông nó xinh xắn dễ thương, và đó là lý do xác đáng nhất. Người ta cho vì nhớ tới đứa con người ta đã bỏ hay nghĩ tới đứa con người ta ước có. Người ta còn cho trẻ con tiền vì người ta mặc ám, còn nó thì đứng run lập cập dưới cổng một nhà xe; đó là lòng trắc ẩn. Ô ! Tôi biết hết những câu chuyện bố thí ấy, tôi đã có đủ thì giờ để nhận xét.

Sống cái kiểu luôn luôn bị ăn bớt như thế được năm sáu tuần gì đó thì người tôi gầy rạc. Tôi hóa ra xanh xao vàng vố, xanh đến nỗi quanh tôi người ta cứ nói: “Coi kìa, cái thằng bé kia nó chết đói đến nơi”.

Lúc ấy thì sự đau thương đã làm được cái việc mà mặt mày tôi không làm nổi, nó làm cho mắt tôi sáng ngời và người tôi hóa ra đáng được chú ý. Người trong khu phố đâm ra thương hại tôi, cho nên tuy không kiếm được nhiều xu hơn trước là mấy, nhưng tôi lại kiếm được khi thì mẫu bánh mì, khi thì một đĩa xúp. Đó là cái thời sung sướng của tôi. Tôi không bị ăn đòn nhiều nữa. Và dù bữa tối có bị cúp khoai thì cũng không đến nỗi nào, vì bữa trưa tôi đã liếm láp được

chút ít ở ngoài phố rồi. Nhưng một hôm, lão Ga-rô-phô-li bất gặp tôi đang ăn một đĩa xúp ở nhà bà hàng rau quả. Lão hiểu vì sao tôi bị cúp khoai mà không thấy kêu rên. Thế là lão quyết định bắt tôi ở nhà nấu xúp và dọn dẹp quét tước chứ không được đi ra ngoài nữa. Nhưng nấu xúp thì tôi có thể ăn vụng, cho nên lão chế ra kiểu nồi này. Mỗi buổi sớm trước khi ra đi lão bỏ thịt và rau củ vào nồi, đập vung khóa lại, và tôi chỉ có việc đun. Tôi chỉ hít được mùi nước xúp mà thôi. Còn mức thì anh cũng thấy rằng không thể nào mức qua cái ống tí xiu ấy được. Tôi mà xanh như tàu lá thế này là từ lúc tôi phải làm bếp đấy. Mùi xúp không nuôi ai được, nó chỉ làm cho đói cồn cào lên, thế thôi. Này, tôi xanh xao lắm có phải không? Vì tôi không ra phố nữa, cho nên tôi không được nghe người ta bảo cho biết mà ở đây thì không có gương soi.

Thuở ấy tôi chưa phải là người từng trải, nhưng tôi biết không nên nói với người ốm rằng họ ốm để họ phải lo sợ. Tôi đáp:

- Không, tôi thấy anh cũng thường thôi, chả xanh gì hơn kẻ khác.

- Tôi biết anh nói thế để an ủi tôi. Nhưng càng biết mình xanh xao, tôi càng thấy thú, vì như thế có nghĩa là tôi ốm nặng, mà tôi thì muốn mình ốm hẳn, ốm liệt ra.

Tôi sống sót nhìn nó. Thằng bé mỉm cười, nói:

- Anh không hiểu ý tôi. Đơn giản lắm. Hễ mình ốm hẳn thì người ta chạy chữa, hoặc người ta bỏ mặc cho

chết. Nếu họ bỏ tôi chết thì xong hết tất cả mọi việc: hết khổ vì đói, hết khổ vì đòn. Với lại người ta nói người chết được lên ở trên trời. Thế thì lúc ấy ở trên trời, tôi sẽ nhìn xuống thấy mẹ tôi ở quê nhà. Ngược lại, nếu họ chăm sóc cho tôi thì họ sẽ đưa tôi đi bệnh viện. Đi bệnh viện thì thích lắm.

Tôi vốn sợ bệnh viện, sợ một cách tự nhiên. Nhiều khi đi đường mệt quá thấy trong người nao nao khó chịu như sắp ốm thì chỉ cần nghĩ tới bệnh viện là tôi hồi sức, bước đi lên được ngay. Nghe Mát-chi-a nói thế, tôi kinh ngạc khôn xiết. Nó nói tiếp:

- Chắc anh không biết ở bệnh viện người ta sung sướng như thế nào ! Tôi đã nằm ở bệnh viện Xanh-tơ Ô-giê-ni. Ở đây có một ông bác sĩ người cao lớn, tóc vàng, lúc nào cũng có kẹo mạch trong túi áo. Kẹo vụn thôi, kẹo mạch vụn rẻ tiền, nhưng cũng không phải vì vụn mà nó không ngon. Rồi thì các dì phước ấy, họ nói năng với mình dịu ngọt làm sao ! “Làm thế này con ạ. Tội nghiệp ! Con thè lưỡi xem sao...” Tôi ấy à, tôi chỉ thích người ta nói ngọt với tôi thôi. Nghe những lời dịu ngọt, tôi cảm động đến ứa nước mắt và chính lúc ấy là lúc tôi sung sướng đấy. Ngốc quá, phải không anh ? Chỉ vì mẹ tôi luôn luôn dịu ngọt với tôi. Các dì phước cũng dịu ngọt như vậy, lời thì khác đấy, nhưng giọng thì chả khác gì, cũng êm như ru vậy. Rồi khi bệnh đã đỡ thì có xúp ngon và rượu vang nữa. Ở đây, khi tôi bắt đầu thấy kiệt sức vì thiếu ăn, thì tôi thích chí lắm. Tôi tự nhủ: “Ta sắp ốm rồi và Ga-rô-phô-li sẽ đưa ta đi bệnh viện”. Ừ phải ! Ốm rồi. Ốm đủ đã thấy đau đớn ê ẩm trong

người, nhưng chưa đủ để làm bạn lão Ga-rô-phô-li cho nên lão vẫn giữ tôi ở nhà. Không biết sao mà những người cùng khổ khó chết thế ! Cũng may là lão chưa mất thói quen phạt đòn tôi cũng như phạt những đứa khác, cho nên cách đây tám ngày, lão đã nện vào đầu tôi một gậy nên thân. Lần này thì có lẽ chắc chuyện rồi đây. Đầu tôi sưng lên. Hửn anh thấy cái u to trắng trợt này đây chứ ? Hôm qua lão nói có lẽ đó là một cái bướu. Tôi không biết bướu là cái quái gì, nhưng xem cái điệu lão nói thì hình như nặng lắm. Hửn biết rằng tôi đau đớn ghê quá. Tôi thấy nhói tận dưới chân tóc, hơn cả khi đau răng nữa. Đầu tôi nặng như quả tạ trăm cân. Có những phút tôi mờ mắt, choáng váng người và đêm đến, trong giấc ngủ, tôi không thể không rên, không la. Như vậy tôi tin rằng nội trong vài ba ngày nữa, lão sẽ phải đưa tôi đi bệnh viện. Anh hiểu không ? Ban đêm mà có một thằng nhãi kêu la thì phiền cho những người khác, mà Ga-rô-phô-li thì lão không thích bị làm phiền đâu ! Lão nện tôi cái gậy là phúc quá ! Nay anh nói thật đi, tôi đã xanh xao lắm chưa ?

Nói thế rồi đến đứng trước mặt tôi, mắt nó nhìn thẳng vào mắt tôi. Tôi không lý do gì nữa để không nói thật. Tuy vậy tôi cũng không dám nói thẳng tuột cái cảm giác khủng khiếp của tôi khi nhìn đôi mắt to sáng như lửa cháy, hai má sâu lõm và cặp môi nhợt nhạt của nó.

- Tôi thấy anh ốm như thế là đáng đi bệnh viện rồi đấy !

- Có thể chứ !

Nó quì cái chân mà nó thường kéo lê xuống, nghiêng mình chào tôi. Rồi tức thời sau đó, nó chạy đến bàn ăn, bắt đầu lau chùi.

- Nói chuyện thế đủ rồi - Nó nói - Ga-rô-phô-li sắp về, không khéo thì chưa xong đâu và đâu cả ! Anh cho rằng tôi đã nhận đủ số đòn vọt để vào bệnh viện thì có nhạt thêm ít nữa cũng không ích gì, hoài của đi thôi, có phải không anh ? Ấy bây giờ tôi cảm thấy đau đớn hơn mấy tháng trước nhiều ! Những ai nói rằng việc gì rồi cũng quen đi cả là những người nhân từ, họ muốn vỗ về an ủi kẻ khổ thôi.

Chú bé vừa nói chuyện vừa chân cao chân thấp đi khắp khiêng quanh bàn để xếp đĩa và thìa, nĩa. Tôi đếm thấy hai mươi cái đĩa: thế có nghĩa là Ga-rô-phô-li cai quản hai mươi đứa trẻ. Nhưng giường chỉ có mười hai chiếc, chắc là hai đứa ngủ một giường. Giường mới khổ làm sao ! Không có vải phủ giường, chỉ có những chiếc chăn màu hung hung, có lẽ mua lại ở một chuồng ngựa nào đó, khi nó đã quá sờn, đắp cho ngựa không đủ ấm nữa. Tôi kinh hãi hỏi Mát-chi-a:

- Ở đâu đâu cũng đều thế cả à?

- Đâu đâu là đâu chứ?

- Ở đâu mà có những ông bầu muốn trẻ con như thế này ấy !

- Tôi biết đâu đấy! Tôi chưa hề đi chỗ nào khác. Còn anh thì cố gắng tìm chỗ khác đi !

- Chỗ nào bây giờ ?

- Tôi không biết. Ở đâu cũng được, cũng còn khá hơn ở đây.

“Ở đâu cũng được” thì mơ hồ quá. Vả lại tôi biết làm thế nào để thay đổi ý định của cụ Vi-ta-li ?

Tôi đương nghĩ ngợi lung tung, chưa tìm ra kế gì hết thì cánh cửa bật mở rồi một chú bé bước vào. Một tay chú cắp cây vĩ cầm, tay kia chú bê một khúc gỗ đỡ nhà to tướng. Khúc này giống những khúc chum vào lò bếp. Nhìn thấy khúc gỗ, tôi biết Ga-rô-phô-li lấy củi ở đâu và tiêu tốn gì về khoản ấy. Mát-chi-a đón chú bé, bảo:

- Đưa khúc gỗ cho tao.

Chú này đã không đưa củi, lại còn giấu sau lưng. Chú nói:

- Ố ! Không đâu !

- Đưa đây. Để đun nồi xúp cho thật nhừ, ngon hơn.

- Mà y tưởng tao mang về để đun xúp đấy à ? Tao làm chỉ được có ba mươi sáu xu. Tao trông vào khúc củi này để lão Ga-rô-phô-li nhẹ tay phần nào trong khi hỏi tội tao về khoản bốn xu thiếu hụt.

- Chả có củi cành nào mà đỡ được. Mà phải trả bằng đòn thổi. Hết phiên thằng này đến phiên thằng khác.

Mát-chi-a có vẻ rất ác ý khi nói mấy câu ấy. Tuồng như nó lấy làm thích chí về cái hình phạt đương chờ bạn nó. Tôi lấy làm ngạc nhiên về cái nét danh ác thoáng hiện trên gương mặt hiền hậu đó. Sau này tôi

mới biết rằng sống chung với người độc ác lâu ngày thì người ta cũng có thể hóa nên tàn nhẫn.

Giờ này là giờ tế tự của lũ trẻ nhà Ga-rô-phô-li. Sau đứa bé bê củi, một đứa khác về và sau đó là mười thằng khác. Mỗi đứa vào phòng đều mang theo nhạc cụ của mình đến treo ở một cái đinh đóng lên tường, phía trên giường nằm: thằng này thì cái vĩ cầm, thằng kia cái thụ cầm, thằng nọ cái ống sáo hay cái kèn bị⁽¹⁾. Những đứa chỉ mang thú đi diễn chứ không phải là nhạc sĩ thì giúi những con chuột túi, chuột bạch vào trong một cái lồng.

Có tiếng chân nặng hơn đi lên thang gác. Linh tính báo cho tôi biết đó là Ga-rô-phô-li.

Một người đi vào. Người ấy lùn thấp bước đi loạng choạng, vẻ mặt hốc hác. Hắn không mặc quần áo kiểu I-ta-li-a, hắn mặc một cái áo bành tô xám. Cái nhìn đầu tiên của hắn hướng về phía tôi. Một cái nhìn làm cho tôi thấy lạnh gáy. Hắn hỏi:

- Cái thằng nhãi này ở đâu ra?

Mát-chi-a vội vàng lễ phép thưa với hắn những điều cụ Vi-ta-li dặn. Hắn hỏi:

- À ! Vi-ta-li đến Pari. Lão ấy tìm tao làm gì?

- Cháu không biết. - Mát-chi-a đáp.

- Tao không hỏi mày ! Tao hỏi thằng kia !

(1) Một thứ kèn có dèo một rùi da - ND.

Tôi không dám nói thật. Tôi bảo:

- Cụ chủ tôi sắp đến. Cụ sẽ tự nói cho ông biết cụ muốn gì.

- Thằng bé này ăn nói kiêu căng dè dặt ! Mà là người I-ta-li-a phỏng ?

- Không, tôi là người Pháp.

Khi Ga-rô-phô-li vừa vào phòng thì có hai đứa bé đến đứng ngay bên cạnh, chờ cho hắn ngừng nói. Chúng nó muốn gì với lão chủ ? Tôi tò mò tự hỏi như vậy và được giải đáp ngay sau đó.

Một thằng cất cái mũ dạ trên đầu Ga-rô-phô-li rồi đem lại để nhẹ nhàng trên giường; thằng kia vội vã mang ghế đến cho lão. Chúng nó làm những việc thông thường ấy một cách quá nghiêm trang, kính cẩn, khiến cho người ta tưởng đó là hai chú hầu hương dương thành kính giúp linh mục hành lễ. Qua những việc ấy, tôi thấy các chú bé sợ Ga-rô-phô-li đến chừng nào, bởi vì chắc chắn là chúng nó làm thế không phải vì trù mến.

Khi Ga-rô-phô-li vừa ngồi xuống thì một chú bé khác nhanh nhẹn mang lại cho hắn một chiếc tẩu lên đầy thuốc lá, đồng thời một chú thứ tư đánh diêm đưa cho hắn. Hắn cầm que diêm vừa gí lên miệng ống diều thì thét:

- Sắc mùi lưu hoàng, đồ chó chết ! - Và vút ngay que diêm vào lò bếp.

Chú bé có tội vội vã chuộc lỗi: chú đánh một que khác, chờ cho nó cháy khá lâu mới dâng cho chủ.

Nhưng lão chủ không cảm. Lão nói: “Không cần mày, thằng ngu !” và lão đẩy mạnh nó ra. Rồi lão quay lại một thằng bé khác, mỉm cười với nó. Nụ cười ấy chắc là một ân huệ đặc biệt:

- Diêm đây, Ri-các-đô, bé yêu !

Bé yêu vội vàng tuân lệnh.

Khi Ga-rô-phô-li đã ngồi yên và tẩu của lão ngùn cháy thì lão phán:

- Các chú tiên đồng của ta ơi, bây giờ thì ta tính toán thôi nhé ! Mát-chi-a mang sổ ra đây !

Ga-rô-phô-li hạ cổ mở miệng là vì lão phúc đức mà thôi, chứ có cần gì lão phải nói. Lũ trẻ cứ chằm chằm nhìn những ý muốn của lão, đến nỗi chúng đoán được hết trước khi lão lên tiếng. Lão chưa hỏi dứt câu thì Mát-chi-a đã đặt ra trước mặt lão một quyển sổ nhỏ đầy ghét bẩn. Lão ra hiệu, tức thời thằng bé đưa diêm chữa hết mùi lưu hoàng lúc này tiến lại gần.

- Mày còn thiếu tao một xu hôm qua. Mày hứa hôm nay sẽ trả bù. Thế mày mang về bao nhiêu ?

Chú bé áp ứng một lúc lâu. Mặt chú tái mét lại. Chú nói:

- Cháu thiếu một xu.

- À ! mày vẫn thiếu đồng xu ấy, thế mà mày cứ nheo nhớn như không vậy !

- Không phải đồng xu hôm qua. Cháu nói một đồng xu về khoản hôm nay.

- Thế là hai xu phải không ? Mày biết không, tao chưa thấy ai như mày.

- Không phải lỗi tại cháu.

- Đừng giả ngây giả dại nữa. Mày biết cái lệ rồi: cởi áo ra ! Hai roi về đồng xu hôm qua, hai roi về đồng xu hôm nay. Ngoài ra, cúp khoai về cái tội táo trộn của mày. Ri-các-đô, bé yêu, con ngoan lắm, con đáng được thưởng cái trò giải trí này. Lấy roi đây.

Ri-các-đô là đứa trẻ đã vội vã mang que diêm vừa ý đến cho lão lúc này. Nó với lấy cái roi treo trên vách, một cái roi ngắn, có dính hai băng da, thắt nhiều nút lớn. Trong lúc đó, chú bé thiếu một xu cởi áo ngoài và trật sơ mi ra, để mình trần từ vai đến thắt lưng. Ga-rô-phô-li mỉm cười nham hiểm, nói:

- Hãy đợi chút. Có lẽ mày không bị lẻ loi đâu. Cái gì mà có đôi có bạn thì cũng thú cả. Với lại Ri-các-đô cũng khỏi nhọc công làm việc nhiều lần.

Bọn trẻ đứng yên lặng trước mặt ông chủ, nghe câu bông đùa tàn nhẫn ấy thì phá lên cười một lượt. Tiếng cười thật gượng gạo. Ga-rô-phô-li nói:

- Đứa nào cười to nhất, chắc đứa ấy thiếu nhiều nhất. Đứa nào cười to dữ vậy ?

Tất cả đều chỉ đứa bé mang khúc củi gỗ đã về trước tiên. Ga-rô-phô-li hỏi:

- Này thằng kia, mày thiếu bao nhiêu ?

- Không phải lỗi tại cháu.

- Từ nay đứa nào trả lời: “Không phải lỗi tại cháu” sẽ được ăn thêm một hèo ngoài số mà nó có quyền được hưởng. Mà hực bao nhiêu?

- Cháu mang về một khúc củi, khúc củi to tướng kia.

- Ủ, cũng không phải là tồi. Nhưng mà hực mang lại thằng cha bán bánh mì, bảo nó đổi bánh cho mà, xem nó có đổi không? Mà thiếu mấy xu? Thế nào, nói đi chứ?

- Cháu kiếm được ba mươi sáu xu.

- Mà thiếu bốn xu, thằng khốn nạn, thằng chết vằm! Những bốn xu! Thế mà mà còn dám dẫn xác về đây, dám nhìn mặt tao! Ri-các-đô, bé yêu, con tốt phúc lắm, con sẽ được giải trí ra trò. Cởi áo ra!

- Còn khúc củi?

- Cho mà để xơi trưa.

Câu khôi hài ngu xuẩn ấy làm cho tất cả đám trẻ không bị phạt cười rộ lên.

Trong lúc Ga-rô-phô-li tra hỏi thằng bé ấy thì có độ chục đứa khác về. Chúng lần lượt báo cáo khoản thu nhập của chúng. Ngoài hai đứa bị xử phạt roi vừa rồi, có ba đứa nữa hực mức. Ga-rô-phô-li rên rỉ kêu lên:

- Chúng nó là năm thằng cướp, nó cướp của tôi, nó phá nhà tôi. Ấy, rộng lượng quá thì như thế đấy. Thử hỏi bọn mà, tao làm thế nào mà mua được thịt ngon khoai bở cho chúng mà ăn nếu chúng mà không chịu làm việc? Bọn mà chỉ thích rong chơi. Đáng lẽ phải đi

khóc lóc với những khách cả tin thì bọn mày lại thích cười cợt với nhau hơn. Chúng mày tưởng vờ khóc trong khi chìa tay ra xin tiền thì không bằng khóc thực sự khi đưa lưng ra chịu đòn hay sao ? Thôi, bỏ áo ra!

Ri-các-đô cầm roi trong tay, còn năm tội nhân thì được xếp hàng bên cạnh. Ga-rô-phô-li nói:

- Con biết chứ, Ri-các-đô. Ta không nhìn con vì những hình phạt ấy làm cho ta đau lòng. Ta không nhìn con nhưng ta nghe con. Nghe tiếng roi vút, ta biết được ngọn roi quật mạnh hay yếu. Bé yêu ơi ! hãy rán sức mà vút, con làm việc vì miếng ăn của con đấy.

Nói xong, hắn quay mặt vào lò sưởi, làm như không thể nhìn được cái nhục ấy.

Còn tôi, bị bỏ quên trong một xó, tôi rùng mình vì cảm phẫn và cũng vì ghê sợ. Con người ấy sẽ là chủ của tôi ư ? Hắn sẽ tự định mức cho tôi ba mươi hay bốn mươi xu, nếu tôi không mang về đủ số thì tôi phải đưa lưng cho thằng Ri-các-đô vút. Ôi ! Đến bây giờ tôi mới hiểu tại sao thằng Mát-chi-a nói đến chuyện chết một cách bình tĩnh như thế ! Không những bình tĩnh mà lại còn ao ước thậm nữa kia !

Tiếng roi đầu tiên đập lên da thịt làm cho tôi trào nước mắt. Tôi tưởng người ta không để ý đến tôi, nên tôi không giữ gìn. Nhưng tôi nhầm. Ga-rô-phô-li vẫn liếc mắt nhìn 'trộm tôi. Lát sau, khi hắn nói về tôi, tôi mới biết. Hắn đưa một ngón tay chỉ tôi, nói:

- Thằng bé này tốt bụng. Hắn không như lũ kẻ cướp chúng bay, cứ cười đùa trên nước mắt của bạn, cười cả trên sự buồn phiền của tao. Ước gì nó là bạn của chúng mày để làm gương cho chúng mày thì tốt quá.

“Là bạn của chúng mày”, mấy tiếng ấy làm cho toàn thân tôi run lẩy bẩy.

Đến roi thứ hai, nạn nhân kêu lên một tiếng thê thảm, roi thứ ba, tiếng thét của nó xé ruột xé gan.

Ga-rô-phô-li đưa tay lên, tức thời Ri-các-đô dừng tay lại, ngọn roi vẫn giơ cao. Tôi tưởng thằng chủ muốn tha, nhưng không phải. Hắn vẫn ngọt ngào nói với nạn nhân của hắn:

- Mày hẳn biết những tiếng kêu rên làm cho tao đau ruột chùng nào ! Roi xé da mày nhưng tiếng thét thì xé lòng tao, mày cũng biết chứ ? Vậy tao báo cho mày biết thét mỗi tiếng thì tao thêm một roi và đó là lỗi tại mày. Liệu đừng làm tao ốm vì buồn. Nếu mày có một chút tình thương, một chút lòng biết ơn đối với tao thì mày cần răng ngậm miệng mà chịu. Nào Ri-các-đô!

Ri-các-đô vung tay và hai cái băng da lại quật xuống lưng thằng bé khốn khổ. Nó kêu:

- Mẹ ơi ! Mẹ !

May sao tôi không phải chứng kiến nhiều hơn nữa, vì lúc ấy cụ Vi-ta-li đẩy cửa bước vào. Tiếng kêu thét vọng xuống thang gác đã mách cho cụ biết cái gì, nên thoáng nhìn, cụ đã hiểu hết. Cụ xông đến giật ngọn roi

trên tay thằng Ri-các-đô, rồi quay phắt lại Ga-rô-phô-li, cụ khoan tay đứng sừng sững trước mặt hắn.

Mọi việc xảy ra như chớp nhoáng, làm cho Ga-rô-phô-li sững sờ. Nhưng sau đó, hắn trấn tĩnh, lấy lại nụ cười ngọt xớt thường lệ, mà nói:

- Cụ thấy có gớm không ? Cái thằng bé rõ ác !

- Thật là một sự nhục nhã !- Cụ Vi-ta-li thét.

- Ấy tôi cũng bảo thế !

- Thôi đừng có nhăn nhó vờ vịt nữa - Cụ chủ tôi dặn mạnh - Anh thừa biết là tôi không nói với thằng bé ấy, mà nói với anh. Ừ ! Dày vò hành hạ một lũ trẻ bất lực như thế này thì quả là nhục nhã, hèn nhát !

Ga-rô-phô-li đổi giọng:

- Ông già điên rồi kia, việc gì đến ông ?

- Đến lắm chứ ! Đến cả Sở cảnh sát nữa chứ !

- Cảnh sát ? - Ga-rô-phô-li thét lớn và đứng dậy - Ông, ông đòi đưa tôi ra cảnh sát à ?

- Ừ, ta đấy - Cụ chủ tôi trả lời.

Sự giận dữ của tên bầu không làm ông chủ lùi bước. Thằng Ga-rô-phô-li dịu giọng và mỉa mai:

- Nay cụ Vi-ta-li đừng có lên mặt hăm dọa phát giác tôi, tôi cũng có chuyện để phát giác. Rồi xem ai sẽ nhọc lòng nào? Tất nhiên là tôi không đi báo với cảnh sát; công việc của cụ không liên quan gì đến Sở cảnh sát. Nhưng có những người khác người ta chú ý. Nếu tôi chỉ

đến mách với họ cái điều tôi biết nếu tôi chỉ nói ra một cái tên, một cái tên thôi, thì ai sẽ phải tìm chỗ chôn vùi sự nhục nhã của mình nhỉ ?

Cụ chủ tôi lặng người một lúc, không trả lời. Cụ cũng có làm một chuyện nhục nhã ư ? Tôi sửng sốt. Tôi chưa hết kinh ngạc về những câu kỳ quái của thằng Ga-rô-phô-li thì cụ đã nắm tay tôi:

- Đi theo ông.

Cụ nói thế rồi lôi tôi theo ra phía cửa. Thằng Ga-rô-phô-li vừa cười vừa nói:

- Này, này ! Bỏ qua đi thôi cụ nhé, cụ định đến nói với tôi việc gì nào ?

- Ta không có gì nói với anh nữa.

- Và, không thêm một tiếng, không ngoảnh lại, cụ đi xuống thang gác, tay vẫn dắt tay tôi. Tôi bước theo cụ, người thấy nhẹ nhõm một cách lạ lùng... Thế là tôi thoát cái nạn thằng Ga-rô-phô-li ! Tôi muốn ôm hôn cụ Vi-ta-li, nhưng không dám.

18

MỎ ĐÁ GIĂNG-TI-LI

Khi còn đi trong đường phố có đông người qua lại, cụ Vi-ta-li không nói năng gì cả. Được một lát, thấy trò chúng tôi đến một ngõ vắng vẻ, cụ Vi-ta-li

bền ngồi phịch xuống một trụ đá. Mấy lần cụ đưa tay bóp trán, như thế nghĩa là cụ đương lúng túng.

- Khẳng khái và hào hiệp thì đẹp thật - cụ nói như tự nói với mình - nhưng cũng vì thế mà bây giờ chúng ta phải lang thang trên đường phố Pari, không một xu dính túi, không một mẩu bánh lót lòng. Cháu có đói không ?

- Từ lúc ăn miếng bánh ông cho sớm nay mãi đến bây giờ, cháu chưa có chút gì trong bụng.

- Thế thì tối nay cháu có cơ ngủ đói đấy, tội nghiệp quá ! Mà cũng chưa biết ngủ vào đâu nữa chứ!

- Thế ra trước ông định ngủ nhà lão Ga-rô-phô-li à!

- Ông định: cháu thì ngủ lại đó, còn ông, ví thử hấn thuê cháu vài mươi phờ-răng trong mùa đông này thì trước mắt, phần ông cũng đỡ lo. Nhưng thấy cách hấn đối xử với trẻ con, ông không tự chủ được. Cháu cũng không thích ở lại với hấn, phải không ?

- Ôi chao ! Ông tốt quá !

- Lòng ông lão cù bơ cù bất này vẫn chưa nguội lạnh hấn. Nhưng khốn thay ! Lão đã tính toán đúng mà lòng lão lại làm sai cả đi. Ta biết đi về đâu bây giờ ?

Đêm đã khuya, cơn rét có dịu đi chút ít so với lúc ban ngày, thì bây giờ trở lại gay gắt, buốt tận xương. Gió thổi từ phương Bắc, đêm nay sẽ rét cắt da. Cụ Vi-ta-li ngồi khá lâu trên trụ đá, còn tôi với con Ca-pi thì đứng yên lặng trước mặt cụ. Cuối cùng cụ đứng lên.

- Ta đi đâu ? - Tôi hỏi.

- Đi Giăng-ti-li để cố gắng tìm một cái mỏ đá trước đây ta đã ngủ lại. Cháu có mệt không ?

- Cháu đã được nghỉ ở đằng lão Ga-rô-phô-li.

- Khổ là ông chưa hề được nghỉ và đã kiệt quệ rồi. Nhưng mặc nó, cũng phải đi chứ biết làm thế nào. Nào ta đi lên đi, các con !

Đó là câu nói khi vui vẻ cụ thường dùng với tôi và mấy con chó, nhưng tối hôm nay, cụ nói câu ấy một cách buồn rầu.

Chúng tôi lại ra đi trên các đường phố Pa-ri. Đêm tối đen, các ngọn đèn khí⁽¹⁾ bị gió thổi vờ không soi tỏ mặt đường. Mỗi bước mỗi trượt trên rãnh nước đóng băng hoặc trên những tảng băng đóng ở vỉa hè. Cụ Vita-li nắm tay tôi, còn con Ca-pi thì chạy theo bên chân cụ. Chốc chốc nó tụt lại sau, bới một đồng rác để tìm xem có cái xương hay mẩu bánh nào không, vì nó cũng đói cồn gan cồn ruột. Nhưng rác rưởi bị mắc cứng trong băng, có lực lợi cũng hoài công thôi ! Thế là nó cụp tai xuống đi theo chúng tôi.

Phố lớn rồi đến phố nhỏ, phố nhỏ chán rồi đến phố lớn, cứ như thế chúng tôi đi mãi miết. Những người khách qua đường thưa thớt nhìn chúng tôi có vẻ ngạc nhiên. Tại áo quần chúng tôi hay tại dáng đi mệt mỏi mà họ chú ý nhỉ ? Chúng tôi gặp cảnh sát thì cảnh sát quay quanh chúng tôi rồi đứng lại đưa mắt theo dõi.

(1) Đèn thấp bằng một thứ hơi, đốt lên cháy thành ngọn sáng lơ mờ-ND.

Không nói không rằng, người cúi gập xuống cụng Vi-ta-li cứ việc đi. Rét thế mà tay cụng nóng bỏng trong tay tôi. Hình như cụng run. Một đôi khi cụng đứng lại tựa vào vai tôi một chút và lúc đó tôi thấy toàn thân cụng rung bần bật.

Thường ngày, tôi ít dám hỏi han cụng, nhưng lần này tôi phá cái lệ ấy. Vả lại tôi thấy hình như cần phải nói với cụng là tôi yêu mến cụng, hay ít nhất là tôi muốn giúp cụng được tí gì. Thừa dịp cụng dừng lại, tôi nói:

- Thưa ông, ông ốm thì phải ?

- Ông cũng e như thế. Dù không ốm thì cũng là quá mệt. Những ngày đường vừa qua thật là quá dài đối với tuổi tác của ông, và cái rét đêm nay thì sức già khó lòng chịu đựng. Ông cần có một cái giường êm ấm, một bữa ăn tối trong phòng kín gió, bên cạnh lò sưởi tốt. Thế nhưng các cái ấy đều là chuyện mộng mị cả. Ta đi lên thôi, các con !

Đi lên ! Chúng tôi đã ra khỏi thành phố hay nói cho đúng là ra khỏi khu vực nhà cửa. Chúng tôi đi, khi thì lọt thỏm giữa hai dãy tường dài, khi thì chơi vơi trong khoảng đồng trống. Chúng tôi đi mãi. Không còn khách đi đường, không còn cảnh sát, không còn đèn lồng, đèn khí nữa. Chỉ thỉnh thoảng, đây đó một khung cửa sổ le lói ánh đèn và luôn luôn trên đầu một khoảng trời xanh thăm điểm vài vì sao thưa. Gió càng thổi mạnh, thổi rất từ phía sau lưng. Tuy vậy, vì tay áo của tôi đứt đường chỉ, nó luồn vào chỗ hở và chạy dọc theo cánh tay, làm cho tôi rét quá.

Mặc dù trời tối và đường xá dọc ngang chằng chịt, cụ Vi-ta-li vẫn đi theo hướng của mình, như một người thông thuộc đường sá. Tôi cứ bước theo cụ, không lo gì lạc đường, chỉ lo không biết bao giờ mình mới tới được chỗ cái mỏ đá kia. Thành linh cụ Vi-ta-li đứng lại.

- Cháu có thấy một lùm cây không ?- Cụ hỏi.

- Cháu chẳng thấy gì.

- Cháu không thấy một đống đen sì à ?

Tôi nhìn ra tứ phía trước khi trả lời. Chắc chúng tôi ở giữa đồng bằng, vì tầm mắt tôi mất hút trong bóng đêm mờ mịt, không gặp cây cối nhà cửa gì chắn lối cả. Quanh chúng tôi là khoảng trống. Không một tiếng động, ngoài tiếng gió rít là là mặt đất trong những bụi cây cối không nom thấy. Cụ Vi-ta-li nói:

- Chao ôi ! Ước gì ông có cặp mắt của cháu ! Ông trông nhòa ra cả. Cháu nhìn thử đằng kia xem nào.

Cụ đưa tay chỉ thẳng ra trước mặt, rồi không nghe thấy tôi nói gì cả - tôi không dám nói là không trông thấy gì, - cụ lại đi lên.

Chúng tôi lặng im thêm mấy phút, rồi cụ dừng lại lần nữa và hỏi tôi xem có thấy lùm cây không. Tôi bắt đầu thấy không yên lòng và thoáng thấy lo sợ. Giọng tôi run run khi tôi trả lời cụ chủ rằng tôi không trông thấy cái gì cả. Cụ chủ hỏi:

- Cháu sợ nên quáng mắt đó !

- Cháu cam đoan với ông là cháu không thấy cây cối gì cả.

- Không có vết bánh xe lớn ?

- Không thấy.

- Ta lạc đường hay sao nhỉ ?

Tôi không đáp, vì tôi có biết đường nào lối nào đâu.

- Ta hãy đi dăm phứt nữa. Chừng đó nếu vẫn không thấy cây cối gì thì ta quay lại vì hắc lăm đường.

Khi biết có thể chúng tôi lạc đường thì tôi cảm thấy không còn hơi sức đâu mà đi được nữa. Cụ Vi-ta-li kéo tay tôi:

- Thế nào ?

- Cháu đi không nổi nữa.

- Chứ còn ông, dễ cháu tưởng ông cũng cháu được ? Sở dĩ ông không khuỵu hai chân này là vì ông biết rằng nếu ông cháu ta ngồi xuống thì sẽ không đứng lên được nữa và chết rét tại đây. Thôi, gắng lên đi nào !

Tôi bước theo cụ.

- Đường có vết bánh xe sâu không ?

- Tuyệt nhiên không có.

- Thế thì phải quay lại.

Ngọn gió trước đây thổi sau lưng, bây giờ đập vào mặt mạnh quá làm tôi ngạt thở. Tôi thấy buốt như bị bỏng. Lướt đi, chúng tôi đi có chậm, lướt về, lại càng chậm hơn. Cụ Vi-ta-li bảo:

- Khi cháu thấy có những dấu bánh xe thì bảo cho ông biết. Con đường đúng nó ở bên trái, có cột chỉ đường ở chỗ ngã ba.

Chúng tôi chống chọi với gió, đi như thế trong mười lăm phút. Trong cảnh đêm tĩnh mịch, tiếng chân chúng tôi dội vang trên đất rắn. Dù mỗi bước nhích chân mỗi thấy trong người rời rã, thế mà bây giờ chính tôi lại lôi cụ Vi-ta-li đi tới. Tôi gương mặt cố tìm về phía trái, lòng phập phồng lo lắng xiết bao ! Bỗng một chấm đỏ lóe lên trong bóng tối. Tôi chỉ tay, nói:

- Có ánh đèn kia.

- Đâu ?

- Cụ Vi-ta-li nhìn theo hướng tay tôi. Mặc dù ánh đèn không cách xa lắm, cụ vẫn không trông thấy. Nhờ đó, tôi biết rằng mắt cụ đã mờ đi, vì thường ngày cụ nhìn rất xa và rất tinh trong đêm tối.

- Ánh đèn mà làm gì ! - Cụ nói - Đó là đèn chong trên bàn một người làm việc khuya hay trên giường một kẻ hấp hối, chúng ta không thể đến gõ cửa nhà họ. Ở nông thôn, ban đêm ta có thể xin ngủ nhờ được, chứ quanh vùng Pa-ri thì đừng hòng người ta mở cửa cho chúng ta. Cứ đi thôi !

Chúng tôi đi mấy phút nữa. Rồi tôi thấy lơ mờ hình như có một con đường đâm ngang qua đường chúng tôi đi, và ở góc đường có một vật gì đen đen có lẽ là cái cột chỉ đường. Tôi buông tay cụ Vi-ta-li để đi nhanh hơn. Con đường đó đầy những vết bánh xe sâu lõm.

- Cái cột chỉ đường ở đây rồi. Và có nhiều vết bánh xe.

- Cháu đưa tay đây. Thoát nạn rồi. Ta đi năm phút nữa là tới mỏ đá. Nhìn kỹ thử, chắc cháu trông thấy lùm cây rồi.

Thấy có một đám đen, tôi nói là tôi nhận ra bóng cây. Hy vọng đem lại sức lực cho người ta, chân bớt nặng, đất dưới chân cũng bớt rắn đi.

Tuy cụ Vi-ta-li nói năm phút nhưng sao mà tôi thấy dài đằng dặc như bất tận. Cụ dừng lại, nói:

- Chúng ta đi con đường đúng này đã hơn năm phút rồi đây.

- Cháu cũng nghĩ thế.

- Những vết bánh xe về đâu ?

- Đi thẳng.

- Lối vào mỏ ở bên trái, chúng ta đã đi qua mà không nhìn thấy. Đêm dày thế này, cái đó cũng là thường thôi. Tuy vậy, giả nhận thấy dấu bánh xe thì ta đã sớm biết ngay là ta vượt quá nơi ta tìm rồi.

- Cháu nói chắc chắn là dấu bánh xe không hề rẽ về bên tay trái.

- Thôi được, cứ phải quay trở lại.

Một lần nữa, chúng tôi lại quay lui.

- Cháu có thấy lùm cây không ?

- Có ở bên trái đấy.

- Còn dấu bánh xe ?

- Không có.

- Ta mù rồi chẳng ? - Cụ Vi-ta-li vừa nói, vừa đưa tay dụi mắt - Giờ chúng ta cứ nhắm thẳng lùm cây mà đi tới. Cháu đưa tay ông nắm.

- Có một bức tường cao

- Đó là một đồng đá.

- Không. Đúng là một bức tường, ông ạ.

Điều tôi nói rất dễ thẩm tra, bởi vì chúng tôi đứng cách bức tường có mấy bước. Cụ Vi-ta-li bước tới, và như không tin ở đôi mắt, cụ áp hai bàn tay lên cái vật trở ngại mà tôi gọi là bức tường còn cụ gọi là đồng đá ấy. Cụ nói:

- Bức tường thật. Đá xếp đều đặn và sờ thấy có vôi hồ. Thế cổng đi vào ở đâu. Cháu cố tìm cho ra dấu bánh xe.

Tôi cúi sát đất, men theo tường đi cho đến cuối mà chẳng thấy vết xe nhỏ nào cả. Tôi trở về chỗ cụ Vi-ta-li đứng rồi đi ngược đầu kia. Kết quả cũng thế: đầu cũng là tường, trên tường không có một khoảng trống, dưới đất không một con đường, một rãnh đất hay một dấu vết gì chứng tỏ là có lối đi vào.

- Cháu chỉ thấy những tuyết là tuyết !

Tình cảnh của chúng tôi bây giờ thật là khủng khiếp. Chắc là cụ chủ tôi đã lầm đường và cái mỏ đá cụ tìm không phải ở chỗ này.

Khi tôi nói tôi không tìm ra vết bánh xe thì cụ Vi-ta-li lạng người đi, không nói gì cả. Rồi đặt tay lên tường một lần nữa, cụ sờ suốt từ đầu này đến đầu kia. Con Ca-pi không hiểu gì, sửa lên một cách nôn nóng. Tôi lần bước theo sau cụ Vi-ta-li. Tôi nói:

- Có phải tìm xa hơn nữa không ?
- Không. Mỏ đã bít rồi.
- Bít rồi ?
- Người ta đã bít lối, không thể đi vào được nữa.
- Thế thì làm thế nào bây giờ ?
- Làm thế nào ? Ừ, làm thế nào ? Ông cũng chẳng biết nữa. Đành chết ở đây.
- Chao ôi ! Ông ơi !
- Ừ, cháu không đành chết ! Cháu còn bé quá, cháu ham sống. Thế thì chúng ta hãy đi lên. Cháu đi được không ?
- Còn ông ?
- Khi ông không đi được nữa, ông sẽ quy như một con ngựa già.
- Đi đâu ?
- Trở về Pa-ri. Gặp cảnh sát, chúng ta sẽ nói họ dắt chúng ta đến sở cấm. Ông muốn tránh cái việc ấy, nhưng đâu nỡ để cháu chết rét. Đi lên đi, bé Rê-mi, đi lên đi con, hãy can đảm lên !

Thế là chúng tôi ngược trở lại những đoạn đường chúng tôi vừa đi qua. Mấy giờ đêm rồi ? Tôi chả đoán được. Chúng tôi đi đã lâu, lâu lắm, mà lại đi chậm. Nửa đêm rồi chẳng ? Hay là một giờ sáng ? Trời vẫn một màu xanh sẫm, không trắng, chỉ vài ông sao lưa thưa và có vẻ như bé hơn ngày thường. Gió đã không lạnh, còn thổi mạnh gấp bội. Gió cuốn bụi tuyết lên hai bên mép đường và quất vào mắt chúng tôi. Qua nhà nào cũng thấy tối mò và kín mít. Tôi nghĩ lan man rằng những người nằm ngủ ấm áp giữa chăn nệm ở trong kia nếu biết chúng tôi rét lạnh đến như thế này họ sẽ đứng dậy mở cửa cho vào.

Đi nhanh thì cũng đỡ rét, nhưng cụ Vi-ta-li vừa đi vừa thở dốc, chân bước rất khó khăn. Cụ thở phì phò như vừa mới chạy xong. Tôi hỏi cụ thì cụ không đáp, cụ lấy tay chậm chạp ra hiệu cho tôi biết là cụ không nói được. Từ thôn quê chúng tôi đã trở vào thành phố, nghĩa là chúng tôi đi giữa những bức tường trên đây thỉnh thoảng có một ngọn đèn lồng đu đưa, tiếng dây sắt kêu loảng xoảng.

Cụ Vi-ta-li đứng lại. Tôi biết là cụ đã đuối sức. Tôi nói:

- Để cháu gõ cửa một nhà nào đấy thử xem ông nhé!

- Không nên. Người ta không mở cửa đâu. Những người trồng hoa, trồng rau củ ở đây ban đêm người ta không thức dậy đâu ! Cứ đi nữa thôi.

Nhưng cụ có nghị lực hơn có sức lực. Đi được mấy bước, cụ dừng lại nữa. Cụ nói:

- Ông phải nghỉ một tí. Ông kiệt sức rồi.

Quăng ấy có một hàng giậu, có cổng mở. Một đồng phân bón to vun thẳng lên, cao hơn hàng giậu. Người ta thường thấy những đồng phân như thế trong mấy vườn trồng rau. Gió thổi qua đồng phân làm khô lớp rơm phủ mặt và vung vãi xuống đường khá nhiều, thành một lớp dày ở ngay dưới chân giậu. Cụ Vi-ta-li nói:

- Để ông ngồi xuống chỗ này.

- Ông có nói hễ ta ngồi xuống thì ta sẽ rét cóng đi và không bao giờ đứng dậy được nữa cơ mà ?

Không trả lời, cụ ra hiệu bảo tôi dồn đồng rơm vào sát cửa và cụ để rơi người xuống cái ổ rơm ấy chứ không phải là ngồi xuống. Răng cụ đánh vào nhau cầm cập, toàn thân cụ run lẩy bẩy. Cụ nói :

- Mang thêm rơm lại đây. Đồng phân sẽ che gió cho chúng ta.

Che gió thì đúng, nhưng đồng phân không che được rét. Tôi cố hết sức thu nhặt rơm, dồn lại cho cụ Vi-ta-li. Xong tôi đến ngồi bên cạnh cụ. Cụ bảo:

- Cháu dịch sát vào người ông đi, và ôm lấy con Ca-pi vào lòng. Nó sẽ san cho cháu một ít hơi ấm !

Cụ Vi-ta-li là người từng trải, cụ biết rằng trong hoàn cảnh chúng tôi lúc bấy giờ, cái rét có thể làm chết người như chơi. Cái việc cụ làm như vậy chứng tỏ là cụ đã hoàn toàn kiệt sức.

Đúng là cụ đã kiệt sức. Mười lăm hôm nay, ngày nào cụ cũng gồng gổ quá sức mình. Cho nên khi cái mệt

nhọc hôm nay chống lên bao nhiêu sự nhọc nhằn mấy hôm trước thì sức cụ đã quy, không gượng được nữa. Đã già yếu, lại gắng sức quá còn thêm đói khát thiếu thốn đủ điều, cụ đã kiệt quệ.

Cụ tự lượng biết sức mình chẳng ? Điều đó không bao giờ tôi biết được. Chỉ thấy khi tôi cuốn rơm vào người và dịch sát bên cụ, thì cụ cúi xuống mặt tôi và hôn tôi. Đó là lần thứ hai cụ hôn tôi và cũng là lần cuối cùng.

Rét ít thì thường làm cho người bị rét khi vào giường cứ run và không ngủ được. Rét nhiều và kéo dài thì lại làm cho người bị rét ở giữa trời mê man tê liệt.

Đó là trường hợp của chúng tôi. Tôi vừa nép vào người cụ Vi-ta-li thì mắt riu lại, cơ thể rã rời. Cố mở mắt không được, tôi tự cấu vào tay tôi rất mạnh. Nhưng da thịt tôi cũng tê dại cả rồi, cho nên cấu hết sức mới thấy hơi đau một tí. Tuy vậy tôi cũng hơi tỉnh lại một chút và nhìn nhận tình hình được phần nào. Cụ Vi-ta-li tựa lưng vào cổng ngồi thở hổn hển, thở rất mệt nhọc, hơi thở ngắn và dồn dập. Con Ca-pi thì ngồi lên đùi tôi, vùi đầu trong ngực tôi mà ngủ. Trên đầu chúng tôi, gió vẫn thổi làm rơi rơm lên người thấy trò chúng tôi, như những chiếc lá khô lìa cành. Ngoài đường không có một bóng người. Gần, xa, chung quanh chúng tôi cảnh vật trầm mặc và vắng lặng như ở cõi chết.

Cảnh vắng lặng ấy khiến cho tôi đâm sợ. Sợ gì? Tôi không biết. Một nỗi sợ hãi mơ hồ lẫn với một nỗi buồn vô hạn làm cho nước mắt tôi chảy giàn giụa. Tôi cảm thấy hình như tôi sắp chết tại chỗ này.

Nghĩ đến sự chết chóc, tôi lại nhớ làng Sa-va-nông. Má Bác-bơ-ranh tội nghiệp, má ơi ! Con chết mà không thấy mặt má, không được nhìn lại ngôi nhà mẹ con mình, mảnh vườn nhỏ của con ! Trí tưởng tượng của tôi mới ngông cuồng làm sao ! Mới nghĩ như thế, tôi đã thấy mình trở về đứng trong khoảng vườn: mặt trời sáng rực, tươi vui, ấm áp; cây trường thọ nở những nụ hoa vàng; chim sáo hót trong bụi; trên hàng rào gai, má Bác-bơ-ranh đang phơi những quần áo vừa giặt ở con suối róc rách trên sỏi.

Bỗng nhiên, trí của tôi lại rời bỏ Sa-va-nông để đến thuyền Thiên Nga. Ác-tơ ngủ trên giường. Bà Mi-li-gơn còn đang thao thức, nghe tiếng gió gào, bà tự hỏi không biết trong cơn rét mướt thế này, thằng Rê-mi phiêu dạt nơi đâu.

Rồi mắt tôi riu lại, tim tôi liệt dần, tôi cảm thấy mình dương ngắt đi.

19

LI-DƠ

Khi tôi thức dậy thì thấy mình nằm trên giường và một ngọn lửa lớn làm sáng cả gian phòng.

Tôi nhìn quanh bốn phía.

Tôi chưa hề đến cái phòng này. Tôi cũng không quen ai trong đám người vây quanh tôi: một người đàn

ông mặc áo xám đi guốc màu vàng và ba bốn trẻ em, trong đó có một em gái năm, sáu tuổi. Em bé trở mắt nhìn tôi. Mắt nó lạ lắm, mắt nó biết nói.

Tôi nhòe dậy. Mọi người vốn vờ xúm quanh tôi.

Tôi hỏi:

- Cụ Vi-ta-li ? .

Một thiếu nữ, chừng như là chị cả của mấy đứa em bé ấy nói:

- Nó hỏi bố nó.

- Không phải bố, đó là chủ tôi. Cụ ấy đâu rồi ? Ca-pi đâu ?

Giá như cụ Vi-ta-li là cha tôi thì chắc họ sẽ dè dặt hơn khi báo tin về cụ. Nhưng cụ chỉ là ông chủ, cho nên người ta cho rằng có thể nào cứ nói thế ấy cho tôi nghe. Và họ cho tôi biết sự thể như sau:

Cái cổng mà chúng tôi nấp là nhà một người trồng hoa. Vào khoảng hai giờ đêm, người trồng hoa mở cửa để đi chợ thì thấy chúng tôi nằm dưới rơm. Ban đầu người ta bảo chúng tôi đứng dậy để lấy lối cho xe ra. Khi thấy cả hai chúng tôi đều không nhúc nhích mà chỉ có con Ca-pi sủa yang ư để bảo vệ chúng tôi thì người ta nắm cánh tay chúng tôi mà lắc. Chúng tôi cũng không động dậy tí nào. Thế là người ta mang đèn đến. Xem xét xong người ta biết rằng cụ Vi-ta-li đã chết, chết rết còn tôi thì không hơn gì cụ mấy tí. Tuy nhiên nhờ có con Ca-pi nằm trên ngực cho nên tim tôi còn nóng và

tìm tôi còn thở thoi thóp. Tức khắc họ mang tôi vào nhà, đánh thức chủ bé ngủ trên giường này dậy và đặt tôi nằm vào đó. Tôi nằm sáu tiếng đồng hồ liền, y như người chết. Rồi huyết mạch lại tuần hoàn, sự hô hấp dần dần bình phục và vừa rồi tôi đã hồi tỉnh.

Mặc dù thể xác và tinh thần rã rời, tê liệt, tôi cũng còn đủ tỉnh táo để hiểu biết tầm quan trọng của câu chuyện người ta kể. Cụ Vi-ta-li chết rồi !

Người kể câu chuyện ấy là người đàn ông mặc áo xám, tức là người chủ vườn. Khi ông kể thì cái em bé gái có đôi mắt như ngạc nhiên ấy không ngớt nhìn tôi. Khi nghe bố nói cụ Vi-ta-li chết thì nhờ khiếu trực cảm nhạy bén nên có lẽ em hiểu, em cảm thấy cái tin ấy sẽ làm cho tôi xúc động. Em vội vã bước lại gần bố, để một tay lên bố, một tay chỉ tôi. Em phát ra một thứ tiếng lạ lùng, không phải là lời nói mà một cái gì giống như một tiếng thở dài âu yếm và xót thương.

Cử chỉ của em bé ý nghĩa của nó rất rõ ràng, không cần phải có lời nói kèm theo mới hiểu. Tôi cảm thấy trong cử chỉ ấy và trong cái nhìn của em có một sự thông cảm tự nhiên. Từ khi chia tay với Ác-tơ, lần này là lần đầu lòng tôi tràn ngập triu mến và tin yêu. Ngày trước mỗi khi má Bác-bơ-ranh nhìn tôi trước khi ôm tôi vào lòng, tôi cũng có cảm giác y như thế. Cụ Vi-ta-li chết rồi, cụ bỏ mặc tôi lạc loài, nhưng nhờ có cảm tình của em bé, tôi cảm thấy tôi không đến nỗi cô đơn, dường như cụ vẫn ở bên cạnh tôi vậy.

Ông bố cúi xuống mặt con, nói:

- Phải đấy, bé Li-dơ của bố ạ ! Nói ra thì em ấy buồn, nhưng cũng phải nói thật cho nó biết chứ ! Chúng ta không nói thì ở Sở cảnh sát họ cũng nói.

Ông nói thế rồi tiếp tục kể cho tôi nghe người ta đi báo với cảnh sát thế nào, cảnh sát mang cụ Vi-ta-li đi thế nào, trong khi gia đình ông đem đặt tôi vào giường của anh A-lơ-xi là con trai lớn nhất của ông. Khi ông dứt lời thì tôi hỏi:

- Còn Ca-pi ?

- Ca-pi ?

- Vâng, con chó Ca-pi ?

- Bác không biết. Nó biến đâu mất.

- Nó chạy theo cái cang mang cụ già đi. - Một đứa trẻ nói.

- Con trông thấy nó, hử Bãng-gia-manh ?

- Đúng thế. Nó cúi gầm đầu, đi theo sát gót những người khênh, chốc chốc lại nhảy lên cang. Mỗi khi người ta đuổi nó xuống thì nó kêu những tiếng thảm thiết nghe như những tiếng gào nghẹn trong cổ.

Thương hại thay con Ca-pi ! Nó đã bao lần đưa đám con Déc-bi-nô, đưa đám để mà cười thôi. Và như một diễn viên lành nghề, nó lấy điệu bộ của một người khóc lóc, chốc chốc lại buông một tiếng thở dài náo nức, làm cho những đứa trẻ rầu rĩ nhất cũng phải ôm bụng mà cười. Thế mà lần này...

Bây giờ ông chủ vườn và mấy người con ông đã đi ra hết. Tôi đứng lên, cũng không biết để làm gì nữa. Cây đàn của tôi đặt tựa chân giường. Tôi lấy đàn, quàng dây lên vai rồi bước sang phía buồng mà ông chủ vườn và mấy người con ông vừa rút sang. Tất nhiên tôi phải đi thôi, nhưng đi đâu ?... Tôi không biết đi đâu, chỉ cảm thấy rằng phải đi... Và lại cụ Vi-ta-li dù chết, dù sống, tôi cũng phải gặp lại cụ. Cho nên tôi ra đi.

Ở trên giường, lúc thức dậy, tôi không thấy khó chịu cho lắm. Tôi chỉ mệt mỏi thôi và thấy đầu nóng dữ lắm. Nhưng đến lúc đứng lên, tôi lão đảo suýt ngã, phải vịn vào một chiếc ghế mới gượng được. Tuy vậy nghỉ một lát lại thấy đỡ, tôi xô cửa và thế là đã đứng trước mặt bố con ông chủ vườn. Họ ngồi quanh bàn, cạnh một lò sưởi cao đun lửa và họ ăn xúp, một thứ xúp bắp cải trông ngon quá.

Mùi xúp xông thẳng vào gan ruột một cách đột ngột nhắc tôi rằng cả ngày hôm qua tôi không ăn gì ráo. Tôi là người đi, đứng không vững nữa. Sự đau đớn ấy chắc cũng hiện lên nét mặt. Người chủ vườn lấy làm thương hại hỏi:

- Cháu khó ở hay sao thế ?

Tôi đáp rằng quả tôi thấy trong người khó chịu và nếu ông chủ vui lòng, thì tôi xin phép ngồi lán lại một lát bên cạnh lò sưởi.

Nói vậy chứ tôi có cần lửa ấm ấm nữa đâu, tôi cần cái ăn kia ! Lửa ấm không làm cho tôi lại sức mà mùi

xúp, tiếng thìa chạm trên đĩa, tiếng lưỡi khuấy khiến tôi yếu lả thêm. Tôi không đủ can đảm để hỏi xin một thìa xúp. Cụ Vi-ta-li không tập cho tôi ngửa tay xin bao giờ, và trời cũng không sinh tôi ra kiếp ăn mày. Thà tôi chết vì đói còn hơn là mở miệng nói: “Tôi đói”. Tại sao vậy ? Tôi không biết. Có lẽ tại tôi chỉ muốn hỏi cái gì tôi có thể trả lại được mà thôi.

Cái em bé có đôi mắt lạ lùng, em bé không nói được mà người bố gọi là Li-dơ ấy, em bé ấy ngồi đối diện với tôi. Em không ăn. Em nhìn tôi thao láo, không cúi đầu, quay mặt lúc nào. Bỗng dưng em đứng lên, bưng đĩa xúp đầy của em đặt lên đùi tôi. Không nói được vì lả, tôi đưa tay một cách yếu ớt ra hiệu từ chối với em, nhưng ông bố em không để cho tôi kịp từ chối. Ông nói:

- Cứ nhận đi, cháu ạ ! Con Li-dơ nó biểu ai cái gì thì cũng thực lòng thực dạ cả. Và nếu cháu không chê thì hết đĩa ấy ta múc đĩa nữa.

Lại có chê ! Tôi ngón đĩa xúp trong nháy mắt. Li-dơ vẫn đứng trước mặt tôi, nhìn tôi chòng chọc. Khi tôi để thìa xuống thì em kêu lên một tiếng nhỏ, tiếng kêu lần này không phải là tiếng thở dài nữa, mà là tiếng reo vui. Rồi em cầm đĩa đưa cho bố để bố em múc xúp. Khi đầy đĩa thì Li-dơ bưng lại cho tôi với một nụ cười. Nụ cười của em dịu dàng quá, ngụ ý khuyến khích quá đến nỗi đương đói như thế mà tôi cảm động lặng người đi một lát quên đỡ lấy đĩa xúp.

Cũng như lần trước, đĩa xúp cạn nhanh như chớp. Mấy đứa bé vẫn theo dõi tôi bây giờ không mỉm cười

nữa. Chúng cười thực sự, cười toét miệng. Người làm vườn buột miệng:

- Ái chà ! Cháu ạ, cháu là một cây xúp.

Tôi xấu hổ quá, nóng bừng cả mặt lên. Nhưng rồi tôi nghĩ thà rằng nói hết sự thực còn hơn là để cho người ta cho mình là đứa phàm ăn. Tôi bèn nói hôm qua không ăn tối.

- Còn trưa ?

- Cũng không ăn trưa.

- Thế ông chủ cháu thế nào.

- Cũng nhịn như cháu.

- Thế thì cụ ấy vừa chết rét vừa chết đói.

Mấy đĩa xúp làm cho tôi hồi sức. Tôi vùng đứng dậy để cáo từ. Ông chủ vườn hỏi:

- Cháu định đi đâu ?

- Tìm cụ Vi-ta-li để nhìn mặt cụ lần nữa.

- Nhưng cháu không biết hiện giờ cụ ấy ở đâu kia mà?

- Vâng, đúng thế !

- Cháu có bạn bè gì ở Pa-ri không ?

- Không !

- Người đồng hương đồng quận ?

- Cũng không !

- Cháu trọ ở đâu ?

- Không có chỗ trọ. Thầy trò cháu mới đến Pa-ri hôm qua.

- Cháu định làm gì ?

- Đánh đàn, ca hát để sinh sống.

- Ở đâu ?

- Ở Pa-ri.

- Tốt hơn hết là cháu trở về xứ sở với cha mẹ cháu. Cha mẹ cháu ở đâu ?

- Cháu không có cha mẹ.

- Cháu có nói ông cụ râu bạc ấy không phải là cha cháu ?

- Vâng, cháu không có cha. Nhưng cụ Vi-ta-li không khác gì là cha cháu.

- Thế còn mẹ cháu ?

- Cháu không có mẹ.

- Cháu phải có một ông chú, ông cậu, bà cô, bà dì, một người anh em, chị em, họ hàng thân thích gì chứ ?

- Không, không ai cả.

- Thế cháu từ đâu đến ?

- Ông chồng bà mẹ nuôi cháu đã bán cháu cho cụ chủ cháu. Bác tốt với cháu quá. Cháu hết sức cảm ơn bác. Nếu bác cho phép thì chủ nhật tới cháu sẽ trở lại

dây đánh đàn cho bác và mấy anh mấy chị nhảy, nếu bác cũng thích giải trí.

Tôi vừa nói vừa đi lại phía cửa. Nhưng vừa đi được mấy bước thì Li-dơ đi theo, nắm tay tôi lại, chỉ cây đàn và cười nụ. Rõ ràng lắm rồi, không thể nhầm được !

- Cô muốn tôi đánh đàn cho nghe ?

Li-dơ gật đầu và vỗ tay vui vẻ. Ông bố nói :

- Ừ, ừ được đấy. Cháu đánh một bài cho em nó nghe đi!

Tôi đặt cây đàn xuống và dù không còn bụng dạ nào để đàn địch nhảy múa, tôi cũng đánh một điệu van, điệu sở trường, điệu mà mấy ngón tay tôi đánh thành thạo nhất. Chao ôi ! Tôi muốn đánh làm sao thật hay, hay như cụ Vi-ta-li để làm đẹp lòng cô bé mà đôi mắt đã khiến cho tôi cảm kích một cách êm đềm.

Lúc đầu Li-dơ vừa nghe vừa nhìn tôi chăm chăm. Rồi em lấy chân đánh nhịp. Lát sau, bị âm nhạc lôi cuốn, em xoay tròn trong nhà bếp, trong khi cô chị cả và hai anh ngồi xem. Em không khiêu vũ, đành thế, em không bước được những bước đúng đắn của điệu nhảy, nhưng em quay vòng rất uyển chuyển, gương mặt hơn hở tươi cười.

Ngồi bên lò sưởi, ông bố cứ nhìn theo con. Ông có vẻ cảm động và ông vỗ tay không ngắt. Khúc nhạc chấm dứt, tôi vừa ngừng tay đàn thì Li-dơ đến đứng trước mặt tôi một cách rất đáng yêu và nghiêng đầu chào tôi bằng một kiểu chào rất đẹp. Rồi tức thời em gõ gõ vào cây đàn, ra hiệu cho tôi đàn nữa.

Tôi có thể đánh đàn suốt ngày vì em mà vẫn thích. Nhưng ông bố bảo bấy nhiêu là vừa, bởi vì ông không muốn cho cô bé quay nhiều quá, mệt người. Bởi thế, tôi không đánh vũ khúc nữa, tôi hát bài hát vùng Na-pơ mà cụ Vi-ta-li đã bày cho tôi.

Cửa sổ thấp mà chủ lầu khắc nghiệt.

Khiến bao phen tôi héo hắt thần thờ.

Trái tim tôi nóng bừng trăm nến thấp

Mà lạnh lòng, người đẹp vẫn thờ ơ...

Bài hát ấy đối với tôi cũng như bài “Mấy trảng sĩ quê tôi” trong vở ca kịch “Rô-be thành quí” đối với danh ca Nua-rít hay bài “Theo ta” trong vở ca kịch “Guy-ôm Ten” đối với danh ca Duy-pơ-rê. Nghĩa là bài tử, bài mà khi hát lên, tôi được hoan nghênh hơn hết. Điệu nhạc nó êm ái và u hoài, phảng phất một cái gì âu yếm làm xao xuyến lòng người.

Tôi vừa dạo vài tiếng đã thấy Li-dơ đến đứng trước mặt, mắt dán vào mắt tôi, môi mấp máy như muốn thầm lặp lại những câu tôi hát. Khi điệu hát trở nên buồn, em lùi mấy bước, đến đoạn cuối cùng thì em úp mặt vào đầu gối bố, khóc tấm tấ. Ông bố bảo:

- Thôi, thôi !

Một người anh của em, anh Bằng-gia-manh, nói:

- Con bé ngốc lạ ! Nó vừa nhảy múa xong lại khóc ngay.

- Chưa ngốc bằng mày ! Con Li-dơ nó hiểu đấy - Cô chỉ nói thế và cúi xuống hôn Li-dơ.

Trong khi Li-dơ ôm gối bố khóc thì tôi mang cây đàn lên vai và tiến lại phía cửa.

- Cháu đi đâu bây giờ ?- Ông bố hỏi ?

- Cháu đã thưa với bác rồi, cháu sẽ cố tìm cách nhìn mặt cụ Vi-ta-li lần chót, rồi sau đó, làm những cái cụ đã dạy cho cháu là đánh đàn và hát.

- Cháu quý cái nghề đàn hát rong của cháu lắm nhĩ?

- Cháu không có nghề khác.

- Cháu không ngại kiếp sống đường sống chợ à?

- Cháu không có nhà cửa.

- Cái đêm vừa qua không làm cho cháu suy nghĩ hay sao ?

- Có chứ ! Tất nhiên là cháu thích một chiếc giường êm, một bếp lửa ấm hơn.

- Cháu muốn có những thứ ấy không ? Giường êm, lửa ấm và dĩ nhiên là lao động nữa. Nếu cháu bằng lòng ở lại thì cháu cùng làm việc và cháu cùng ăn ở với bố con bác. Cháu hiểu không ? Cháu có hiểu là điều bác hứa với cháu thì không phải là cảnh giàu sang, cũng không phải là chuyện ăn không ngồi rồi. Cháu mà nhận lời thì cháu cũng phải chia phần lao lực, phải chịu thương chịu khó, phải dậy sớm, cuốc đất cả ngày, lấy mồ hôi đổi lấy miếng bánh. Nhưng mà cái sống của

cháu thì đảm bảo cháu khỏi phải chịu cảnh màn trời chiếu đất như đêm hôm qua, cũng không lo cái nạn chết đường chết sá. Tối đến đã có sẵn giường sẵn nệm chờ cháu trong phòng và khi ngồi ăn đĩa xúp, cháu sẽ có cái thú hưởng cái của tự mình làm ra. Điều đó sẽ làm cho cháu thấy đĩa xúp ngon hơn, bác cam đoan là thế. Sau hết, nếu cháu là một chú bé ngoan và bác đã bắt đầu cảm thấy như thế thì gia đình này sẽ là gia đình của cháu.

Li-dơ quay lại và mỉm cười với tôi qua làn nước mắt.

Cái việc ông chủ vườn đề nghị thật là bất ngờ quá! Tôi không hiểu hết những lời nói của ông nên đứng tần ngần một lúc.

Bấy giờ Li-dơ rời bố, đi lại gần tôi, nắm tay tôi dặt ra trước một bức tranh treo trên tường. Tranh vẽ hình ông thánh Giăng mang tấm da cừu.

Em ra hiệu cho bố và các anh nhìn lên tranh, đồng thời em đặt bàn tay lên người tôi, vuốt vuốt tấm da cừu. Rồi em chỉ tay lên tóc tôi, mái tóc tôi, như tóc thánh Giăng, cũng rẽ làm hai từ trán. Tôi biết em thấy tôi giống thánh Giăng. Không hiểu sao điều ấy khiến tôi lâng lâng cảm động.

- Đúng rồi ! - Ông bố nói - Đúng là chú ấy giống thánh Giăng.

Li-dơ vỗ tay cười.

Ông chủ vườn trở lại với đề nghị của ông:

- Này cháu, thế cái chuyện ấy cháu xem có được không nào ?

Có gia đình !

Ta cũng sẽ có gia đình ư ! Ôi ! Đã bao nhiêu lần cái mơ ước ta thường ấp ủ ấy tan vỡ ! Ta đã lần lượt mất má Bác-bơ-ranh, rồi bà Mi-li-gon, rồi cụ Vi-ta-li.

Thế này thì ta sẽ khỏi hưu quanh cô đơn !

Tình cảnh của tôi lúc bấy giờ thật là bi đát. Cái người mấy năm nay ở luôn bên cạnh tôi, người ấy vừa qua đời. Cùng lúc ấy tôi lại mất một người bạn đồng hành, người bạn đồng phòng, người bạn thân, người bạn tốt Ca-pi mà tôi yêu mến và nó cũng yêu mến tôi không kể xiết. Tuy nhiên khi ông chủ vườn ngỏ ý muốn tôi ở lại thì tôi cũng thấy tin tưởng.

Như thế này thì đi đâu phải đã lâm vào cảnh trời cùng đất tận ! Tôi còn có thể sống lại với đời. Điều làm cho tôi cảm động hơn cả việc được đảm bảo cái ăn hàng ngày, là cái không khí hòa thuận êm đềm trước mắt và cái cảnh gia đình ấm cúng mà người ta hứa hẹn với tôi.

Những anh con trai này sẽ là anh em tôi. Cái cô bé Li-dơ xinh xắn này sẽ là em gái tôi.

Trong những giấc mộng vàng của tuổi thơ, tôi thường mừng tượng gặp mẹ, gặp cha, chứ chưa bao giờ dám nghĩ đến anh trai, em gái. Thế mà nay lại có.

Không phải là ruột rà máu mủ, nhưng gần gũi thân thích với nhau lâu ngày rồi cũng trở thành anh em.

Muốn thế chỉ cần thương yêu họ, điều đó tôi rất sẵn sàng; và làm cho họ thương yêu mình, cái đó chắc cũng không khó vì trông họ đều tốt bụng cả.

Tôi nhanh nhẹn cởi dây đàn treo trên vai xuống. Ông bố cười, bảo:

- Đó là một cách trả lời và trả lời tốt. Người ta hiểu rằng cách giải quyết như thế là vừa ý cháu. Cháu hãy mắc dây đàn trên cái đàn kia. Chẳng nào cháu thấy không thích ở đây nữa thì cháu sẽ lấy nó xuống mà bay nhảy. Có điều là cháu sẽ bắt chước con chim oanh, con chim én, chọn thời tiết mà lên đường.

- Cháu chỉ đi một lần thôi - tôi nói - đi viếng cụ Vita-li.

- Cái đó đúng quá - Ông chủ vườn nhân hậu đáp.

Cái nhà này thuộc khu Gơ-la-xi-e, và ông chủ nhà tên là A-canh. Gia đình gồm có năm người, người bố mà người ta gọi là bác Pi-e, hai trai là A-lơ-xi, Băng-gia-manh, hai gái là Ê-chiên-nét, chị cả, và Li-dơ, em út.

Li-dơ câm, nhưng không phải câm từ lúc sơ sinh, nghĩa là bệnh câm của em không phải là hậu quả của bệnh điếc. Em đã biết nói trong hai năm, cho đến khi sắp được ba tuổi tròn mới hóa câm do hậu quả của mấy cơn kinh giật. Cái tai nạn ấy may sao không ảnh hưởng tới trí thông minh của em; trái lại trí thông minh ở em đã phát triển nhanh sớm một cách phi thường. Không những em hiểu hết mà em còn thổ lộ, còn diễn đạt được hết.

Trong những gia đình nghèo và ở cả những gia đình không nghèo, lắm khi những đứa con có tật nguyên lại bị bỏ bê, hoặc bị hắt hủi. Nhưng tình trạng ấy không xảy ra đối với Li-dơ. Vì ngộ nghĩnh, linh hoạt, vì tính tình đảm thắm dịu dàng, vì tấm lòng tốt của em luôn luôn bộc lộ, em đã thoát khỏi số phận hẩm hiu ấy. Hai anh trai của em thì rất độ lượng đối với em chứ không làm tình làm tội em về cái khoản tật nguyên đó; bố em chỉ nhìn thấy có em; chị cả Ê-chiên-nét thì quý chuộng em.

Ngày xưa, người con đầu lòng có quyền lợi lớn trong gia đình quý tộc. Ngày nay, trong gia đình thợ thuyền, làm con gái đầu lòng là thừa kế một trách nhiệm nặng nề. Sau khi sinh Li-dơ được một năm, bà A-canh chết, và từ ngày ấy, Ê-chiên-nét đã đóng vai bà mẹ trong gia đình, mặc dù chị chỉ hơn các em kể có hai tuổi. Đáng lẽ là đi học thì chị phải ở nhà nấu ăn, khâu vá quần áo cho cha, cho em và bông bế bé Li-dơ. Mãi thế rồi mọi người cũng quên phắt chị là con gái, là chị mà quen coi chị là một người giúp việc. Mà đối với người giúp việc thì người ta chẳng cần câu nệ. Người ta biết rằng chị có bỏ mà đi đâu, mà cũng chẳng giận hờn gì.

Ê-chiên-nét bế bé Li-dơ, dắt Băng-gia-manh, làm việc quần quật suốt ngày, dậy lúc trời chưa sáng để nấu xúp cho bố ăn đi chợ kịp buổi, thức đến đêm khuya để dọn dẹp cất đặt mọi thứ sau bữa tối, đem quần áo các em giặt ở máng nước. Mùa hè, được phút nào hở tay thì chị lo tưới rau; mùa đông đương đêm chị thường thức dậy mang tranh rạ ra che dậy cho cây khi đột nhiên có băng giá. Mãi làm những công việc ấy, Ê-chiên-nét

không có thì giờ vui đùa nô giỡn, sống tuổi trẻ thơ. Mới mười bốn tuổi, mặt mày chị đã mang vẻ dăm chiêu như người ba mươi năm, chỉ có khác là có ánh một vẻ dịu hiền nhẫn nại.

Tôi treo cây đàn lên chiếc đàn rồi kể cho cả nhà nghe chúng tôi đi Giảng-ti-li như thế nào. Chưa được dăm phút thì tôi nghe ở phía ngoài cửa mở ra vườn có tiếng cào cào và tiếp sau có một tiếng sữa rên rĩ. Tôi đứng phất dậy nói:

- Con Ca-pi rồi! Nhưng em Li-dơ đã nhanh chân hơn tôi, chạy ra mở cửa. Con chó đáng thương nhảy vào người tôi. Tôi bế nó lên tay thì nó liếm mặt mày tôi và reo mừng ăng ăng. Toàn thân nó run lên. Tôi hỏi ông A-canh:

- Còn Ca-pi thì thế nào ?

Ông hiểu ý tôi, đáp:

- Con Ca-pi ư ? Thì nó cứ ở lại đây với cháu !

Hình như con chó cũng hiểu. Nó nhảy xuống đất, đưa chân phải lên ngực chào mọi người. Bọn trẻ thích chí cười vang nhất là Li-dơ. Để mua vui cho các anh các chị ấy, tôi định bắt Ca-pi diễn một tiết mục. Nhưng nó không chịu. Nó nhảy trở lên gối tôi và lại mơn trớn tôi. Rồi thì nó nhảy xuống cắn tay áo tôi mà lôi. Tôi nói:

- Nó làm thế là đúng đấy, nó muốn cháu đi.

- Để theo nó đến với cụ chủ cháu, phải rồi !

Những người cảnh sát mang cụ Vi-ta-li đi có nói rằng họ cần hỏi cung tôi, một khi tôi đã được sưởi ấm

và hồi tỉnh lại. Họ bảo nội nhật hôm đó, họ sẽ trở lại. Nhưng ngồi mà chờ họ thì sốt ruột quá, và đã chắc gì. Tôi thấp thỏm mong tin cụ Vi-ta-li. Biết đâu cụ không chết như người ta đoán ! Tôi chả sống đây là gì ? Cụ cũng có thể hồi tỉnh lại như tôi ấy chứ ?

Thấy tôi băn khoăn và đoán biết lý do vì sao tôi băn khoăn, ông chủ vườn đưa tôi đến sở cấm. Ở đây người ta hỏi tôi dồn dập nhiều câu hỏi. Khi người ta cam đoan với tôi rằng cụ Vi-ta-li chết rồi, tôi mới chịu trả lời. Những điều tôi biết về cụ Vi-ta-li đơn sơ lắm, và cứ biết sao tôi nói vậy. Nhưng ông cấm thì muốn biết nhiều hơn, cho nên ông gạn hỏi tôi rất lâu về cụ Vi-ta-li và về tôi.

Về tôi thì tôi trả lời rằng tôi không còn cha mẹ họ hàng gì cả mà cụ Vi-ta-li đã muốn hỏi tôi với người chồng của bà mẹ nuôi tôi; số tiền muốn cụ đã trả trước. Ông cấm hỏi:

- Thế từ nay thì sao ?

Nghe câu ấy, ông chủ vườn đỡ lời tôi:

- Từ nay thì chúng tôi xin nhận đảm đương lấy nó, nếu ông sẵn lòng giao nó cho chúng tôi.

Không những ông cấm sẵn lòng giao tôi cho ông chủ vườn, ông còn khen ngợi ông chủ vườn về cử chỉ nhân đạo của ông ấy là khác.

Xong phần tôi thì phải trả lời đến những câu hỏi về cụ Vi-ta-li. Việc này không dễ vì tôi có biết gì cho lắm về cụ Vi-ta-li đâu ! Tuy vậy cũng có một điều bí ẩn có

thể phát giác: đó là cái việc cụ Vi-ta-li đã hát thế nào mà bà thượng lưu phải kinh ngạc và khâm phục trong đêm biểu diễn cuối cùng của chúng tôi. Còn những lời dọa dẫm của Ga-rô-phô-li nữa, nhưng tôi tự hỏi có nên giấu bớt chuyện ấy không. Cái điều bình sinh cụ chủ tôi hết sức giữ bí mật thì sau khi cụ chết rồi có nên tiết lộ ra không?

Nhưng đứng trước một viên cảnh sát, thì một thằng nhóc con như tôi có dễ gì giấu giếm ! Họ có một cách gạn hỏi làm sao cho mình hễ muốn tránh trốn thì y như rằng càng chổng mắc vào tròng. Đó là trường hợp của tôi. Chưa đầy năm phút, ông đã bắt tôi khai trọn cái điều tôi muốn giấu mà ông thì ưng biết.

Ông bảo một nhân viên của ông:

- Bây giờ thì chỉ cần đưa em này đến nhà gã Ga-rô-phô-li. Đến phố Luốc-xin, nó khắc nhận ra nhà thằng cha ấy. Chừng ấy, anh lên gác với nó và anh hỏi gã Ga-rô-phô-li.

Viên cảnh sát, ông chủ vườn và tôi, cả ba cùng ra đi. Cũng như ông cảnh sát đã nói, tôi tìm ra nhà Ga-rô-phô-li khá dễ dàng. Chúng tôi lên tầng gác thứ tư. Tôi không gặp Mát-chi-a, có lẽ nó đi bệnh viện thật. Trông thấy một viên cảnh sát, lại nhận ra tôi, thằng Ga-rô-phô-li tái mặt. Hẳn là nó lo sợ lắm. Nhưng khi nó nghe chính miệng người cảnh sát nói lý do vì sao chúng tôi đến thì nó bình tĩnh ngay. Nó nói:

- Ô ! Thế ra cái ông lão tội nghiệp ấy đã chết rồi!

- Anh biết ông cụ ấy?

- Biết lắm.

- Thế thì anh hãy nói những điều anh biết.

- Có khó khăn gì ! Ông cụ không phải tên là Vi-ta-li. Ông cụ tên là Các-lô Ban-da-ni. Nếu trước đây ba mươi năm bốn mươi năm, ông ở I-ta-li-a, thì chỉ nghe cái tên ấy, ông đủ biết ngay cái người mà ông lo tìm tung tích thế nào. Thuở ấy, Các-lô Ban-da-ni là danh ca nổi tiếng nhất trong toàn cõi I-ta-li-a, và thành tích của ông trên các sân khấu ở nước chúng tôi thật là lừng lẫy. Ông đã đi hát khắp nơi, Na-plơ, Rô-mơ, Mi-lăng, Vơ-ni-dơ, Phơ-rơ-răng-xơ, Lông-đơ-rơ, Pa-ri. Nhưng đến một lúc nào đó thì ông mất giọng. Không thể là ngôi sao sáng giá nhất giữa các nghệ sĩ được nữa thì ông cũng không muốn vào hát trong những rạp không xứng đáng với mình, để cho danh vọng của mình bị tổn thương. Bởi thế ông từ bỏ cái tên Các-lô Ban-da-ni và lấy tên Vi-ta-li. Ông lẩn tránh tất cả những người xưa kia đã từng biết ông trong thời oanh liệt. Tuy thế, cũng cần phải sinh sống, cho nên ông đã làm thử nhiều nghề, nhưng không thành công và cứ xuống dốc dần dần cho đến bước phải đi làm một anh xiếc chó. Nhưng trong cảnh cùng khổ, ông vẫn kiêu hãnh. Nếu công chúng mà biết cái người nghệ sĩ Các-lô Ban-da-ni lừng lẫy xưa kia bây giờ hoá nên ông cụ Vi-ta-li xơ xác, thì ông ta có thể chết đi được vì xấu hổ. Nhờ một sự tình cờ mà tôi biết được điều bí mật này.

Cái bí mật lâu nay làm cho tôi hết sức băn khoăn, ngày nay đã được giải đáp như thế đấy.

Nghệ sĩ Các-lô Ban-da-ni đáng thương ơi ! Cụ Vi-ta-li thân yêu và kính mến ơi ! Giá người ta có bảo xưa kia cụ đã từng làm vua một nước, thì cháu cũng chẳng lấy làm lạ chút nào !

20

TÔI LÀM VƯỜN

Người ta định sáng hôm sau thì chôn cất cụ Vi-ta-li và ông bố Li-dơ hứa sẽ dắt tôi đi đưa đám cụ.

Nhưng ngày hôm sau, thật ức quá ! Tôi không dậy được vì trong đêm tôi đã lên cơn sốt nặng. Thoạt đầu tôi rung mình ớn lạnh trong người, sau đó thấy nóng bừng. Tôi cảm thấy như có lửa nung trong ngực. Tôi nghĩ rằng tôi đã mắc bệnh y như con Giô-li-cơ sau cái đêm nó ngủ trên cây, dưới mưa tuyết.

Thật vậy, tôi sưng phổi nặng do bị cảm lạnh trong cái đêm mà cụ chủ đáng thương của tôi bỏ mạng. Chính trận sưng phổi ấy làm cho tôi nhận rõ lòng tử tế của gia đình ông A-canh, nhất là sự tận tâm của Ê-chiên-nét.

Mặc dù thường thường những người nghèo không ưa mời thầy thuốc mấy, nhưng vì tôi lên cơn kịch liệt quá, khủng khiếp quá, nên lần này nhà bác A-canh phải phá bỏ lệ cũ. Người thầy thuốc được mời đến không phải mất công khám nghiệm lâu, không cần hỏi

triệu chứng chi tiết, cũng nhận ra chứng bệnh tôi. Ông bảo ngay là phải đưa tôi đi bệnh viện. Cách đó thì tiện lợi và đỡ phiền phức. Tuy vậy ông A-canh không đồng ý. Ông nói:

- Thằng bé đã đến ngã trước cửa nhà chúng tôi chứ có phải trước cửa nhà thương làm phúc đâu. Bởi vậy chúng tôi phải giữ nó ở đây để chạy chữa cho nó.

Ông thấy thuốc dùng nhiều lời lẽ ân cần để đánh đổ cách lập luận theo thuyết tiền định ấy; nhưng những lời lẽ ấy không làm cho ông chủ vườn lung lay. Ông bảo nhất định phải giữ tôi ở nhà và ông đã giữ tôi ở nhà. Thế là ngoài công việc thường ngày, Ê-chiên-nét lại nhận thêm cái việc chăm sóc người bệnh. Chị dịu dàng và chăm sóc có phương pháp, luôn luôn kiên nhẫn và chu đáo. Khi chị phải rời giường tôi để làm việc nhà thì Li-dơ thay thế cho chị; lắm khi, trong lúc sốt tôi trông thấy em ngồi ở cuối giường mở đôi mắt to nhìn tôi lo ngại. Tinh thần hoảng loạn vì mê sảng, tôi tưởng em là thần hộ mệnh của tôi. Tôi nói với em những ước mơ, những ham muốn của tôi, như nói với thiên thần. Cũng từ lúc ấy mà đi, tôi quen coi em như một nhân vật thần kỳ, rạng ánh hào quang; tôi lấy làm ngạc nhiên thấy em sống như chúng tôi, ở giữa chúng tôi và tôi chờ cái phút mà em bay bổng lên với đôi cánh trắng to rộng.

Bệnh tình của tôi kéo dài và làm cho tôi đau đớn vật vã đêm ngày, đôi lúc lại đột ngột trở nặng. Cứ tình hình ấy dù là cha mẹ đẻ đi nữa cũng phải ngã lòng. Thế mà chị Ê-chiên-nét thì không hề bớt kiên nhẫn, bớt tận tâm. Nhiều đêm người nhà phải thức trông tôi bởi vì

ngực tôi nặng đến nỗi lúc nào cũng tưởng sắp bị nghẹt thở. Những lúc ấy, A-lơ-xi và Băng-gia-manh thay phiên nhau ngồi bên giường.

Cuối cùng tôi cũng bước vào giai đoạn bình phục. Nhưng vì bệnh kéo dài và hay trở chứng cho nên phải chờ cho đến khi mùa xuân trở về làm xanh những đồng cỏ khu Gờ-la-xi-e, tôi mới dám bước chân ra khỏi nhà. Bấy giờ thì em Li-dơ thay thế cho chị Ê-chiên-nét, vì em không phải làm lụng. Chính em đưa tôi đi dạo trên bờ sông Bi-e-vơ-rơ. Khoảng trưa, khi mặt trời ấm nhất thì chúng tôi ra đi. Tay nắm tay, Li-dơ và tôi thông thả đi bước một, con Ca-pi theo sau. Năm ấy mùa xuân êm dịu và đẹp dễ lạ. Cũng có lẽ sự thật không hoàn toàn như thế, nhưng cái cảm tưởng mà tôi giữ lại về mùa xuân ấy là thế thì có khác gì.

Cái khu nằm giữa tòa Nhà trắng và đồng Gờ-la-xi-e người Pa-ri ít biết đến. Người ta chỉ biết mơ màng đâu ở chốn ấy có một thung lũng nhỏ mà thôi. Vì con sông chảy qua thung lũng là sông Bi-e-vơ-rơ ở đoạn nó chảy qua khu công nghiệp Xanh Mac-xen chứ không phải trên bộ mặt tự nhiên của nó, khi nó chảy qua Va-ri-e hay Ron-gít.

Không biết bây giờ thì thế nào chứ thuở ấy thì sông Bi-e-vơ-rơ chảy dưới hai hàng liễu và bạch dương rậm rạp. Ở hai bên bờ, những đồng cỏ xanh trải ra thoải thoải cho đến tận chân mấy ngọn đồi nhỏ đằng xa, trên ấy nhà cửa chen với vườn tược. Mùa xuân cỏ tươi lên ngồn ngồn, và đây đó trên tấm thảm bích ngọc, hoa cúc

dại điểm những nụ trắng hình sao. Trên những cành liễu dương trở lá, trong các cây bạch dương đầy lộc ứ nhựa dẻo, lũ chim sáo, chim bạc má, chim mai hoa bay liệng chập chờn. Tiếng hát líu lo của chim chóc chứng tỏ rằng đây còn ở thôn quê chứ chưa vào thành thị.

Đấy, tôi nhìn thấy cái thung lũng ấy như thế đấy, và hình ảnh ấy mãi mãi về sau trong ký ức tôi vẫn còn tươi mới như thuở ban đầu. Nếu tôi là họa sĩ, tôi sẽ vẽ cho các bạn xem rặng bạch dương không sót một cây nào, cùng với những cây liễu to có những cây phúc bồn tử gai góc, rễ bám vào thân liễu cổ, lá vươn xanh rờn trên đầu ngọn liễu. Tôi sẽ vẽ những bờ nghiêng của mấy công sự, trên ấy chúng tôi co một chân và trượt một cách say sưa.

Tôi sẽ vẽ cái Đồi chim giê với chiếc cối xay gió, cái sân Xanh-tê-len với các chị thợ giặt, những xưởng thuộc da làm hôi bản nước sông và cái trại tá điền Xanh-tan-nơ; những người diên đại đáng thương trông trượt ở trại này thường đi qua một bên chúng tôi với nụ cười ngớ ngẩn, đôi tay buông xuôi, mặt mày nhăn nhó, đầu lưỡi thò ra ngoài cái miệng để hở.

Trong những cuộc đi chơi ấy, Li-dơ không nói năng gì, dĩ nhiên. Cái lạ là đến tôi cũng dăm ra không nói gì nốt, vì chúng tôi không cần nói nên lời, chỉ đọc trong mắt nhau thôi cũng đủ hiểu nhau, lâu dần thành quen.

Sức khỏe của tôi dần dần hồi phục, và đã đến lúc tôi làm vườn được. Bấy nay tôi sốt ruột trông cho mau đến cái ngày đó bởi vì tôi muốn mau chóng được làm bù

lại cho người ta những cái người ta đã làm cho mình ! Tôi muốn làm việc cho họ, cố gắng làm được chừng nào hay chừng ấy để đền đáp những cái họ đã cho tôi. Từ trước tới nay tôi chưa lao động bao giờ. Đi những đoạn đường dài cũng thật là mệt nhọc đấy, nhưng đó không phải là một thứ công việc liên tục đòi hỏi người ta phải bền bỉ và chăm chỉ. Tuy thế tôi vẫn tin rằng tôi sẽ lao động giỏi, hay ít nhất cũng đừng cảm lao động như những người chung quanh tôi.

Tiết này là tiết hoa yên chi bắt đầu được bày bán ở các chợ trong thành phố Pa-ri. Bác A-canh tiết này cũng trồng yên chi đầy vườn; thứ thì hoa đỏ, thứ hoa trắng, thứ hoa tím. Mỗi loại cùng nhau trồng thành từng khoảng cách dưới lồng kính, thành thử có những luống trắng lớp bên cạnh những luống đỏ rực trông rất đẹp mắt. Buổi chiều, khi chưa dậy lồng kính thì không khí ngan ngát mùi hoa.

Người ta đã liệu cất cho tôi một công việc vừa với sức yếu của tôi. Đó là việc gỡ những tấm cửa kính lên, buổi sớm khi sương giá đã tan, dậy lại buổi chiều khi sương giá sắp xuống, và khi nắng lên thì lấy rơm rải lên mặt kính để che cho yên chi khỏi bị nắng hun. Cái công việc ấy không khó, cũng không nhọc lắm, duy mất nhiều thời giờ vì có những mấy trăm tấm cửa phải đóng mở hàng ngày và phải coi chừng luôn để che cho mát hay đỡ cho quang tùy lúc nắng gắt hay dịu.

Trong khi tôi làm những việc ấy thì Li-dơ ở bên cái guồng múc nước tưới. Con ngựa già Cô-cốt mang mặt

na da che mắt đi vòng quanh mãi cũng có lúc đâm chán, nên bước chậm lại; mỗi lần như thế thì Li-dơ vút cây roi da để giục nó. Một trong hai anh của Li-dơ nghiêng gàu trút nước, những gàu nước do guồng máy kéo lên, còn anh kia thì giúp bố. Như vậy mỗi người đều có một phần việc và không ai để ổng phí thì giờ.

Tôi đã thấy người nông dân ở làng tôi làm việc nhưng tôi chưa hề tưởng tượng những người làm vườn vùng lân cận Pa-ri dùng cảm và cần mẫn như thế nào. Họ thức dậy trước khi mặt trời mọc, đi ngủ sau khi mặt trời lặn rất lâu. Cả một ngày dài dằng dẳng như thế, họ luôn luôn làm việc không tiếc sức, còn làm được chừng nào thì cứ làm. Tôi cũng từng thấy người ta trồng trọt từ lâu rồi, nhưng rồi tôi chưa hề lường được sản lượng của đất đai khi người ta làm việc không ngừng tay, không để cho đất nghỉ. Ở với bác A-canh tôi học tập được những điều ấy.

Người ta không bắt tôi phải mãi mãi chăm lo các lồng kính. Càng ngày tôi càng khỏe ra. Đã đến lúc tôi cũng được gieo trồng một cái gì xuống đất, điều ấy làm cho tôi rất vui sướng, càng vui sướng hơn nữa khi thấy những cây tôi gieo mọc lên. Cây ấy là công trình, là sự nghiệp, là kết quả sáng tạo của tôi, tôi kiêu hãnh vì nó. Thế là tôi cũng được việc đấy chứ, tôi cũng có ích đấy chứ ! Tôi đã chứng thực điều ấy, hơn nữa, tôi cảm thấy như thế, và tôi tự hào lạ ! Đúng thế các bạn ạ, cái cảm giác ấy làm cho mình quên hết bao nỗi khó nhọc.

Cách sống mới này tuy có nhọc nhằn hơn trước, tôi cũng chóng quen. Cảnh sống bây giờ khác hẳn với cái

đời lang thang của người xiếc rong ngày trước. Ngày trước tôi chạy nhảy tự do không phải làm lưng khò nhọc gì ngoài việc xăm xăm đi tới phía trước, trên các nẻo đường dài. Bây giờ phải ở trong vườn giữa bốn bức tường, phải làm việc vất vả từ sáng đến tối, áo đầm mồ hôi, hai tay xách hai thùng tưới nặng, chân giẫm trên các lối đi nhầy nhụa những bùn lầy. Nhưng mà xung quanh tôi, ai cũng làm việc vất vả như thế cả. Thùng tưới của ông bố nặng hơn thùng tôi, áo ông cũng ướt mồ hôi hơn áo chúng tôi. Gian khổ mà cùng chung chịu thì cũng thấy đỡ gian khổ đi nhiều. Vả lại ở đây, tôi được sống cái không khí gia đình êm ấm đã tưởng không bao giờ được hưởng. Tôi không còn lẻ loi, không phải là đứa trẻ bị vứt bỏ nữa. Tôi có giường riêng của tôi, tôi có chỗ ngồi của tôi ở bàn ăn gia đình. Cũng có đôi khi trong lúc làm việc, A-lơ-xi hay Băng-gia-manh bóp tôi một cái. Tay chúng buông xuống thì tôi cũng quên ngay, không giận gì chúng, cũng như chúng nó, chúng nó không nhớ không thù những cú đánh trả. Và buổi tối chung quanh nổi xúp nóng, chúng tôi lại là bạn, là anh em.

Nói cho đúng thì không phải lúc nào cũng chỉ có lao động vất vả. Chúng tôi cũng có những giờ phút nghỉ ngơi và giải trí, ngắn thì quả là ngắn, nhưng càng ngắn càng thú vị.

Ngày chủ nhật, xế trưa, chúng tôi quây quần dưới giàn nho kế tiếp hiên nhà. Tôi đi lấy cây đàn treo trên danh và đánh cho bốn chị em Li-dơ nhảy. Cả bốn người đều không học khiêu vũ. Nhưng A-lơ-xi và Băng-gia-manh đã dự một buổi dạ vũ sau lễ cưới ở khách sạn

Thiên Trục và nhớ lồm bồm mấy bước. Chúng dựa trên trí nhớ, mây mờ dừng lại bài vũ. Nhảy chán thì chúng yêu cầu tôi hát những bài hát quen thuộc của tôi. Khi ấy, khúc hát miền Na-pơ lại làm cho Li-dơ cảm xúc, trầm lẫn như một.

Cửa sổ thấp... mà chủ lầu khắc nghiệt.

Không bao giờ tôi hát đến đoạn cuối cùng mà Li-dơ không ứa nước mắt. Thế là tôi diễn một hài kịch với con Ca-pi để làm cho em khuây khỏa. Đối với con Ca-pi cũng thế, những ngày chủ nhật ấy là những ngày hội. Những ngày ấy đưa nó trở về cái thời hoạt động năm xưa, cho nên khi đóng xong vai trò của nó một lần rồi thì nó chỉ chực đóng lại lần nữa.

Đối với tôi, những ngày chủ nhật ấy cũng là những ngày tưởng nhớ tới cụ Vi-ta-li. Tôi đánh đàn tôi hát y như có cụ ở bên tôi. Ôi ! Cụ Vi-ta-li kính yêu ! Tôi càng lớn lên càng kính mộ vong linh cụ, càng hiểu rõ công ơn của cụ đối với tôi.

Hai năm tròn đã trôi qua như thế. Bác A-canh thường dẫn tôi đi chợ, đi bến Hàng Hoa, nhà thờ Ma-đơ-len, lầu chứa nước, hoặc đi lại các cửa hàng của những chị hàng hoa trong thành phố để mang cây cảnh đến cho họ, dần dà tôi biết Pa-ri. Tôi thấy rằng Pa-ri không phải là thành phố vàng và cẩm thạch như tôi tưởng tượng khi chưa đến, nhưng nó cũng không phải là một thành phố bùn lầy như tôi đã vội hình dung ra khi đi vào từ phía Sa-răng-tông, qua khu phố Mu-phơ-ta. Tôi trông thấy nhiều công trình kiến trúc. Tôi đã đi vào

xem một số những lâu đài ấy. Tôi đi chơi dọc bờ sông, trên các đại lộ, trong vườn Luy-xăng-bua, và vườn của cung điện Tuy-lơ-ri ở quảng trường Săng Ê-ly-dê. Tôi được xem nhiều pho tượng. Thấy dòng người cuộn cuộn như thác chảy, tôi khôn xiết kính phục. Tôi bắt đầu có ý niệm về cuộc sống của một thủ đô lớn.

Tôi học bằng mắt trong lúc có công việc cần phải đi hay trong những cuộc đi chơi phiếm. Nhưng việc giáo dục của tôi, may thay, không phải chỉ có thế.

Trước khi tự mình làm cái vườn của mình, bác A-canh đã làm việc ở khu ươm cây vườn bách thảo. Ở đấy bác được tiếp xúc với nhiều nhà khoa học, nhiều người nghiên cứu. Sự gần gũi ấy làm cho bác cũng hóa ra có chí ham đọc sách, ham học hỏi. Năm này qua năm khác, bác dành tiền để mua sách và dùng thì giờ rỗi rãi để đọc sách. Khi bác lập gia đình và sinh con đẻ cái, cái thời giờ rảnh rang trở nên hiếm hoi. Trước hết phải lo chạy bữa cho vợ con. Bởi vậy bác không đọc sách nữa, nhưng không để mất cũng không bán đi. Bác cất lại trong một cái tủ. Mùa đông đầu tiên của tôi trong gia đình ấy dài lắm; mùa này công việc vườn tược trong vòng mấy tháng tuy không gác hẳn nhưng cũng thưa đi. Để dùng thì giờ những buổi tối ngồi quanh lò sưởi, bác A-canh rút những quyển sách ngày xưa ở trong tủ ra, đem phân phát cho chúng tôi. Sách ấy phần lớn là sách về thực vật học, về lịch sử cây cỏ, cùng với dăm ba quyển du ký.

A-lơ-xi và Băng-gia-manh không nổi trí ham học của bố. Tối nào cũng vậy, giờ đọc đến trang thứ ba thứ

tư là các cậu ngủ gà ngủ gật trên trang sách bỏ dở. Phần tôi, ít mê ngủ hơn và cũng ham hiểu biết hơn, tôi đọc mãi cho đến giờ cả nhà đi ngủ. Những bài vỡ lòng tôi học với cụ Vi-ta-li thật đã không uống phí, tôi tự nhủ như thế khi ngã lưng xuống giường và tôi nghĩ đến cụ với lòng triu mến vô hạn.

Thấy tôi ham học như thế, bác A-canh tưởng nhớ lại thời bác bớt hai xu vào tiền bữa ăn trưa để mua sách. Bởi vậy, thêm vào số sách sẵn có trong tủ, thỉnh thoảng bác mua một vài quyển trên phố mang về cho tôi. Gặp dịp, hoặc thấy tên sách hay hay thì bác mua chứ bác cũng chẳng lựa chọn gì. Tuy vậy, nó vẫn là sách và dù thuở ấy có nó làm cho đầu óc không phương hướng của tôi ngổn ngang bẽ bộn đi nữa, thì sau này sự bẽ bộn cũng mất đi, và những cái hay cái tốt trong sách thì còn lại và còn mãi tới nay. Đúng đọc sách là bao giờ cũng có lợi.

Li-dơ không biết đọc. Nhưng thấy tôi rảnh giờ nào là cầm cụi đọc sách giờ ấy, em tò mò muốn biết cái gì trong sách làm cho tôi thích thú đến thế. Ban đầu, em muốn thu mấy quyển sách ấy, vì nó không dễ cho tôi chơi đùa với em. Nhưng thấy làm thế nào tôi cũng trở lại với sách, em bảo tôi đọc cho em nghe, rồi bày cho em đọc. Em bị câm, nhưng được cái thông minh, nhờ vậy tôi có thể dùng mắt thay thế cho tai để kiểm tra em và cũng đi đến kết quả. Tuy thế em vẫn thích tôi lên tiếng đọc to, làm cho cả hai người cùng làm việc. Thế là thêm một sợi dây ràng buộc chúng tôi với nhau. Tư tưởng mãi quay vào cuộc sống bên trong, trí óc luôn luôn chờ

làm việc, không vương bận những cái phù phiếm trong đời, những sự chuyện trò lãng nhăng nhảm nhí, Li-dơ hẳn đã tìm thấy một cách giải trí, một món ăn tinh thần.

Chúng tôi đã sống với nhau bao nhiêu thời khắc như vậy: tôi thì đọc còn em thì ngồi trước mặt tôi nghe, mắt không rời tôi. Nhiều khi gặp những chữ, những đoạn tôi không hiểu thì tôi dừng lại nhìn em. Thế là cả hai chúng tôi cố sức tìm hiểu, một đôi khi mất khá nhiều thì giờ. Khi nào tìm mãi vẫn không hiểu ra thì em lấy tay ra hiệu bảo tôi đọc tiếp và có ý nói: “Sau này hăng hay”.

Tôi cũng dạy cho em học vẽ nữa, hay nói cho đúng, làm cái việc mà tôi gọi là vẽ. Việc ấy mất nhiều thì giờ và khá gay go, nhưng rồi cũng đạt kết quả. Đánh rằng cái anh thầy này chá ra vẽ thầy gì, nhưng bù lại thì thầy và trò hiểu nhau sâu sắc: sự ăn ý giữa thầy và trò nhiều khi lại được việc gấp mấy tài năng. Thật vui biết bao nhiêu khi qua mấy nét quét ra, mọi người nhận được em muốn hình dung cái gì ! Bác A-canh ôm tôi vào lòng, cười và nói: “Này, này bác nhận cháu thế mà hóa ra khôn đấy ! Thôi để sau này em Li-dơ sẽ đền ơn cháu”.

“Sau này” có nghĩa là lúc Li-dơ nói được, bởi vì trong nhà không hề bỏ cái ý định chữa chạy cho em nói được. Duy thầy thuốc họ nói rằng hiện nay thì còn đành phải chịu và đợi đến lúc có xảy ra một sự biến động nào đó ở nơi con bệnh.

“Sau này” cũng là cái ý mà bàn tay Li-dơ rầu rầu bảo với tôi những lúc tôi hát cho em nghe. Li-dơ muốn

học đánh thụ cầm và máy ngón tay em bắt chước tay tôi một cách mau chóng. Em lại muốn học hát nữa, nhưng dĩ nhiên là không được, vì thế em uất ức lắm. Đã bao lần thấy mắt em ứa lệ, tôi biết là em buồn khổ. Nhưng bản tính em thuần hậu, dịu dàng nên em không sầu não triền miên. Em gạt nước mắt mỉm cười nhún nạy và đưa tay ra hiệu bảo: sau này.

Được làm con nuôi bác A-canh, được con cái bác coi như anh em ruột, hẳn tôi đã ở đây mãi mãi nếu không xảy ra một tai họa làm cho cuộc đời của tôi phải thay đổi một lần nữa. Lúc tôi đã chắc chắn là được bình yên hơn hết thì cũng là lúc mà tôi sắp bị ném trả trở lại cuộc đời phiêu lưu vô định, bởi những biến cố ở ngoài ý chí tôi.

21

GIA ĐÌNH TAN TẮC

... Tôi đã nói là bác A-canh trồng hoa yên chí. Trồng thứ hoa ấy không khó lắm, những người trồng hoa quanh Pa-ri đều trồng hoa yên chí rất tốt, bằng chứng là mỗi năm cứ đến tháng ba tháng tư, họ mang ra chợ những cây cảnh sum xuê phủ đầy hoa từ gốc đến ngọn. Người làm vườn chỉ cần nắm cho được kỹ thuật chọn cây hoa kép, vì khách hàng không mua hoa đơn. Hạt giống gieo xuống thường thường một nửa mọc cây hoa kép, một nửa mọc cây hoa đơn, cho nên nếu biết giữ lại

rất những cây sẽ trở hoa kếp thì có lợi lớn. Không thể thì đành phải phí công của chăm nom cho một số cây bằng nửa tổng số, rồi đến khi cây bắt đầu trở hoa thì phải vứt đi, nghĩa là sau một năm trời chăm bón. Người ta phân biệt cây hoa kếp và cây hoa đơn bằng cách quan sát mấy đặc tính trên lá và trên dáng cây. Ít người chủ vườn biết cách chọn lọc ấy; hơn thế, đó là một bí quyết lưu truyền riêng trong một số gia đình. Khi người làm vườn cần lọc cây hoa kếp thì họ nhờ những bạn đồng nghiệp có nắm bí quyết ấy giúp đỡ, vì thế, đến tiết lọc yên chi thì những bác này được chỗ này mời, chỗ kia rước đến để hỏi ý kiến, y như một bác sĩ hay một chuyên viên.

Bác A-canh là một trong những người lọc yên chi sành nhất thành Pa-ri. Bởi vậy, đến mùa lọc hoa, bác đi cả ngày. Những ngày ấy là những ngày buồn của chúng tôi, nhất là đối với chị Ê-chiên-nét. Giữa bạn đồng nghiệp làm vườn, không bao giờ người ta đi đến với nhau mà không cùng nhau đánh cạ một chai lít, có khi cả hai ba chai nữa kia. Thành thử khi ông bố đã đến nhà vài ba ông bạn thì y như là lúc về, mặt ông đỏ gay, tay run rẩy, giọng nói lè nhè.

Đêm đêm, hễ ông bố chưa về thì chị Ê-chiên-nét chưa đi ngủ, dù có khuya đến mấy cũng thế. Lúc ấy, nếu tôi còn thức, hay tôi tỉnh giấc dậy vì tiếng khua động của ông, thì nằm trong buồng tôi nghe rõ tiếng hai cha con họ nói chuyện với nhau. Ông bố hỏi:

- Sao con chưa đi ngủ đi con ?

- Con chờ xem bố có cần gì không !
- À, ra cô cảnh sát theo dõi tôi đấy !
- Con không thức đợi bố thì bố biết chuyện trò với ai?
- Con muốn coi thử bố đi đứng có thẳng người không chứ gì ? Thế thì coi đây này ! Bố cuộc với con rằng bố đi từ đây lại buông lư nhỏ mà không bước chệch ra ngoài hàng gạch lát kia cho mà xem.

Tôi nghe có tiếng giày khập khiễng bước cao bước thấp vang lên ở phía nhà bếp, và sau đó thì yên lặng. Rồi tiếng ông bố lại hỏi:

- Em Li-dơ có chơi không ?
- Có ! Em ngủ ngon. Bố chịu khó đừng làm ồn, em nó giật mình !
- Bố có làm ồn đâu, bố đi ngay ngắn thế mà ! Bố phải đi bước đi ngay ngắn chứ, vì mấy đứa con gái bố chỉ chực buộc tội bố thôi mà ! Khi thấy bố không về ăn cơm tối thì bé Li-dơ bảo gì nào ?
- Không bảo gì cả ! Em nó chỉ nhìn cái ghế bỏ trống của bố !
- A ! Nó nhìn cái ghế của bố ?
- Vâng.
- Nhiều lần à ? Nó có nhìn ghế của bố nhiều lần không?
- Nhiều.
- Rồi nó nói thế nào ?

- Đôi mắt em nói rằng bố không về.

- Rồi thì em nó hỏi con vì sao bố không về và con nói với nó rằng bố ở chơi nhà mấy ông bạn, phải không?

- Không, em nó không hỏi gì con hết, và con cũng không nói gì với em hết ! Em nó biết rõ là bố ở đâu.

- Nó biết ư ? Nó biết rằng ... Bé đã vào buồng ngủ ngoan chứ ?

- Không đâu ! Mài nó mới ngủ, cách đây mười lăm phút thôi ! Nó cứ muốn thức đợi bố.

- Còn con, con muốn gì ?

- Con muốn em nó đừng thấy cái lúc bố về.

Lại một giây yên lặng.

- Ê-chiên-nét, con có hiếu lắm ! Này nhé, mai bố đến bác Lu-i-dơ, để rồi con xem ! Bố hứa với con, con nghe chưa ? Bố hứa từ nay bố sẽ về ăn tối với các con. Bố không muốn con phải chờ bố nữa, và bố cũng không muốn em Li-dơ của con vật vã khi ngủ.

Nhưng những lời nguyên lời hứa không phải lúc nào cũng có hiệu lực và ông A-canh lại cứ về muộn mỗi khi ông nhận uống một cốc vang: ở nhà thì ông chiêu Li-dơ nhất nhất, ra đi thì ông quên nó. Ông nói:

- Con biết không, không tiện từ chối bè bạn, người ta uống một cốc, không lấy làm nhiều cho lắm. Đã uống cốc thứ nhất thì lại uống cốc thứ hai, và lúc ấy bố đã kiên quyết không uống cốc thứ ba, nhưng chén trong

kéo chén ngoài, đã uống thì càng thấy khát. Vả lại rượu bốc lên đầu, đã ngà ngà thì quên hết ưu phiền, quên cả chủ nó. Mọi việc đều sáng sủa. Người ta thoát xác để đi chơi ở một thế giới khác, thế giới mong muốn. Và thế là người ta lại uống. Nó thế đấy.

Cũng phải nói rằng chuyện ấy không xảy ra thường xuyên. Vả lại mùa lộc yên chỉ cũng ngắn thôi, mùa qua rồi thì bác A-canh không vắng nhà nữa vì không có chuyện gì phải đi. Ông không phải là người la cà quán rượu, lười biếng tìm cách giết thời giờ.

Mãn mùa yên chi thì chúng tôi chuẩn bị những loại hoa khác. Lệ của người làm vườn là không để một tấc đất trống: thứ cây này vừa đánh lên bán thì cây khác phải thay ngay vào.

Cái thuật của người trồng hoa bán chợ là ở chỗ mang hoa đến chợ đúng lúc cao giá nhất. Đó là lúc có những ngày lễ lớn trong năm: lễ Thánh Pi-e, lễ Thánh Ma-ri, lễ Thánh Lu-i. Những người đặt tên là Pi-e, là Ma-ri, là Lu-i hay Lu-i-dơ thì nhiều lắm, cho nên số bó hoa, chậu hoa bán trong những ngày lễ đó để cho người ta mang đi chúc mừng bạn bè thân thuộc cũng không kể xiết. Mọi người đều thấy hôm trước ngày lễ trên các đường phố Pa-ri tràn ngập những hoa, không những ở hàng hoa, ở chợ, mà còn ở vỉa hè, ở góc phố, ở bậc tam cấp các thêm nhà, ở nơi nào có thể bày bán được.

Sau mùa yên chi thì chúng tôi lo hoa cho các ngày lễ tháng bảy và tháng tám, nhất là tháng tám, trong đó có lễ thánh Ma-ri và Thánh Lu-i. Chúng tôi sửa soạn

hàng nghìn gốc cúc đại đóa, lục lạc, trúc đào, hể lồng kính vườn nhà chứa được bao nhiêu thì trồng bấy nhiêu. Những gốc cây ấy phải ra hoa đúng hạn, nếu sớm quá thì tàn trước khi bán, muộn quá thì không nở kịp ngày lễ. Vì thế mà nghề trồng hoa đòi hỏi người ta phải có tài, bởi vì ai làm chủ được thời tiết nắng mưa ?

Bác A-canh là bậc thầy trong nghề hoa: không bao giờ hoa của bác nở trước hay nở sau dịp lễ. Nhưng muốn được thế, phải tốn biết bao công sức và mồ hôi!

Năm ấy, mùa hoa xem chừng thuận lắm. Bấy giờ là ngày mừng năm tháng tám, các loại hoa của chúng tôi đều đã đến kỳ. Ở giữa trời, cúc đại đóa hé nụ để chực nở và dưới các mặt kính đã quét vôi rất đều để làm dịu bớt ánh sáng, lục lạc cũng bắt đầu trở hoa. Nom các cây ấy giống như những bụi rậm hay những hình tháp điểm đầy nụ từ trên đến dưới: cảnh tượng trông đến đẹp mắt. Chốc chốc ông bố lại xoa tay đắc ý:

- Ông nói với hai cậu con: "Mùa hoa này tốt ra phết!" Và vừa mỉm cười ông vừa tính nhẩm số tiền bán lứa hoa kia.

Để đạt kết quả như vậy, chúng tôi đã phải vất vả bao nhiêu, phải làm việc luôn tay, không nghỉ một giờ một khắc nào, kể cả ngày chủ nhật. Bây giờ thì mọi việc đều làm đến nơi đến chốn, đầu vào đầy cả rồi. Để thưởng công cho chúng tôi bác A-canh quyết định ngày chủ nhật mồng năm tháng tám ấy thì cho cả nhà đi chơi và ăn tối ở nhà ông bạn của bác cũng làm vườn ở Ác-cơi. Cả con Ca-pi cũng được dự. Chúng tôi sẽ làm

việc đến ba bốn giờ chiều, xong đâu đấy thì chúng tôi sẽ khóa trái cửa cổng lại và vui vẻ lên đường. Như thế khoảng năm sáu giờ chiều, chúng tôi đến Ác-cơ. Ăn cơm xong sẽ quay về ngay để khỏi phải đi ngủ quá khuya. Vì ngày thứ hai phải dậy sớm, phải tươi tỉnh bắt tay vào công việc.

Vui này còn có vui nào hơn ?

Mọi việc tiến hành như đã định và đến bốn giờ kém vài phút thì ông bố khóa cửa lớn, phớt phơ nói:

- Nào tất cả chúng ta! Lên đường đi thôi.

- Ca-pi tiến lên.

Tôi hô thế rồi dắt tay Li-dơ chạy lên, con Ca-pi chạy theo nhảy nhót quanh chúng tôi vừa sủa oang oang đặc chí. Có lẽ nó tưởng rằng chúng tôi sẽ đi lang thang lâu dài, nó thích cái đó hơn là cứ ở nhà mãi. Ở nhà, nó chán, nó buồn, bởi vì tôi không thể săn sóc nó luôn, mà nó thì ưng được săn sóc hơn hết.

Cả bọn chúng tôi đều ăn mặc như ngày hội, đều bảnh bao trong những bộ quần áo đi ăn cỗ. Khách qua đường có kẻ ngoảnh đầu lại nhìn theo. Tôi thì tôi không biết hình dáng mình như thế nào, chứ còn Li-dơ đội mũ rơm, mặc áo dài xanh, mang giày vải xám, Li-dơ quả thật là cô bé đẹp nhất, linh hoạt nhất trên đời này. Đôi mắt, cái mũi phập phồng, hai vai, hai tay tất cả người em đều nói lên sự vui sướng.

Thì giờ đi quá nhanh đến nỗi tôi không thấy nó trôi qua. Chỉ biết rằng cuối bữa tiệc, một đứa trong bọn

chúng tôi nhận thấy về phía Tây, trời ùn lên nhiều đám mây đen. Vì bàn ăn bày giữa trời dưới tán lá một cây dút, chúng tôi nhận thấy ngay là có cơn dông sắp kéo tới. Bác A-canh bảo:

- Các con, nhanh lên để về khu Gơ-la-xi-e.

Nghe thế, cả bọn chúng tôi buột miệng:

- Phải về rồi ư ?

Li-dơ không nói được nhưng ra hiệu chôi từ và phản kháng. Ông bố nói:

- Gió mà thổi mạnh lên nữa thì có thể làm đổ cửa kính mất. Về đi thôi.

Rõ ràng là không có cách gì khự nự lôi thôi nữa. Chúng tôi đều biết rằng cửa kính là tất cả gia sản của người chủ vườn, nếu gió làm vỡ cửa kính thì sạt nghiệp. Bác A-canh nói:

- Bố đi trước. Băng-gia-manh, con đi với bố, và cả con nữa, A-lơ-xi. Bố con mình phải rảo bước đi nhanh. Rê-mi và Ê-chiên-nét thì đi sau với Li-dơ.

Rồi không nói thêm gì nữa, cha con họ ba chân bốn cẳng rảo bước đi. Còn chúng tôi thì đi theo sau, chậm hơn, vì chị Ê-chiên-nét và tôi phải bước thong thả để Li-dơ theo kịp. Chuyện này đâu phải là chuyện đùa, bởi vậy chúng tôi không chạy nhảy tung tăng nữa.

- Trời mỗi lúc một mờ mịt thêm. Gió mỗi lúc một mạnh, cuốn bụi lên mù mịt, báo hiệu cơn dông đang đến rất nhanh. Mỗi khi bị cuốn vào một đám bụi lốc ấy,

chúng tôi phải dừng lại, quay lưng về phía gió, lấy hai bàn tay bịt mắt vì bụi làm mờ cả mắt; cũng phải nín thở nữa, nếu thở thì trong miệng thấy như có cả cát. Sấm rền từng hồi ở nơi xa và chuyển đến gần nhanh lắm, tiếng rền lẫn với những tiếng nổ inh tai.

Chị Ê-chiên-nét và tôi nắm tay Li-dơ kéo đi. Nhưng em phải khó nhọc lắm mới theo kịp cho nên chúng tôi không đi nhanh được như ý muốn.

Chúng tôi có kịp về đến nhà trước cơn mưa hay không ? Nhất là ông bố và Băng-gia-manh, A-lơ-xi có về kịp hay không ? Đối với họ vấn đề có về kịp hay không quan trọng hơn đối với chúng tôi nhiều. Đối với chúng tôi, về kịp thì chỉ là khỏi ướt; Đối với họ, về kịp là cứu lồng kính khỏi bị hủy hoại. Vấn đề là chỗ đóng các cửa kính lại để gió khỏi tuôn vào phía dưới và lật đổ các lồng.

Bấy giờ, sấm sét nổ liên hồi, và mây kéo dày đến nỗi trông như trời đã tối. Thỉnh thoảng gió xé mây đi để lộ ra đây đó vài mảnh trời sâu thẳm màu đồng đỏ giữa các đám mây đen. Rõ ràng là những đám mây ấy sắp vỡ toạc ra trong giây lát.

Có một điều rất lạ: giữa tiếng sấm sét, chúng tôi nhận thấy có tiếng âm âm không rõ là tiếng gì đương xô về phía chúng tôi, nghe như tiếng vó ngựa của cả một trung đoàn kỵ binh chạy cơn dông. Nhưng đoán thế thì vô lý quá: kỵ binh kéo đến khu phố này làm gì chứ !

Thình lình mưa đổ xuống. Thoạt đầu, vài hạt nhỏ đập vào mặt chúng tôi, rồi hầu như tiếp ngay theo đó

là cả một trận rào rào như đá chạy. Chúng tôi ù té núp vào dưới một cái cửa lớn.

Trận mưa đá rào rào này kinh khủng không thể tưởng tượng. Chỉ trong chốc lát đường phố bị phủ trắng như giữa mùa đông. Đá to như trứng bồ câu, rơi xuống ào ào nghe choáng cả tai; giữa tiếng ào ào ấy thỉnh thoảng chen những tiếng kính vỡ loảng xoảng. Những hòn đá rơi trên mái nhà rồi mới tuột xuống thì mang theo đủ thứ linh tinh, nào là mảnh ngói, mảnh gạch, vôi vữa vụn, nào là mảnh đá lộp vồ, nhất là đá lộp vồ, làm thành từng đồng đen sì trên mặt trắng của những hạt mưa đá. Chị Ê-chiên-nét kêu:

- Thôi rồi ! Còn gì lỏng kính !

Tôi cũng nghĩ đến điều đó. Tôi nói:

- Có lẽ bố đã về kịp.

- Có về đến nhà trước khi mưa xuống thì cũng không đủ thì giờ mang tranh ra đây các lồng kính. Phen này thì không còn gì nữa.

- Người ta nói mưa đá chỉ rơi trong từng khoảng.

- Nhà ta gần đây quá, chắc không thoát khỏi. Nếu ở vườn nhà mà cũng có mưa nặng như ở đây thì bố chúng ta sạt nghiệp mất. Ôi, trời ơi ! Bố trông ở món tiền bán hoa biết chừng nào, bố cần số tiền đó lắm.

Tôi không biết rõ giá trị các thứ, nhưng tôi có nghe nói rằng mỗi một trăm cửa kính phải mua mất nghìn rưỡi hay nghìn tám trăm phờ-răng. Vì vậy tôi hiểu

ngay rằng nếu mưa đá làm vỡ hết năm hay sáu trăm cửa kính của chúng tôi thì đó là một tai họa ghê gớm khó lòng cứu vãn, chưa kể những khung lồng và sổ cây hoa. Tôi muốn hỏi chị Ê-chiên-nét, nhưng tiếng đá rơi âm âm inh tai, nghe được nhau rất khó, vả lại hình như chị Ê-chiên-nét cũng không còn bụng dạ nào để chuyện trò. Chị nhìn mưa rơi vẽ mặt rầu rầu thất vọng, như người cháy nhà đương trông thấy nhà cửa của mình bị thiêu ra tro.

Cơn mưa rào khủng khiếp ấy đâu chỉ trong năm sáu phút thôi chứ không kéo dài. Nó dứt cũng đột ngột như nó đến. Mây bay về phía thành phố. Chúng tôi rời bỏ chỗ núp. Trên đường về, những hạt đá còn cứng lẫn sào sạo dưới chân như đá cuội ở bờ bể. Lốp đá dày quá đến nỗi chân đi ngập đến mắt cá. Li-dơ mang giày vải nên không đi trên những hòn đá lạnh ngắt ấy được, tôi phải cõng em. Gương mặt em lúc đi tươi vui là thế mà bây giờ thì trông ảo não, nước mắt ứa đầy tròng.

Một lát sau, chúng tôi về đến nhà. Cổng vẫn để ngỏ. Chúng tôi chạy ngay vào vườn.

Quang cảnh mới thảm hại làm sao ! Cái gì cũng vỡ hết, nát hết. Nào là cửa kính, nào hoa, nào mảnh thủy tinh, nào hạt mưa đá, tất cả làm thành một bãi những thứ hỗn hợp trông ngổn ngang, không ra hình thù gì cả. Cái vườn buổi sớm nay phong phú, đẹp đẽ là như thế mà bây giờ chỉ còn là những thứ đổ nát không biết gọi là gì.

Còn bác A-canh thì ở đâu nhỉ ?

Không thấy bác, chúng tôi chạy đi tìm và đến bên cái lồng lớn không còn một miếng kính nào nguyên vẹn. Bác ngồi ủ rũ trên một chiếc ghế đẩu, giữa cảnh vườn đổ nát. A-lơ-xi và Băng-gia-manh đứng bên cạnh, lặng yên. Nghe tiếng kính vụn kêu rào rào dưới gót giày, biết là chúng tôi đến, bác ngẩng đầu lên. Bác kêu:

- Chao ôi ! Các con ôi ! Chao ôi ! Các con đáng thương của ta ơi !

Rồi bác ôm em Li-dơ mà khóc sụt sùi không nói gì nữa.

Nói gì bây giờ ? Rõ ràng đây là một tai họa. Nhưng tai họa trước mắt dù thế nào cũng chưa khủng khiếp bằng hậu quả của nó.

Chị Ê-chiên-nét và các cậu em nói ngay cho tôi biết rõ vì sao ông bố tuyệt vọng đến thế. Ông đã mua khu vườn và dựng ngôi nhà này mười năm về trước. Chủ vườn đã cho ông vay vốn để mua công cụ trồng hoa. Tiền mua vườn cũng như tiền vay phải trả góp trong mười lăm năm. Cho tới lúc này, nhờ làm nhiều mà ăn tiêu dè xẻn, năm nào ông cũng trả đủ và đúng kỳ hạn. Điều đó hết sức cần, là vì chủ nợ chỉ chờ một cơ hội, nghĩa là chờ ông chậm trả để lấy luôn vườn, nhà, công cụ, và tất nhiên vẫn giữ số tiền trả mười năm qua. Chắc hẳn đó là thủ đoạn làm tiền của hắn: hắn tính rằng trong mười lăm năm đằng đẳng, ắt cũng có một năm nào đó bác A-canh không thanh toán nổi, nên hắn mới bỏ vốn ra như thế. Trong sự mua bán này, tên chủ nợ nắm chắc đằng chuôi, còn người khách nợ bị đe dọa luôn luôn.

Cái ngày mà tên chủ nợ ao ước đã đến với trận mưa đá. Sự việc rồi sẽ ra như thế nào đây ?

Chúng tôi không phải mất thì giờ băn khoăn cho lắm. Sau cái ngày kỳ hạn trả nợ một hôm thì một ông vận đồ đen đến nhà chúng tôi. Trông ông không ra vẻ người thanh nhả lắm. Ông đem ra một tờ giấy có dán tem, viết mấy chữ trên dòng còn để trống rồi đưa ra cho chúng tôi.

Đó là một viên mõ tòa.

Tối hôm đó mà đi, ông ấy cứ đến mãi, đến nỗi biết hết cả tên chúng tôi. Mỗi lần đến, ông ta nói: “Chào chú Ê-mi, chào chú A-lơ-xi. Mạnh khỏe chứ cô Ê-chiên-nét?” Rồi ông ta đưa tờ giấy có dấu và mỉm cười như đối với người bạn:

- Thôi chào các cô chú !

- Mời ông... xéo đi !

Bác A-canh không hay ở nhà nữa. Bác đi phố luôn. Đi đâu, tôi không biết, vì khác với trước kia bác thường cởi mở, bây giờ bác chẳng nói nửa lời. Có lẽ bác đi tìm những người thừa biện, hay là ra tòa án.

Nghĩ đến ra tòa mà tôi phát sợ. Cụ Vi-ta-li cũng đã từng ra tòa và tôi đã được biết hậu quả thế nào rồi.

Đối với bác A-canh thì kết quả phải chờ lâu hơn nhiều. Một phần mùa đông đã trôi qua trong tình cảnh ấy. Tất nhiên là chúng tôi không chữa lổng, chữa khung, lắp mặt kính mới được; vì thế chúng tôi trông

rau củ và những thứ hoa không cần che đậy. Những thứ hoa ấy bán chả được mấy đồng. Nhưng làm thế cũng còn hơn ngồi không. Vả lại có công việc động tay động chân là tốt rồi.

Một tối nọ, bác A-canh về nhà, trông vẻ người lại càng buồn nản hơn những hôm trước. Bác nói:

- Các con ! Thế là hết.

Tôi toan bước ra ngoài, vì tôi biết sắp có việc nghiêm trọng mà ông bố đã gọi con mà nói, thì có lẽ tôi không nên nghe. Nhưng ông đã đưa tay giữ tôi lại:

- Cháu không phải là người nhà à ? Kể ra thì cháu còn bé quá chưa đáng nghe việc này, nhưng cháu đã nếm đủ mùi cay đắng, chắc cháu đã hiểu. Các con ạ, bố sắp xa các con đây !

Cả bọn chúng tôi đều buột miệng kêu lên một tiếng đau đớn. Li-dơ nhảy vào lòng bố, vừa hôn ông vừa khóc.

- Chao ôi ! Các con hẳn biết rằng không phải tự ý bố muốn rời bỏ những đứa con ngoan như các con đây, rời bỏ đứa con cưng như Li-dơ của bố.

Ông nói đến đó thì ôm chặt Li-dơ vào lòng.

- Tòa xử bố phải trả nợ, nhưng vì bố không có tiền nên người ta sắp phát mại tất. Thế cũng chưa đủ nên người ta sẽ bỏ tù bố. Bố phải ngồi tù năm năm. Không có tiền để trả nợ thì phải đem thân bố, đem sự tự do của bố mà trả.

Chúng tôi khóc âm lên.

- Ừ, cái việc ấy đáng buồn thật, nhưng biết làm sao bây giờ ? Đó là luật pháp. Năm năm ! Trong năm năm ấy thì các con sẽ ra sao ? Ấy, đó là điều đáng lo nhất !

Yên lặng. Sau đó ông nói tiếp:

- Các con chắc cũng đoán biết rằng bố hằng nghĩ đến điều đó. Bởi vậy đây là điều bố định làm để cho các con khỏi bị bơ vơ thất thủ sau khi bố bị bắt.

Nghe thế tôi thấy lóe lên một chút hy vọng.

- Rê-mi sẽ viết thư cho cô của các con, cô Ca-tơ-rin Xuy-ri-ô ở Đơ-rơ-di, quận Ni-e-vơ-rơ. Nó sẽ trình bày tình cảnh chúng ta và yêu cầu cô đến. Cô Ca-tơ-rin của các con đầu óc tỉnh táo lắm và cô thạo việc, bố và cô ấy sẽ bàn cách giải quyết ổn nhất cho các con.

Tôi viết thư lần này là lần đầu; lần đầu tiên viết thư mà phải viết những chuyện buồn như thế này thì khổ tâm thật.

Mặc dù ông bố nói mập mờ, chúng tôi cũng thấy có hy vọng. Trong tình cảnh chúng tôi mà còn có hy vọng thì cũng đã là nhiều lắm. Hy vọng gì ? Chúng tôi chẳng biết, nhưng chúng tôi có hy vọng. Cô Ca-tơ-rin sắp đến, cô Ca-tơ-rin tính toán công việc giỏi, thế là đủ để hy vọng. Có cần gì hơn đối với những đứa trẻ đại dột, dốt nát như chúng tôi. Đối với những người tháo vát như cô Ca-tơ-rin thì ở đời này có gì là khó ?

Tuy vậy, cô Ca-tơ-rin không đến sớm như chúng tôi tưởng, và bọn lính tòa án thương mại, nghĩa là bọn đi bắt con nợ, đã đến trước cô.

Hôm đó, bác A-canh định đến nhà một ông bạn. Tôi theo bác. Vừa ra đường thì gặp ngay bọn lính tòng, chúng vây quanh chúng tôi tức khắc. Bác A-canh không có ý định chạy trốn. Bác tái mặt đi, y như sắp chết. Giọng yếu ớt, bác yêu cầu bọn lính để cho bác hôn con. Một tên lính nói:

- Đừng có sầu thảm quá đi như thế, ông bạn ạ. Ở tù nợ thì cũng chẳng đến nỗi khổ tâm lắm đâu! Ở đây có những người tốt đấy !

Chúng tôi quay lại, có bọn lính đi kèm. Tôi ra gọi hai anh con trai của bác A-canh lúc ấy đang ở ngoài vườn. Khi ba chúng tôi vào nhà thì thấy ông bố đã ôm Li-dơ trong lòng và em khóc suốt suốt.

Bấy giờ một người lính ghé miệng vào tai ông nói cái gì tôi không nghe rõ. Chỉ thấy ông bố đáp: "Vâng, ông nói đúng. đành phải thế !"

Đột nhiên ông đứng lên và nhắc em Li-dơ để xuống. Li-dơ bám chặt lấy ông, không chịu buông tay ông. Ông hôn Ê-chiên-nét, A-lơ-xi, và Băng-gia-manh. Tôi đứng trong một góc phòng, mắt nhòa lệ. Ông gọi tôi : "Còn cháu Ré-mi, sao cháu không lại hôn bác ? Cháu không là con bác à ?"

Cả mấy đứa chúng tôi đều như mất hồn. Giọng cứng rắn, bác A-canh nói:

- Cứ ở yên đấy ! Lệnh của ông bố là như thế đấy!

Thế rồi bác gỡ bàn tay Li-dơ đặt vào tay chị Ê-chiên-nét và bước nhanh ra cửa. Tôi định đi theo bác

nên bước lại phía cửa, nhưng chị Ê-chiên-nét khoát tay bảo tôi đứng lại.

Theo bác để đi đâu ? Và rồi để làm gì ?

Chúng tôi đứng ngăn người giữa nhà bếp, cả mấy đứa đều khóc, không đứa nào nói lên một lời.

Nói lời gì nữa chứ ?

Chúng tôi đều biết sớm muộn ông A-canh cũng bị bắt, nhưng chúng tôi tưởng lúc đó thì đã có cô Ca-tơ-rin. Cô Ca-tơ-rin là sự chở che, sự đùm bọc. Nhưng cô không đến.

Ông A-canh đi độ một tiếng đồng hồ, cô mới đến. Cô tìm thấy chúng tôi tùm hết dưới nhà bếp, không nói không rằng. Cái người bấy lâu nay nâng đỡ chúng tôi giờ đây cũng tê liệt rồi: chị Ê-chiên-nét cứng cõi, kiên cường là thế mà giờ phút này cũng trở nên yếu đuối như chúng tôi. Chị không cổ vũ chúng tôi nữa. Yếu mềm không phương hướng, chìm đắm trong đau thương, chị chỉ gắng gượng để vỗ về em Li-dơ thôi. Người hoa tiêu đã ngã xuống biển, con tàu không người lái, không hải đăng chỉ đường, không có gì để đưa vào bến. Mà biết có bến không ? Chúng tôi là một lũ bé con lạc lối giữa biển đời bát ngát, lênh đênh theo chiều gió, không biết hành động thế nào, không có một ý định gì, trí hoang mang, lòng tuyệt vọng.

Cô Ca-tơ-rin quả là một người đàn bà cừ, một người đầy sáng kiến và nghị lực. Cô đã từng làm vú sữa ở Pa-ri năm lần. Cô biết các khó khăn trong cuộc sống, và cô cũng biết chống đỡ như cô nói.

Được cô chỉ huy, được làm theo lệnh cô, chúng tôi có phần nào yên dạ. Chúng tôi đã có người dìu dắt, đầu gối hết khuỵu.

Đối với một phụ nữ nông dân nghèo vô học thì đây là một trách nhiệm nặng nề có thể làm sòn gan những người quả cảm nhất. Một tốp trẻ mồ côi đứa đầu chưa tới mười bảy, đứa út thì tám ! Xếp đặt chúng nó thế nào đây ? Làm sao nuôi chúng nổi khi chúng mình cũng phải vất vả bao nhiêu mới kiếm đủ cái sống hàng ngày.

Cô đã từng nuôi con cho một viên quản khế. Cô đến hỏi ý kiến ông ta và bàn bạc cùng ông ta để định đoạt về chúng tôi. Sau đó, cô đến bàn với bác A-canh ở nhà lao. Đến Pa-ri tám hôm mà cô không hề nói với chúng tôi ý định và hoạt động của cô. Đến hôm thứ chín, cô cho chúng tôi biết những điều đã quyết định.

Vì chúng tôi còn bé quá không thể tự làm ăn một mình nên mỗi đứa phải đi về ở với những cô, bác nào sẵn lòng cáng đáng.

Li-dơ sẽ về ở với cô Ca-tơ-rin ở miền Moóc-văng. A-lơ-xi về nơi ông chú làm thợ mỏ ở Vác-xơ trong vùng núi Xê-ven.

Băng-gia-manh thì về với một ông chú làm vườn ở Xanh Căng-tanh.

Chị Ê-chiên-nét đến ở với bà cô có chồng ở vùng biển tỉnh Sa-răng-tơ, làng Ét-xơ-năng.

Tôi chăm chú nghe nói về những sự xếp đặt ấy, đợi đến lượt mình. Nhưng vì cô Ca-tơ-rin không nói nữa, tôi bước tới hỏi:

- Còn cháu thì thế nào, thưa cô?
- Cháu à, cháu có phải là người trong gia đình đâu!
- Cháu sẽ đi làm cho cô.
- Cháu không phải là con cái trong nhà.
- Cô thử hỏi A-lơ-xi, hỏi Băng-gia-manh xem cháu làm việc có hăng không?
- Và ăn cũng hăng đúng không?
- Đúng, đúng - Tất cả các anh chị Li-dơ đồng thanh nói, - Rê-mi là anh em trong nhà.

Li-dơ bước tới trước mặt cô Ca-tơ-rin, chấp tay lại. Cái chấp tay ấy hùng hồn hơn bao nhiêu lời van xin kể lể.

- Cháu bé tội nghiệp của cô ơi - Cô Ca-tơ-rin nói - Cô hiểu ý cháu lắm, cháu muốn anh ấy đi với cháu. Nhưng cháu biết không, ở đời đâu có dễ muốn thế nào thì làm được thế ấy. Cháu là cháu ruột của cô, khi về nhà nếu chú ấy có nói tiếng gì không phải, hoặc có sa mảy sảy mặt lúc ngồi vào bàn ăn thì cô nói: "Nó là ruột rà của tôi, nếu vợ chồng mình không thương thì ai thương?" Đó, chỉ nói một câu ấy là đủ. Và cái chuyện đó giữa vợ chồng nhà cô thì ở ông chú tại Xanh Căng-tanh, ông chú tại Vac-xơ hay bà cô tại Ết-xơ-năng cũng y hệt. Người ta nhận con cháu, người ta không nhận người dung. Nội gia đình nhà người ta thôi cái ăn cũng đã khó khăn lắm rồi có đâu để cho mọi người.

Tôi cảm thấy rằng không có cách gì, không nói thêm được gì nữa. Cái việc cô ấy nói đúng quá. Tôi

không phải ruột thịt trong nhà, tôi không có quyền đòi hỏi gì! Vật nài nữa chẳng hóa ra ăn xin ư? Tuy nhiên, dù có là ruột thịt chẳng nữa, để tôi có thể thương yêu họ hơn thế này hay sao? A-lơ-xi, Băng-gia-manh để không là anh em ruột của tôi ư? Còn Ê-chiên-nét và Li-dơ chưa phải là chị và em ruột tôi sao? Tôi chưa yêu họ đúng mức chẳng? Hay là Li-dơ chưa yêu quý tôi ngang với Băng-gia-manh và A-lơ-xi?

Hế đã quyết định cái gì thì cô Ca-tơ-rin thi hành ngay, không để trì hoãn. Cô báo cho chúng tôi biết là ngay ngày hôm sau chúng tôi phải chia tay nhau, thế rồi cô bảo chúng tôi đi ngủ. Vừa về tới phòng riêng của chúng tôi thì mọi người xúm xít quanh tôi, còn Li-dơ bá cổ tôi mà khóc. Tôi hiểu rằng tuy họ buồn sắp phải xa nhau, nhưng họ nghĩ đến tôi hơn hết, họ ái ngại vì tôi. Điều đó làm cho tôi cảm thấy rằng họ coi tôi là anh em trong gia đình. Bấy giờ, trong đầu óc rối ren của tôi bỗng nảy ra một sáng kiến. Nói cho đúng - hay dở gì thì cũng đều nên nói ra - vì sáng kiến ấy xuất phát từ con tim rồi mới dâng lên khối óc. Tôi nói:

- Nay, các anh chị ơi, tôi biết rõ rồi, tôi biết rằng mặc dù các cô chú không bằng lòng nhận tôi, các anh chị vẫn coi tôi như ruột thịt.

- Đúng rồi - Cả ba đều nói một lượt - Rê-mi mãi mãi là anh em của chúng tôi.

Li-dơ không nói được thì siết chặt tay tôi tỏ ý đồng tình và nhìn tôi bằng đôi mắt vui vầy làm cho tôi cảm động tràn nước mắt.

- Thế thì vâng! Tôi sẽ làm em của các anh các chị, và tôi sẽ chứng tỏ điều đó.

- Cậu định xin làm ở đâu? - Băng-gia-manh hỏi.

- Ở đằng ông Péc-nuy có một chân khuyết - Chị Ê-chiên-nét nói. - Em có muốn, sáng mai chị đến xin chỗ ấy cho em không?

- Em không muốn làm mướn. Có chỗ làm thì phải ở lại Pa-ri, không gặp mấy anh chị và em Li-dơ nữa. Em định lấy chiếc thụ cầm xuống, khoác lại tấm áo da cừu, đi từ Xanh Căng-tanh đến Vác-xơ, rồi từ Vác-xơ đến Ét-xơ-năng và từ Ét-xơ-năng đi Đơ-rơ-di. Thế là em sẽ được gặp lại tất cả các anh chị, lần lượt hết người này đến người khác, và qua em anh chị cũng như là sum họp với nhau. Em vẫn chưa quên những bài hát, những điệu nhảy. Thế là em sinh sống được rồi.

Nhìn thấy vẻ mặt hân hoan của mọi người, tôi biết rằng sáng kiến của tôi thể hiện cả mơ ước của họ nữa, và trong cảnh buồn rầu tôi vẫn cảm thấy phấn khởi.

Chúng tôi nói chuyện với nhau mãi về dự định ấy, chuyện chia phôi, sum họp, về dĩ vãng, về tương lai. Rồi chị Ê-chiên-nét buộc mọi người đi ngủ. Nhưng đêm ấy không ai ngủ yên cả, ai cũng thao thức, tôi lại càng thao thức hơn.

Ngày hôm sau, vừa tang tảng sáng, Li-dơ đã rủ tôi ra vườn. Tôi biết em muốn nói gì.

- Em muốn nói chuyện với anh à?

Li-dơ gật đầu.

- Em buồn vì chúng ta phải xa nhau chứ gì? Điều ấy Li-dơ không cần nói, anh đã đọc thấy mắt em và cũng nghe thấy trong tim anh.

Em ra hiệu bảo rằng không phải em muốn nói điều ấy.

- Chỉ nửa tháng nữa sẽ có anh ở Đơ-rơ-di.

Li-dơ lắc đầu.

- Li-dơ không muốn anh về Đơ-rơ-di à?

Thường thường tôi mò ý em bằng câu hỏi và em trả lời bằng cách ra hiệu, đúng thì ra hiệu bảo đúng, sai thì bảo sai.

Li-dơ ra hiệu rằng em thích tôi đến Đơ-rơ-di. Nhưng lại chỉ tay về ba hướng khác nhau, em cho tôi biết rằng, tôi phải đến ba anh chị của em trước.

- Em muốn anh đi Vác-xơ, Êt-năng-xơ và Xanh Căng-tanh trước?

Em cười sung sướng vì tôi đã hiểu được ý em.

- Tại sao vậy? Anh, anh muốn đi thăm em trước.

Tức thời em dùng tay, dùng môi, nhất là dùng đôi mắt hùng biện, em đã làm cho tôi hiểu lý do tại sao em lại yêu cầu như thế. Tôi xin thuật lại lời giải thích của em như thế này:

- Để em được biết tin tức của chị Ê-chiên-nét, anh A-lơ-xi, và anh Băng-gia-manh, thì anh hãy đi thăm

các anh chị ấy trước. Sau đó anh sẽ đến Đơ-rơ-di để thuật lại cho em nghe những điều anh trông thấy và những điều các anh chị ấy nói với anh.

Ôi! Li-dơ yêu quý!

Cô Ca-tơ-rin định tám giờ sáng thì chị em Ê-chiên-nét lên đường. Cô đã thuê một cỗ xe ngựa lớn để đưa họ cùng đi chào ông bố một lượt ở nhà lao. Sau đó, xe sẽ đưa từng người một cùng hành lý đến nhà ga nào cần phải đến để lên tàu về nơi dự định.

Lúc bảy giờ sáng chị Ê-chiên-nét cũng gọi tôi ra vườn. Chị nói:

- Chị em ta sắp phải xa nhau. Chị muốn tặng em một vật kỉ niệm. Em hãy giữ cái hộp khâu này trong ấy có kim, chỉ và một cái kéo của chị do người cha đỡ đầu của chị cho. Dọc đường, em cần các thứ đó bởi vì em có toạc một miếng quần hay đứt một cái cúc thì cũng không có chị ở đó để vá lại, đính lại cho em đâu. Em dùng kéo của chị, em sẽ nhớ đến mấy chị em nhà này.

Trong khi chị Ê-chiên-nét nói chuyện với tôi thì A-lơ-xi lảng vảng quanh đấy. Chị ấy vào nhà rồi, tôi còn đứng lại ngoài vườn chưa hết cảm động thì A-lơ-xi đã đến bên tôi, nói:

- Mình có hai đồng năm phờ-răng, nếu cậu vui lòng nhận lấy một thì mình thú lắm.

Trong năm đứa chúng tôi, chỉ có A-lơ-xi là chú ý tới tiền bạc, chúng tôi luôn chế nhạo anh ấy về tật ky cốp.

Anh chắt chiu từng xu và coi việc dành dụm được những đồng hào mới tinh là một hạnh phúc. Anh cứ mang theo những đồng hào mới của anh ra đếm đi đếm lại trong bàn tay để cho nó lấp lánh dưới ánh mặt trời, để nghe những tiếng leng keng một cách lý thú.

Đề nghị của A-lơ-xi làm cho tôi xúc động lạ thường. Tôi muốn từ chối nhưng anh năn nỉ mãi và giúi vào tay tôi một đồng năm phờ-răng sáng loáng. Qua cử chỉ ấy tôi biết rằng cảm tình của A-lơ-xi đối với tôi rất sâu sắc bởi vì nó đã thắng sự thiết tha của anh đối với cái kho của nhỏ nhỏ kia.

Bằng-gia-manh cũng không quên tôi. Anh ấy cũng muốn cho tôi một món quà. Anh cho tôi con dao của anh nhưng bắt tôi phải trả một xu để cho có vẻ mua bán, bởi vì bạn bè không tặng dao cho nhau, sợ “dao cắt đứt tình bạn”.

Thời gian đi nhanh quá! Chỉ còn mười lăm phút nữa thôi! Rồi thì năm phút. Chỉ còn năm phút nữa là chúng tôi chia tay nhau. Rồi ra Li-dơ còn có nhớ đến tôi không?

Lúc nghe thấy tiếng xe ngựa âm âm chạy tới thì Li-dơ ở trong buồng cô Ca-tơ-rin chạy ra và ra hiệu cho tôi theo em ra vườn.

- Li-dơ! - Cô Ca-tơ-rin gọi.

Li-dơ không đáp. Em cứ việc đi nhưng bước nhanh hơn.

Trong vườn những người trồng hoa, trồng rau củ, cái gì cũng không bằng cái ích lợi thực tế: người ta

không chứa chỗ cho cây cảnh đâu! Tuy vậy trong vườn chúng tôi có một cây hồng băng-gan không bị nhổ đi vì mọc ở một xó.

Li-dơ xăm xăm đi tới cây hồng cắt lấy một cành rồi quay lại tôi, em cắt cành ấy làm hai nhánh mỗi bên có một nụ hoa hàm tiếu và đưa cho tôi một.

Ồi! Cái thú ngôn ngữ của miệng lưỡi có nghĩa lý gì đâu bên cạnh cái ngôn ngữ của khước mắt!Ồi! Những lời những tiếng so với cái trông cái nhìn bây giờ tôi mới thấy nó nhạt nhẽo, trống rỗng làm sao?

Bà cô gọi: “Li-dơ ơi! Li-dơ!”

Hành lý đã đưa lên xe cả rồi.

Tôi với lấy cây đàn và gọi con Ca-pi. Con Ca-pi mừng rỡ nhảy cẫng lên khi thấy cây đàn và bộ đồ nghệ sĩ du phương của tôi ngày xưa. Bộ đồ ấy đối với nó quen thuộc lắm. Có lẽ nó hiểu rằng nó với tôi sẽ lên đường đi lang thang trở lại và như thế là nó được chạy nhảy tự do, cái ấy thích hơn là ở lý trong bốn bức tường.

Giờ phút chia tay đã đến. Cô Ca-tơ-rin không để cho nó kéo dài. Cô bảo chị Ê-chiên-nét lên xe rồi A-lơ-xi, Băng-gia-manh. Đến lượt Li-dơ, cô bảo tôi đỡ em lên đùi cô.

Rồi, vì tôi đứng ngăn người, cô ẩy nhẹ tôi và đóng cửa xe.

Tôi thét:

- Các anh chị hãy hôn bác hộ cho tôi với, vì...

Nói đến đó tôi ảm ức nghẹn lời.

Cô Ca-tơ-rin bảo:

- Ta đi đi thôi.

Và cỗ xe chạy đi.

Cửa kính hạ thấp. Qua màn nước mắt, tôi nhìn thấy Li-dơ thò đầu ra ngoài vừa đưa tay gửi cho tôi một cái hôn. Thế rồi cỗ xe nhanh chóng rẽ vào con đường ngoặt và tôi chỉ còn thấy một đám bụi tung trời.

Thế là hết.

Tựa vào cây đàn, con chó Ca-pi ở bên chân, tôi thần thờ nhìn làn bụi từ từ rơi xuống đường.

Một người hàng xóm đến nhận chìa khóa, đóng cửa nhà lại và giữ chìa khóa hộ chủ nhà. Người ấy kéo tôi ra khỏi tình trạng thần thờ, đưa tôi về với thực tại.

Ông ta hỏi:

- Chú bé định đứng đây mãi à?

- Không, tôi đi đây.

- Đi đâu?

- Cứ đi tới phía trước, đến đâu hay đó.

Chắc ông ta cũng thấy thương hại, ông chìa tay ra cho tôi:

- Nếu chú muốn ở lại đây thì tôi sẽ nuôi chú, nhưng không tiền công bởi vì chú hãy còn chưa đủ sức. Sau này thì khác.

Tôi từ chối. Ông nói:

- Tùy thích chú. Tôi nói đó là vì muốn giúp ích cho chú thôi. Thôi chú lên đường mạnh khỏe.

Rồi ông ta đi mất.

Xe đi rồi. Nhà cũng đóng cửa.

Tôi choàng cái dây đeo đàn qua vai. Cử chỉ ấy, ngày xưa con Ca-pi trông đã quen mắt lắm nên bây giờ nó chú ý. Nó đứng lên đưa cặp mắt sáng ngời nhìn tôi.

“Ta đi đi thôi! Ca-pi!”

Ca-pi đã hiểu. Nó vừa nhảy lên, vừa sủa oang oang trước mặt tôi.

Tôi quay mặt đi để khỏi nhìn cái nhà tôi đã ở hai năm và tưởng là sẽ ở mãi. Tôi trông thẳng về phía trước.

Mặt trời đã lên cao. Trời rất trong, thời tiết nắng ấm. Cảnh này khác xa cái đêm giá buốt mà tôi ngã xuống kiệt sức và đói lả ở chính chân tường kia.

Hóa ra hai năm qua chỉ là một chặng thời gian đồ tạm. Bây giờ lại đến lúc lên đường.

Nhưng thời gian đồ tạm này đã có ích cho tôi. Nhờ nó tôi đã khỏe lên. Và có cái đáng quý hơn sự rắn chắc của chân tay nữa, đó là cái tình yêu thương tôi cảm thấy ở trong lòng.

Tôi không lẻ loi ở trên đời nữa.

Đời tôi đã có mục đích: giúp ích những người yêu thương mình và được mình yêu thương và làm vui lòng họ.

Một cuộc đời mới mẻ đang mở ra trước mắt tôi. Tôi hồi tưởng hình ảnh cụ Vi-a-li và tôi tự nhủ: “Nào! Hãy tiến lên!”.

Hết Tập Một

MỤC LỤC

Lời giới thiệu

5

PHẦN THỨ NHẤT

1:	Ở làng	9
2:	Người bố nuôi	20
3:	Gánh xiếc của ông cụ Vi-ta-li	32
4:	Nhà mẹ	48
5:	Lên đường	59
6:	Bước đầu trong nghề	68
7:	Tôi tập đọc	85
8:	Vượt ngàn băng nội	97
9:	Người khổng lồ đi hải bầy dậm	102
10:	Ra trước công lý	113
11:	Trên thuyền	129
12:	Người bạn đầu tiên của tôi	160
13:	Đứa trẻ nhặt được	181
14:	Tuyết và sói	193
15:	Ngài Giô-li-cơ	223
16:	Vào Pa-ri	241
17:	Ông bầu gánh trẻ con phố Luốc-xin	253
18:	Mỏ đá Giăng-ti-li	276
19:	Li-dơ	289
20:	Tôi làm vườn	308
21:	Gia đình tan tác	319

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN
43 Lò Đức - Hà Nội

KHÔNG GIA ĐÌNH - TẬP 1
Huỳnh Lý dịch

Chịu trách nhiệm xuất bản:
VŨ AN CHƯỜNG

Chịu trách nhiệm bản thảo:
PHẠM NGỌC LUẬT

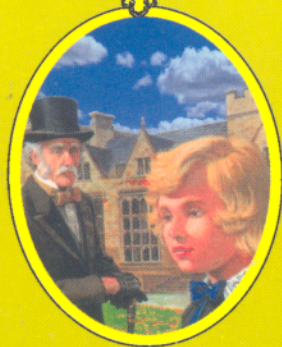
Biên tập : LAN PHƯƠNG
Trình bày : HUY LINH
Sửa bản in : MAI LAN
Vẽ bìa : VĂN SÁNG

In 500 bộ, khổ 13 x 19 cm, tại Công ty In KHK - Hà Nội.
Số in: 247. Giấy phép XB số: 355/XB-QLXB/02-VHTT CXB cấp
ngày 29/3/2002. In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2002.

HECTOR MALOT

KHÔNG GIA ĐÌNH

TẬP 1



TRANH BÌA THEO NGUYÊN BẢN

GIÁ: 28.000Đ